

CỎI TRÓI

Tập II

truyện dài của **VĨNH HẢO**



CHIÊU HÀ xuất bản năm 1997

MỤC LỤC

CHƯƠNG MƯỜI BỐN	303
CHƯƠNG MƯỜI LĂM	327
CHƯƠNG MƯỜI SÁU	352
CHƯƠNG MƯỜI BẢY	371
CHƯƠNG MƯỜI TÁM	393
CHƯƠNG MƯỜI CHÍN	415
CHƯƠNG HAI MƯỜI	435
CHƯƠNG HAI MƯỜI MỘT	452
CHƯƠNG HAI MƯỜI HAI	488
CHƯƠNG HAI MƯỜI BA	518
CHƯƠNG HAI MƯỜI BỐN	539
CHƯƠNG HAI MƯỜI LĂM	559
CHƯƠNG HAI MƯỜI SÁU	576
CHƯƠNG HAI MƯỜI BẢY	596

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

Nàng thở ra một hơi thật dài, mặt sáng lên, vui mừng nói:

“Bây giờ em mới thực sự hết lo về chuyện cô cán bộ ấy. Nhưng không biết cô ấy và ông thầy kia có thoát được thật không hay là cuối cùng lại bị bắt? Em lo cho họ quá.”

“Hy vọng họ thoát, vì từ đó về sau, không nghe cán bộ hay tù nhân trong trại đá động gì tới họ nữa.”

“Anh đói bụng chưa, hay mình đi ra ngoài kiếm cái gì ăn điếm tâm há? Anh là khách của em, để em đãi anh. Đi, mình đi ăn hủ tíu chay ở Tịnh Tâm Trại; hay là ăn phở Hiền Vương gần đó? Anh bây giờ đâu cần phải giữ gìn chuyện ăn chay nữa, phải không?”

“Ừ, không bị bắt buộc phải giữ, nhưng... đi ăn hủ tíu chỗ đó xa quá, hay mình đi điếm tâm sơ sơ bằng bánh ngọt với cà phê, được không? Có một tiệm trên đường Nguyễn Huệ... cứ lái đến chỗ bùng-bình rồi anh chỉ cho.”

Nàng lên lầu. Có lẽ là thay đồ hoặc trang điểm. Nàng có trang điểm phấn son không nhỉ? Hình như chỉ phớt nhẹ trên mắt, trên môi, trên hai gò má, vào đêm hôm qua khi chúng tôi mới gặp và quen nhau. Từ khi về đến nhà và ngồi nói chuyện suốt đêm đến giờ, lớp son phấn trang điểm đã phai nhạt đi rồi. Nhưng cái đẹp thì còn lại.

Trong khoảng chờ đợi ngắn ngủi ấy, hình ảnh những người thân của tôi hiện ra trước mắt. Đặc biệt là khuôn mặt và dáng điệu hiền hoà của ba tôi... Tôi muốn nhắm mắt, xua đuổi. Cố nghĩ đến những chuyện khác để khoả lấp. Lại nghĩ đến chuyện tù, vì đó là những gì còn

lưu lại một cách bền bỉ, sâu đậm và có thể lôi kéo tôi bất cứ lúc nào...



Mặc dù trại giam không cho tiết lộ gì về vụ trốn trại cũng như vụ cháy ở văn phòng trại, dần dần, đám tù trong phòng giam cũng biết hết, chẳng làm sao che giấu được. Thế rồi, kẻ án nặng thì mừng, hy vọng hồ sơ án tịch của mình bị hủy hết thì có thể khai lại, khai gian để giảm án xuống, hoặc nhà nước sẽ cho phạm nhân lãnh chung đồng đều một cái án là 3 năm lao động cải tạo; người án nhẹ thì lo, sợ rằng không may lại bị nhầm lẫn cái án của một tên tử tù nào thì khốn!

Thực ra thì không cần phải lo lắng đến như vậy. Chỉ sau Tết dương lịch 1986 ba ngày, tức là mười ngày sau vụ cháy và trốn trại, mấy chục tù nhân thuộc Lực Lượng Phục Quốc Nội Biên ở khắp các phòng giam—bao gồm Nghĩa quân Phục quốc, một lực lượng võ trang do Trần Cao Hùng cầm đầu—đồng loạt nhận bản cáo trạng do Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Đồng Nai gửi vào. (Bản cáo trạng là bản luận tội của tòa án gửi cho phạm nhân đọc trước khi ra tòa xử. Tùy theo sự đơn giản hay phức tạp của vụ án mà bản cáo trạng được gửi sớm hay muộn. Sớm thì từ một tuần đến mười ngày, muộn thì ba đến năm ngày trước khi ra tòa). Có điều, ở phòng giam số 7 có tất cả 12 người dính líu vào vụ án Phục quốc này, nhưng chỉ riêng một mình tôi là không nhận được bản cáo trạng. Có nghĩa rằng, 10 ngày sau, tôi sẽ không được đưa ra tòa xử cùng với những người Phục quốc kia...

Theo lời dặn của cán bộ quản giáo thì bản cáo trạng của ai thì chỉ người đó được đọc, không được cho người khác xem. Nhưng 11 bản cáo trạng đưa vào phòng một lúc làm cho cả phòng xôn xao, bản tán om sòm, và cuối cùng, các bản cáo trạng mặc nhiên trở thành như là

truyện, là báo để đọc chung vậy. Trong phòng giam lâu ngày, ngay cả người lười biếng đọc sách nhất cũng thèm được đọc một vài chữ gì đó từ bên ngoài lọt vào (chẳng hạn một mẫu giấy báo dùng để gói quà thăm nuôi) huống chi bản cáo trạng Phục quốc là bản cáo trạng dài khoảng mười trang giấy đánh máy! Vậy là tha hồ đọc. Tôi cũng dự tính đọc ké một bản để biết nhà nước đánh giá thế nào về lực lượng Phục quốc, đồng thời để tìm xem có chi tiết nào về trường hợp của tôi và Hiền, anh tôi không. Nhưng đã có Dân, anh chiến sĩ Nghĩa quân Phục quốc gốc Tàu Nùng không rành tiếng Việt, công khai đem đến nhờ tôi đọc và giải thích dùm bản cáo trạng của anh. Bản cáo trạng của nhân sự Phục quốc, vì cùng một án, nên giống nhau ở phần giới thiệu nguyên nhân và hành động chung của lực lượng cũng như ở vài chi tiết về các nhân vật lãnh đạo lực lượng đó, có khác là ở phần danh tính và hành vi phạm tội riêng của mỗi người mà thôi. Bản ghi tội của Dân khá đơn giản: tham gia lực lượng võ trang phản động chống lại nhà nước nhân dân. Nhưng ở phần cuối của bản cáo trạng, có một đoạn ghi rằng ông Trần Văn Lương, anh tôi và cả tôi, là những tên đầu não còn lẩn tránh chính quyền nhân dân, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đoạn này chúng tôi có một điều gì đó bí ẩn trong vụ bắt tôi mà không đưa ra tòa. Tôi đã bị bắt từ hơn tám tháng trước, còn anh tôi thì bị bắt từ bốn tháng trước, vậy sao lại nói là “còn lẩn tránh chính quyền nhân dân, khi nào bắt được sẽ xử lý sau”? Họ âm mưu gì đây? Mà suy từ điểm này, có thể nói rằng ông Lương, lãnh tụ của lực lượng Phục quốc, cũng đã bị bắt như tôi và anh tôi vậy. Chúng tôi đều bị bắt nhưng nhà nước nói rằng chưa bắt được và không đưa chúng tôi ra tòa xử. Là ý gì đây?

Các anh em tù chính trị chung phòng giam với tôi, ai nấy đều vui mừng khi nhận được bản cáo trạng của phần họ, mặc dù chưa biết sẽ bị kết án thế nào. Và khi đọc thấy đoạn nói về tôi, họ đều lắc đầu, tỏ ý lo ngại. Có người còn rùng mình cho rằng, không chừng một đêm nào

đó, công an sẽ gọi tên tôi ra, nói là chuyển phòng, chuyển trại, hoặc đi khai cung... rồi từ đó tôi sẽ đi luôn, không trở lại cõi đời này nữa.

Tôi thì không tin sự thể sẽ diễn tiến một cách tệ hại đến mức đó. Từ lúc bị bệnh kiết lỵ nặng kéo dài mà không chết trong thời gian mới vào trại giam này, cái bản ngã của tôi dường như đã xây đắp tận trong tâm thức sâu kín của tôi một thứ tường thành kiên cố để bảo vệ niềm tin mãnh liệt mà cũng rất vô lý rằng, sinh mạng của tôi sẽ không thể bị tiêu diệt một cách sớm sủa dễ dàng bởi người khác, thế lực khác; tôi chỉ có thể chết bởi sự tàn hoại của thể xác đúng theo cái chu kỳ sinh, thành, hoại, diệt muôn đời của con người và vũ trụ mà thôi. Không thể có chuyện chết sớm, chết yếu. Đó, cái bản ngã ngoan bướng và lì lợm của tôi nó minh xác với chính tôi như vậy. Cho nên, theo cách hiểu của riêng tôi, tôi chỉ thấy có một trong hai lý do dẫn đến sự kiện nhà nước không đưa tôi ra tòa hoặc chưa thể đưa tôi ra tòa vào dịp này: một là nhà nước chỉ muốn xử riêng tôi bằng hình thức đặc biệt nào đó, không cần thủ tục tư pháp thông thường—vì họ sợ đưa một tu sĩ Phật giáo như tôi ra tòa xử công khai thì dễ gây lòng căm phẫn đối với quần chúng (nhất là phải xử tại rạp hát Long Thành, như bản cáo trạng nêu trước, thì hậu quả có thể còn gây tác hại nguy hiểm hơn, vì ở huyện Long Thành tôi có khá nhiều Phật tử theo quy y làm đệ tử); hai là, có thể hồ sơ của tôi đã bị thiêu hủy cùng với một số hồ sơ nào đó trong vụ cháy văn phòng trại vừa qua, hoặc biết đâu Phương đã cố tình thiêu hủy một số hồ sơ của các phạm nhân chính trị trước khi bỏ đi, trong đó có hồ sơ của tôi và của ông thầy già kia...

“Thôi thì đảng nào cũng vậy,” tôi tự nhủ, “dù đưa ra tòa xử kín đi nữa, mức án của mình có lẽ cũng chẳng thay đổi gì. Thắc mắc chi cho bận rộn tâm trí.”



CỜI TRÓI TẬP II

Sáng sớm ngày 13 tháng Giêng năm 1986, toàn bộ những người nhận bản cáo trạng được gọi tên, tập trung lên xe đi Long Thành. Nhiều, anh trưởng phòng, hình như là người hí hửng nhất trong chuyện ra tòa này. Anh cười nói huyền thuyên suốt những ngày trước khi ra tòa, khác với bộ mặt âu sầu nghiêm nghị của anh lâu nay, khiến đôi lúc tôi có cảm tưởng như anh là chàng trai mới lớn sắp sửa đến ngày tân hôn. Anh nói riêng với tôi vào những ngày trước:

“Thầy Khang nghĩ có phải không, ít nhất chúng nó cũng phải đưa mình ra tòa xử công khai đảng hoàng chứ đâu có thể giam hoai giam mãi mà chẳng nói năng hay đá động gì đến! Thầy Khang biết tôi bị bắt tính đến nay là bao nhiêu ngày ăn cơm tù không? Nói xin lỗi thầy, mấy anh chàng mới vào đây có vài tháng hay một năm mà đã khoe là ở tù lâu; thầy biết tôi nói với mấy chàng đó làm sao không, nói rằng ‘xì, những ngày ở tù của mấy ông còn ít hơn những ngày bị kiệt lý của tôi nữa kia!’ Thực đó, tôi ở đã gần năm năm rồi. Năm năm chưa ra tòa xử, cũng chẳng đưa đi tập trung cải tạo. Vậy thì chán quá đi, biết bao giờ mới về với vợ con!”

Biết trước sẽ lên xe đi Long Thành vào ngày hôm nay, một vài người đến nói nhỏ với tôi, nhờ tôi cầu nguyện cho họ được án nhẹ.

Đến khoảng bốn giờ chiều, họ mới được trở về phòng giam. Người thì hí hửng, người thì eo xèo. Bạn tù vây quanh hỏi han. Tôi biết thế nào họ cũng tìm đến tôi để kể tôi nghe nên ngồi im, chờ đợi. Quả nhiên, anh trưởng phòng sau khi thay quần áo xong, lấy lon thuốc rê chạy đến chỗ tôi, ngồi xuống nói ngay:

“Tôi bị án có mười năm thôi.”

“Mười năm! Vậy mà anh vui quá hả!”

“Chứ sao! Thầy Khang nghĩ coi, tôi ở năm năm rồi, chỉ còn năm năm nữa thôi. Nếu không phạm kỷ luật gì trầm trọng thì án có thể giảm xuống bớt một hai năm. Như vậy chẳng phải là còn khoảng ba năm nữa tôi được

về hay sao. Phải mừng chứ. Biết rõ như vậy thấy nhẹ trong người chứ không như trước đây mờ mờ mịt mịt...”

Tôi chỉ biết cười và chúc mừng anh. Rồi tôi hỏi thăm về những người khác. Nhiều cho biết Trần Cao Hùng (biệt giam) và Lê Văn Cửa (phòng giam số 9), hai người cầm đầu của Nghĩa quân Phục quốc, đều bị kết án tử hình. Phan Văn Bàng (phòng giam số 6), cánh tay phải của lãnh tụ Trần Văn Lương và là một phật-tử của chùa tôi trên kinh tế mới, bị kết án chung thân khổ sai. Một vài người bị án 20 năm. Những người còn lại đa phần đều bị án từ 7 đến 15 năm. Nhẹ nhất là án 5 năm.

Nhiều còn cho biết rằng Trần Cao Hùng và Lê Văn Cửa đã tỏ ra xứng đáng là hai người cầm đầu chí khí của Nghĩa quân Phục quốc. Trước tòa, họ khẳng khái tuyên bố lập trường đấu tranh của họ và thách thức bất cứ bản án nào. Trên đường từ trại giam đến tòa án, họ đã kêu gọi anh em trong cùng vụ án đừng phát biểu bất cứ điều gì chứng tỏ sự từng phục hay sợ hãi trước quyền lực và tốt hơn hết là giữ thái độ im lặng. Toàn thể nhân sự Phục quốc đồng lòng nghe theo, giữ im lặng trước tòa và giao phó cho Hùng, Cửa và Bàng cất tiếng nói chung cho lực lượng. Ông Bàng sở dĩ được nhẹ án hơn Hùng và Cửa là vì cánh Nghĩa quân Phục quốc của hai người kia là một lực lượng võ trang từng chiến đấu chạm mặt với quân đội của nhà nước đương quyền; trong khi đó thành phần chủ lực của bên ông Lương và Bàng, trên thực tế vẫn còn là một lực lượng chính trị đấu tranh trong hình thức dân sự.

Điều mà anh trưởng phòng sung sướng kể đi kể lại nhiều nhất là thái độ thương yêu cảm mến của quần chúng đối với lực lượng Phục quốc. Lúc xe chở tù sắp sửa rời rạp hát Long Thành (nơi được sử dụng làm tòa án) để trở về trại giam, đồng bào bất kể sự ngăn cản la lối của công an và lực lượng bộ đội bảo vệ tù nhân, xúm tới biểu xén đủ loại thức ăn, thức uống, thực phẩm khô... Có người còn dúm tiền cho tù nhân. Cảm động nhất là một bà già lụm khụm ráng cặp nách nguyên một thúng xôi đã gói sẵn

CỜI TRÓI TẬP II

tùng gói nhỏ, đến dúi cho mỗi người tù. Vừa dúi xôi, bà vừa nói: “Mấy con của má, ăn xôi đi cho đỡ đói. Mấy con thương nước thương dân mà phải bị tù tội, má đây có bán hết nhà cửa để mua xôi cho mấy con, má cũng vui nữa.” Nhiều kể lại với giọng vui lắm, nhưng một lúc thì anh xúc động, rung rung nước mắt, nói:

“Thực ra biết được là lòng dân nghiêng về phía mình, tin tưởng mình, thì có bị tử hình cũng thấy mãn nguyện, chẳng ân hận gì.”

Tôi gật gù tán đồng. Phần thưởng cho những chiến sĩ cách mạng là như thế: niềm tin yêu của quần chúng. Có được phần thưởng đó rồi, họ trở nên dũng cảm, chẳng biết sợ thứ quyền lực nào nữa.

Bốn ngày sau vụ án xử, vào tối thứ sáu, nhằm ngày kỷ niệm đức Phật Thích Ca thành đạo, tôi đang ngồi trò chuyện với nhóm tù chính trị thì có cán bộ đến mở cửa sắt, đưa vào phòng 7 một tù nhân mới. Tôi không để ý rõ mặt, chỉ biết người này có dáng cao, ốm dong dong, trắng trẻo. Theo hướng dẫn của người trong phòng, anh ấy đến gặp trưởng phòng để ghi tên vào sổ. Một lúc bỗng thấy Ken chạy tới, kéo tay tôi, nói:

“Thầy Khang ơi, thầy Khang, thầy lại đây mau đi!”

Tôi cưỡng lại, không đi. Ken tiếp, giọng nhỏ xuống:

“Thầy lại đón đồng nghiệp của thầy kia.”

“Ai?”

“Thì tân binh đó, ông nói ông không phải thầy chùa, nhưng lại có đem theo cả xâu chuỗi với cái cà sa màu vàng y hệt của thầy tu vậy đó. Ngon lành hơn thầy Khang nữa nghen. À, tui hỏi ông có biết thầy Khang không, ông nói ông không biết tên tục của thầy Khang, nhưng biết Thích Tâm Quang đó.”

Tôi hơi giật mình, nhướng mắt nhìn về phía người tù mới. Người đó cũng quay nhìn về hướng tôi, thấy tôi thì khẽ gật đầu chào. Anh Nhiều trưởng phòng hướng dẫn người tù mới đến chỗ tôi, nói:

“Thầy Khang à, người này biết thầy đó. Tôi để hai người nói chuyện há!”

Nói rồi Nhiều để cho anh tù mới kia ngồi xuống nói chuyện với tôi rồi tránh đi chỗ khác để chúng tôi được nói chuyện tự nhiên. Nhiều biết rằng đây là lần đầu tiên tôi có người bạn thực sự là “đồng nghiệp.”

Người bạn mới có vẻ dạn dĩ, hoạt bát hơn tôi ở phút đầu. Vừa ngồi xuống, anh hỏi ngay:

“Thầy là Tâm Quang đó phải không?”

Tôi gật đầu nói:

“Pháp danh của tôi là như vậy, nhưng mọi người quen gọi tôi là thầy Khang. Còn thầy?”

“Tôi tên Võ Phương Thanh, pháp danh Thiện Chí. Tôi có nghe tiếng thầy Khang từ lâu, do Tâm Huy, Tửu, Thiện Lạc, Nguyên Hỷ, Quảng Lộc... và nhiều người khác giới thiệu, thường nhắc đến Khang. Tôi cũng có học ở Già Lam, nhưng học khoá sau nên không có cơ hội gặp Khang vì Khang đã bỏ Già Lam từ hai năm trước đó. Có nhiều lúc muốn gặp Khang một lần cho biết mà chẳng làm sao đi được vì có một thời, ban giám học và quản chúng Già Lam có lệnh cấm ngầm là tăng sinh viên không được lên Long Thành để thăm Khang... mà chỉ nên lo học thôi. Nhưng rồi nghe đâu cũng có một số người lén lên đó tìm thăm Khang, phải không? Sau này, nghe tin Khang bị bắt... nghĩ là không còn cách gì gặp được nữa. Vậy mà nay xui xẻo bị bắt nhưng lại hân hạnh được biết Khang, được giam chung phòng với Khang nữa, thật lý thú làm sao. Kỳ ngộ quá hả?”

Tôi cười, hỏi:

“Cán bộ trại có biết anh là thầy tu không?”

“Không, tôi khai tôi là cư sĩ tại gia, ăn chay trường, thường đi chùa, vậy thôi.”

“Anh bị bắt vì tội gì vậy? Liên hệ đến vụ Già Lam, vụ thầy Tuệ Sỹ hả?”

“Không, tôi vượt biên ở Bà Rịa, bị đổ bể, rồi bị du kích xã bắt. Nhưng tôi không khai là vượt biên, chỉ khai là

đi tụng kinh cho người ta rồi bị lạc đường. Cũng may mà mấy người bị bắt chung không ai biết tôi cả nên cũng dễ. Tôi cứ một mực chối, không nhận, và họ ghi vào biên bản là: tình nghi vượt biên.”

“Anh nghĩ là họ sẽ không tìm được chứng cứ?”

“Lúc đó người ta chạy tán loạn, công an du kích bao vây bắt hết những người đang lảng vảng trên đường cái. Còn tôi... tôi đâu có chạy, tôi đang đi từ từ mà. Nhưng họ thấy tôi lạ mặt, lại có vẻ lúng túng như chưa biết đi đâu nên mới bắt. Tuy nhiên, tôi tin là chẳng có chứng cứ gì để kết tội được. Cho nên... chắc là trong vòng thời gian ngắn tôi sẽ được về thôi.”

Câu chuyện kể ngắn gọn của Thiện Chí gọi tôi nhớ lại một đêm cùng chạy với Mộng Huyền băng vườn điều Bà Rịa rồi nằm bên nhau dưới ánh nhợt nhạt của ngàn sao. Thấm thoát đã gần một năm kể từ đêm hôm ấy. Tôi hầu như đã quên đi, không muốn nhớ lại chuyện ngày cũ, nhưng vừa khi nghe được cảnh đổ bể vượt biên của Thiện Chí ở Bà Rịa thì lập tức tim tôi như bị một lưỡi dao sắc lẹm, cứa ngang một đường, đau rát tưởng chừng không sao chịu nổi. Tôi tựa lưng vào tường, một lúc lâu mới nuốt được cục nghẹn chận cứng ngang cổ họng, nói:

“Tôi cầu mong anh được về sớm. À, anh ở ngoài có tin tức gì lạ về giáo hội, về quý thầy, bạn bè, các chùa...?”

“Khang muốn biết tình hình Phật giáo bên ngoài từ khoảng thời gian nào?”

“Từ khoảng tháng 5 năm ngoái.”

Thiện Chí suy ngẫm một lúc rồi nói:

“Lớp của tôi thì chắc Khang không biết ai đâu, còn lớp của Khang thì có Quảng Thanh, Tâm Huy, Giác Như, Hạnh Tuấn... mới đi lọt trong năm 1985 hay cuối 1984. Đó là tin vui, còn tin buồn thì... Thượng Tọa Đức Nhân bị bắt. Khang đã biết chưa?”

“Có, tôi mới biết mấy tháng trước, do ở ngoài nhận tin vào. Còn ai bị bắt nữa không?”

“Nguyên Thê ở chùa Hải Quang cũng bị bắt. Khang biết không?”

“Biết, tôi cũng mới biết.”

“Vậy thì Khang biết hết rồi, bên ngoài là vậy.”

“Tôi biết nhưng đó là biết từ cái thư viết theo lối bóng gió từ bên ngoài nhả vào cho nên cũng không dám chắc lắm. Bây giờ nghe chính miệng anh nói thì mới xác định thực hư thế nào. Vậy anh có biết chuyện Thượng Tọa Đức Nhân bị bắt như thế nào không? Ý tôi muốn hỏi... có phải là Thượng Tọa bị người nào đó chỉ điểm hay báo cáo gì đó không?”

“Hình như là vậy. Hồi đầu tháng 8 hay tháng 9 năm ngoái, Thượng Tọa bị công an bắt, kết tội là cố vấn chính trị cho lực lượng của thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát. Tiếng đồn anh chàng Huân hay Hân gì đó phản bội, báo cáo tùm lum... Khang biết anh chàng đó mà, Thiện Lạc nói với tôi như vậy, nói rằng chỉ tại Khang tin anh chàng đó quá sức nên hại đến biết bao nhiêu người.”

“Ừ, biết chứ. Anh ta tên Hân,” tôi thờ dãi nói.

“Không, Khang đừng buồn. Đó là tôi lặp lại lời của Thiện Lạc nói thôi chứ không phải ai cũng đổ lỗi cho Khang đâu.”

“Lỗi tại tôi hết, tôi đâu có từ chối.”

“Nhưng tôi có nói với Thiện Lạc rồi: tuy rằng đầu tiên là Hân quen với Khang trước rồi từ Khang, Hân mới quen với mấy anh em khác, nhưng khi mấy anh em đã quyết định cùng lập Hội Lạc Long thì điều đó có nghĩa là cả nhóm đã suy nghĩ kỹ để quyết định, không thể đổ lỗi cho ai khác được nữa.”

Tôi khoát tay, nói:

“Không sao đâu, lâu nay tôi từng nghĩ đó là lỗi tôi thì chuyện mọi người đổ lỗi này nọ cũng chẳng có thêm bớt gì. Vậy từ 6 tháng trở lại đây, tình hình có gì lạ không? Có gì khác hơn không?”

“Khoảng thời gian nửa năm đầu của năm ngoái, 1985, có mấy vụ nổi loạn, rải truyền đơn chống chế độ,

nhiều người bị bắt. Tuy rằng những vụ ấy không liên quan đến Phật giáo nhưng nghe nói là có liên quan đến Khang, mà có liên quan đến Khang thì công an nghi là có một số bạn bè tu sĩ của Khang nhúng tay... Vậy nên, chuyện lục xét chùa chiền xảy ra như cơm bữa. Cũng khá căng thẳng chứ chẳng yên gì. Nhưng từ mấy tháng qua, nghe nói là từ lúc Hân bị bắt vào tù, thì có hơi yên ổn được một chút.”

“Hân bị bắt thực hả? Tin đó có chính xác không?”

“Bị bắt rồi, hình như giam ở số 4 Phan Đăng Lưu, vào khoảng tháng 9 hay 10 năm ngoái.”

Tôi nhắm tính xem thời gian Hân bị bắt có trùng hợp với lúc tôi nhờ Phương tìm gặp Hân không. Tôi nhờ Phương đầu tháng 12, Hân thì bị bắt khoảng tháng 9 và 10. Vậy là Hân bị bắt trước đúng như Phương đã nói. Không phải tại tôi, cũng không phải tại Phương.

Thấy tôi im, Thiện Chí cũng im. Một lúc, anh tiếp:

“Thiện Lạc nói thì tôi nghe vậy chứ tôi có biết Hân là ai đâu. Thiện Lạc cho biết đại khái Hân và Thiện Lạc đều có hoạt động chung với Khang trước đây, sau Hân phản, dẫn đường cho công an đi lùng bắt Khang và các bạn bè vây cánh của Khang... Thiện Lạc và Tâm Huy phải trốn kỹ lắm mới thoát được. May mà Tâm Huy đi lọt; còn Thiện Lạc, hà, anh chàng này được bạn bè phật-tử giúp cho vượt biên nhiều lần nhưng lần nào cũng đòi phải đem theo cô bạn gái mới chịu lên đi nên cuối cùng... kẹt lại, có lẽ sẽ làm đám cưới nay mai.”

“Cái gì? Có chuyện đó nữa sao? Đang lẩn trốn mà làm đám cưới?”

“Tức là sẽ lấy vợ đó mà, chứ không phải làm đám cưới rình rang.”

“Hơ, quyết chí đi thì đi hết, ở lại thì ở lại hết. Chung tình quá hả. Vậy cũng hay. À, quên nữa, thầy bị bắt rồi đưa thẳng vào đây hả? Chắc là chưa dùng tối? Để tôi khuấy bột mời thầy dùng thay cơm há?”

“Không cần đâu, đã ăn chiều từ bên trại kia rồi. Ngồi nói chuyện đi, gặp Khang là tôi vui rồi, bày trò ăn

uống làm gì mất thì giờ.”

Sau câu nói của Thiện Chí, chúng tôi ngồi im lặng, chẳng biết nói gì nữa. Phòng giam vẫn rộn ràng tiếng nói cười, chơi cờ, đánh domino... và bạn tù đang thay phiên nhau lấy nước tắm. Tôi nói:

“Nước trong bồn của nhà vệ sinh chỉ dành riêng cho việc dội rửa; còn muốn tắm thì mỗi tối phải thay phiên nhau hút nước từ trong cái vòi ra mà tắm.”

“Sao phải hút?” Thiện Chí ngạc nhiên hỏi.

“Vi cái vòi đó chỉ có nước vào lúc 12 giờ đêm. Mà 10 giờ đêm thì đã báo nghiêm rồi, làm sao tắm được. Cho nên phải tranh thủ hút nước từ trong cái vòi nước không chịu chảy kia thì mới tắm trước giờ ngủ. Thiệt là buồn cười, phải không? Anh biết hút nước làm sao không? Trước tiên phải có môi rồi mới có thể hút được. Mà người môi nước phải là người mạnh hơi, hoặc phải biết cách mới kéo được nước vào ống. Khi kéo được nước vào ống rồi thì cứ việc hút nước vào miệng rồi nhả ra xô, hết lớp nước này đến lớp nước khác, cho đến khi nào đầy một xô thì lấy tay giữ kín miệng ống lại, giao ngay cho người khác kê miệng vào vì môi lại rất mất công, có khi gần một tiếng đồng hồ mới lấy được nước vào ống. Vậy đó, mình sẽ tắm bằng cái nước ngậm trong miệng rồi nhả ra xô... có lẽ mỗi xô nước tắm có chừng một phần ba nước miếng của người hút đó chẳng phải chời!”

“Dữ vậy! Ghê quá à!” Thiện Chí nói rồi cười.

“Chứ sao, hồi mới vào đây tôi chưa biết hút nước cũng được anh Vận hút nước dùm cho, tôi ớn quá đâu muốn tắm, nhưng một phần nghĩ cái công anh ấy hút, phần khác trời nóng nực, mình mảy rít rắm quá, phải tắm thôi. Bây giờ thì quen rồi, tôi hút cho tôi tắm. Có khi có anh bạn nào quý mình, hút tặng cho một xô thì tôi cũng nhận chứ không chối từ. Chút nữa đến lượt tôi, tôi sẽ hút cho anh một xô tắm cho mát mẻ há.”

Thiện Chí chỉ cười. Và anh không từ chối xô nước đầu tiên tôi hút dùm. Tôi kêu anh tới ngồi một bên để bày

anh cách hút nước. Tắm xong thì cũng vừa đến giờ báo nghiêm. Chúng tôi lục tục vào chỗ ngủ. Chỉ còn tiếng nói chuyện xì xầm. Thiện Chí được sắp đặt nằm cạnh tôi, gần cửa sổ. Thiện Chí may mắn hơn tôi, không bị bắt buộc phải nằm gần cầu tiêu như thông lệ của phòng giam đối với tù mới, vì trưởng phòng biết Thiện Chí là bạn tôi và ngầm hiểu Thiện Chí là một tu sĩ cải trang.

Nằm một lúc, tôi lại nhớ đến đêm băng rừng với Mộng Huyền. Tôi vẫn chưa hoàn toàn quên được dấu ấn kỷ niệm của đêm ấy. Mộng Huyền vô tư, dễ thương chi lạ. Tôi không dám tưởng tượng rằng nàng đã chết như thế nào trong những đêm bão mịt mù ngoài khơi Thái Bình. Tim tôi đau và có vẻ như tươm máu ra ngoài lồng ngực. Tôi niệm Phật để trấn áp mọi cảm xúc lao xao trong lòng. Một lúc, tôi khoèo Thiện Chí, hỏi nhỏ:

“Lúc chạy trốn, anh có lạc vào một căn nhà ngói đỏ quét vôi trắng, nằm một mình giữa đồng ruộng không?”

“Không.”

“Anh có chạy chung với một người con gái nào không?”

“Không.”

“Anh có nằm dưới gốc mít, quạt muỗi cho ai không?”

“Không, hỏi gì lạ vậy?”

“Anh có thấy một ông già đầu quấn khăn rằn, vác rựa đi qua đi lại không?”

“Không, đừng giỡn nghe, không có chuyện đó đâu.”

“Anh có nằm chung với người con gái nào trên chiếc xe bò có phủ rom lên trên không?”

“Không, làm gì có chuyện kỳ cục đó!”

“Vậy là anh may mắn lắm rồi.”

“Nãy giờ Khang hỏi lung tung, chẳng hiểu gì hết.”

Tôi không nói, im lặng ngược nhìn ra cửa sổ. Qua lớp vải mùng thưa, chỉ thấy đêm mù mịt bên ngoài, không một vì sao nào cả. Mộng Huyền là tên của một dòng sông

đêm, một giấc mộng huyền ảo, trôi từ trí nhớ ngược vào tim tôi, cuộn xoáy tàn bạo như những cơn bão loạn. Ừ, đã có những cơn bão vô tình, man rợ trên biển Thái Bình vào những ngày Mộng Huyền ra khơi. Bao ước vọng tự do cũng bị đánh vỡ thành bọt sóng lăn tăn trên cái mệnh mỏng vô cùng của lòng biển rộng ấy...



Cán bộ chấp pháp chỉ gọi Thiện Chí ra làm việc trong một buổi sáng, rồi từ đó chẳng thấy gọi ra nữa. Thiện Chí cho biết rõ ràng là tội anh được ghi vào biên bản khai cung: “Tình nghi vượt biên.” Tình nghi thì đâu phải là tội, vậy mà cứ bị giam một tháng, hai tháng, ba tháng, bốn tháng... chẳng nghe nói là hồ sơ điều tra cứu xét đến đâu, cũng chẳng cho người nhà biết để thăm nuôi. Đến tháng thứ năm thì anh bị đưa đi biệt giam một tuần lễ. Biệt giam là chỗ dành cho những tù nhân vi phạm kỷ luật và cũng là chỗ để hành hạ tra tấn những người không chịu khai sự thực. Sau một tuần biệt giam, Thiện Chí được đưa trở về phòng tập thể, ra gặp cán bộ chấp pháp một hai lần nữa, rồi im luôn, không thấy gọi tên nữa, cũng chẳng thấy được tha về. Nhưng anh cứ tin tưởng:

“Tôi sẽ được về sớm mà. Họ không nắm được chứng cứ gì để kết tội. Vẫn còn ghi là tình nghi vượt biên.”

Và tiếp tục “sống chung” với tôi. Ở phòng giam, khi người ta ăn uống, chia sẻ thức ăn thăm nuôi với nhau hàng ngày thì gọi là “sống chung.” Từ ngày bị bắt, Thiện Chí chưa được thăm nuôi lần nào nên anh “sống chung” với tôi. Hai anh em có gì ăn nấy. Người nhà thăm nuôi tôi qua nhiều tháng đã kinh nghiệm, biết gọi thức ăn nào có thể để lâu được. Dù vậy, đã có nhiều ngày chúng tôi chỉ ăn cơm với muối đậu, muối mè và đôi lúc cũng cảm thấy cần chất ngọt, cần rau tươi—vì lượng thức ăn không đủ

CỜI TRÓI TẬP II

cung cấp cho hai thanh niên đói, dù rằng hai thanh niên này từng được huấn luyện trong môi trường chay tịnh đạm bạc. Cũng may là Nhiều, Danh, Quái, Dưỡng... nhóm anh em Nghĩa quân Phục quốc ở Tân Phú, thỉnh thoảng lại đem món này món nọ biếu xén tôi.

Vào một sáng, để tù nhân nhớ ơn ông Hồ Chí Minh nhân dịp sinh nhật của ông, đúng vào ngày thứ hai 19-5-1986, cán bộ vào gọi tên trả tự do cho một số người. Vẫn chưa có tên Thiện Chí. Nhưng có tên ông Bảy tài xế. Ông này là một Phật tử ăn chay trường, bị bắt trước tôi hai năm vì tội chở người vượt biên. Ông chưa bao giờ ngồi nói chuyện đàng hoàng với tôi. Ông có vẻ tránh né tôi, và đứng nhìn tôi từ xa với đôi mắt khó chịu. Trong mắt ông ấy, dường như tôi là một thầy tu hư hỏng. Có lẽ vì ngày đầu tiên tôi vào phòng giam, ông thấy tôi đã chào phòng bằng bài tình ca của Trịnh Công Sơn và sau đó, ông lại biết tôi bị kết tội “phản cách mạng.” Một người phật-tử ở nhà quê, coi chuyện ăn chay và pháp môn tu của mình là trên hết, cục bộ bảo thủ như ông, dĩ nhiên không thể nào chấp nhận và không thể nào hiểu được một thầy tu kiểu như tôi. Cho nên, đã nhiều lần ông nói mĩa mai, chàm chọc tôi. Bạn tù càng xúm xít bao quanh tôi thì ông càng có vẻ ghét tôi thêm—có lẽ ông sợ rằng con người dễ dãi tiếp giao với mọi thành phần như tôi sẽ làm mất thể diện lây cho cả ông. Người tu, theo ông thì phải ngồi lim dim một chỗ, lo niệm Phật hay ngồi thiền thôi, chứ không có “tiếp khách” suốt ngày như tôi; người tu khi ăn cơm phải tay chấp tay xá một cái rồi ngồi niệm Phật hay đọc thầm một bài kinh ngắn gì đó rồi mới được ăn chứ không phải chỉ cầm ca cơm lên, xúc ba muống cơm đưa vào miệng (đọc thầm 3 đại nguyện) rồi ăn tự nhiên như tôi thường làm; người tu cũng không được chơi các trò giải trí (cờ tướng và domino), không được hút thuốc, không được dính dáng đến chính trị...

Có lần, không kèm được tức tối khi thấy tôi ngồi uống trà hút thuốc với đám tù chính trị, ông đến gần tôi,

bum tay kê miệng vào tai tôi, nói đầy nghiêm:

“Ông thầy mất tư cách quá!”

Tôi cười nói:

“Thực vậy hả chú Bảy, cảm ơn chú nghe.”

Ông trợn mắt đứng trân một lúc. Mấy anh bạn tù hỏi tôi:

“Có chuyện gì vậy thầy Khang?”

Tôi nói:

“Đâu có gì, chú Bảy... niệm Phật vào tai tôi đó mà.”

Tôi nói vậy, ông chẳng thương mà càng giận tôi thêm. Thiện Chí vào “sống chung” với tôi, dĩ nhiên là ông ghét lây cả Thiện Chí—dù rằng con người khép nép ngồi đầu gối yên một chỗ, vô tư không hề dính dáng đến chính trị và không chơi một trò chơi nào trong phòng giam như Thiện Chí đúng là mẫu thầy tu đàng hoàng tư cách trong mắt ông.

Hôm nay cán bộ gọi tên ông về, ông hí hửng xách giỏ đồ chạy ra ngoài lồng khung. Bạn tù xúm xít xin đồ ông chẳng cho, ông muốn xách về hết—ông quên rằng những món đồ linh tinh của trại tù thực chẳng có giá trị gì ngoài xã hội cả. Ông đang đứng mặc áo quần ngoài cửa sắt thì một anh tù hỏi:

“Ông Bảy, vậy chứ vườn rau của ông để lại cho ai? Cho tui ghen.”

Ông nghe hỏi đến vườn rau thì giật mình quay ngo cái khoảnh đất nhỏ xíu ở góc sân chơi. Khoảnh đất nằm sát nương nước, có bè ngang một thước, bè dài một thước rưỡi, trồng rau muống và ba thứ rau thơm linh linh tinh. “Vườn rau” của ông Bảy được coi là tươi tốt, phi nhiêu nhất trong những luống rau nhỏ của đám tù phòng 7. Ông đứng suy nghĩ một lúc. Đám tù la eo éo, ai cũng xin được thừa kế làm chủ cái vườn rau nhỏ xíu ấy. Nghĩ một lúc, bất chợt ông bật ra tiếng:

“Thầy Khang, tôi để lại cho thầy Khang. Thầy Khang ông ăn chay mà, ông cần rau. Thầy Khang đâu, tôi

muốn gặp thầy Khang!”

Đám tù nghe ông đề sự sản lại cho tôi thì im lặng, chẳng còn ai muốn tranh giành nữa. Họ thúc tôi đến bên cạnh cửa sắt để gặp ông Bảy lần cuối. Tôi bước đến, cười chào ông. Ông cũng bước đến gần tôi, nói nhỏ:

“Đám rau của tôi, tôi để lại thầy Khang dùng... Xin lỗi thầy Khang nghe.”

“Có gì đâu mà xin lỗi, chú Bảy. Chú về bình an, vui vẻ nghe. Siêng niệm Phật há. Mai này gặp nhau ở nước Cự Lạc.”

Ông nghe tôi nói vậy thì rơm rớm nước mắt, đứng như trời trồng một lúc. Sau đó, đưa tay lên vẫy, rồi bước đi. Ra đến cửa sân, ông xách giỏ chạy lui, nói:

“Giỏ đồ này tôi để cho thầy Khang luôn.”

“Chia cho mấy người thiếu thốn không có thăm nuôi thì nhiều công đức hơn, chú Bảy ạ.”

Ông nói vội vã:

“Dạ, dạ, thì thầy Khang chia dùm, cảm ơn thầy, tôi về ghen. Chúc thầy cũng được về sớm...”

Rồi ông đi luôn. Giỏ đồ của ông tôi đưa anh trưởng phòng chia cho mấy anh em “mồ côi” không có thăm nuôi. Vườn rau thì tôi nhận, giao cho Thiện Chí chăm sóc. Từ đó, mỗi tuần tôi và Thiện Chí đều có rau tươi để dặm thêm vào những bữa ăn khô khan với tương và muối trong những ngày cạn thức ăn—vì quà thăm nuôi tôi, một tháng mới có một lần, nên thức ăn tươi cho hai người chỉ cầm cự được mười ngày đầu, hai mươi ngày còn lại thì dùng cơm với thức ăn khô như muối đậu, muối mè... Thịnh thoảng tôi cũng dùng tiền để gọi mua dưa leo hay chao có bán ở căn-tin của trại. Nhưng lỡ mà đồ ăn hết, tiền cũng hết thì có chút rau xanh của vườn rau ông Bảy vào thời gian cạn lương thực kể ra cũng đỡ “tủi.”



VĨNH HẢO

Cùng thời gian Thiện Chí vào phòng giam này, có một anh kỹ sư hóa học ngang tuổi tôi, tên Nguyễn Ngọc Trai, cũng bị bắt vì tội vượt biên. Trai là một người bạn khá thú vị của tôi trong phòng. Anh gốc người Đà Nẵng, sinh sống ở Đà Lạt. Cha anh theo đạo Chúa, mẹ anh theo đạo Phật. Gia đình có mấy anh chị em đều lấy đạo của cha làm chính, nhưng thỉnh thoảng cũng theo mẹ đi chùa. Trong phòng, anh không chơi thân được với ai ngoài tôi. Mỗi lần muốn nói chuyện sách, nhạc, thơ, anh tìm tôi, hoặc tôi tìm anh. Tôi nhớ gì thì kể anh nghe, anh nhớ gì thì kể tôi nghe. Chúng tôi trao đổi với nhau như vậy thì cũng biết được thêm kha khá những điều mình chưa biết. Một hôm, nhân đề cập đến ngành hóa học của anh, tôi bỗng nảy ý dùng át-xít phá song cửa sắt để vượt trại, bèn hỏi nhỏ:

“Loại acid nào có thể... làm chảy sắt?”

“Loại nào cũng có thể ăn mòn sắt được cả. Nhưng ăn mòn cực mạnh thì có sulfuric và hydrochloric acids; nhạy nổ thì có carbonic và nitric acids. Còn nếu pha trộn cả 3, 4 thứ lại rồi phết lên mấy cái song sắt kia thì trong vòng nửa tiếng đồng hồ, mình có thể kéo sắt ra, dẻo như kẹo kéo. Mấy loại acid này đều không màu sắc mà lại có thể hòa tan được với nước nên mình bỏ chút phẩm đỏ vào, đựng trong chai thuốc đỏ trị ghẻ... thì ai mà biết. Còn nếu muốn nổ cái vách tường này đó hả, lấy silver nitrate trộn với sulfuric và carbonic acids, đựng trong một cái lọ nhỏ cỡ ngón tay cái này cũng đủ rồi. Đậy nắp thật kín, khui một cái lỗ nhỏ để đưa vào một cái tim dẫn hỏa. Khoét vách tường sâu vào, nhét cái lọ vô, đốt lửa. Đùng! Vách sẽ bung.”

“Đơn giản vậy sao?”

“Chỉ vậy thôi. Nhưng mà... anh Khang đừng cho ai biết tôi bày anh cách chế biến đó nghe.”

“Đùng có lo. Nếu vách này mà bung thì anh cũng chạy theo tôi chứ, phải không?”

“Hi hi, không dám đâu, chắc giả đồ ngủ cho yên

chuyện.”

Tôi vốn dốt về hóa học nên nghe Trai nói thế nào thì nghe thế đấy, tin tưởng hoàn toàn vào ông kỹ sư hóa chất. Vậy là tôi bắt đầu phác họa một cuộc vượt trại. Trước tiên, tôi bàn với Quái và Dưỡng, hai chàng Nghĩa quân Phục quốc gan lì. Cả hai đều phấn khởi, đồng ý cùng nghiên cứu kế hoạch kỹ lưỡng. Họ dặn tôi đừng cho anh Nhiều trưởng phòng biết, dù rằng cả nhóm tù chính trị đều thân với Nhiều—có lẽ vì họ sợ Nhiều có tính cẩn thận và nghiêm chỉnh chấp hành nội qui sẽ ngăn cản; hơn nữa, trước kia Nhiều cũng từng là dân cách mạng. Tôi thì tin tưởng Nhiều chứ không ngờ vực gì, nhưng họ yêu cầu vậy thì cứ theo ý họ. Tôi nói, nếu đến lúc hành động mà Nhiều muốn đi theo thì cứ để anh ta theo. Họ đồng ý. Họ yêu cầu tôi hết sức giới hạn số người tham gia trong nhóm tổ chức thảo luận kế hoạch, chỉ đến phút chót mới chọn cho theo những người nào muốn theo và đáng tin cậy. Trong nhóm tổ chức, Quái và Dưỡng đề nghị rủ thêm Sang. Vậy là chúng tôi, bốn người, mỗi ngày bàn bạc một chút, nghiên cứu thăm dò sâu trước, sâu sau, trong rào, ngoài rào, trên nóc trại giam, giờ trực trên bót gác... Quái còn tính rủ thêm Tân, một anh tù hình sự bị án nặng, vốn là dân địa phương Biên Hòa, để nhờ anh dẫn đường khi thoát ra khỏi trại giam. Nhưng Sang đề nghị đến phút chót mới gọi Tân đi theo. Sang còn cho biết là hàng rào kẽm gai phía sau lưng phòng giam không có cầu điện. Có lần anh được phân công dọn cỏ phía sau, đã đưa lưỡi cuốc chạm thử vào dây kẽm rồi. Để vượt qua hàng rào kẽm gai, Quái bày là đem theo hai cái quần jean của Quái và Dưỡng, vắt lên hàng rào mà leo qua. Đối với bạn tù trong phòng thì Dưỡng nói có thể đãi họ ăn chè hoặc nước chanh có pha thuốc ngủ, người nào không ngủ thì hoặc là rủ họ đi theo, hoặc là không chế họ bằng cách cột trói, nhét nùi giẻ vào họng v.v... Mà để đãi chè hay nước chanh cho thật tự nhiên, hợp lý thì phải lựa ngày thăm nuôi. Thăm nuôi mỗi tháng hai lần thì phải lựa lần nào

nhằm lúc không trăng. Nếu gặp đêm mưa thì càng tốt, vì các anh lính bảo vệ trên bót gác và nóc trại giam sẽ chạy xuống chứ không ở trên đó được. Từ cửa sổ phòng giam ngay chỗ tôi ngủ leo ra ngoài, rất dễ bị phát hiện. Phòng giam có hai cửa sổ mà tôi hiện là người đang nằm ngủ ngay ở một cửa sổ phía đội 1. Từ trong cái mùng vải trắng tôi có thể chui đầu ra, sử dụng át-xít để quẹt vào chân mấy chân song sắt... Đại khái chúng tôi bàn tới bàn lui kế hoạch vượt trại như vậy trong nhiều ngày. Nhưng trước mắt là phải có trong tay cái lọ át-xít cái đã. Tôi chưa biết nhìn ai, nhờ ai.

Xoay tới xoay lui, chỉ còn có Trai và Thiện Chí là hai người bạn tin cậy nhất mà tôi có thể nhờ vả được. Cả hai người đều biết tôi có ý định vượt trại. Dĩ nhiên tôi không rủ họ tham gia vì biết họ là tù vượt biên, cao lắm là 3 năm cũng sẽ được thả (riêng Thiện Chí bị tình nghi thì có thể chỉ vài tháng là được tự do), không cần phải liều lĩnh vượt trại nguy hiểm như thế. Trai còn hy vọng sẽ được gia đình lo dứt lốt thế nào đó để anh được thả sớm chứ không tới 3 năm như những tù vượt biên khác. Do hai người này đều hy vọng sẽ được về sớm, nên tôi đã nhờ họ, nếu ra được thì giúp tôi bằng cách gói vào một lọ át-xít nguy trang như là lọ thuốc xức ghẻ, cùng với thuốc ngủ, gói vào nhiều đọt, đựng trong bịch ni-lông nhỏ, nhét vào thức ăn...

Dặn dò nhờ vả lâu rồi, vậy mà hai chàng thư sinh này chẳng chàng nào được về sớm như dự đoán. Mãi đến trưa thứ hai ngày 9 tháng 6, tôi đang ngủ ngon giấc thì Thiện Chí đánh thức tôi dậy, nói:

“Khang ơi, tôi vừa nằm mộng thấy tôi được về.”

“Xi, mộng thì ăn thua gì chứ.”

“Ừ, mộng, nhưng mà rõ ràng lắm, tôi nói thiệt đó, không tin thì thôi.”

“Thì thôi chứ sao.”

“Không, Khang à, nghe tôi đi, tôi ít khi nào nằm mộng kiểu này lắm. Tôi tin là chuyện này sẽ xảy ra mà.

Tôi từng có kinh nghiệm về những giấc mộng hay chiêm báo của tôi. Này nhé, tôi kể Khang nghe: tôi thấy Hoà Thượng Trí Thủ bước đến chỗ song sắt kia, để thăm hai anh em mình. Tôi mừng quá chạy đến lạy Hoà Thượng, xin Hoà Thượng giúp cho hai đứa được ra. Hoà Thượng nói: con thì được. Tôi hỏi, vậy Khang thì sao? Hoà thượng chỉ lắc đầu, mặt rất buồn.”

“Ồ, vậy thì tốt rồi, mừng cho anh,” tôi nói cho có chuyện rồi ngồi dậy thu dọn mùng chiếu, xếp lại cho vào giỏ.

Thiện Chí ngồi im một lúc, nói tiếp:

“Nếu tôi về nay mai, điều Khang cần nhất là gì Khang cứ nói đi, biết đâu giấc mộng đó lại chẳng thành sự thực.”

“Thì tôi nhắn gởi anh biết bao nhiêu lần rồi đó mà anh cứ nằm ì ở đây, đã về đâu.”

“Bây giờ về thiệt đó, Khang nhắn lại cái gì thì nhắn đi,” Thiện Chí cố gắng thuyết phục.

Chẳng cần suy nghĩ lâu, tôi nói:

“Gặp bất cứ người bạn nào có quen biết hay chơi thân với tôi trước đây, anh cũng dặn họ tránh xa hai người này: Hân và ông thầy Tư. Hiện giờ thì Hân bị bắt, nhưng biết đâu một ngày nào đó công an lại thả anh ta ra cho làm việc tiếp. Còn ông thầy Tư là một ông già khoảng sáu mươi tuổi, xưng là thầy Tư của đạo Thiên Chúa, người Quảng Nam, da ngăm đen, có một vết nám lớn ở gần gò má bên trái. Ông Tư gặp các thầy mình sẽ khoe là quên biết, thân cận Thượng Tọa Đức Nhân và tôi nghĩ có thể Thượng Tọa bị bắt là vì ông ấy hoặc Hân chứ chẳng do ai khác.”

“Cần nhắn gia đình hay bạn bè điều gì không?”

“Nói tôi bình an. À, nhờ anh lo chuyện lọ át-xít và thuốc ngủ, rồi đưa cho gia đình tôi, nói bằng mọi cách cũng phải tìm cách gởi vào.”

Thiện Chí nghe rồi, gật gù, mặt có vẻ buồn buồn. Một lúc anh nói:

“Khang à, đó chỉ là những chuyện nhỏ. Tôi biết Khang còn bao nhiêu giấc mộng to lớn hơn, sao Khang không nói tôi nghe, xem tôi giúp gì được không. Nói thiệt Khang nghe, từ những ngày đầu sống chung với Khang trong phòng giam này, tôi đã tự dặn lòng rằng chuyến này ra được tôi sẽ hết sức làm bất cứ điều gì Khang gởi gắm. Khang đã vì đại nghĩa mà sa vào vòng tù tội, sống ở đâu cũng hết mình với bạn bè anh em... không lý tôi đây cũng xuất thân từ cửa chùa, biết cái đau của dân tộc, biết cái khổ của chúng sinh, lại chẳng góp được chút gì để đáp tạ tấm lòng của Khang hay sao?”

Thấy Thiện Chí rung rung muốn khóc, tôi cảm động, ngó lảng ra khoanh sân vàng cháy. Một lúc, tôi hỏi:

“Anh về chuyến này sẽ ở đâu?”

“Có thể tôi về Long An, tạm sống với gia đình một thời gian... nhưng nếu Khang muốn tôi đến đâu, đi đâu, sống ở đâu, làm việc gì... tôi sẽ làm theo yêu cầu của Khang, thiệt đó. Rồi khi Khang ra được, Khang sẽ gặp tôi ở chỗ mà Khang muốn tôi đến.”

Tôi nhìn thẳng vào mắt Thiện Chí, ngạc nhiên, không ngờ anh ta sốt sáng với tôi như vậy. Tôi nói:

“Nếu thực anh muốn giúp tôi, xin đến số nhà... đường Bà Lê Chân, Phú Nhuận, tìm gặp ông Nguyễn Đức Trọng xem thử ông đã được tự do chưa. Nếu gặp ông, anh cho biết tình hình của tôi. Hẹn ông là khi tôi ra tù được tôi sẽ tìm đến ông ngay để cùng xuống Long Xuyên vào chiến khu Bảy Núi của Bảo An Đoàn, Hòa Hảo. Nếu ông ấy phải đi trước thì xin cho biết cách nào rõ ràng và dễ dàng để tôi tìm vào. Còn trường hợp ông ấy chưa được trả tự do...”

Thiện Chí nói ngay:

“Tôi sẽ đi xuống Châu Đốc, Long Xuyên, dò đường trước để tìm vào chiến khu Bảy Núi, bắt liên lạc với lực lượng Hoà Hảo để chờ Khang ra, tôi đưa Khang vào.”

Tôi cảm động chẳng nói nên lời, chỉ biết gật đầu

nhẹ. Thiện Chí nói:

“Tôi hứa sẽ làm điều đó. Khang ra được thì nói Tửu hay Thiện Lạc đưa đường xuống Long An, tìm nhà tôi ngay nhé. Tôi có đi Châu Đốc hay Long Xuyên thì cũng giữ liên lạc với gia đình,” ngưng một lúc, Thiện Chí tiếp. “Khang nghĩ là có thể về sớm được không... với cái án, cái tội như vậy?”

“Tôi sẽ về. Ở tù tôi có thể tu tập được cho cá nhân tôi, tôi có thể làm lợi được cho một số bạn tù nào đó chung quanh, nhưng không thể nào an lòng được với nỗi đau chung quá to lớn, quá nặng nề bên ngoài. Cho nên, dù gì đi nữa, tôi cũng phải về. Tôi muốn tự do.”

Kểng báo thức hai giờ trưa đã đổ. Ba mươi phút sau, có cán bộ cầm giấy tờ tiến đến phòng giam, gọi tên Thiện Chí, bảo lấy đồ đạc cá nhân ra về. Chúng tôi không còn lời nào để nói với nhau nữa. Chỉ siết chặt tay nhau một lần cuối qua song sắt.



Nàng từ trên lầu bước xuống. Áo thun ngắn tay, cổ hơi cao, màu xanh da trời. Quần jean màu xanh dương. Áo quần đều bó sát vào người cho nàng một dáng vẻ trẻ trung, tươi vui, sinh động khác hẳn với con người của nàng trước đó. Đứng trước tôi, khuôn mặt nàng ngậy thơn e ấp như thiếu nữ mới lớn, còn thân hình nàng thì hiển lộ tất cả sức sống, tất cả những đường cong gợi cảm của phái đẹp. Tôi ngược nhìn nàng, không nói nên lời.

“Đi được chưa anh?” nàng nói.

“Đi,” tôi tỉnh người đáp.

Nàng mở cửa, tôi dắt xe gắn máy ra ngoài, chờ nàng khóa cửa rồi để nàng lái. Tôi ngồi phía sau, vịn tay nơi thành yên. Nắng mai đã ngập đường phố. Người xe tấp nập. Sài Gòn bao giờ vẫn vậy. Nó tạo ra những cuộc

VĨNH HẢO

sống xô bồ, những con người đua chen hình thức. Và đôi khi nó tạo ra những con người mang vẻ đẹp trong sáng hiền hoà bên trong mà vẫn không bao giờ chối bỏ việc tô điểm cái đẹp quyến rũ bên ngoài.

Như vậy, liên tục từ hôm qua đến giờ, không phải tôi chỉ nỗ lực né tránh sự xung đột giữa niềm vui tự do và nỗi đau mất mát, mà còn phấn đấu để không buông xuôi thả mình theo dòng cuốn của ái tình.

Tôi lại muốn trốn chạy, muốn từ chối thực tại trước mắt. Và trên xe, sau lưng nàng, tôi một mình ôn lại chuyện quá khứ.

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG MƯỜI LĂM

Kỳ thăm nuôi giữa tháng 6 năm 1986 nhằm vào ngày chủ nhật. Thiện Chí đã về sáu ngày trước, và tôi tin anh sẽ nhắn gởi gì đó trong đợt thăm nuôi này. Tôi hồi hộp chờ đợi. Tôi biết tôi sẽ không được phép gặp mặt gia đình để nghe được lời nhắn của Thiện Chí—vì từ hơn sáu tháng nay, kể từ lúc Phương gặp ông thầy già rồi đốt trại và trốn đi, tự dưng tôi bị “cúp” gặp mặt, chỉ cho gởi quà thăm nuôi thôi; quản giáo chẳng giải thích gì chuyện “cúp” này cả—nhưng tôi hy vọng là có thư từ và lọ thuốc đồ, hay một thứ thức ăn nào có nhét bọc thuốc ngủ, gởi theo giỏ quà thăm nuôi.

Khoảng 11 giờ trưa, anh nuôi mang giỏ quà của tôi vào. Tôi lục soạn để xem có thư từ gì giấu trong bột ngũ cốc hay các món thức ăn không. Quả nhiên trong món kho mận khô qua nhồi tàu hủ, tôi tìm thấy một lá thư nhỏ bọc ni lông. Thư viết ngắn. Nét chữ của chị Thuần.

“Khang ơi,

Thầy Thiện Chí có đến nhà thăm, kể chuyện sinh hoạt trong trại cũng như chuyện của Khang cho gia đình nghe. Thầy cũng có gởi theo đây một ít quà biếu Khang nữa đó. Riêng về mấy thứ thuốc mà Khang dặn gởi vào, gia đình không thể gởi được vì bác sĩ nói những thứ thuốc ấy mạnh lắm, Khang không dùng được đâu.

Cả nhà đều mong Khang giữ gìn sức khỏe, bảo toàn thân mệnh, sớm muộn gì cũng được về, đừng làm chuyện gì bất thường. Mẹ nghe được lo lắng. Các bạn bè của Khang đều gởi lời thăm. Thương, Thuần.”

Vậy là xong. Không có chuyện át-xít hay thuốc ngủ gì hết.

Trong bữa ăn chung với nhóm tù chính trị, tôi nói

riêng với Quái và Dưỡng:

“Thầy Thiện Chí có ghé nhà tôi, dặn tìm và gọi mấy thứ mình cần nhưng gia đình tôi ngại, không dám, viết thư ngăn. Chắc phải tìm cách khác.”

Quái nói:

“VẬY ĐỂ TÔI NÓI BÀ XÃ TÔI GỎI VÀO MỘT LƯỠI CƯA SẮT NHỎ, NHÉT TRONG RUỘT BÁNH MÌ. LƯỠI CƯA TỐT THÌ MÌNH CHỈ CẦN HAI TIẾNG ĐỒNG HỒ LÀ BAY MỘT SONG SẮT. MỘT SONG LÀ ĐỦ ĐỂ CHUI RA RỒI. THÔI, THẦY KHANG YÊN TÂM ĐI, KỶ THĂM NUÔI TỚI TÔI DẶN BÀ XÃ TÔI, HÁ. PHẢI CHỈ HỒI NẤY BIẾT SỚM TÔI ĐÃ NÓI VỚI BÀ ẤY LUÔN RỒI!”

Chưa kịp tới kỳ thăm nuôi kế tiếp, chẳng rõ vì lý do gì, tự dung Khoa đến phòng giam, gọi Sang ra ngoài làm việc hơn hai giờ đồng hồ mới thấy trả về. Trong thời gian Sang bị gọi đi, Quái nói riêng với tôi:

“Thầy Khang à, không biết chuyện mình bàn lâu nay có lọt vào tai thằng ăng-ten nào trong phòng này không. Thấy thằng Sang theo quân giáo đi lâu như vậy tôi nghi quá.”

Dưỡng ngồi gần đó, vừa nói vừa cười:

“Biết đâu chính thằng Sang lại là ăng-ten?”

Tôi nói:

“KHÔNG CÓ Đâu. ĐỪNG CÓ NGHI NGỜ BẬY BẠ VỚI NHAU VỪA MẮT TÌNH BẠN VỪA HƯ CHUYỆN HẾT.”

Trở về, Sang lằm lằm lì lì, chẳng nói gì với ai. Đến chiều, nhân lúc sắp bàn cờ tướng ra, rủ tôi đánh, Sang mới nói nhỏ:

“Thầy Khang cẩn thận nghe.”

Tôi nhìn Sang, dọ hỏi. Sang nhìn xuống bàn cờ, nói tiếp:

“TÔI ĐOÁN ĐƯỢC NƯỚC CỜ CỦA THẦY THÌ KHÓ ĐÁNH THẮNG LẮM ĐÓ.”

Tôi chỉ im lặng, không nói gì. Đánh cờ mà lòng suy nghĩ mông lung. Biết Sang đang ở trong tình trạng phải giữ gìn, không dám nói chuyện nhiều với tôi, tôi ngại không dám hỏi thêm gì, sợ sinh phiền cho anh. Sang

không dám nói thẳng mà quanh co, bóng gió như vậy thì ắt là anh ấy biết rằng trong phòng giam này hẳn còn ít nhất là một cây “ăng-ten” nào đó. Anh đề phòng thủ thế thì tôi cũng đề phòng, không gọi chuyện.

Ngay chiều hôm đó, Khoa đến phòng, gọi Sang mang hết đồ đạc cá nhân theo, chuyển sang phòng khác. Mỗi thân tình bằng hữu giữa chúng tôi trong một thời gian khá dài bị cắt đứt một cách nhanh, gọn. Không kịp nói gì với nhau nữa. Sang mang đồ đạc ra ngoài rồi, vừa bước theo Khoa, vừa đưa một tay lên vẫy, chào chung cả phòng.

Qua ngày hôm sau, Khoa lại đến phòng gọi Tân ra làm việc. Tân rời phòng khá lâu không thấy trở về. Dưỡng trời tới chỗ tôi, nói nhỏ:

“Hình như chuyện tụi mình bàn bị bẽ rồi thầy Khang ơi. Hôm qua gọi thẳng Sang bây giờ lại gọi thẳng Tân... tôi nghi quá.”

“Tôi chưa nói chuyện gì với Tân cả,” tôi nói.

“Tôi cũng đâu có nói, nhưng không biết thẳng Sang hay thẳng Quái có nói gì chưa. Tôi đã nói trước rồi, cả thẳng Sang và thẳng Tân, hai thẳng đều khả nghi hết. Nói rồi mà thẳng Quái không chịu nghe, cứ rù. Nói thiệt, tôi chỉ tin thầy Khang với thẳng Quái thôi, ngoài ra chẳng tin ai hết. Đánh mấy cú này càng gọn càng ít thì càng dễ thành công, rù chi cho nhiều.”

“Tôi không nghi Sang đâu. Lâu nay Sang vẫn tốt với anh em mà.”

“Tốt thì sao chứ. Ai mà biết được nó ra ngoài nói gì với quản giáo. Thầy Khang à, chuyện tụi mình chỉ mới bàn với nhau thôi, chưa có chứng cứ gì hết, nhất định là không chịu nhận nghe, cho dù thẳng Sang hay thẳng Tân có tố cáo hay là tụi nó tự nhận, thầy Khang cũng đừng nhận nghe. Lỡ mà có bẽ thiệt thì để tôi hay thẳng Quái nhận cho, thầy Khang đừng nhận há. Mẹ kiếp! Mấy thẳng đó mà tố bậy bạ là tui đục tụi nó liền. Cho bị biệt giam kỷ luật cũng đêch sợ!”

“Tôi nghĩ không có gì đâu, yên tâm đi. Còn như bị lộ thiệt thì để tôi chịu. Bởi vì trên thực tế tôi là người nêu cái chuyện đó ra trước tiên mà.”

“Biết là vậy, nhưng... thầy Khang yếu lắm, tụi nó quần cho một trận rồi bắt nhốt vô biệt giam, chịu không nổi đâu.”

“Biệt giam thì có gì ghê lắm đâu. Tôi có ở biệt giam hơn một tháng ở T20 Sài Gòn rồi.”

“Ê, thầy Khang à, ở Sài Gòn khác, ở đây khác. Theo cách thầy kể thì biệt giam Sài Gòn sừng thấy mờ. Ở đây, thầy biết không, ngộp lắm, vào đó một tuần, bước ra giống như con ma đói, xanh lè xanh lét, chân tê bại bước không nổi. Có cùm chân nữa chứ không phải được thảnh thơi như thầy bị biệt giam ở Sài Gòn đâu. Đã vậy cơm đưa vô mỗi buổi có nửa chén thôi, lại cúp thăm nuôi nữa chớ!”

Ngồi một lúc thì Quái xáp tới, vừa vắn thuốc rê vừa nói:

“Chuẩn bị tư tưởng nghe, hai thằng kia có nói gì thì nói, bọn mình nhất định không chịu nhận... Còn chuyện mà bữa giờ thầy trò mình bàn với nhau, tạm gác lại đi há, sau này hãy tính, phải không thầy Khang?”

Tôi gật đầu. Dỡng cần nhìn Quái rồi lại đề nghị là nếu lộ chuyện thì hai người chịu nhận, không để tôi bị liên can. Tôi nghe vậy thì cố gắng can, nhưng cũng vừa cảm động tấm chân tình của họ.

Hai người nói qua nói lại một lúc thì thấy Khoa đưa Tân trở về phòng. Tân lạnh lùng bước vào, không nhìn chúng tôi, lặng lẽ ôm đồ đạc cá nhân bước ra, theo Khoa chuyển qua phòng giam khác. Không vẫy tay chào bất cứ ai trong phòng. Vốn là tên cướp từng giết người và lãnh án nặng, Tân sống liều mạng chẳng sợ gì ai. Tánh anh nóng nảy, cộc cằn, thường gây sự đánh lộn với những người chung phòng giam. Tân đến phòng giam nào là muốn làm chúa phòng giam đó. Từ phòng số 3 chuyển vào phòng 7, Tân cũng nghênh ngang ăn hiếp mấy người

yếu thể trong phòng thì bị Quái và Dưỡng đập cho một trận ngất ngư. Khoa bắt hai anh Tàu Nùng đi biệt giam kỷ luật. Quái và Dưỡng vừa trở về phòng sau khi hết hạn kỷ luật là Tân đến nài nỉ xin lỗi ngay. Quái và Dưỡng bỏ qua không đánh Tân nữa mà còn giúp thức ăn, thuốc hút. Từ đó, Tân qui phục. Mà qui phục hai anh Tàu Nùng kia thì cũng qui phục cả tôi, bởi vì ai vào phòng cũng có thể thấy được rằng Quái và Dưỡng quán quít quanh tôi, thân cận giúp đỡ tôi như hai cánh tay, hai đệ tử. (Thậm chí mấy người mới nhập phòng giam còn tưởng tôi là “đại ca” của phòng nữa. Khi biết tôi là ai rồi, họ mới kể tôi nghe cảm giác và suy nghĩ của họ ban đầu: thấy cả phòng ai nấy đều gọi tôi bằng “thầy” và lại có cái vẻ cung kính trọng vọng khác thường trong khi hình thức bề ngoài của tôi thì chỉ là một thanh niên trẻ, đầu có tóc, mình trần mặc quần cụt y như mọi người, chẳng có gì đặc biệt, họ hơi sợ; nhưng hỏi ra mới biết “đại ca” này là một thầy tu, hiền khô, chẳng hại ai mà còn có thể làm bạn với tất cả mọi người. Đến lúc đó họ mới yên tâm.)

Sau khi Tân đi, chúng tôi chờ đợi một cái gì đó xảy ra, nhưng chẳng thấy gì cả. Một ngày, hai ngày, ba ngày... yên tĩnh. Ngày thứ tư, Khoa đến gọi Nhiều, anh trưởng phòng, ra làm việc đâu chừng hơn một giờ đồng hồ. Trở về, Nhiều tìm cách nói riêng với tôi:

“Ông Khoa có hỏi thăm tôi về thầy đó.”

“Hỏi về chuyện gì?”

“Chuyện thầy giao du thân mật với mấy người Tàu trong phòng.”

“Ai lại chẳng thân mật với họ, ai lại chẳng thân mật với nhau, trong phòng giam này!”

“Dĩ nhiên là ai cũng có chơi thân với một người nào đó cùng chung phòng giam. Nhưng không phải chỉ riêng ông Khoa đâu, trong con mắt của những cán bộ quản giáo thì chuyện thầy Khang chơi thân với đám người Tàu không phải là chuyện đơn giản.”

Tôi phì cười:

“Cái gì cũng đáng nghi ngờ đối với họ. Vậy anh nói sao với ông ấy?”

“Tôi mới hé miệng nói một câu ông đã xì nẹt cho một hơi. Tôi nói, ‘quản giáo đừng lo, anh Khang ảnh hiền khô à, chẳng có âm mưu hay tổ chức gì đâu.’ Ông trợn mắt nói, ‘Anh bình cho anh ấy nữa à! Anh nói anh ấy hiền? Hiền mà đi phản cách mạng sao! Anh liệu hồn anh, cứ ý y người ta hiền rồi chĩnh mắng không chịu đề cao cảnh giác, có ngày anh và cả tôi nữa cũng đi tù luôn đó. Anh có biết anh Khang thuộc diện gì không? Diện tử hình đó.’ Tôi nghe vậy thì giựt mình, chẳng nói tiếng nào nữa. Ngung một chập, ông ấy tiếp, nói nhỏ: ‘Mà kê ra thì nhìn tướng anh Khang thấy cũng hiền đó chớ. Chẳng hiểu sao lại đi phản cách mạng...’ Thầy Khang à, bộ vụ của thầy nặng đến độ tử hình sao?”

“Tôi chẳng hiểu họ đánh giá tôi thế nào, chứ tôi tự thấy tôi tuy chống đối nhà nước nhưng cũng chưa làm được trò trống gì quan trọng. Kê, họ kết án gì cũng được.”

“Ông Khoa nói có thể một ngày nào đó sẽ có lệnh đem thầy Khang đi biệt giam đó. Không phải chỉ biệt giam vì án tử hình đâu, chuyện đó khi nào ra tòa rồi mới tính, còn biệt giam bây giờ là biệt giam vì ngoan cố không chịu khai đầy đủ về những người đồng lõã, nhất là vụ ông Lương; thứ hai là chơi thân với người Tàu... có ý đồ cấu kết, móc nối với gián điệp Trung Quốc.”

“Trời đất! Nghi vậy mà cũng nghi được à!”

“Chứ sao, người ta chủ trương cứ nghi ngờ, cứ bắt lầm, còn hơn là bỏ sót.”

“Ồ mà cũng được thôi, kết án tử hình tôi còn chịu được nói chi cái chuyện biệt giam, có sao đâu. Họ muốn nghi gì đó thì nghi. Ông chỉ nói chuyện thôi há, còn chuyện gì khác không?”

“Tình hình bên ngoài có cái gì đó lộn xộn thì phải. Hình như có đảo chánh hụt hay là một vụ nổi dậy của nhóm nào đó ở Sài Gòn.”

“Bộ ông Khoa dám nói cho anh nghe những tin ấy

à?” tôi ngạc nhiên hỏi.

Nhiều cười:

“Ông sợ gì mà không nói. Có điều là chỉ hé hé một chút thôi chứ không bao giờ nói rõ hết. Bộ thầy Khang quen rằng hồi trước tôi cũng là bộ đội cán bộ nhà nước sao.”

“Vậy ông ấy nói sao về vụ đảo chánh hụt?”

“Đại khái là cánh miền Nam—xuất thân là dân kháng chiến Nam bộ chống Pháp trước 1954 hoặc thuộc Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chống Mỹ sau 1960—cánh này muốn ly khai, muốn được tự trị thì phải. Họ muốn miền Nam phải theo đuổi một chính sách khác với miền Bắc, cũng là xã hội chủ nghĩa, nhưng theo cách của miền Nam, không thể rập khuôn miền Bắc. Cái này thì ông Khoa rất chịu vì ông ấy là dân miền Nam mà. Tôi cũng rất tán đồng. Tôi nghĩ đa phần dân miền Nam cũng muốn vậy. Đất miền Nam của dân miền Nam, không thể có cái chuyện thống nhất và cai trị đất nước theo kiểu phong kiến xa xưa là một nhóm nhỏ ở triều đình tuốt đầu ngoài Bắc, kiểm soát và bắt toàn dân khắp miền Nam nai lưng ra làm việc để triều cống. Thầy Khang có đồng ý với tôi không?”

Tôi cười, không trả lời thẳng mà hỏi tiếp:

“Vậy cánh miền Nam đã làm gì mà nói là đảo chánh hụt?”

“Một vài tướng tá của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, hình như có ông Trần Văn Trà, đang vận động kết hợp thành phần cán bộ miền Nam để tách miền Nam ra khỏi sự kiểm soát của miền Bắc. Nhưng mấy ông thất bại rồi.”

“Thất bại rồi?”

“Ừ, hình như nhóm họ vừa mới kết tụ hồi đầu năm nay thì bị cánh miền Bắc tìm cách triệt liên.”

“Bằng cách nào?”

“Chặt vậy cánh, kiểm soát các cơ sở kinh tài, giết chết vài mạng bằng cách tạo ra một vụ tai nạn xe cộ để

dẫn mặt. Nhưng họ chỉ mới dẫn mặt sơ sơ thôi chứ không dám làm động ô cánh miền Nam, sợ có loạn.”

“Ghê quá hả! Vậy mà tôi cứ tưởng cộng sản Nam hay Bắc gì cũng một thứ thôi chứ. Sao lại có chuyện chống báng nhau nữa kia.”

“Khác chứ sao mà giống được, thầy Khang. Là một cựu cán bộ miền Nam, tôi có thể nói với thầy Khang điều này: miền Nam chẳng có cộng sản. Thực đó, không có cộng sản gì hết trơn. Người dân miền Nam chúng tôi không hề có giấc mộng biến ruộng vườn của mình thành của công mà ngược lại, ai cũng muốn mỗi người có một mảnh vườn, một mảnh ruộng, một mảnh đất, một mái nhà riêng...”

“Tôi hiểu. Anh cũng có nói với tôi rồi. Các anh chạy theo Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam vì bị tuyên truyền là miền Nam đã bị Mỹ xâm lược. Các anh theo mặt trận đó để chống Mỹ chứ không phải là để theo chủ nghĩa cộng sản, phải vậy không? Điều đó đã quá rõ ràng, cho nên sau 1975, các anh thức tỉnh và muốn chống lại, muốn ly khai... Nhưng, nếu ly khai chủ nghĩa cộng sản, từ bỏ chủ nghĩa cộng sản, thì là điều đáng mừng cho dân tộc; tôi chỉ sợ là ly khai cộng sản miền Bắc để củng cố cộng sản miền Nam thì cũng chẳng thay đổi được gì lắm đâu, bởi vì cái mầm của sai lầm và tàn ác có nằm ở miền Bắc hay miền Nam thì cũng nảy sinh ra hoa trái của sai lầm và tàn ác mà thôi. Phải từ bỏ cái mầm sai lầm và tàn ác đó chứ không phải chỉ sửa đổi, cải biến nó thành một thứ na ná hạt mầm tốt. Làm ruộng, làm rẫy, anh đã có kinh nghiệm chọn giống rồi, phải không anh Nhiều? Anh luôn luôn chọn giống tốt để gieo xuống mảnh đất của anh. Không thể chọn giống xấu được. Không ai ép buộc anh phải diệt trừ các loại giống mà anh không thích. Nhưng chính anh, người chủ vườn, có bồn phân và có quyền quyết định chọn lấy loại giống tốt và thích hợp cho đất mình.”

“Tôi đã nói với thầy Khang rồi, miền Nam không

có cộng sản thì đâu cần phải củng cố hay từ bỏ cộng sản. Phải nói là từ chối chấp nhận chủ nghĩa cộng sản lan tràn trên mảnh đất của mình, vậy thôi.”

“Và anh tin rằng những thành viên cũ của Mặt Trận sẽ tái lập lực lượng này để thực hiện công việc đó?”

“Ngoài Mặt Trận ra, thế lực nào có thể lấy lại được miền Nam này chứ? Thầy không thấy rằng nhờ Mặt trận mà miền Bắc thành công chiếm trọn miền Nam năm 1975 đó sao? Không có cái Mặt trận này thì miền Bắc chẳng làm quái gì được miền Nam. Đứng ra thì Mặt trận đã chiến thắng vào mùa xuân 1975 chứ chẳng phải ai vô đó.”

Tôi cười:

“Chiến thắng nhưng lại thua đậm. Chiến thắng thì phải lấy, phải chiếm, phải giành được cái gì đó, phải không? 30-4-1975, cho là Mặt trận đã chiến thắng ở miền Nam đi, nhưng rồi có giữ được miền Nam, có kiểm soát được miền Nam đâu. Dâng luôn cả nửa phần đất nước cho miền Bắc, đó là cái công của Mặt trận. Mà thực tế còn cho thấy là ngay cả cái gọi là Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam và lý tưởng chống Mỹ cứu nước, đều chỉ là chiêu bài của Cộng sản Bắc Việt đề ra cả. Anh không thấy rằng Mặt trận cũng chỉ là một lực lượng ngoại vi của Đảng Cộng sản thôi à? Cho nên chưa đầy một năm sau ngày 30-4-1975 thì Mặt trận bị Đảng giải thể. Chẳng có lý do gì để từ chối việc giải thể ấy cả. Đất nước thống nhất, quân thù xâm lược đã rút—họ nói vậy—cần gì Mặt trận Giải phóng nữa! Đảng và chính quyền mới là thực lực, còn Mặt trận đâu có thực. Giống như nước và sóng vậy đó. Nước mới là thực lực, còn sóng thì chỉ là cái mạnh động của cảm tính mà thôi. Cho nên, nếu cần gậy dựng một lực lượng để đối đầu với cộng sản thì không thể lấy cái Mặt trận con đẻ của cộng sản ra mà xài lại được. Nhân sự cũ với lực lượng mới thì may ra. Bởi vì bây giờ mà nghe đến cái tên Mặt trận hay những người cũ của Mặt trận đứng ra làm cách mạng, nhân dân miền Nam đã

chán ngấy và tự dung phải nghĩ đó lại là một thứ chiêu bài gì đây của cộng sản... nếu không như vậy thì cũng là một cố gắng để tranh thủ quyền bính của nhóm này hoặc nhóm kia trong Đảng mà thôi. Mà Đảng viên Cộng sản nắm quyền thì người Nam kẻ Bắc, kẻ thượng tầng cho đến người hạ tầng, cứ thử hoán chuyển vị trí lãnh đạo thử xem, sẽ thấy rằng chẳng có gì thay đổi bao nhiêu. Không phải vậy sao? Tôi nghĩ là cho mấy ông như Lê Đức Thọ, Trường Chinh, Nguyễn Văn Linh... xuống đây làm quản giáo trại giam, còn ông Sáu, ông Khoa, ông Hón... thì cho lên nắm quyền lực ở trung ương Chính trị bộ, thì đất nước cũng cứ một nhịp là đà ì ạch đó mà bước lui thôi, chẳng có gì khác biệt lắm đâu. Trờ lại chuyện nhân sự Mặt trận, tôi nghĩ họ đã đánh mất niềm tin ở nhân dân miền Nam lại bị thực lực Đảng ở miền Bắc khống chế thì còn làm gì được nữa.”

“Thầy Khang có vẻ trách cứ, đổ tội cho Mặt trận dữ há?”

“Không, đã nói là Mặt trận không có thực thì đổ tội cho nó làm gì. Nó, thực ra là những người tham gia nó, là nạn nhân của một trò lừa dối. Tuổi trẻ miền Nam trước đây, theo hoặc không theo Mặt trận, đều đã phung phí thì giờ và sinh mệnh của mình để bảo vệ hoặc chống lại một cái bóng, một cái hình ảnh phù phiếm của trò chơi chính trị. Rốt cuộc chẳng được gì cả. Chỉ có cái thể lực quý quái ở bên trong, ở đằng sau kia, mới nắm được tất cả. Kẻ lên đồng tưởng rằng mình điều khiển thể lực ma quỷ, mà thực ra nhiệm vụ của con đồng chỉ là quên mình đi để thể lực ma quỷ vận hành sai sử. Họ chỉ có cái xác thôi. Múa may quay cuồng dữ lắm, điệu võ dương oai ghê lắm, nhưng khi thể lực ma quỷ rút đi thì chẳng còn gì cả, ngoài cái thân xác mỗi một đờ đẫn.”

“Vậy chú thầy Khang nghĩ... chúng ta phải làm gì để thay đổi đất nước?”

Tôi cười buồn:

“Chúng ta? Chúng ta làm gì nữa đây? Ngồi đây

mà bàn mà nói mà tán chuyện xã hội bên ngoài làm gì chứ! Ở tù rồi tức là đã chấp nhận bàn giao việc nước, việc xã hội cho thiên hạ lo chứ còn muốn làm gì nữa!”

Rồi cả hai chúng tôi cùng cười. Từ góc phòng, chúng tôi ngồi cạnh nhau, im lặng đốt thuốc nhìn đám tù lảng xãng. Miệng tôi nói bi quan thế nhưng trong tôi, một nỗi gì đó rất phấn khích, động đậy. Tôi muốn ra tù. Mặc dù người ta đã mớm ý cho tôi biết cái án tử hình sẽ treo trên đầu tôi, tôi vẫn chưa muốn thúc thủ, chưa muốn thua cuộc trước cái ác. Tự dung niềm tin vô lý trước đây của tôi bỗng quay trở lại, ngay lúc này, và nó khiến tôi tự tin, không hãi sợ chút nào cái án tử hình mà Khoa đem dọa trước qua miệng của anh trưởng phòng. Tôi nói với Nhiều:

“Nếu ra được, tôi sẽ tiếp tục chứ chưa bỏ cuộc đâu.”

“Thầy vẫn tin thầy được về sao?”

“Đến lúc nào họ đem bắn tôi, tôi mới tin là tôi chết, không còn cố gắng đấu tranh được gì nữa.”

“Vậy nếu ra được, tôi sẽ tìm thầy Khang. Tôi cũng muốn theo thầy để làm một cái gì đó cho quê hương. Sống cùng phòng giam nhiều tháng qua, tôi và nhiều anh em bạn tù trong này, đều cảm nhận được cái thiện ở nơi thầy. Cái thiện đó chưa biết có đủ sức để thắng được những thế lực ma lanh quỷ quyệt đầy quyền lực hay không, nhưng điều chắc chắn là khi người ta chọn cái thiện, người ta tin rằng sẽ ở về phía chính nghĩa, không sợ sai lầm. Thầy Khang biết không, rừng Tân Phú sâu lắm, có thể ăn thông với rừng Sát và nối liền với chiến khu D. Mặc dù lực lượng Nghĩa quân Phục quốc của chúng tôi bị bẻ ở cánh Tân Phú, nhưng tôi nghĩ là nếu ra được, có thể dùng lại chiến khu Tân Phú đó.”

“Thời thế loạn ly, biết con sóng dữ sẽ đẩy mình tới đâu mà tính chuyện chiến khu chung với nhau... Làm sao mà hẹn gặp đây hả?”

“Tôi còn năm năm nữa thôi. Năm năm cũng một

chớp mắt thôi mà. Tôi đã đi nửa đoạn đường tù tội rồi. Ra trước tôi sẽ chờ thầy, thăm dò tin tức của thầy mỗi tháng để biết thầy về chưa. Vậy thì sẽ gặp lại, khó khăn gì.”

“Ừ, thì cùng bày keo khác, chắc nhé. Nhưng dù sao, tôi cũng muốn nói với anh một điều, để lỡ mai này không còn gặp lại nhau... không đến nỗi ân hận. Điều này tôi muốn nói với anh và cũng muốn nói chung với những người chủ trương nhuộm đỏ đất nước này. Nếu có dịp nói chuyện với ai đó, công sản hay không công sản, anh nói cho họ nghe điều này: tổ tiên chúng ta khi theo chân đoàn quân Nam tiến từ thời chúa Nguyễn để lấn đất Chiêm Thành, trong đầu chỉ mang ước vọng đơn giản là mỗi người đều được tư hữu đất đai ruộng vườn trừ phú trên mảnh đất miền Nam này. Việc binh bị là việc của quân đội, còn nhân dân, chỉ có mỗi việc là lo khai phá đất rừng để mở mang ruộng vườn mà canh tác. Vào được miền Nam, xua được dân Chiêm Thành, ước vọng của tổ tiên ta đã thành sự thực, tổ tiên ta yêu quý đất đai mà mỗi người tự gây dựng được, không muốn bị đánh mất, không muốn bị xâm lấn. Cái óc tư hữu từ đó ngày càng được bồi đắp dày thêm, dày thêm, từ đời này đến đời kia... cho nên, chủ nghĩa cộng sản không thể nào thích hợp với người dân miền Nam và mảnh đất miền Nam. Mà suy cho cùng, không phải chỉ đối với miền Nam không thôi; đối với miền Trung và miền Bắc, toàn cõi Việt Nam này, đều như vậy cả: không thể thích hợp để áp dụng chủ nghĩa cộng sản đâu. Thứ chủ nghĩa hoang tưởng này nếu có thích hợp được với một quốc gia nào đó ở châu Âu hay ở đâu đó vào thời đại của Karl Marx thì cũng không thể vì vậy mà cứ khẳng định cho rằng nó cũng phải thích hợp với Việt Nam. Không cần phải bàn nhiều về chuyện chủ trương Tam vô rất trái nghịch với dân tộc tính của mình; chỉ cần nhìn ở khía cạnh mô thức kinh tế và xã hội cũng đủ thấy là Việt Nam không cần chủ nghĩa cộng sản. Nước ta là một nước lấy nông nghiệp làm nền tảng kinh tế. Xã hội nông nghiệp vốn đã mang hình thái tư hữu, tư sản; dân ta

CỜI TRÓI TẬP II

từ hiện thực đến tâm thức, đều là những người hữu sản, muốn có tư hữu, và họ chỉ khác nhau ở chỗ có tài sản nhiều hoặc ít chứ không có thành phần gọi là vô sản; xã hội Việt Nam cũng có người giàu kẻ nghèo như bất cứ quốc gia nào, nhưng không có cái gọi là giai cấp giàu-nghèo. Nếu viện dẫn những người ăn xin như thành phần vô sản, Việt Nam cũng có ăn mày ăn xin như bất cứ quốc gia giàu mạnh nào trên thế giới, nhưng số hành khất quá ít này không thể tính kê được như một giai cấp. Còn tư bản đó hả, hùm, Việt Nam mình có tư bản không? Những tên tài phiệt giàu có kết bè kết đảng với nhau, chia chác quyền lợi với nhau, thao túng và chiếm lĩnh thị trường kinh tế quốc gia, ảnh hưởng lên cả chính sách nhà nước. Xã hội Việt Nam trước khi ông Hồ đem chủ nghĩa cộng sản vào có thành phần đó không? Miền Nam Việt Nam trước 30-4-1975 có thành phần đó không? Nếu có thì chỉ có một số rất ít hiếm hoi, mà số ít đó chỉ là một vài hiện tượng nổi lên từ kẽ hở của những chính quyền độc tài thối nát, rất dễ bị xã hội lật nhào, không thể coi như là một thành phần giai cấp. Tóm lại, bày ra cái trò cách mạng vô sản, đấu tranh tiêu diệt giai cấp tư bản trên đất nước này thực chẳng khác gì đánh lộn với quân thù trong giấc chiêm bao. Không có tư bản, không có vô sản, ai đánh ai, tranh đấu cái gì, giành nhau cái gì? Chỉ có thể nói được rằng, kể từ khi chủ nghĩa cộng sản chính thức áp đặt lên đất nước, xã hội Việt Nam đã bắt đầu tạo ra vấn đề giai cấp: giai cấp cầm quyền của Đảng và giai cấp nhân dân không đảng. Đó, cái hậu quả của đấu tranh giai cấp là đẻ ra giai cấp, tạo sự phân ly bèn chắc giữa các thành phần xã hội. Và nếu chúng ta có thể làm được gì cho quê hương thì trước tiên phải tự biết rằng tất cả chúng ta đều là nạn nhân của một thứ ảo vọng tội tệ nhất trong lịch sử thế giới: cộng sản.”

“Suyt, nói nhỏ một xuống một chút thầy Khang ơi, cời chừng...”

Nhìn bộ dạng lo sợ và khuôn mặt tái mét của

Nhiều, tôi thấy vừa buồn cười, vừa tội nghiệp. Tôi nói tình cảm với anh:

“Bữa nay tôi nổi hứng nói nhiều quá hả. Có lẽ vì có dấu hiệu sắp chia tay với anh một ngày nào đó rất gần.”

Nhiều im một lúc rồi ngậm ngùi nói:

“Thầy Khang ơi, mai này về được, nếu có thể làm được gì để cứu thầy ra khỏi đây, tôi sẵn sàng. Nhưng điều trước tiên, nếu bị kết án tử hình... thầy nhớ xin chống án nghe, đừng làm thỉnh chấp nhận hoặc nói điều gì cứng rắn quá chọc tức họ... Thầy phải sống, thầy Khang ạ.”

Lại thêm một lần tôi được người khác yêu cầu sống, yêu cầu tự vệ và đừng quá cứng rắn trước phán quyết của cường quyền. Hình như những người thân, những người bạn của tôi, cũ hoặc mới, Nam hay Bắc, đều đoán biết, nghe nói hoặc cảm nhận được là có mối nguy hiểm nặng nề nào đó đang treo trên đầu tôi. Nhưng tôi vẫn cứ bướng bỉnh tin rằng, tôi không thể chết sớm như vậy. Tôi phải sống. Không phải vì kẻ khác đã yêu cầu hoặc chính tôi tự cho là tôi mang một sứ mệnh trọng đại thiêng liêng nào đó nên cần phải sống. Nhưng chỉ vì tôi không thể chết một cách dễ dàng, vậy thôi. Dù cho cuộc đời này không còn chút vui tươi nào, không còn chút thân mật nào, không còn chút cao đẹp nào, không còn chút thơ mộng nào, không còn chút tình yêu nào, không còn chút hy vọng nào... tôi cũng phải sống. Tôi phải sống cho đến tận cùng cái hơi thở héo úa tàn phai nhất để thể nghiệm trọn vẹn với tôi, với chính niềm tin trong tôi rằng, tôi không thể nào bị huỷ diệt bởi cái vô minh và tàn ác.



Xe chạy từ từ trên đường Lê Lợi. Mới sáng sớm đã thấy nhộn nhịp. Các hàng quán cà phê mở nhạc ngoại quốc vang dội từ lề đường này vọng tới lề đường bên kia.

Xe chúng tôi chạy trên đường như chui qua cái hầm giao hưởng của những luồng âm thanh cực mạnh phóng vào nhau.

“Anh nghĩ gì mà im lặng quá vậy? Nói gì cho em nghe đi, kể tiếp chuyện của anh đi. Rồi về sau này, người ta có còn điều tra hay làm khó gì anh về chuyện cô Phương không? Có bao giờ họ tra tấn hành hạ, đánh đập anh không?”

“Đánh đập thì không, nhưng cố ý hành hạ thì có, để vào quán rồi anh kể cho nghe. Kia, đến góc Nguyễn Huệ, quẹo phải. Đứng rồi, tiệm nằm phía bên phải, chạy tới một chút, chậm chậm. Đây rồi, hình như quán này, ngừng ở đây đi.”

Nàng dừng xe trên lề đường, gần chỗ gốc cây muồng trâu, khóa lại cẩn thận rồi cùng tôi bước vào quán.

Tôi rung động nhìn lại cảnh cũ của hơn hai năm trước. Quán khá vắng và còn nhiều bàn trống đã cho tôi cơ hội để chọn đúng cái bàn ở gần cửa kiếng ngó ra đường, nơi tôi đã cùng Mộng Huyền ngồi uống cà phê, nghe nhạc gần hết một buổi sáng sau khi vượt biên thất bại.

Nhưng khi đã chọn thức ăn thức uống rồi, nhìn lại thực tế trước mắt tôi với vẻ tươi trẻ trong sáng của thiếu nữ đối diện, tôi mới gạt bỏ đi hình ảnh của Mộng Huyền. Nàng không ngồi cùng một phía với tôi như Mộng Huyền mà ngồi phía đối diện, quay lưng ra đường. Tôi nhìn ngắm nàng. Nàng biết vậy nên hơi e lệ cúi xuống, tay vân vê cái kẹp tóc vừa tháo ra để xổ tung những lọn tóc đen nhánh óng ả.

“Anh thường uống cà phê ở đây trước khi vào tù hở?”

“Không, chỉ một lần thôi. Đây cũng thuộc loại quán đắt tiền mà lại xa xôi, anh đâu có bỏ công tìm đến dữ vậy! Nhà em thì khá gần chỗ này nên mới đến thôi.”

“Nhà chị Mộng Huyền cũng gần đây chứ đâu có xa lắm. Chắc là chị ấy rủ anh đến đây chứ anh đâu có tự

tìm đến?”

Tôi cười. Nàng cũng cười một nụ cười khó hiểu, rồi tiếp, giọng buồn buồn:

“Anh đến đây để ôn lại kỷ niệm cũ hờ?”

Tôi áp ứng một lúc rồi trả lời:

“Ban đầu thì có ý như vậy, nhưng sau đó, ngồi nhìn em, anh đã trở về với cái thực tại bây giờ, ở đây.”

“Một nghệ sĩ nói vậy thì em không tin lắm đâu, nhưng một nhà tu thì em tin. Anh là nhà tu hay nghệ sĩ?”

“Anh không rõ. Dường như trong anh có đủ cả hai.”

“Em thích vậy.”

“Thật à? Sao vậy?”

“Thầy tu thì khắc khổ, nghiêm chỉnh, co rút, sống lúc nào cũng giữ gìn thứ này thứ nọ... Nghệ sĩ thì lãng mạn, phóng khoáng, đôi khi bừa bãi, hoang nghịch. Hai mẫu người ấy hòa nhập với nhau làm một thì thành một mẫu trung dung, khá lý tưởng, dễ chịu hơn. Tội nghiệp chị Mộng Huyền quá hờ. Theo cách anh kể, em thấy chị ấy nhí nhánh, dễ thương. Nếu anh chung sống với Mộng Huyền, chắc là có hạnh phúc. Đây ly cà phê này, mình tưởng nhớ đến chị ấy, cầu nguyện cho chị ấy.”

Tôi nghe nàng, nhìn nàng, chưa thực sự hiểu được có ẩn ý gì trong câu nói của nàng không. Một lúc, tôi nói:

“Lúc ấy anh không hề nghĩ đến chuyện chung sống...”

“Nhưng anh có yêu chứ?”

“Phải, có yêu.”

“Có yêu là tốt rồi. Ít ra trước khi chị ấy nằm xuống cũng ngậm cảm nhận được tình yêu của anh. Với lại, con người sống ở đời rất cần tình yêu, không phải chỉ được yêu mà còn phải yêu nữa; sống mà trở ra như gỗ đá thì cũng mệt lắm.”

Vẫn còn ngờ ngợ với những ý tưởng của nàng, tôi im. Nàng nhìn tôi, mỉm cười. Nét mặt nàng lúc ấy khoan dung, thánh thiện thế nào ấy. Tôi nghĩ nàng đã nói những

lời trung thực, không phải ghen tuông nhỏ mọn. Và tôi càng yêu quý nàng nhiều hơn. Để tránh làn ánh sáng chói lòa từ ngoài chiếu vào, tầm mắt tôi dán vào hình bóng mờ ảo dịu dàng của nàng... Tôi ngắm nàng, say đắm.

“Nếu anh quên Mộng Huyền thật nhanh thì anh cũng sẽ quên người khác thật nhanh. Chính sự tưởng nhớ của anh đối với Mộng Huyền chứng tỏ tình cảm của anh ra sao. Anh chung tình như vậy thì tốt, thực đó. Người nào đến với anh sau Mộng Huyền, sẽ không bao giờ mong đợi anh là người vô tình, phải vậy không?”

Tôi gật đầu, hoang mang. Nàng khuyến khích tôi kể lại câu chuyện giữa tôi với Mộng Huyền hai năm trước. Tôi kể vắn tắt, cố giữ giọng bình thản, vô tư, nhưng rồi xúc cảm cũng dâng lên ngập trong lòng một lúc. Nàng đưa ly trà nóng cho tôi uống. Uống xong, tôi thấy nhẹ nhõm, như thể câu chuyện của tôi và Mộng Huyền kể từ giờ phút này, mới bắt đầu khép lại thực sự trong đáy sâu của kho tàng kỷ niệm.

“Cám ơn em,” tôi nói. “Thôi bây giờ để anh quay trở lại thời gian ở trại B5 nghe, để em biết sơ về chuyện người ta tống anh vào biệt giam, buồn cười lắm.”



Quả nhiên ngày hôm sau, như Nhiều có nói trước, Khoa đến phòng giam, gọi tên tôi ra ngoài làm việc.

Ở hai cái bàn gỗ dài sơn đỏ dưới tàng cây trướng cá, một tốp công an chừng bảy, tám người, mặc đồng phục ngồi sẵn ở đó. Trước đây họ đã đón chờ tôi hai lần như vậy. Nhưng lần này khác hơn, vì khi tôi theo Khoa gần đến nơi, cả tốp công an cùng lục tục đứng dậy hết; rồi theo lệnh của viên quản giáo chỉ huy mập mạp (tức Sáu, chàng cán bộ trung niên từng một thời theo đuổi Phương), tốp công an tề thành hai hàng, có vẻ chờ đợi Khoa đưa tôi đến gần. Khoa nói với tôi:

“Anh cứ việc đi theo quần giáo Sáu.”

Rồi Sáu đi trước, tôi đi kế, Khoa cùng tốp công an kia bước theo, hai bên và phía sau tôi. Họ đưa tôi đến một dãy phòng, tôi đoán là nằm phía bên trái của dãy bệnh xá, vì thấp thoáng phía bên phải, tôi có thể nhìn thấy những nhánh phượng của bệnh xá vươn khỏi dãy nhà quét vôi vàng ản hiện sau hàng dâm bụt. Tôi chưa quên là bên dưới những nhánh phượng gọi đây kỷ niệm học trò đó, đã có một thời xảy ra lịch sử trốn trại kỳ thú của Phương và dì nhân Hoàng Ngọc Chân—cuộc trốn trại mà đáng ra tôi nên tham gia, an toàn hơn là cần đến một lọ thuốc đỏ và một bịch thuốc ngủ.

Trong bóng tối của một căn phòng khá rộng đóng kín cửa sổ, tôi thấy ở giữa có đặt một chiếc ghế đầu vuông. Sát với vách bên trong, có vài chiếc ghế dựa, có một người nào đó đã ngồi sẵn ở đó, chỉ thấy áo trắng, quần dài đen, không thấy rõ mặt. Sáu bảo tôi ngồi vào ghế đầu, còn anh thì ngồi vào một trong những chiếc ghế dựa đối diện, bên cạnh nhân vật ngồi sẵn kia. Một vài người trong số công an đi theo bước vào, số còn lại đứng bên ngoài. Số công an bước vào đóng chặt cửa chính làm cho căn phòng tối mịt, không còn thấy được dạng người nữa. Bất thành linh một ngọn đèn từ phía trên, chỗ Sáu ngồi, được bật lên, chiếu một luồng sáng vàng nhảm thẳng vào mặt tôi. Với luồng sáng hội tụ này, dĩ nhiên chỉ có họ đứng trong bóng tối mới thấy rõ tôi, còn tôi chỉ thấy chóa và nhức mắt, tránh luồng sáng thì chỉ thấy một vùng tối đen chung quanh.

“Mở mắt ra, nhìn thẳng về hướng này,” giọng của Sáu vang lên.

“Ngồi im, không được nhúc nhích,” một giọng khác tiếp theo lời Sáu, tôi đoán là của nhân vật bí mật kia—giọng Bắc của một người khá lớn tuổi, nói với vẻ hăm dọa.

Hai mắt hơi nheo lại, tôi phải cố gắng lắm mới nhìn thẳng được về phía đối diện, chờ đợi xem họ giờ trò

gì. Chắc là một màn tra tấn khủng bố tinh thần. Tôi tự nghĩ, sao đến bây giờ họ mới áp dụng màn tra tấn này mà không phải là từ lúc mới bắt đầu vắn cung. Hồ sơ thẩm cung của tôi đã kết thúc từ lâu rồi mà!

“Anh Khang, anh có biết anh phạm tội gì không?” giọng Bắc khàn khàn bần gắt của người lớn tuổi khi này lại cất lên.

“Hỗ trợ lực lượng Phục quốc,” tôi nói.

“Đó là cái tội nguyên ủy mà anh bị bắt vào đây, còn cái tội mới đây, thuộc phạm vi sinh hoạt trại giam, anh có biết tội gì không?”

“Không,” tôi mạnh dạn nói, nhưng trong lòng hơi hồ nghi, tự nghĩ “Lẽ nào họ biết chuyện mình dự tính vượt trại?”

“Không? Anh thực không biết à?”

“Không,” tôi khẳng định.

“Thế không phải anh đã móc nối với các bị can người Tàu để cung cấp bí mật quốc gia cho gián điệp Trung quốc sao?”

“Không, làm gì có chuyện đó. Các anh chỉ tưởng tượng thôi.”

“Tưởng tượng, anh dám nói với chúng tôi ngang ngược bố láo như thế à?”

“Tôi chỉ nói sự thực chứ có nói gì đâu mà gọi là ngang ngược bố láo.”

“Im! Anh chỉ được quyền trả lời các câu hỏi của chúng tôi thôi, không được nói vòng vo ngoài lề.”

“Tôi xin đi vào trong lề: các anh chỉ tưởng tượng cái chuyện móc nối với gián điệp Trung quốc. Thực ra không làm gì có chuyện đó.”

“Thế tại sao ở phòng giam anh làm gì mà cứ xâm xì to nhỏ với mấy người Tàu, từ mấy người Tàu Chợ Lớn vượt biên như Thai, Vinh, Soái, đến mấy người Tàu Nùng như Sang, Dưỡng, Quái, Dân... Chẳng phải là anh đang tổ chức kết hợp bọn Tàu để làm nội gián cho Trung quốc đánh chiếm nước ta hay sao?”

“Không bao giờ có chuyện đó.”

“Thế thì trả lời đi, anh nói chuyện gì với mấy người Tàu?”

“Chuyện gì à? Làm sao mà nhớ được.”

“Phải nhớ lại hết, thành thực mà cung khai. Anh đã nói những chuyện gì với họ?”

“Hừm, chuyện gì à? Thì chuyện học hành, sách vở, buôn bán, gia đình, bạn bè, cảnh đẹp...”

“Đấy, đấy, những thứ ấy đều liên quan đến tình hình kinh tế, chính trị và xã hội nước ta, gián điệp Trung quốc có thể dựa vào đó mà nắm vững tình hình. Đấy chẳng phải là tiết lộ bí mật quốc gia sao chứ!”

“Thiệt là nhảm! Vậy chứ ở trong tù phải câm miệng đi à?”

“Anh nói cái gì, anh nói ai nhảm?”

“Đám bỏ mẹ nó đi,” một giọng nào đó phụ họa.

Rồi tất cả chìm vào im lặng trong một lúc. Có tiếng chiếc ghế dựa rục rịch một chút, nhưng rồi cũng im.

“Anh không được quyền chơi thân với mấy người Tàu trong phòng giam,” ông già người Bắc lên tiếng trở lại.

“Nội qui trại không có điều nào nói về khoản này,” tôi nói.

“Cái đó cũng thuộc về bí mật quốc gia, làm sao mà ghi vào nội qui được, anh phải hiểu chứ.”

“Đó là hình thức phân biệt đối xử, đi ngược với tinh thần hòa hợp dân tộc, đi ngược lại với hiến pháp.”

“Hiến pháp? Anh cũng xài hiến pháp nữa à? Hiến pháp của nhà nước xã hội chủ nghĩa đâu phải là luật lệ chung chung mà ai cũng xài được, nhất là hạng người phản động sẵn sàng bán nước cho ngoại bang như anh!”

“Tôi không bán nước.”

“Vậy anh ghi ghi gạch gạch cái gì cho mấy thằng Tàu học tới học lui?”

“Thì ghi chữ Tàu chứ ghi cái gì.”

“Chữ Tàu, ai lại chẳng biết anh ghi chữ Tàu, thế

nhưng chữ Tàu đó nói cái gì chứ? Chẳng phải anh ghi những ám số mật mã, bí mật quốc phòng cho bọn Tàu học thuộc lòng rồi chúng đem ra nhắn với gia đình, gia đình đem đi nhắn cho bọn gián điệp Trung quốc sao?”

“Không. Mấy anh Tàu Nùng không biết chữ Tàu, chỉ biết nói thôi. Họ yêu cầu tôi dạy chữ Tàu cho họ.”

“Thế ông Thai, thằng Vinh và thằng Soái là Tàu Chợ Lớn, Bạc Liêu, họ đều biết chữ cả mà sao anh cũng ghi ghi gạch gạch chữ Tàu với họ?”

“Tôi học cách đọc chữ Hán theo giọng Quảng của Vinh, giọng Tiều của Soái và Phổ thông của ông Thai.”

“Anh học nói tiếng Tàu làm quái gì cơ chứ?”

“Tôi có biết chút ít chữ Hán mà lại không biết nói, nhân có họ thì cũng học nói cho vui, có hại gì ai đâu mà không học. Và lại, trong tù ở không làm gì mà chẳng chịu học! Đâu thấy nội qui cấm đoán gì chuyện đó.”

“Nội qui không cấm chuyện học và viết, nhưng cấm đem gạch, đá, sỏi, bút, giấy, mực, dao, cây, mũi nhọn, dây... vào phòng giam. Vậy chứ anh lấy thứ gì để viết mấy chữ Tàu xuống nèn, hả? Anh lấy gạch để viết, đừng có chối. Lấy gạch đem vào phòng giam là phạm nội qui rồi, phải không?”

“Phải, tôi có đem gạch vào phòng giam, một viên gạch nhỏ xíu bằng đầu ngón tay út.”

“Nhỏ xíu cũng là gạch.”

“Thì tôi nhận, tôi có chối đâu. Tôi đem một viên gạch nhỏ vào phòng giam: tôi phạm nội qui trại giam.”

“Không phải chỉ phạm nội qui: anh còn phạm vào chuyện tiết lộ bí mật quốc phòng của nhà nước ta nữa.”

“Tôi hoàn toàn không tiết lộ gì với họ về quốc phòng, mà họ cũng chỉ là những người Hoa vượt biên, muốn ra khỏi nước để làm ăn buôn bán dễ hơn, chẳng có ý đồ làm gián điệp hay chính trị gì cả.”

“Sao anh biết họ không phải là gián điệp Trung quốc?”

“Thì... nói chuyện vui chơi với nhau nhiều ngày,

có bao giờ tôi thấy họ đá động gì đến chính trị đâu. Chỉ nói toàn chuyện gia đình vợ con...”

“Có nghĩa là anh có chờ đợi họ nói chuyện chính trị nhưng chẳng bao giờ thấy họ đá động đến?”

“Tôi không bao giờ chờ đợi gì ở họ cả. Tôi giao tiếp với họ như bao nhiêu bạn tù khác trong phòng giam. Tất cả những câu chuyện nói với nhau chỉ là thăm hỏi xã giao bình thường.”

“Bình thường như những bạn tù người Việt khác, thế sao anh không dạy chữ Việt cho người Việt lại đi dạy chữ Tàu cho người Tàu, nghĩa làm sao? Anh phải có ý đồ tuyên truyền văn hóa gì đấy chứ!”

“Trong phòng giam có ai yêu cầu tôi dạy tiếng Việt đâu mà dạy. Nếu có người yêu cầu thì tôi cũng sẵn sàng thôi.”

“Thế trong mắt anh, anh có phân biệt những người trong phòng giam, ai là người Tàu, ai là người Việt không?”

“Ừm... mấy người Tàu họ biết nói tiếng Tàu nên phải biết rằng họ là người Tàu, mấy người Việt chỉ nói tiếng Việt, chẳng bao giờ nói tiếng Tàu nên biết họ là người Việt. Cái đó ai mà chẳng phân biệt được, đâu phải chỉ mình tôi. Nhưng trong thâm tâm, tôi coi người Việt hay Tàu gì cũng như nhau cả, vì tất cả đều cùng sinh ra và lớn lên trên đất nước này.”

“Đấy, đấy là lời anh nói nhé: Việt hay Tàu gì cũng như nhau cả. Anh lặp lại ý anh một lần nữa xem nào!”

“Sinh ra trên cùng một đất nước, nói cùng một ngôn ngữ, sống chung trong một chế độ, bị tù chung trong một trại giam, tôi thấy giữa mấy người Tàu đó và những người Việt trên đất nước này, đều như nhau cả.”

“Thế thì khi đất nước này bị Trung quốc xâm chiếm, đặt quyền thống trị, anh thấy cũng thế thôi, người Tàu hay người Việt cũng chẳng có gì khác biệt, phải thế không?”

“Đó lại là chuyện khác. Tôi đã nói rồi: những

người Tàu cùng sinh ra và trưởng thành trên đất nước này! Các anh đừng bỏ chữ vào miệng tôi. Hơn nữa, cái chuyện ở tù chung với nhau, làm bạn với nhau, khác với chuyện từ ngoài đánh vào xâm chiếm và cai trị đất nước chứ!”

“Bây giờ thì Trung quốc đã bị quân đội ta dạy cho một bài học nên thân rồi, chẳng làm quái gì được nước ta nên chưa biết thái độ anh như thế nào, nhưng điều rõ ràng trước mắt là khi Đảng lãnh đạo đất nước thì anh chống đến kỳ cùng, chống hăng say, không biết mỏi mệt. Chẳng phải anh phân biệt, khinh bên này trọng bên kia sao? Anh họ Vĩnh, phải không? Người Việt ta đâu có họ Vĩnh. Vĩnh là họ Tàu mà. Nếu anh không phải người Tàu thì tổ tiên gì đó của anh cũng người Tàu... cho nên bây giờ anh mới có hứng thú học chữ Tàu, học nói tiếng Tàu, phải thế không?”

“Không. Vĩnh chẳng phải họ của tôi. Họ của tôi là Nguyễn Phúc. Tên viết đầy đủ của tôi là Nguyễn Phúc Vĩnh Khang. Ông tổ của tôi húy là Nguyễn Phúc Ánh, chẳng liên can gì đến Tàu cả.”

“Họ của anh là Nguyễn Phúc, thế sao lâu nay anh chỉ khai tên anh là Vĩnh Khang? Có điều gì ám muội trong việc che giấu này chẳng? Tại sao không để là Nguyễn Phúc Vĩnh Khang mà chỉ để là Vĩnh Khang? Hẳn là anh muốn lấy một cái tên gì cho nó ra vẻ Tàu vì anh có cảm tình với Tàu! Hừm, Vĩnh Khang, đọc lên nghe như tên một hiệu thuốc Bắc nào đó của mấy ông thầy Tàu Chợ Lớn. Rõ ràng là anh có ý đồ. Này này, anh cười gì cơ chứ! Ai cho phép anh cười?”

Tôi không nói.

“Anh có nghe tôi hỏi không? Anh cười cái gì? Sao không trả lời tôi?”

“Tôi biết các anh đang cố tình gán ép cho tôi một trọng tội gì đó để có cơ mà trừng phạt trả thù nặng đối với tôi, nên cứ chăm chăm moi móc hết kẽ hở này đến kẽ hở khác... Hừ, thực ra đâu cần phải mất công dữ vậy. Các

anh muốn tống tôi vào biệt giam ư? Thì cứ việc cho vào biệt giam. Muốn đem tử hình ư? Thì cứ việc tử hình. Đó là quyền của các anh. Nhưng các anh không buộc tội tôi được đâu. Các anh không có bất cứ bằng chứng nào để kết tội tôi cấu kết với Trung quốc đâu. Các anh biết rõ điều đó rồi mà giả đồ đó thôi. Còn chuyện tôi chống đối đó hả, tôi xin thưa: bất kỳ người Tàu, người Pháp, người Nhật, người Mỹ, người ngoại quốc hay ngay cả người Việt Nam nào xâm chiếm nước tôi, áp bức dân tôi, tước đoạt tự do của dân tôi, tôi đều quyết đem thân mạng này ra mà chống lại họ cho đến cùng. Tôi không có bất kỳ một tham vọng chính trị nào, tôi không cần bất cứ một cái ghế chính quyền nào từ cấp trung ương cho đến hạ tầng. Tôi chỉ nói, chỉ làm cái ý nguyện thiêng liêng của toàn dân. Ý nguyện được sống an bình, tự do. Vậy thôi.”

“Ừ, anh gan lắm, anh oai hùng lắm, nhưng anh chẳng hiểu gì tài lãnh đạo của Đảng và Nhà nước cả. Anh chưa phân biệt được cái hay, cái dở, cái đúng, cái sai. Anh chỉ nói, chỉ hành động búa xua theo cảm tính của anh hoặc theo sự xúi giục của ngoại nhân mà thôi. Tốt, tốt, anh dám nói anh chống Đảng và Nhà nước. Vậy đủ rồi. Cho anh vào biệt giam để anh tự suy nghiệm lại những sai lầm của anh. Đưa nó vào đi.”

Hai người đến cặp nách tôi, kéo tôi đứng dậy, đưa tôi bước về phía cửa. Ở ngoài, Khoa và vài viên công an đứng chờ, thấy cửa mở thì xúm tới. Sáu bước ra trước, nói:

“Cho về phòng 7 lấy đồ đạc cá nhân rồi đưa vào biệt giam kín.”

Một vài công an cùng Khoa đưa tôi đến khu trại. Từ đây, họ quay đi để Khoa một mình đưa tôi vào phòng giam số 7. Khoa vừa đi vừa nói nhỏ với tôi:

“Sao mặt anh hiền lành mà anh lại hành động với ăn nói cứng cỏi quá! Chỉ tổ hại thân thôi anh Khang ạ.”

Tôi cười, tính nói một câu gì với Khoa, nhưng nghĩ sao lại thôi. Mặt trời đã chìm khuất ở phương tây

CỜI TRÓI TẬP II

nhưng trời hãy còn ửng đỏ, ửng tím, hắt bóng chiều về phía phòng giam. Khoa mở cửa sắt cho tôi bước vào phòng giam rồi khóa lại ngay. Khoa nói anh đi qua phòng giam số 8 rồi sẽ trở lại đưa tôi đi. Có lẽ anh muốn cho tôi cơ hội để từ giã bạn bè trong phòng.

Tôi đến chỗ của mình lấy cái giỏ xách. Nhiều, Quái, Dưỡng và một số bạn tù xúm đến, hỏi:

“Sao thầy Khang, thầy đi biệt giam hả?”

Tôi gật đầu. Cả phòng giam xôn xao lên. Chỉ có Nhiều là bình tĩnh, tranh thủ dúm vào giỏ xách của tôi một vài món quà gì đó, rồi nói:

“Thầy Khang giữ sức khỏe nghe. Chúc bình an. Có gói bột này, thầy đem theo cầm cự khi đói.”

Quái với Dưỡng cũng dúm thêm mì và miến khô cho tôi. Mấy người Tàu, cho đến bao nhiêu bạn bè già trẻ đều xúm xít dúm quà vào giỏ xách của tôi. Tôi đưa một tay lên cảm ơn và vẫy chào tất cả, và tự dung tôi xúc động đến rụng lệ như thể tôi sẽ không còn cơ hội nào để gặp lại họ nữa.

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG MƯỜI SÁU

Ngày tôi xách giỏ rời phòng tập thể đi biệt giam là ngày thứ sáu, 27 tháng 6 năm 1986. Tức là chỉ còn 3 ngày nữa là đến kỳ thăm nuôi cuối tháng. Tôi nhớ được chi tiết ngày tháng này là vì lúc đó tôi nghĩ rằng có lẽ người ta cố ý biệt giam tôi trước ngày thăm nuôi để tôi không có cơ hội nhận quà, cũng chẳng có cơ hội liên lạc với gia đình của tôi hay gia đình của các anh Tàu trong phòng giam, khỏi thông báo tin tức gì với “gián điệp Trung quốc.”

Khu biệt giam này chẳng biết là khu biệt giam tử hình hay là khu biệt giam kỷ luật. Có lẽ hai khu ấy cũng chẳng khác biệt gì cho lắm. Chỗ tôi đến có hai căn nhà, một căn lợp ngói có anh cán bộ ngồi hút thuốc nơi chiếc bàn giấy có độc nhất một cuốn sổ; một căn khác là căn nhà đúc vuông vức, quét vôi trắng, bằng phẳng ở phía trên, mỗi cạnh khoảng năm thước.

Khoa giao tôi một viên cán bộ trực khu biệt giam đang ngồi nơi chiếc bàn ở một dãy nhà nhỏ gần khu biệt giam. Hai người nói nhỏ với nhau gì đó. Anh cán bộ trực ở khu biệt giam nhìn tôi từ đầu đến chân một lúc rồi bảo tôi đưa giỏ đồ cho anh khám xét. Anh bới tung hết giỏ thức ăn và mùng mản của tôi lên bàn, xăm xoi xét nét từng món, rồi anh thồn hết các thứ vào lại trong giỏ, lộn xộn không cần ngăn nắp. Xong đâu đó, anh ngoác tôi đến gần bàn, bảo gác một chân lên cái băng ghế, rồi anh lấy một vật bằng sắt có hình chữ U, hai đầu chữ U có khoen tròn, móc vật ấy vào cổ chân tôi; tay kia anh cầm một thanh sắt dài chừng nửa thước, đường kính chừng hai phân, khá nặng, xỏ luôn qua hai khoen tròn ở hai đầu chữ

U. Ở đầu thanh sắt nặng vừa xỏ qua, có một cái lỗ, anh móc vào đó một khoen sắt tròn nhỏ há miệng sẵn thay vì móc vào một ổ khoá, rồi anh lấy cái kềm lớn bóp hai đầu khoen sắt nhỏ ấy lại cho sát. Xong việc này, anh cầm khâu chia khoá, bảo tôi bước theo đến căn nhà đúc vuông.

Tôi phải khó nhọc lắm mới xách cái giỏ bước đi mà không vấp té vì thanh sắt dài nặng nề phía chân phải kia cứ vấp vướng vào chân trái. Có khi chân trái dậm phải đầu thanh sắt khiến cổ chân phải bị tri xuống, đau buốt.

Căn nhà đúc vuông vức này đứng ngoài thì trông như một cái nhà vệ sinh công cộng, mà bước vào trong thì càng giống nhà vệ sinh công cộng hơn, hôi thối nồng nặc. Anh cán bộ phải lấy tay bịt mũi, tay kia cầm khâu chia khoá với cái chìa lớn đã lựa sẵn lúc ở bên ngoài, nhón chân bước trên những viên gạch đúc đặt dưới nền hành lang lầy lội nước tiểu hay thứ nước gì đó vàng quện, cô sắc lại, ruồi nhặng bay vù vù. Hành lang có chiều ngang chừng một thước rưỡi, chiều dài thì chạy dọc từ đầu dãy đến cuối dãy, tức cũng đâu chừng năm thước. Hành lang ở giữa, chia khu biệt giam thành hai dãy, một dãy gồm 4 phòng, đối diện nhau. Như vậy, mỗi phòng biệt giam có chiều ngang khoảng hơn một thước và chiều sâu chưa đến hai thước. Mỗi phòng biệt giam có một cửa sắt và ổ khoá riêng; mỗi cửa sắt có một lỗ thông gió có then cài bên ngoài.

Anh cán bộ mở cửa xong ra dấu tôi bước vào. Tôi khó nhọc kéo lê thanh sắt nặng dưới đất, chệnh choạng mò mẫm bước lên những viên gạch lót dưới nền ngập nước. Mùi nước tiểu hăng nồng bốc lên mạnh đến độ khi vừa bước vào tôi đã giật nảy người lên, sau đó hình như khứu giác của tôi liền biến mất đi, và tôi tưởng chừng tôi đã bị tịt mũi hoặc không còn cái mũi trên mặt mình nữa.

“Nhanh lên, chậm thế!” viên cán bộ thúc hối.

Tôi bước vào phòng giam mở cửa sẵn, chưa kịp bỏ giỏ đồ xuống đã nghe cửa sắt đánh ầm một tiếng rồi có tiếng khoá lách cách thật nhanh bên ngoài. Bên trong tối

đen như mực. Tôi chẳng thấy được gì ngay cả bốn vách tường mà từ bên ngoài, tôi biết là được quét vôi trắng. Định thần một lúc cho thị giác điều chỉnh thích hợp với bóng tối, tôi biết tôi đang đứng ở nền thấp; cao hơn chỗ hai chân tôi là một cái bệ, cao chừng hai tấc, bề dài khoảng một thước bảy, bề ngang chừng hơn một chiều đơn (tám tấc). Tôi đặt giỏ xuống cái bệ đó rồi cúi nhìn xem trên bệ có được sạch không. “Hẳn là không sạch rồi,” tôi thầm nhủ, “nhưng ít ra cũng khô ráo chứ không nhớp nháp lỉnh xỉnh như phía dưới nền. Tôi bỏ giép bước lên bệ nhưng quên mất cái thanh sắt cùm ở cổ chân nên vấp một cái, loạng choạng té chồm tới trước, hai tay chống vôi vào vách, gượng đứng lại, nhưng không tránh khỏi cổ chân bị cái cùm sắt nghiến vào da, tựa như bị xẻo thịt.

Ngồi xuống bệ, tôi vừa lấy tay sờ soạng vừa nhướn mắt nhìn xem còn có nhân vật nào ngồi sẵn trong phòng không. Không, không có ai cả. Một mình tôi một phòng giam. Như vậy cũng khỏe. Tôi thích được một mình. Ở phòng tập thể hơn một năm kể cũng vui, nhưng tôi cũng thực sự cần được sống một mình một cõi như trong phòng biệt giam này. Biết không có ai trong phòng, tự dung tôi thấy lạc quan, vui vẻ. Và tôi sắp xếp chỗ nằm của mình. Trải chiếc chiếu đơn của mình xuống, vừa vặn với cái bệ, chẳng dư chẳng thiếu. Thức ăn lấy ra khỏi giỏ, đặt dọc theo đầu nằm. Cái giỏ đệm với chăn mùng và áo quần bên trong đặt nơi đầu nằm làm gối, đầu hướng vào vách trong, chân đưa ra ngoài cửa. Sắp xếp xong, tôi ngồi một lúc thì bỗng cười lên một tiếng. Họ tưởng giam tôi như vậy thì tôi sẽ khổ sở hơn, không dè tôi càng thích thú, sung sướng hơn nữa là đàng khác. Chỉ có cái là hơi ngộp thôi. Ủa, mà phòng giam không có nhà cầu thì làm sao... hèn gì nãy giờ thấy như thiếu thiếu cái gì. Phòng biệt giam ở T20 (số 4 Phan Đăng Lưu, Bà Chiểu, Sài Gòn) rộng rãi, sạch sẽ vì có riêng nhà cầu và vòi nước chảy mỗi đêm. Ở đây hoàn toàn không có những thứ xa xỉ ấy. Hừm, tiết kiệm gì mà tiết kiệm dữ vậy kia! Tôi lại mò mẫm

trong bóng tối, tìm thử xem đầu đó ở bên dưới nền có một cái lỗ gì không. Không, hoàn toàn không. Chỉ có một cái lon để trong góc. Đây là loại lon mà người ta dùng đựng nước sơn, đường kính chừng một gang tay, bề cao một gang rưỡi, có quai xách bằng gong thép. Vậy là nhà cầu xa xỉ của xã hội tư bản đã được cải biến, thu gọn lại thành cái lon sơn xã hội chủ nghĩa. Cứ lum khum ngồi trên cái lon kiểu đó một cách cân trọng, khéo léo, chính xác và đây chú tâm thì sẽ thấy ngay các đức tính “cần kiệm,” “liêm chính,” “chí công” và “vô tư” hiện ra đầy đủ trên nét mặt.

Mỗi ngày hai bữa cơm, có anh nuôi đưa đến tận nơi. Anh nuôi cũng đảm trách việc đem đổ cái “động sản” cầu tiêu của các phòng biệt giam vào mỗi chiều rồi đưa trả lại cho mỗi phòng một cái lon đã được dội nước. Có người phục vụ như vậy thì còn đòi hỏi gì nữa! Có điều, mỗi lần đưa cái lon cho anh nuôi đem đi đổ, tự dưng thấy ngượng. Rõ ràng quá mà, tác giả là đây, chối chạy đàng nào!

Các phòng biệt giam ở đây đêm như ngày như nhau, tối thui vì không có bắt bóng điện. Ở hành lang thì có hai bóng, một cái đầu này, một cái đầu kia, chỉ được bật lên vào 6 giờ chiều. Ánh sáng hành lang ban ngày thì do nắng, ban đêm thì do bóng điện, không lọt vào nổi cánh cửa sắt kín mít. Chỉ khi nào cửa gió được anh cán bộ trực tử tế nào đó mở cho thì mới có chút ánh sáng lọt vào, vàng vọt, đủ để thấy cái miệng lon sơn tròn méo ra sao. Tôi không lấy điều này làm chuyện phiến hà. Đôi lúc trong cuộc đời, bóng tối và sự cách ly với xã hội thật cần thiết. Nó cho phép mình quay trở về, nhìn vào cái mịt mù của tự tâm. Mình đối diện mình, nói chuyện với mình, tiếp xử với mình, suy nghĩ với mình. Không lúc nào mình được tự do đến như vậy.



Một luồng gió lạnh từ đâu cuộn cuộn vào dãy hành lang nghe như tiếng hú rùng rợn của một hung thần hay ác quỷ nào đó. Khu biệt giam cửa nẻo kín mít, gió chỉ có thể len vào, luồn vào, chứ làm gì có đường mà xoáy thốc vào một cách kinh tợn vậy! Gã mặt sẹo vừa suy nghĩ vừa chồm đứng dậy đã nghe tiếng gió lẳng xuống từ từ rồi im bật, rồi đầu đó ở đầu dãy hay cuối dãy hành lang bên ngoài, có tiếng một sợi xích sắt hay cái cùm sắt dài hình như là từ đôi chân của ai đó, kéo lê trên nền đất nghe lạnh sương sống. Chắc phải là một khối sắt nặng mới khiến cho bước chân của người kia có vẻ khó khăn, đầy cố gắng. Khung cửa gió nhỏ hẹp duy nhất của phòng biệt giam đón nhận ánh sáng lờ mờ của hành lang nay bỗng tối mịt vì hình như đèn ngoài hành lang phụt tắt từ lúc có gió hú. Tiếng sắt tiếp tục kéo lệch xệch, rồn rảng trên nền. Bỗng đầu đó ở một phòng biệt giam có tiếng thét lên hãi hùng. Rồi tiếng chân và tiếng sắt lại lê đi, từng bước chập choạng rồi ngừng lại, lại có tiếng thét lên kinh hãi... Có vẻ như là kẻ mang xích sắt kia đi dọc theo hành lang, bước đến mỗi phòng biệt giam thì dừng chân nhìn vào cửa gió, và người ở bên trong cửa gió thét lên. Tiếng bước chân và xích sắt lại tiếp tục lê tới, và bây giờ thì ngay trước cửa gió. Gã mặt sẹo lộ mặt ra, nhìn. Một gã tù nhân to lớn dềnh dàng, đầu hớt xung xứng chỗ dày chỗ thưa, mặt mày xanh lét, mắt lộ trắng nhờn, mũi khoằm, hai môi dày, hai khoé miệng kéo xuống mà môi dưới lại đưa ra để lộ hàm răng đen xỉn và ở góc trái ánh lên một cái răng vàng. Hắn mặc chiếc áo bà ba màu trắng ngà, có dính nhiều vệt máu; quần vải thô màu nâu xung xình, rách nát. Tay vác một cái túi nhỏ, vắt lên vai—có lẽ chỉ là một túi đồ đạc lĩnh kính của tù nhân. Chân hắn chẳng mang giày giép gì và trên cổ chân phải, một cái cùm với dây sắt xoắn ngang dài cỡ một thước! Thảo nào hắn đi chập chạp mà nặng nề đến thế.

Thấy gã thanh niên mặt sẹo quan sát mình từ đầu đến chân với một thái độ bình tĩnh, hắn ngạc nhiên nhìn

trần trần. Hắn không ngờ lại có một kẻ cả gan không tỏ lòng sợ hãi trước sự hiện diện của hắn. Hai gã đưa mắt ngó nhau một lúc.

“Người là ai?”

“Người là ai?”

“Người có quyền hỏi lại ta như thế à?”

“Sao lại không. Người là tù, ta cũng là tù, ai có quyền hạn hơn ai đâu kia!”

“Hừ, thằng nhóc, giống tai mà nghe ta nói này: ta là chúa ngục ở đây!”

“Chúa ngục? Ồ, chúa ngục thì sao chứ? Cũng là một tù nhân như ta thôi.”

“A cái thằng nhãi con này, mày thật là chẳng biết trời cao đất rộng! Mày không biết rằng ta đây bước ngang chỗ nào thì đám tù nhân phải rạp mình xuống mà run lên bần bật, chẳng đứa nào dám hé mắt nhìn lên sao chứ!”

“Sao vậy?”

“Sao à? Thì... tại ta là chúa ngục.”

“Người làm gì mà đám tù kia phải sợ chứ?”

“Ha ha, ta có cần phải làm gì đâu, nhưng bọn chúng chỉ cần nghe đến tiếng ta, chỉ cần thấy được hình dong ta, thì tự khắc phải rạp người xuống, ngưỡng vọng, sợ hãi! Bởi vì ta là chúa ngục, ta là thằng tù lâu nhất của trại giam! Người biết không, ta đã ở đây hơn một trăm hai mươi năm rồi đó thằng nhóc con! Ta là thằng tù bất tử của trại giam, sống ở đây từ thời trại giam này chỉ là một cái đồn của tội thực dân, người đã nghe rõ chưa!”

“Ồ, té ra là vậy. Nhưng ở tù lâu thì ăn nhằm gì đến ai mà phải sợ chứ. Còn bất tử ư? Hừ, trăm năm hay hai trăm năm thì có gì lâu mà gọi là bất tử. Huống chi, ta đây chưa hề nghe nói đến cái bất tử của một sinh vật hữu sinh bao giờ cả. Hề có sinh ắt phải có tử, làm gì có chuyện bất tử chứ!”

“Nhưng ta bất tử.”

“Xì, chỉ tưởng tượng thôi. Cái gì chứng minh nhà người bất tử, nói ta nghe nào?”

“Thì ta còn sờ sờ ra đây này. Hơn một trăm hai mươi năm, lúc ấy ta là một thanh niên theo Quân Sư kháng Pháp trong phong trào Dân chúng Tự vệ ở Biên Hoà. Ta được cất công tác đi liên lạc với lực lượng của ông Thủ Khoa Huân nhưng bị bại lộ, bọn lính Pháp cùm chân ta, tra khảo, bỏ đói cho đến chết...”

“Ô, té ra ngươi là một anh hùng kháng Pháp, cái này thì thằng anh em song sanh của ta nó thích nghe, thích tìm hiểu, chứ ta thì mù tịt, ta không thích chính trị. Hờ, tội nghiệp cho người, nhưng vậy là ngươi đã chết, có bắt từ gì đâu kia!”

“Bắt từ là vì tuy ta chết từ năm 1863 nhưng đến nay là 1986 ta hãy còn đứng đây nói chuyện với nhà ngươi, ngươi chẳng thấy lạ đó sao? Vị chi đến hôm nay ta đã sống được 138 tuổi. Có thằng già nào trên đời này thọ cỡ đó không, hả thằng nhóc?”

“Hãy, cái chuyện sống lâu thực ra chẳng có gì mà phải hãnh diện! Quan trọng là nhà ngươi đã sống như thế nào mà thôi.”

“Ha, sống như thế nào! Ta đây tuổi trẻ xung phong theo quân kháng chiến đánh đuổi quân thù, bị giam rồi bỏ đói đến chết cũng không chịu khai ra những căn cứ bí mật của phe mình. Ngần ấy đủ ngẩng mặt nhìn đời chưa hả thằng nhóc? Còn tụi bây hả, chỉ là đầu trộm đuôi cướp, ầu ẩu, chém lộn, say sưa... mà vào đây thôi. Cho nên, đã hơn trăm năm rồi, một phần cũng vì cái chết chính nghĩa của ta mà chưa thằng nào dám tranh cái ngôi chúa ngục của ta cả.”

Tên mặt sẹo cười ngất. Chúa ngục đưa nắm đấm lên như trước mặt tên mặt sẹo.

“Sao nhà ngươi cười? Muốn ăn cái đấm này không hả?”

“Ta cười vì nhà ngươi có khí khái anh hùng, biết sống và chết cho lý tưởng của nhà ngươi, nhưng lại không biết buông bỏ cái hão vị hư danh chẳng có chút thực tế nào cả—nhất là cái ngôi vị chúa ngục, thực ra là cái quái

gì đâu! Giả như chúa ngục mà có thể trọn quyền sinh sát, bắt giam, trả tự do, chia cơm ăn, áo mặc cho cả cai ngục lẫn tù nhân thì cũng tạm cho là có chút quyền uy đi; đảng này, chúa ngục như người vẫn chỉ là một tên tù đối rách, khổ sở, suốt đời kéo lê cái cùm sắt trên nền đất để hù dọa mấy tên tù yếu bóng vía rồi thích thú hài lòng với sự sợ hãi của chúng. Hừ, thật là uổng cho người. Ta đây chẳng bao giờ thích đấu tranh, chẳng bao giờ thích chính trị, kháng chiến, khởi nghĩa, cướp quyền, cầm quyền... nhưng giả dụ ta có hứng thú để kháng chiến đấu tranh gì đó rồi bị bắt giết, ha, ta sẽ chết lập tức mà chọn một kiếp sống mới để tiếp tục hưởng thụ những khoái lạc khác của cuộc đời, không có chàng ràng bám víu chi cái hồn ma bóng vía vô dụng đâu. Còn chuyện chính nghĩa đó hả, đừng tưởng ở đây chỉ có nhà người thôi nghe. Chán khối gì thằng tù ở các trại giam bị bắt nhốt vì chống lại bọn cường quyền hà bá ba trọn ba trạo mị dân lừa lọc dốt nát! Người nhìn vào trong kia kia, thấy không, thấy một gã sư trẻ không?”

“Sư à? Đâu, sao ta không thấy. A, thảo nào ta nghe bọn cán bộ bàn với nhau là sẽ hun khói cho nhà sư chết ngộp. Tưởng ai té ra là tên này, cái tên đang ngồi trong góc đó à? Tóc tai hấn như vậy mà sư với chùa gì chứ!”

“Ày, đừng có nhìn bề ngoài. Bộ phải cạo đầu thì mới là sư sao! Hấn đó, thằng anh em song sinh của ta đó, hấn là nhà sư. À này, nhà người nói gì mà hun khói vậy?”

“Thì tại cán bộ sẽ lừa hết đám tù biệt giam ở đây ra ngoài, chuyển qua dãy biệt giam bên kia, xong rồi hun khói... cho nhà sư trong này chết ngộp. Nhưng mà tên này là sư đó à, sư mà ở tù, lại biệt giam. Chuyện cũng lạ đó chứ. Nhưng kệ mò hấn, mắc mớ gì ta.”

“Ày, ta muốn chỉ cho người thấy, nếu người đến hỏi chuyện từng tên tù ắt người sẽ thấy không phải cả đám toàn là đầu trộm đuôi cướp. Có những tên tù như thằng anh em song sinh của ta đây, hấn là nhà sư, đâu có

cướp của giết người, chỉ tại bất bình chống lại cái lũ hạm ăn hạm của làm khổ người khác mà hay nói đạo đức nên hẳn mới đi tù đó thôi. Bây giờ hẳn đang ngồi thiền đó, thấy chưa, chân cũng bị cùm mà hẳn có khổ sở như người đầu. Đấy, nhìn hẳn để mà sáng mắt ra... Hẳn với người dù sao cũng đồng cảnh ngộ là bị bắt giam vì dám chống lại bọn xâm lăng cướp nước hay lũ cường quyền tàn ác. Có điều, hẳn không khổ đau tàn tạ như nhà người đầu. Ta nghĩ người có thể học được đôi điều từ hẳn.”

“Hừ, ta chẳng muốn học gõ mõ tụng kinh, hay ngồi thiền, niệm Phật đâu nghe.”

“Bộ học sư là chỉ học những thứ ấy thôi sao! Cứ đến làm quen, bắt chuyện với hẳn, hỏi hẳn về cái gì khiến nhà người đầu khổ để đến nỗi cứ lảng vảng quanh cái khu trại giam này mà chẳng hóa kiếp nỗi.”

“Hừ, ta đâu có đau khổ hay muốn hóa kiếp gì đâu chứ!”

“Đừng có vờ vĩnh. Người chỉ tự an ủi người thôi. Người chỉ sống với vàng hào quang tưởng tượng của người mà thôi. Ta đây vốn là thẳng thực dụng, nghĩ sao làm vậy, sống một đời để thêm muốn và hưởng thụ sắc đẹp, danh thơm, tiền bạc, thức ăn ngon và ngủ nghỉ êm ấm... cho nên ta hiểu hết trong ruột nhà người muốn thứ gì, đau khổ thứ gì. Người nói chuyện với hẳn đi.”

“Ồ... thực ra thì ta thích nói chuyện với nhà người hơn. Nhà người hiểu ta khá nhiều đấy chứ. Nói chuyện với người ta thấy thoải mái hơn là phải bắt chuyện với một nhà sư ngồi trầm tư kiêu kia.”

“Nhưng nói chuyện với ta, người chỉ có thể trao đổi cho vui, cho đỡ thèm con đói khát dục vọng thôi. Còn như muốn hóa kiếp đó hả, người phải nói chuyện với gã sư nhút nhát mà nghiêm túc kia.”

Chúa ngục cười:

“Hình như người không thích ông ta, phải vậy không? Cho nên mới nói cái giọng mai mỉa. Ông ta nhút nhát thì sao lại vào đây, mà nghiêm túc thì có nên làm

chính trị không?”

“Hắn... ôi, nói về hắn, ta thêm bức bối trong lòng. Sở dĩ ta vào đây cũng chỉ vì hắn mà thôi. Người nghĩ coi, một con người nhút nhát và nghiêm túc thì có nên làm chính trị không?”

“Cũng tùy theo chuyện thôi. Ta chưa hiểu người muốn nói nhút nhát và nghiêm túc thế nào.”

“Trong tất cả vấn đề hắn đều nhút nhát, nhút nhát chỉ vì hắn được dạy cho rằng phải nghiêm túc, phải giữ gìn tư cách này nọ... Đó, tất cả khổ lụy mà hắn và ta phải gánh chịu hôm nay đều do từ chỗ đó.”

“Ừm... cho một ví dụ đi,” chúa ngục ngẫm nghĩ một lúc, có vẻ chưa hiểu hết ý gã mặt sẹo, bèn yêu cầu.

“Ví dụ à? Chán khỏi gì trường hợp để ví dụ. Hắn bỏ qua bao nhiêu là cơ hội, khiến ta đây mất đi cả một nửa đời người. Người nghĩ coi, nếu một thiếu nữ yêu người sẵn sàng đến thăm và muốn ở lại đêm với người... người sẽ làm gì?”

“Hề hề, thì cũng tùy theo hoàn cảnh thôi.”

“Hoàn cảnh gì nữa chứ! Hoàn cảnh là như thế đó, người có phòng riêng và thiếu nữ đó đến, muốn ở lại đêm. Người xử sự thế nào?”

“Tùy theo mức độ quen biết, thời gian lâu hay mau... và vai trò của ta, của cô ấy nữa. Chẳng hạn, vai trò của ta là nhà sư ở chùa... thì chuyện phải khác đi chứ!”

“Ồi trời! Té ra nhà người cũng một tâm ý như gã thầy chùa anh em của ta! Vậy thì nói chuyện với người cũng chán bỏ mẹ đi! Thôi, người vào nói chuyện với hắn, khỏi nần ná ở đây với ta làm gì.”

“Ừ thì vào, nhưng trước khi vào ta cũng muốn hỏi thêm cho rõ tận nguồn cơ câu chuyện giữa người và nhà sư kia thế nào. Có phải vì cái chuyện cô thiếu nữ đó mà hai anh em người vào tù không?”

“Xì, làm gì có chuyện đó. Phải như vì chuyện đó mà ta vào đây thì ta cũng chẳng ân hận gì. Đàng này không phải. Ta vào đây vì hắn từ chối tất cả những cơ hội

cho ta hưởng thụ khoái lạc, lúc nào cũng viện dẫn hay nêu ra một thứ lý tưởng cao xa này nọ, cộng thêm ba cái luật tắc oai nghi gì gì đó của nhà chùa... Vậy là, cả nước lẫn cái, chẳng được thứ chi cả. Nói cho cùng, bọn ta vào đây là vì hấn vừa né tránh công an, vừa né tránh nữ sắc, vừa cải trang làm người thế tục vừa sống nghiêm túc như một nhà sư chính hiệu. Thế thì chết toi rồi! Nếu hấn biết dứt khoát chấp nhận đời sống thế tục thì đâu đến nỗi bị gạt rồi sa vào tù. Ngươi biết không, sau thiếu nữ kia, bọn ta còn gặp một thiếu nữ khác nữa, mà đến cái chuyện thiếu nữ này, ta mới thực sự giận hấn cành hông. Nói nhỏ ngươi nghe điều này: thực ra từ khi bị công an nhà nước truy nã lùng bắt, hấn đã xả giới rồi, không còn giữ giới luật của nhà sư nữa đâu. Vậy thì ta và hấn có quyền yêu và sống như một người thế tục chứ, phải không? Thế mà hấn... ôi, tức quá đi thôi, hấn từ chối lần nữa! Hấn đã không chịu yêu, không chịu làm một thằng đàn ông thực thụ...”

“Thì tại ông ta quen như vậy rồi, cho dù có xả giới đi nữa cũng cần một thời gian để thích nghi chứ. Đâu phải vừa xả giới là tự động trở thành người thế tục ngay.”

“Ngươi... ngươi bênh vực hấn quá! Ngươi vào nói chuyện với hấn đi, chắc là tâm đầu ý hợp đó.”

Chúa ngục dậm chân bước ngang chỗ tên mặt sẹo đứng.

“Ông ta đang ngồi thiền, ta làm sao nói chuyện được?”

“Thiền ư? Hấn cũng có thực tập thiền đấy, định lực hấn cũng khá, có thể nói là hấn thành công ở mặt này; nhưng về các pháp quán tưởng thì hấn dở tệ vì đầu óc hấn là đầu óc của một tên nghệ sĩ đầy chất tưởng tượng, càng quán tưởng càng loạn tưởng, càng loạn tưởng càng hoang tưởng. Hấn sẽ lang bang nhảy sang một trạng thái suy tư, phóng tâm tưởng tượng lung tung, chẳng định tâm gì lắm đâu. Cứ xắn vào bắt chuyện thì hấn tiếp chuyện ngay.”

Chúa ngục lưỡng lự đưa đôi mắt sâu hoắm nhìn chòng chọc vào nhà sư một lúc rồi từ từ kéo lê thanh sắt

bước vào phòng biệt giam tối tăm.

“Thầy à, nay mai bọn cán bộ sẽ hun khói khu biệt giam này cho thầy chết ngộp đó.”

“Có chuyện đó sao?”

“Thầy không sợ à?”

“Có gì mà phải sợ chứ. Tôi cũng là khói thì sợ gì khói.”

“Thầy nói sao tôi chẳng hiểu.”

“Đại khái là khi bỏ tôi vào hầm lửa, tôi sẽ quán tưởng tôi là lửa, bỏ tôi vào nước, tôi quán tưởng tôi là nước... bịt miệng bịt mũi không cho tôi thở thì tôi quán tưởng tôi là gió, và tôi cũng có thể thở bằng lỗ chân lông mà sống.”

“Thầy thần thông quảng đại đến vậy sao?”

“Chẳng phải là thần thông quảng đại. Kẻ đã chứng đắc thần thông thì thi triển thần thông trong những trường hợp đó, còn tôi, chỉ bắt chước theo phương pháp của họ mà thực tập thôi. Nhưng thực tập cho khá thì may ra cũng có thể vượt qua được khổ nạn. Cám ơn ông báo trước cho biết, tôi không sao đâu. Ông đến đây có việc gì?”

“Bẩm thầy, từ trăm năm nay rồi, tôi chẳng hiểu sao tôi lại không hề có ý tìm kiếm một vị sư để bộc bạch nỗi khổ đau của tôi. Lúc nãy gặp người anh em song sinh của thầy giới thiệu, tôi mới có quyết định ấy. Vâng, thực ra, tôi cần nói chuyện với một người biết lắng nghe như thầy lắm. Hờ, bẩm với thầy rằng, tôi đây người ta gọi là chúa ngục, mà kỳ thực tôi chẳng có chút hạnh phúc nào cả. Có trải thân làm chúa ngục nơi đây trăm năm chẳng qua là vì không thoát khỏi cái cùm sắt nặng nề dưới chân mà thôi. Vâng, tôi khổ lắm. Đi, đứng, nằm, ngồi, cho đến ngủ nghỉ, cũng cứ bị ám ảnh bởi cái cùm sắt dưới chân. Đôi khi ngủ mê, thấy mình trở lại tuổi thơ, tung tăng chạy chơi thả diều ngoài đồng cỏ, chân tôi cất cao lên, bị cùm sắt níu lại, nghiêng vào ống chân đau sứt cả người; giật mình thức dậy thấy cùm sắt còn dưới chân và ý thức mình đang còn ở tù, còn bị biệt giam, tôi khóc rầm rức lặng lẽ

trong đêm. Tôi nhớ mẹ, nhớ cha, nhớ anh chị em, nhớ bạn bè, nhớ người yêu... nhưng chẳng làm sao xoay chuyển được thân phận tù tội của mình. Người yêu của tôi, cô Lan hàng xóm. Chúng tôi chơi với nhau từ nhỏ. Kịp khi đến tuổi dậy thì, hai đứa bắt đầu yêu nhau, biết mắc cỡ với người hàng xóm... thì Tây đến càn quét, bắt đi một số thanh niên trai tráng mạnh khoẻ để làm phu dịch, và hãm hiếp phụ nữ trong làng, trong đó có cả Lan, cô bạn gái của tôi. Lúc ấy, tôi và Lan chỉ mới là thiếu nam thiếu nữ mười lăm tuổi. Tôi không bị bắt đi làm lao công vì bộ vó và mặt mày lúc đó còn non choẹt, nhưng Lan thì bị một thằng sĩ quan Tây bắt đi theo... có lẽ là phục dịch cho riêng nó. Chúng tôi chia tay nhau từ đó. Năm sau, tôi theo Quân Sư kháng Pháp. Trong khi làm công tác giao liên, tôi bị Tây bắt, cùm chân rồi giam mãi vì đã không chịu khai báo về tổ chức. Trở lại chuyện cái cùm sắt khốn nạn này: một đêm, tôi mơ thấy Lan đang vói tay hái trứng cá ở ven đồng cỏ—cái đồng cỏ mênh mông của làng tôi, nơi mà bọn trẻ chúng tôi thường ra đó bày đủ trò chơi. Tôi mừng quá bụm tay gọi tên nàng thật lớn. Nàng quay lại, thấy tôi, nhoèn miệng cười rất tươi, rất hồn nhiên... và chúng tôi vui mừng cùng chạy đến với nhau. Ô hô, khi tung chân chạy thật nhanh đến nàng, tôi vướng cái cùm sắt này, đau buốt tận xương tủy, ngồi chồm dậy giữa đêm khuya trong bóng tối phòng giam, tôi ôm đầu khóc nức một lúc, rồi điên tiết, tôi hét lên một tiếng, đứng ra là một tiếng thật lớn, thật dài, làm vang dội khắp đồn—hồi đó ở đây là cái đồn của Tây chứ chẳng phải trại giam đâu thầy ạ. Sau tiếng hét đó, tôi thấy mình bị chia làm hai, một phần là xác, một phần là hồn. Cái xác của tôi thì bị một thằng Tây lấy ba-ton gõ gõ lên đầu gối, đưa tay rờ ngang cân cổ thăm dò, rồi sai mấy thằng lính khiêng ra ngoài đem chôn. Còn phần hồn đó hả, chính là tôi bây giờ đây. Tôi lần quần trong trại giam này từ thuở ấy, chẳng đi đâu xa được chỉ vì cái cùm sắt níu kéo mãi nơi chân. Cái cùm này, chẳng biết làm sao mà tháo gỡ. Thằng sĩ quan trưởng đồn

CỜI TRÓI TẬP II

này, một năm sau đã bị Dân vệ của ông Thái Văn Nhíp phục kích giết chết. Tôi biết vậy, nhưng cũng chẳng làm sao mà lấy được cái chìa khoá mà thằng Tây đó đeo. Vậy là cứ mang xiềng hết năm này đến năm nọ, vị chi đã 123 năm rồi đó thầy ơi. Thầy có cách nào làm ơn tháo cùm giùm tôi đi. Tôi thấy thầy cũng bị cùm chân nhưng khuôn mặt thầy tỉnh táo, an lạc lắm, chắc là thầy biết cách, phải không thầy? Nói tôi nghe đi, làm sao tháo cùm đây, xin tháo giùm cho tôi, thầy ơi!”

“Có khi nào ông cúi người xuống tìm cách tháo gỡ cái cùm không?”

“Vô ích thôi thầy ạ, tôi đã biết trước là không có chìa khoá. Và lại, đã có lúc tôi cố gắng lấy cái đục và cái búa to trong kho hậu cần mà không lấy được. Hình như tôi không thể nhấc các vật ấy lên được. Từ đó, tôi không cố gắng dùng kèm búa để phá cùm nữa.”

“Nhưng đã có khi nào ông cúi người xuống để tìm cách tháo gỡ cái cùm không?”

“Không, không bao giờ. Tôi thực sự không muốn nhìn cái cùm, huống gì cúi xuống mà mọ mậy tìm cách tháo.”

“Vậy bây giờ ông cúi xuống, đưa tay sờ vào cái cùm đi.”

“Để chi vậy thầy?”

“Ông cứ làm theo lời tôi, sờ vào cái cùm.”

“Tôi không muốn, thầy ơi, tôi không muốn làm chuyện đó. Tôi chán ngán nó lắm, tôi sợ phải nhìn, phải thấy, phải đụng chạm vào nó lắm rồi! Đừng bắt tôi phải sờ nó!”

“Nghe tôi đi, mở mắt thật lớn, cúi đầu xuống, nhìn vào nó, và hãy sờ vào nó.”

Chúa ngục do dự một lúc, rồi đưa bàn tay xương xẩu xuống chân, sờ vào cùm sắt.

“Ừ, nó đâu rồi, cái cùm đâu rồi?”

“Không có nó, phải không?”

“Phải, nó không có, nó biến rồi, thầy ơi, tôi mừng

quá, nó biến rồi! Ô, nó biến mất rồi, từ nay tôi tự do, từ nay tôi tự do!”

“Nó không biến đâu mà chỉ vì tâm thức ông biến ra nó, tưởng tượng rằng nó có ở đó. Bám chặt vào niềm tin nơi sự hiện hữu của cái cùm, ông đau khổ với sự trói buộc của nó. Nay biết nó không có thực, tự khắc ông không còn bị cột trói nữa.”

“Phải, phải, thầy nói đúng, tôi chỉ tưởng tượng ra nó mà thôi. Từ nay, tôi không còn bị giam nhốt ở đồn bót này nữa. Ôi, lạy thầy, đội ơn thầy biết bao, xin nhận nơi đây ba lạy của tôi...”

“Không cần đâu, ông có muốn nghe tôi đọc một đoạn kinh không?”

“Dạ phải, dạ phải, xin thầy đọc cho tôi một đoạn kinh để tôi đi.”

“Đây là một bài kệ thơ bằng chữ Hán mà trong chùa thường tụng đọc cho các vong linh, nay tôi thay mặt nhà chùa đọc cho ông nghe bằng nghĩa tiếng Việt. Lắng lòng mà nghe cho kỹ.”

Chúa ngục chấp tay, nghiêm trang hướng về nhà sư, chờ đợi. Nhà sư chậm rãi đọc:

“Có sanh, có tử, có luân hồi
Không sanh, không tử, không đến – đi
Sanh-tử, đến-đi đều là mộng
Mau bỏ trần thế ngồi sen hồng.”

Nghe xong, chúa ngục nở một nụ cười, cúi chào nhà sư, biến mất.

Bên ngoài, gió lặng. Chỉ còn tiếng dế than gáy từng hồi trong sương lạnh.



Bị biệt giam hơn nửa tháng trời, tôi mới được thả ra. Khoa đưa tôi trở về phòng giam tập thể số 7. Tôi hơi giật mình vì thấy phòng giam bây giờ có vẻ trống trải, ít

người. Nhiều trường phòng giải thích:

“Từ lúc thầy Khang vào biệt giam, ngoài này đã có hai đợt đưa đi cải tạo lao động. Tù chính trị và vượt biên đi gần hết, còn lại có mấy mống. À, thằng Quái và Dưỡng đều bị đổi qua phòng khác, chẳng phải đi lao động đâu. Hình như người ta muốn cô lập thầy Khang đó. Sợ mấy anh Tàu ở gần thầy Khang bị ảnh hưởng tư tưởng phản động!”

Tôi phì cười, không nói. Chỉ thấy buồn là đã mất đi khá nhiều bạn bè, không kịp nói lời từ giã chia tay. Chợt nhớ những cái vẫy tay của bạn tù cùng phòng vào ngày xách giỏ đi biệt giam. Xã hội bấp bênh chuyên biến từng ngày thì tình bạn trong tù cũng là một thứ tình bạn bấp bênh, bất định, chẳng biết chia xa hay tao ngộ lúc nào. Nửa tháng biệt giam, giờ ngồi đây thấy đa phần là những khuôn mặt mới, chỉ còn vài người cũ.

“Thầy Khang thấy trong người ra sao, khỏe không?”

“Không sao. Được thấy lại nắng, gặp lại anh em là mừng rồi.”

“Tuởng đâu thầy đi luôn nơi biệt giam rồi chứ.”

“Sao vậy?”

“Hôm đó ông Khoa có nói với tôi là thầy Khang sức yếu với bị bệnh gì đó, chắc không chịu nổi biệt giam...”

“Tôi có bệnh gì đâu. Chỉ vì trong đó hơi bị ngột khói thôi.”

“Ngột khói à? Khói ở đâu mà ngột?”

“Ai đó hun khói bên ngoài, xông vào ngạt phòng giam. Nửa tiếng đồng hồ thì chết chắc rồi.”

“Vậy chứ... thầy Khang làm sao? Cán bộ vào cứu à?”

“Cứu? Ừ thì cũng tựa như là cứu, tôi nghe ông Khoa nói vậy, nói rằng cán bộ trực đã kịp thời cứu sống tôi.”

“Nhưng theo cách thầy nói thì tôi nghĩ là ... người

ta định thủ tiêu thầy Khang bằng cách hun khói đó, thầy Khang à.”

“Cũng có thể có người tình cờ đốt rác bên ngoài, gặp gió thổi ngay hướng biệt giam nên khói xông vào, cứ nghĩ vậy đi cho khoẻ, khỏi mất công nghi ngờ ai hay ôm lòng oán ai.”

“Tôi lại nghe ông Khoa nói là ban quản trại có đề nghị đưa thầy Khang qua trại khác, không muốn giữ thầy Khang ở đây.”

“Sao vậy?”

“Ai mà hiểu mấy ông muốn gì. Chắc là sợ ở đây rảnh rỗi thầy Khang có cơ hội thuyết phục người khác làm chuyện này chuyện nọ... không tốt cho trại giam.”

“Té ra trong mắt họ, tôi là thứ phản động ghê gớm lắm hả?”

“Có thể là vậy. Họ đâu có đoán nổi thầy Khang muốn gì, làm gì... chỉ thấy thầy có mặt ở đây, ảnh hưởng đến anh em chung quanh nhiều lắm. Họ không thích có bất kỳ một thứ đối tượng nào trong xã hội này được mọi người cung kính, mến mộ ngoại trừ Bác Hồ vĩ đại của họ. Có thể họ định thủ tiêu thầy Khang bằng cách hun khói... chuyện không thành nên họ muốn đẩy thầy đi xa. Họ sẽ đưa thầy đi trại khác trong một ngày nào đó. Theo cách ông Khoa nói chuyện, tôi đoán vậy. Thầy nhớ lời tôi nghe, bằng mọi cách cũng ráng giữ lấy thân để sau này còn giúp nước. Người như thầy mà bị họ thủ tiêu, tôi tiếc lắm thầy Khang à.”

Tuần lễ sau, sáng sớm thứ năm ngày 24 tháng 7 năm 1986, tôi và Nhiều vừa dùng xong bữa điểm tâm với bột ngũ cốc thì cán bộ vào gọi tên năm tù nhân chính trị, trong đó có tôi, mang hết hành lý ra ngoài. Chúng tôi được lệnh mặc áo quần vào để tập trung trước sân trại. Tôi biết đã đến lúc tôi thật sự đi xa, rời khỏi trại tạm giam B5 này.

Các bạn tù lại thêm một lần xúm xít ở hai cửa sổ và chỗ lồng khung, đưa tay vẫy chào tôi. Trong một

CỜI TRÓI TẬP II

thoáng quay nhìn, tôi thấy Nhiều đứng ở chỗ lồng khung, hai tay đưa ra khỏi song sắt, chấp vào nhau như muốn chào tôi bằng cách chào của người phật-tử với nhau mà anh chưa hề làm đối với tôi, mắt rung rung. Tôi đưa tay vẫy lại, ngậm ngùi theo viên cán bộ rời khu sân trại.

Những người cùng theo tôi tập trung ở khoảnh sân rộng gần dãy căng-tin đều là tù chính trị. Tôi thấp thoáng thấy vài khuôn mặt quen thuộc nhưng không nhớ đã gặp ở đâu. Không có anh Hiền anh tôi. Có lẽ anh đã bị chuyển trại đi trước trong khoảng thời gian tôi ở biệt giam rồi.

Cán bộ điếm danh một lần nữa rời lừa chúng tôi, khoảng 30 người, lên một xe cam nhông bít bùng, có lính bảo vệ cầm súng đi theo. Một xe jeep khác chở một toán công an võ trang chạy bọc hậu.

Xe rời trại vào khoảng 9 giờ sáng, chạy về hướng ra Trung. Đám tù từ nhiều phòng giam khác nhau nay có dịp làm quen, nói chuyện tự do với nhau trên suốt đoạn đường di chuyển.

Theo hướng xe chạy, đám tù đoán là sẽ đến trại cải tạo lao động K4, ở huyện Xuân Lộc (thuộc tỉnh Long Khánh cũ, nay sáp nhập vào Đồng Nai). Người ta nói đây là một thứ “địa ngục trần gian” khét tiếng về chính sách lao động khổ nhọc, áo cơm thiếu thốn... Tôi không thấy khiếp sợ những lời chuyền miệng đó mà ngược lại, có một niềm hy vọng nào đó đang loé sáng trong tôi. Tôi biết, một khi được đưa đi lao động, coi như tôi đã mặc nhiên được lãnh một bản án. Người ta không dám đưa tôi ra tòa công khai xử trước công chúng nên âm thầm thủ tiêu tôi, thủ tiêu không thành thì ngậm kết án tôi bằng cách đưa đi cải tạo. Tù lao động có hai loại án: một là án 3 năm, hai là án vô thời hạn. Tội trạng của tôi, tôi thừa biết là không thể nào có cái án 3 năm lao động quá nhẹ nhàng; cho nên, ắt là tôi đang lãnh cái án mà tên tù nào cũng hãi sợ ấy: cải tạo lao động vô thời hạn. Cái án này có sự hăm dọa tính toán từng ngày của đương sự đối với những tờ lịch nhưng đồng thời cũng cho hẳn một tia hi vọng rằng, có thể trong

VĨNH HẢO

trường hợp đặc biệt nào đó, ban quản trại sẽ dễ dàng giải quyết mức án của hắn dễ dàng hơn; bởi vì, vô thời hạn tức là không hạn định thời gian, như vậy vừa có nghĩa là suốt đời, cũng vừa có nghĩa là một vài tháng, nếu có người đút lót hối lộ hoặc có một cơ sự gì đó bất ngờ xảy đến khiến ban quản trại trả tự do cho hắn.

Trong niềm hy vọng mong lung không lý do rõ rệt, tôi thấy lạc quan chấp nhận việc chuyển trại này. Cho nên, dù cái “địa ngục” K4 này có khủng khiếp tới đâu, tôi cũng bước vào với một tâm tư tự tin, chờ đợi một cái gì xảy ra.

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG MƯỜI BẢY

Đang chạy thẳng và nhanh, xe bỗng giảm tốc độ rồi quẹo trái, chạy từ từ. Đám tù đoán là đang vào trại K4. Xe bít bùng, ngồi bên trong chẳng thấy gì, nhưng nhờ tiếng bánh xe nghiền rào rạo trên đường mà biết là đường có trái đá sỏi. Xe quẹo trái thêm một lần nữa rồi chạy thẳng thêm một đoạn, dừng lại. Các cán bộ bảo vệ mở cửa sau cho chúng tôi lần lượt nhảy xuống. Xếp thành hai hàng dọc theo bờ rào thưa của một khu trại nằm bên phải của đầu xe. Trong khi chờ đợi điểm danh và đưa vào khu trại, chúng tôi đứng bên ngoài, nhìn ngắm cảnh trí chung quanh.

Chúng tôi đang đứng bên một bờ hồ lộng gió. Hồ rộng. Từ bờ này nhìn sang bờ kia chỉ thấy những dạng người nhỏ xíu. Có những người tù mặc đồng phục màu lam sẫm trông như nhà tu mặc áo quần vật hồ đang làm việc bên bờ hồ phía kia. Một dãy lau cao có lẽ đang được nhóm thợ tù cắt lên bên ấy. Thấp thoáng quanh khu lau, còn có những nữ tù hi hục gánh đất. Bên bờ này, gần chỗ chúng tôi đứng, một căn nhà lục giác bằng gỗ có lối kiến trúc đẹp và khá cổ điển như một ngôi chùa Nhật, như một con bọ tròn trùng trục, lón nhón đứng cao khỏi mặt nước bằng những cái chân tròn trịa và chắc nịch. Một cái cầu gỗ cong bắc từ bờ dẫn đến căn nhà ấy. Từ cây cầu cho đến hành lang và các kèo cột của căn nhà đều được sơn màu nâu sậm. Các vách ván thì được đánh vẹc-ni bóng lộn. Một vài con cá lớn quẫy mạnh đuôi làm nghiêng ngã đám lục bình trôi tấp dưới chân cầu. Dọc theo mặt hồ, lá súng lá sen như chen nhau, cái thì an phận nằm bẹp sát mặt nước, cái thì kiêu hãnh vươn lên đong đưa theo gió.

Mặt nước loáng ánh vàng của mặt trời diu diu buổi chớm thu. Một đàn chim sẻ vụt bay lên từ bụi rậm rồi lần lượt đậu trên nhánh hoè cao đầy hoa vàng. Bên trên những nhánh hòe trở hoa ấy, nền trời xanh biếc bao la đang ôm gọn vài cụm mây trắng nhỏ lang thang.

Trước cảnh đẹp yên bình đó, lòng tôi lắng xuống, nhẹ hẫng. Tôi quên là tôi đang đứng trong vòng đai của nhà tù lao động cải tạo. Một chốc sau, những xúc cảm tạm ngủ yên trong tôi nhiều ngày tháng trước bỗng chuyển mình trở dậy, và tôi nghe chùng cái khát vọng tự do của tôi như một thân cây lớn, mạnh mẽ vươn mình lên, đâm chồi nứt nhánh tua tủa. Tôi đứng đó mà lòng càng lúc càng chìm đắm vào một trạng thái ngây ngất giả tạo của niềm vọng tưởng về tự do. Tôi tự hỏi, tại sao, cho đến giây phút này, dù đang sống ngoài xã hội hay đứng lặng bên hồ sen trại giam, tôi vẫn chưa bao giờ thực sự tự do, thực sự thoát ly mọi ràng buộc của thế giới ngoại tại lẫn tâm thức nội tại? Câu hỏi lơ lửng trong đầu khiến tôi quên đi trần gian trong khoảnh khắc. Và chính ở cái khoảnh khắc hoang vắng mọi tư duy vọng tưởng đó, tôi bất chợt nhìn thấy được thấp thoáng cái bóng dáng cội nguồn của mọi trời buộc—không phải bằng cái thấy của tri giác hơi hợt mà bằng sự trực nhận sâu xa lắng vào tận căn rễ của tự tâm.

Sự cột trói luôn luôn được hình thành từ sự nối kết của hai đầu mối nhị nguyên đối nghịch. Tháo gỡ hai đầu mối ấy thì mới có giải thoát thực sự. Điều này không phải chỉ ứng dụng cho tâm thức mà còn cho xã hội. Mâu thuẫn xã hội giữa giai cấp này với giai cấp kia, hay chủ nghĩa này với chủ nghĩa kia, không phải chỉ đi theo một chiều thứ lớp là cái phân đề loại trừ cái tiền đề để tiến đến một tổng hợp đề hoàn thiện hơn, mà chính là đẩy con người và xã hội rơi tụt vào trùng vây trói buộc chằng chịt của mê muội, chấp trước, trong đó, những đối lực kiên cố không thể nào dung chứa được nhau mà cứ phải ràng rịt cột trói nhau và nương tựa nhau, tạo nên một thứ xã hội cuồng

CỜI TRÓI TẬP II

điên, man trá và ruồng nát từ bản chất.

“Đứng ngay hàng lại coi nào!” Một cán bộ hét lên làm tôi thức tỉnh quay về với thực tế là tôi đang đứng trong hàng của một đội ngũ “cải tạo viên” mới của trại cải tạo lao động K4.

“Bước vào cổng từng người một, theo cán bộ dẫn đường.” viên cán bộ lại hét.

Chúng tôi im lặng, như đàn cừu ngoan, lần lượt bước vào cổng. Mỗi người vừa bước vào cổng thì đếm số thứ tự theo sát con số của người đi trước mình. Rồi theo hướng dẫn của cán bộ trại, chúng tôi tập trung phía trước văn phòng của Khu C. Nghe nói Khu A nằm phía bên kia quốc lộ, đối diện với Khu C này. Khu A là khu chính của trại K4. Khu B thì ở đâu tôi chẳng rõ, cũng chẳng cố tìm hiểu. Ngoài ba khu này còn có Khu Ruộng ở Xuân Phước. Tôi cũng chẳng biết Khu Ruộng ấy ở đâu.

Thủ tục nhập trại khá rườm rà nào đó mà chúng tôi cứ ngồi chồm hổm ở trước văn phòng Khu C hơn một giờ đồng hồ, chẳng thấy ai đến nhận để cho vào phòng cất đồ. Khu C vắng hoe, chẳng thấy tù nhân qua lại. Phía bên phải chỗ chúng tôi ngồi, có một dãy nhà tôn, trong đó, một toán thợ mộc đang hì hục bào, cưa, đục, đẽo. Bên trái chúng tôi là bệnh xá, có ông bác sĩ hay y tá thấp người đeo cái ống nghe lủng lẳng trên cổ, da đen điu như mọii, bước ra ngó một lúc rồi quay vô. Mấy bệnh nhân bên trong bệnh xá lộ nhố ngồi nằm, ngóng nhìn chúng tôi như muốn tìm người quen.

Ngồi chờ một lúc bỗng nghe ba tiếng keng đầu đó ở góc trại gióng lên. Toán thợ mộc liền nghỉ tay, lục tục lo ăn trưa. Năm phút sau, một đoàn người từ chỗ làm việc ngoài khu trại, kéo về khu để lãnh cơm trưa. Tôi ngồi đưa lưng ra ngoài nên không nhìn thấy họ từ xa. Chỉ nghe tiếng lớn ca lớn cẳng của những cái ca nhôm lúc lắc trong gió xách của họ, chen lẫn với tiếng cùm sắt kéo rột rạt trên đường sỏi. Và khi nghe tiếng đếm số của họ cất lên lúc bước vào cổng, tôi mới quay đầu lại nhìn thì bất chợt

rùng mình, ón lạnh: họ là một lũ người xác xơ ốm đói, dơ dáy như ăn mày ăn xin ngoài xó chợ. Mặt mày người nào người nấy phờ phạc, khổ đau, đầy vẻ oán hận và tủ nhục. Dù được tạo hóa ban cho sức tưởng tượng phong phú đến đâu, tôi nghĩ rằng không anh chàng nghệ sĩ nào có thể phác họa ra nổi cảnh tượng thê lương não ruột của một đoàn tù rách nát nơi trại cải tạo lao động này. Đoàn tù đó có vẻ như đã bị đánh mất đi cái nét người thông thường. Rõ ràng họ chỉ như những bóng ma xanh lợt, mắt sâu hoắm, ném những cái nhìn vô hồn vào người đối diện. Không, diễn tả như vậy vẫn chưa đủ. Họ còn giống như loài quỷ đói được mô tả trong kinh Phật. Áo quần rách nát không còn hình dạng của y phục. Có vẻ như là họ đang quần những mảnh vải nhỏ, cốt yếu là để che lầy hạ bộ. Mình trần lộ hai xương vai như hai hốc đá. Tay chân lỏng không ôm tong ôm teo, xương sườn nổi lên từng cặp đôi hai bên ngực. Má hóp, miệng khô, da mặt sần sùi, hốc hác như người chết mới đội mồ sống lại. Họ là những bộ xương biết đi. Đúng là “địa ngục trần gian.” Ngày hôm nay tôi mới thực sự chứng kiến. Sống hơn mười năm dưới chế độ cộng sản, tôi từng kinh qua nỗi đói nghèo khổ nhục của đồng bào ở vùng kinh tế mới, và đã nếm cảnh tù của Sài Gòn, của Biên Hòa, của biệt giam hay phòng giam tập thể, nhưng chưa bao giờ có thể lường tượng ra nổi cảnh huống khổ đau này của dân tôi. Tôi nhìn họ một lúc thì ứa nước mắt. Lại có một cái gì đó chuyển động ở trong tôi.

Họ bước vào sân, xếp thành năm hàng, ngồi xuống bên cạnh khu trại mộc, cùng quay mặt nhìn về hướng văn phòng khu như chúng tôi. Rồi họ được anh nuôi mang thùng cơm đến, xúc cho mỗi người một ca cơm gạo bằng (khoảng hai chén cơm lưng). Một anh nuôi khác bưng cái xoong nước muối pha màu (mà cứ gọi là nước mắm) phát cho mỗi người một phần ba chén. Cơm, mắm vừa phát ra cho người nào, người đó xúc ăn liền tại chỗ. Tiếng nói, tiếng cãi nhau, tiếng năn nỉ ỉ ôi, tiếng phàn nàn, tiếng xúc

CỜI TRÓI TẬP II

cơm, tiếng nhai, tiếng lục soạn giò, tiếng gọi nhau xin thức ăn... làm rộn cả sân.

Có thể chỉ trong một thời gian ngắn nữa, đoàn tù chính trị chúng tôi cũng sẽ trở thành những đội viên trong đám tù rách nát tro xương ấy, tôi thầm nghĩ vậy.

Ăn xong, chưa kịp nghỉ ngơi, đám tù đói rách đã phải đứng dậy, xếp hàng ra khỏi cổng, đi đến “hiện trường lao động” làm việc tiếp. Chúng tôi ngồi lại ở khoảnh sân trống xi măng ngập nắng. Một lúc thì có toán tù mặc đồng phục xám, có vẻ tươm tất khoẻ mạnh, khuôn đến một đồng sắt đựng trong cái thùng gỗ. Nguyên do chậm trễ là ở đây. Trong thùng đầy “cùm sắt cá nhân,” tức là loại cùm hai mảnh: một cái vật bằng sắt hình chữ U (tù nhân gọi là cái U) để xỏ vào cổ chân, hai là thanh sắt dài xỏ xuyên qua hai cái khoen tròn nơi hai đầu chữ U đó. Loại cùm này tôi đã từng đeo khi vào biệt giam ở trại B5 nên không lạ gì. Cán bộ ra lệnh chúng tôi, từng người một, bước vào văn phòng. Hai người tù chỉ huy (trong trại gọi là chức năng) cứ theo lệnh cán bộ mà đóng cùm vào chân chúng tôi. Vòng sắt chữ U nhỏ hay lớn thì tùy theo kích thước của cổ chân mỗi người, còn thanh sắt xỏ ngang dài hay ngắn thì hình như dựa vào khuôn mặt hiền lành hay hung dữ. Tôi là người tù chính trị trẻ tuổi nhất trong đám, được lãnh thanh sắt nhỏ, nhẹ, ngắn chừng hai gang tay—có nghĩa là chỉ “đeo dao” thôi, còn mấy anh đeo cây sắt dài từ nửa thước đến một thước thì gọi là “đeo kiếm.”

Đóng cùm cho chúng tôi xong, người ta còn phát cho chúng tôi mỗi người một cái U khác, bỏ vào giỏ xách mang theo. Họ dặn cái U đó là “gia tài cải tạo” không vì lý do gì mà đánh mất, phải giữ gìn nó cẩn thận; đánh mất có nghĩa là có ý đồ trốn trại, sẽ bị phạt kỷ luật, biệt giam và bỏ đói. Rồi người ta hộc tốc cho chúng tôi vào một phòng giam trống, bẻ ngang chừng ba thước, bẻ dài khoảng mười thước. Mỗi phòng giam có một cái sạp gỗ với nhiều mảnh ván nhỏ ghép lại, chiếm hết hai phần ba diện tích căn phòng, chừa lại một thước bẻ ngang cho lối

đi. Chúng tôi được lệnh gấp rút leo hết lên trên sạp, ngòi đưa lưng vào phía vách. Hai chân đưa ra phía lối đi. Cái chân không đeo dao kiếm thì tròng vào cái U phát mang theo khi này, hai đầu U có hai khoen tròn thì chĩa lên trên và đầu mối của hai khoen tròn nằm về hướng lối đi để người kiểm soát dễ dàng trông thấy. Khi sắp đặt chúng tôi mau chóng ngòi hết trên sạp với cái U tròng sẵn vào chân rồi, một “chức năng” đứng xéo ở cuối phòng, dùng một thanh sắt dài (trường kiếm) xấp xỉ chiều dài của sạp gỗ, xỏ vào hai khoen tròn nơi cái u của người dưới cùng, lần lượt luôn qua hết các U của chúng tôi. Đầu thanh sắt đến ngang chân người nào, người đó phải mau mắn dùng tay đón nó, đưa nó ngay vào hai khoen của cái U mình mang, kéo “chức năng” thúc mạnh tới thì đâm vào chân, nghiêng vào tay... Chức năng vừa xỏ thanh sắt, vừa la lối hô thúc. Tôi thầm nghĩ, làm gì mà gấp dữ vậy, xỏ một cây sắt vào sáu mươi cái khoen của ba mươi người chứ có phải chuẩn bị đánh giặc đâu mà dòn với thúc! Nhưng chỉ trong vòng vài ngày sau, tôi đã kịp thời nhận biết rằng thế giới lao động của trại cải tạo này nó như vậy đó: bất cứ việc gì, động tác gì cũng phải đem hết sức bình sinh của mình ra mà thực hiện một cách mau mắn, nhanh nhẹn, gấp rút, trong một thời gian ngắn nhất—ngay cả chuyện ăn uống và làm vệ sinh cá nhân (xin đừng hiểu lầm mấy chữ “vệ sinh cá nhân” ở đây là súc miệng, đánh răng, rửa mặt, rửa tay... vì cải tạo viên “chính thức” ở trại K4 không có thì giờ để làm các việc nhỏ nhặt chẳng cần thiết và chẳng liên quan gì đến công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa này). Không có vấn đề chậm rãi, từ từ, khoan thai, từ tốn, nhẹ nhàng, thư thả, thông dong, nhàn tản, nhàn hạ, ung dung, lai rai, lảm rảm...

Không có vấn đề đếm hơi thở trong chánh niệm tỉnh thức của những ông đạo sơ sơ đang tu tập an nhàn trong thiền môn; chỉ có đếm nhân số mà thôi. Bốn người nhóm thành một tổ, lao động chung một việc nào đó, cứ vừa ra công làm việc hết sức vừa đếm số từ 1 đến 4; mỗi

CỜI TRỜI TẬP II

người mang một số, con số của người nào, người đó hô lớn lên theo thứ tự. Người nào không hô thì ba người còn lại ắt phải biết rằng người đó đang trốn trại. Trong khắp trại cải tạo, đâu đâu cũng nghe hô: “Một, hai, ba, bốn...” Có chỗ chia nhóm 10 người, đếm từ một đến 10; thì đỡ nhọc hơn, khá lâu mới đến lượt mình phải hô. Người ngoài cuộc có thể tưởng tượng khá lạc quan rằng việc hô đếm nhân số trong khi làm việc cũng là một phương pháp tu tập, giữ tâm trong chánh niệm, nên cảm ơn trại tù đã cho mình cơ hội tốt... Nhưng trên thực tế, trại cải tạo không có vấn đề “làm việc” mà chỉ có “lao động cật lực” có nghĩa là làm hết sức của mình trong thời gian gấp rút, qua đó, hơi thở không còn kiểm soát hay đếm được nữa; trong khi vận dụng tất cả bắp thịt và sức lực của mình để khuân vác, đập đá, cuốc xới... hễ nghe người bên cạnh hô số của họ thì lập tức lo hô số của mình; làm nhanh cỡ nào cũng có một cái tù “chức năng” lấy roi quất vào lưng hoặc la lối chửi rủa bên cạnh để thúc đẩy công việc đi nhanh hơn.

Ở trại cải tạo lao động cũng không có vấn đề mỉm cười hay toét miệng cười. Vì chuyện cười chẳng chứng minh được cái gì tích cực cả. Một cách cụ thể: khi các bắp thịt và hệ thần kinh nơi mặt chuyển động để tạo nên một nụ cười ắt phải ảnh hưởng đến sự trì trệ chậm lụt của các bắp thịt khác trong cơ thể. Như vậy, cười chỉ làm giảm sức lao động và trể nãi lao động mà thôi, không lợi ích gì cho trại cải tạo cả. Huống chi, một nụ cười nở ra giữa hiện trường lao động hay trước mặt cán bộ, nếu không hàm nghĩa châm biếm cá nhân cán bộ thì cũng mang ý mỉa mai chuyện lao động. “Anh cười cái gì? Cười mỉa mai hay cười xã giao? Mỉa mai thì anh chết chắc! Còn xã giao hả, anh là tù nhân mà có quyền xã giao với cán bộ à?” Cho nên, trong khi đôi tay hay đôi chân vận dụng các cơ bắp để lao động thì đầu phải cúi xuống, môi mỉm lại để biểu lộ quyết tâm đạt chỉ tiêu lao động, mắt chăm hăm nhìn vào công việc mình đang làm với vẻ thành khẩn, hăng

say... lúc nào cũng phải tha thiết chứng minh cái tình yêu cuồng nhiệt của mình đối với chủ nghĩa xã hội, cũng như thể hiện niềm tin sắt son, bất diệt, không điều kiện của mình đối với Đảng và Nhà nước...

Mới nhập trại, chúng tôi được nghỉ lao động ngày đó. Chỉ nằm rồi ngồi, ngồi rồi nằm, trên cái sạp gỗ dơ có toán du kích rệp thỉnh thoảng nhào ra cắn một phát vào lưng rồi rút nhanh vào kẽ ván. Ba mươi người trên một sạp gỗ, nằm san sát nhau, vai chèn vai, cùi chỏ gác cùi chỏ. “Vai sánh vai tiến bước trên đường dài sá chi!” Chúng tôi được phát cho bữa cơm trưa khá muộn. Ăn rồi, chẳng có nước rửa cái ca và cái muông, chỉ lấy nước uống do anh nuôi phát mà tráng sơ qua, rồi lấy nước đó uống, xong lại nằm. Chưa được đi lao động nên hãy còn rảnh rỗi. Nhân cơ hội bất tiện. Người ta nghĩ ngay đến cái “khoái” cuối cùng của tứ khoái. Ai cũng thắc mắc: “Cùm cả hai chân như vậy thì làm sao mà đi cầu được!” Vậy mà cũng được hết. Gọi anh nuôi hỏi thăm, anh đem vào cho hai cái lon sơn. Gì chứ lon sơn thì tôi đã kinh qua lúc ở biệt giam B5 rồi, có điều là lúc đó ở riêng một mình, còn bây giờ, có mặt 29 người khác trong cùng phòng giam! Người ta bàn tán, cãi cọ nhau ì ầm. Người thì bảo để tôi “ị” cái đã rồi tính gì thì tính kéo nó sống ra tới quần. Người lại bảo, phải chuyển cho mọi người lần lượt “tè” trước chứ không thôi lại bễ bọng đái. Anh nuôi bước vào la một tiếng, mọi người im phắc. Anh nuôi mà cũng có quyền dữ há. Ừ thì anh vào đây trước anh bảo sao làm vậy. Anh la thì mình phải nín. Vậy rồi theo lệnh của anh nuôi, người ta chuyển hai cái lon để lo cấp kỳ chuyển “nhỏ” trước, còn chuyển “lớn” thì anh nuôi sẽ cho cái lon khác. Ba mươi người mà hai cái lon thì đâu đủ thiếu gì, phải sáu lon! Một số ít người, trong đó có tôi, chỉ làm được chuyển “nhỏ,” không cách chi làm được chuyển “lớn” trước mặt bá quan văn võ đang hiện diện ngay trên cùng một sàng, nhất là với hai chân bị cùm và trước mặt những người đang ở không chẳng có chuyện gì làm ngoài

CỜI TRÓI TẬP II

chuyện ngó qua ngó lại, sẵn sàng thấy, nghe và đánh hơi được cái gì bất thường xảy ra. Thấy ba, bốn cái lon đều ngập cả rồi, anh nuôi vào xách đem đi đổ. Thực ra anh chàng này chẳng phải là anh nuôi mà chỉ là một anh tù được cất công tác trực vệ sinh cho đám tù chính trị mới vào đang bị cùm chân mà thôi. Anh xách mấy lon sơn đi rồi, mấy người tù chính trị nói đùa với nhau: “Tuồng oai lắm, la hét om sòm, cuối cùng cũng đi đổ bỏ cho bọn mình thôi!”

Đến khoảng gần 6 giờ chiều, các toán lao động lục tục trở về xếp hàng bên ngoài dãy phòng giam (dãy này có tất cả 6 phòng, mỗi phòng chứa từ 25 đến 30 người). Toán lao động hình hài xác xơ, đầy bụi đất, mỗi một ngời chồm hồm theo hàng, trong khi mấy anh chức năng cầm roi hò hét inh ỏi (từ đây trở về sau, cán bộ thì gọi là cán bộ còn mấy anh “công nhân” hay “chức năng” —cách gọi của trại tù cộng sản—xin gọi là cai tù cho đúng và dễ hiểu; vì những anh tù thâm niên và có thành tích “lao động tốt” này đã được cán bộ trại giam cất ra làm cai tù thay thế cán bộ; như vậy, cán bộ rảnh tay bớt việc mà nếu có chuyện gì xảy ra thì cũng đổ thừa cho bọn cai tù. Hạng tù làm cai tù này làm việc còn hăng say tích cực hơn cả cai tù thứ thiệt, vì muốn lập công lấy lòng cán bộ trại để được về sớm; vả lại, làm cai tù thì dĩ nhiên là khỏe hơn là làm tù khổ sai). Đang ngồi bên trong phòng giam nhìn ngắm toán tù lao động ngoài sân với niềm thương hại, cảm cảnh... bỗng thấy một “cai tù” trẻ xông xông từ ngoài bước vào, hét lớn:

“Rút U, ra sân gấp!”

Đám tù chính trị chúng tôi còn phân vân chưa biết phải làm gì thì anh tù trực vệ sinh đã mau mắn chạy vào, hai tay nắm cái chuôi của thanh “trường kiếm” đang xỏ sâu những cổ chân ngọc ngà của chúng tôi, rút mạnh, rẹt, rẹt. Anh nào không kịp lấy hai tay giữ cho cái U của mình đứng thẳng và cố định thì nó sẽ ngã theo chiều kéo của “trường kiếm,” bẻ quặt cổ chân và bàn chân sang một

bên, rồi từ đó, thanh “trường kiếm” kéo lướt qua một cái, kéo hết cái thân dài mười thước của nó ra khỏi những cái U một cách vô tình, cứa trên cổ chân một vết như thí nghiệm độ bén của nó. Nhanh như chớp. Chỉ thấy một cái gì thật nóng nơi cổ chân. Nhìn lại, thấy máu tươm. Vài anh tù đau quá la lên:

“Làm gì mà bắt nhơn vậy! Có kéo cũng kéo từ từ chứ!”

Cai tù giá cây roi lên:

“Câm mồm! Không có la. Bước mau ra sân, mau, mau!”

Đám tù chính trị ủa xuống khỏi sàng, tóa ra sân, hấp tấp xếp hàng rồi ngồi chò hõ nôi đuôi đám tù lao động đã ngồi sẵn. Đã nói rồi, cái gì cũng phải nhanh, gấp, rút! Chậm thì roi vọt tới sau lưng.

Xếp hàng xong, chờ cai tù kiểm nhân số. Trước mặt đoàn tù xếp hàng năm, mỗi hàng khoảng trên ba mươi người, là một cánh công rào bằng kẽm gai mở sẵn. Chúng tôi ngồi, nhìn thẳng tới chỉ thấy cái tòa nhà lầu đang xây cất ở bờ bên kia của hồ sen. Có nghĩa là cái công rào kia dẫn xuống hồ sen nuôi đủ loại cá ăn phân người (vâng, phân của một ngàn cải tạo viên, cộng với mấy chục cán bộ trại đều được cần kiệm theo lời Bác Hồ, một phần thì ủ thành phân Bắc—dù phân người có được thải ra ở miền Nam thì cũng cứ gọi là phân Bắc—để bón rau tươi, một phần thì đem nuôi cá). Đám tù chính trị chúng tôi mới tới, đâu biết bọn cai tù đang giở trò gì. Đương không lại kêu ra xếp hàng chung với toán tù lao động mới về, lại hướng mặt về phía cái hồ cá dơ bẩn đó! Không lý giờ này lại bắt đi lao động ca đêm? Xúc cá? Vớt rong, vớt bèo? Hay là... nhảy xuống hồ cho cá rửa thịt, lóc xương? Vừa thắc mắc thì đã thấy câu trả lời đến ngay. Một cai tù hét lớn:

“Bắt đầu, xuống! Mau, mau, mau! Đếm từ 1 đến 10 thì tất cả phải rời khỏi hồ. Mau, mau!”

Cai tù chưa dứt lời thì đám tù lao động ngồi phía trước đã chồm tới, chạy. Chúng tôi chưa biết cơ sự gì

CỜI TRÓI TẬP II

cũng phải lo chạy theo. Ủn ùn kéo về phía công rào. Đứng là một đàn vịt bị lừa xuống ao. Bọn tôi tuy còn thắc mắc, chưa biết công việc gì sẽ phải làm trước mặt, nhưng cứ chạy theo họ sát nút. Chân đeo cùm sắt dài, chúng tôi chạy rất khó khăn, cứ vấp mãi. Tiếng cùm sắt khua lên leng keng, rồn rảng.

“Mau, mau! Một... mau, mau lên kéo không kịp!”

Cái gì mà không kịp? Cái gì chờ đợi phía trước vậy? Phần thưởng gì đây?

“Mau, mau lên! Hai... mau, mau!”

Số 2 đã đếm mà chúng tôi chỉ mới tới được cánh công rào. Đến đây thì đã có thể nhìn thấy được quang cảnh trước mắt mình: tắm! Trời đất, tắm! Tắm ở cái ao sinh nuôi cá! Tôi chùng hững đứng khựng lại một khắc thì đã bị một người phía sau lấn xô tới. Mau, mau, kéo hết giờ. Sau công rào một khoảng ngắn là khoảng ba chục bậc cấp cao, xây bằng đá tổ ong, dẫn xuống hồ. Chúng tôi lại phải ì à ì ạch mắt vừa nhìn tới khoảng trước một chút để nhắm đường, vừa nhìn dưới chân để khỏi vấp té, chân vừa thả xuống mỗi bậc cấp vừa dặng ra để tránh đập nhằm “lưỡi kiếm.” Đã vậy, còn phải vừa chạy vừa cởi quần áo nữa chứ! Đám tù lao động vì đã biết trước là sẽ “được” tắm nên cởi trần sẵn, tới hồ thì nhảy tồm xuống ngay (cán bộ không cho cởi truồng mà tắm vì bên kia bờ, có một số tư gia của cán bộ nằm dọc theo hồ). Còn chúng tôi, có biết ắt giáp gì đâu mà chuẩn bị vậy là trong lúc chạy xốn xa xốn xác như gà vịt mất trứng, vừa phải lo cởi dần mấy hạt nút áo. Và thật là cực hình để chạy xuống bậc cấp thật nhanh với cái chân đeo cùm sắt dài, nặng trĩu và kèngh càng.

“Ba! Mau, mau!”

Tôi đã cởi xong áo và chỉ còn vài bậc cấp nữa là đến hồ.

“Bốn! Mau, mau!”

Thấy đại cái áo sơ mi xuống bậc cấp gần nhất, tôi nhảy ùm xuống hồ nước. Hai tay vội vã khoát nước lên

người. Nước mắt. Vâng, nước mắt quá! Nhưng tắm kiểu này thì làm sao sạch được. Nhìn quanh thấy bạn tù ai cũng hụp xuống cho ướt đầu cổ, tôi cũng bắt chước làm theo. Hụp xuống. Nước đục ngầu. Sinh bị quậy lên mù mịt. Tôi thất kinh ngoi đầu lên lại thì đã nghe đếm số 8. Vốc nước rửa mặt thật nhanh. Rồi hấp tấp kì cọ. Đã đếm số 9. Nhắm mắt, hít thở, hụp đầu xuống nước một lần nữa. Ngoi dậy đã thấy bầy vịt rời ao, lại ì à ì ạch chồm người lên bậc cấp mà lên bờ. Cùm sắt khua loảng xoảng. Tôi vọt chạy theo. Hi hà hi hục lên đến cổng rào, vội vàng vào sân xếp hàng lần nữa. Lại kiểm điểm nhân số trước khi cho vào phòng giam. Đầu cổ, mình mẩy còn ướt nhem. Ai nấy vội cởi quần ra mà vắt cho ráo nước, lấy quần xà-lỏn khác mặc vào, quần ướt thì vắt ngay trên giở đồ của mình đặt ở đầu nằm. Các động tác trên đều được làm với tốc độ chớp nhoáng. Vừa mặc quần khô vào đã thấy anh cai tù trẻ xông xông bước vào, hét lớn:

“Vô U, mau, mau!”

Anh trực vệ sinh lại nhào tới, đưa thanh “trường kiếm” ra, xâu chúng tôi lại. Cai tù đi qua đi lại hồi thúc, thấy đã cùm đầu vào đó rồi mới chịu bước ra. Đám tù chính trị lúc ấy mới nằm xuống treo giò lên mà nghỉ ngơi. Treo giò là vì thanh “trường kiếm” xỏ xâu căng chân chúng tôi được gác lên hai con ngựa gỗ nhỏ cao hơn một gang tay mà cái U cao nhất thì cũng chỉ một tấc hai; như vậy, gót chân chúng tôi bị treo hồng lên, không chাম được tới mặt sàng. Nhưng thà thanh sắt được gác lên hai con ngựa gỗ, chịu treo chân lên, còn hơn bị thanh sắt nặng ấy đè lên chân chúng tôi, không sao chịu được. Tôi ngồi sát về phía cùm cho đỡ đau chân. Tưởng rằng có thể được ngồi yên một lúc, nào ngờ anh cai tù trẻ khi nãy lại xông xộc bước vào, hỏi giọng xác xược:

“Ngồi dậy hết, ngồi dậy hết coi nào, mấy ông là tù sĩ quan, phải không?”

Một giọng khàn khàn trong đám tù chính trị trả lời:

CỜI TRÓI TẬP II

“Tù chính trị. Cũng có vài sĩ quan chế độ trước ở đây. Nhưng gọi chung là tù chính trị thì đúng hơn.”

Cai tù quay lại, quắc mắt nói:

“Sĩ quan hay chính trị thì cũng như nhau thôi, còn cãi bướng! Mấy ông nghe nói nè, ngày mai mấy ông bắt đầu ra lao động ở ngoài này,” anh chỉ tay ra phía bờ rào, gần cái cổng rào kẽm gai dẫn xuống hồ cá, “nhớ mang theo cái U. Còn nữa, tám giờ tối có phát thanh bài học chính trị, tất cả phải ngồi dậy, ngồi ngay lưng, nghiêm chỉnh lắng nghe, không ai được nằm.”

Anh bước ra tới cửa, nhưng rồi lại quay vào, hỏi:

“Mấy ông từ trại B5 chuyển qua, chắc còn thuốc đốt? Ông nào có cho xin vài điếu?”

Tôi nhớ trong giỏ xách của tôi hình như còn gói thuốc đầu lọc Sài Gòn của Nhiều biếu, tôi đã hút một nửa ở B5, còn lại khoảng nửa gói. Nhiều là người có nhiều thuốc rê nhất trong phòng giam số 7 của B5. Anh không hút thuốc điếu nhưng thỉnh thoảng có mua để mời các cán bộ quản giáo trong khi ra làm việc, gọi là để xin vài ưu tiên gì đó cho anh em trong phòng giam (chẳng hạn được đi chợ thêm hoặc được ra sân chơi lâu một chút...); riêng anh thì thích thuốc rê hơn. Lúc đầu tôi ở biệt giam ra, anh đưa tôi một gói thuốc đầu lọc Sài Gòn, nói là đã mua trong dịp đi căng-tin, để dành biếu tôi, ăn mừng tôi được ra khỏi biệt giam. Tôi định nói thật với anh tù trẻ theo thói quen của mình là tôi có thuốc nhưng nghĩ lại, thấy không cần phải khai báo chuyện này làm gì, bởi vì đâu cần phải mời thuốc một anh chàng thất học mà vô lễ để anh tưởng rằng mình nịnh nọt hoặc sợ hãi anh; vì vậy tôi làm thinh, chứ chẳng phải tiết kiệm gì mấy điếu thuốc. Anh thấy không ai trả lời, bèn đi vòng vòng, lên giọng:

“Thuốc đốt cũng chẳng có nữa sao? Vậy thì thuốc điếu, thuốc rê cũng được, ai có?”

Một, hai người giống tay. Anh cai tù trẻ đến lấy thuốc rê của một người tình nguyện, vừa vắn vừa liếc đầu phòng cuối phòng, thấy tôi, anh nhìn một lúc, bước đến

gần nói:

“Tương tá mây như vậy mà không có thuốc đốt hả?”

Tôi chưa kịp trả lời thì anh lấy hai ngón tay kẹp tay áo của tôi, vò vò thử coi loại vải tốt xấu, rồi nói:

“Áo tốt quá, của đế quốc Mỹ mà, phải không?”

“Tôi không biết. Ở nhà gói vào áo nào thì mặc áo đó thôi.”

“Ở nhà gói vào? Vậy tức là có thăm nuôi rồi, thăm nuôi mà không có thuốc đốt hả?”

“Không có,” tôi đáp.

“Đưa cái giỏ của mây tao coi.”

“Anh có quyền đó à?”

“Mẹ! Mây đừng có nói ngang nghe!” anh vừa nói vừa giơ tay định tát tôi.

Tiến, anh tù ngồi kế tôi dang tay ra can, nói:

“Cho xin đi, có chuyện gì thì nói với nhau, đừng làm vậy!”

Anh cai tù trẻ gườm gườm nói:

“Tụi bây tù sĩ quan bênh vực nhau hả?”

Tiến nói:

“Đây chẳng phải chuyện bênh vực, chỉ là muốn hòa thuận với nhau thôi. Bữa nay không có thuốc, khi nào có sẽ đưa.”

Tôi nói:

“Tôi có thuốc, nhưng hỏi xin đảng hoàng lịch sự thì tôi cho, cả cán bộ quản giáo xuống đây cũng vậy thôi. Không có cái lệnh nào mà bảo tôi đưa thuốc cho cán bộ hút được cả!”

Anh cai tù trẻ lại nhá tay định xắn tới tôi, hai người tù ngồi hai bên tôi đưa tay can ngăn. Anh cai tù lầm bầm chửi thề chửi tục một lúc rồi bước ra. Tiến nói với tôi:

“Cái bọn này! Gặp tôi ở B5 thì tôi dẫn cho nó một trận nhừ tử. Bây giờ mình ở trong cùm, lại đến sau, đâu biết phe cánh gì của nó ra sao mà dám hó hé với nó. Thầy

Khang nhin tụi nó đi kéo phiền lắm!”

“Tôi đâu có ghiền thuốc, vài điều thuốc cho nó thì dễ thôi. Có điều, cũng tùy chuyện mà nhin. Nó mất dạy như vậy mà nhin nó thì nó cứ mất dạy hoài, không thay đổi được. Cứ mỗi lần nó hô lên một tiếng mà mọi người đều hai tay dâng thuốc cho nó thì nó cứ lên mặt, tưởng nó là cha chú, bức hiệp kẻ khác hoài.”

Vừa dứt lời đã thấy anh cai tù trẻ quay trở lại, đi chậm chậm từ đầu phòng đến cuối phòng rồi quay ngược trở lại, vừa đi vừa gườm gườm với đôi mắt hằn học, dữ tợn, như để thị uy. Hình như anh muốn nói điều gì đó, nhưng rồi đổi ý, không nói. Đến gần cửa ra vào, anh bỗng khịt mũi mấy cái, hét lớn:

“Thằng nào ia trợn trong quần?”

Không ai trả lời. Anh cai tù quắc mắt nhìn một hai người ở phía đầu phòng, hỏi:

“Hình như ở khoảng này. Ai? Nói mau!”

Một ông già giọng tay lên, nói lí nhí:

“Tôi... tại vì bị cùm như vậy, không kịp... xin mở cùm giùm cho để tôi ra ngoài rửa ráy, giặt đồ.”

Anh cai tù chẳng nói chẳng rằng, xắn tới bộp tai ông già mấy cái liên tiếp. Tôi nghe nóng ran trong người như thể chính mình bị bộp tai. Người tôi như muốn chồm lên. Cách tôi khoảng hai mươi người, một anh tù khác cao to hình như cũng muốn tung người khỏi cùm sắt để nhào tới anh cai tù. Một người ngồi kế bên đã giữ anh lại. Cả phòng im phắc. Có tiếng ông già khóc thút thít. Ông già mặt mày hiền khô. Tiến đã giới thiệu trước với tôi khi sáng rằng ông ta là giáo sư trung học trước năm 1975, tham gia lực lượng Phục quốc ở Long Khánh. Nhìn ông, tôi nhớ đến người cha già hiền lành của mình. Tôi tưởng tượng nếu cha tôi lâm vào hoàn cảnh này, bị một thanh niên mười tám mười chín tuổi, đáng tuổi con mình bộp tai như vậy... Thực là hết chỗ bàn nói. Cái xã hội này, với đây những biểu ngữ kêu gọi thực hiện nếp sống văn minh, vậy mà càng lúc càng thấy sản sinh ra nhiều hạng người

cộc cằn, vô lễ, thất học, không còn biết quý trọng những người già cả và những người lớn tuổi hơn mình, chỉ biết cậy quyền cậy thế, tham lam lợi lộc. Ôi, nói làm gì vẫn hiển bốn nghìn năm để tôi phải tận mắt chứng kiến những cảnh trái tai gai mắt này... Nhìn ông già méo máo khóc trước chàng thanh niên võ biên đang như tay định đánh đập thêm, tôi không kềm lòng được, khóc, không khóc ngoài mặt mà khóc rung rúc ở trong lòng. Tôi chồm lui về phía đầu nằm của mình thọc tay vào giỏ xách. Tiến quay lại hỏi:

“Thầy định làm gì vậy?”

“Lấy thuốc cho nó.”

“Thôi, thầy đừng làm vậy. Hồi nãy không cho, bây giờ lại cho! Nó tự ái không chịu lấy đâu. Và lại... nó sẽ nghĩ mình sợ nên chịu thua nó.”

“Thì chịu thua nó lần này đi, rồi dạy nó sau.”

Tôi cầm gói thuốc trong tay, vừa ngồi ngay trở lại đã nghe giọng anh cai tù hét:

“Cởi ra, cởi quần ra, mau!”

Ông già vừa khóc vừa cố gắng cởi cái quần xà-lõn ra khỏi cái chân bị cùm. Loay hoay một lúc, ông nói:

“Xin rút cây sắt dùm cho chứ cùm như vậy làm sao cởi!”

“Mẹ mày, rút sắt để tụi bây nhào ra, xúm nhau trồn trại đó hả! Cởi không được thì xé, xé mau!”

Ông già chưa kịp làm gì với đôi bàn tay gầy xương xẩu thì anh cai tù giằng lấy cái quần đang kéo tới chân của ông, xé toạc ra, rồi cầm cái quần lên, vát mạnh vào người ông, hét:

“Nhai, nhai cho hết cái quần cứt của mày, mau!”

Máu nóng trong người tôi lại sôi lên sùng sục. Tôi vội rút một điều thuốc đầu lọc đưa lên môi, bật lửa. Phía kia, anh cai tù tiếp tục bắt nạt ông già, buộc ông phải nhai cái quần dính phân của ông. Anh cai tù cứ như tay đòi bộp tai, đòi đánh khiến ông già phải đưa cái quần lên miệng, nhưng chỉ đưa đến gần rồi cứ ngồi đó mà khóc.

Khói thuốc thơm tỏa ngập phòng giam trong thoáng chốc. Anh cai tù quay phắt lại, thấy tôi hút thuốc, anh hơi khựng lại một lúc. Theo thể thường thì lẽ ra thái độ và hành động của tôi khiến anh phải tức giận thêm mới phải, đằng này, tôi thấy rõ anh dịu xuống ngay. Anh bị khói thuốc thơm thoï miên, lôi cuốn. Té ra những người vừa thất học vừa thiếu liêm sỉ thì cảm hóa và xoay chiều họ dễ biết bao. Tôi nói ngay:

“Thôi tha ông ấy đi, đến đây hút một điếu cho vui.”

Anh hơi ngập ngừng, miệng tiếp tục chửi rửa, rồi tay chống nạnh, hướng về chỗ tôi. Tôi đưa gói thuốc mời anh, anh quay mặt qua phía ông già, mắt còn trợn trừng, miệng còn chửi lảm bảm, và tay cứ việc rút điếu thuốc, mồi lửa.

“A, thuốc Sài Gòn hả, tôi khoái thứ này lắm, lâu quá mới được hút! Anh Hai có thuốc đốt mà hồi nãy làm khó em!”

“Tôi đâu có thuốc đốt, chỉ có thuốc đầu lọc thôi.”

“Thì đầu lọc là đốt đó mà.”

“Ai mà biết. Nè, cầm thêm mấy điếu để dành hút. Còn vụ ông già kia, anh cho ông ấy ra ngoài rửa ráy đi, đừng đánh ông tội nghiệp.”

“Dễ thôi, anh Hai. Nhưng bực mình ổng quá đi.”

“Cứ coi ông ấy như ba mình ở nhà vậy. Đối xử với ba mình làm sao thì đối xử với ông ấy như vậy.”

Anh cai tù ngó tôi một lúc, một thoáng buồn hiện lên trên mặt anh. Anh kéo thêm một hai hơi thuốc thật dài rồi quay trở ra, nói với ông già:

“Ông ra ngoài rửa dít rồi thay quần thật nhanh. Ê, thằng kia, rút U rồi đưa ông già này ra hồ!”

Anh tù trực vệ sinh chạy vào, rút cây sắt. Ông già được dẫn đi. Phòng giam vui vẻ, được thả giò thong thả một lúc. Ai nấy nói chuyện bình thường trở lại. Anh cai tù quay trở lại chỗ tôi, đốt điếu thuốc khác, vừa đốt xong, đã nói:

“Ba em chết rồi. Em giết ông chứ ai. Vì vậy mới vào đây. Nhà đã nghèo mà ông cứ say sưa, uống rượu, về nhà còn đánh đập má em, em bênh má định đánh lại ông thì bị ông xách dao rượt đuổi... cuối cùng, chờ ông ngủ say, em lụi ông mấy dao. Hờ, lúc đó em mới mười bốn tuổi. Thực ra đâm ông rồi, em đau khổ lắm. Em hối hận ngay nên mới ngồi bên cạnh ông mà khóc cho đến khi công an đến bắt. Em đâu có chạy trốn. Em chẳng hiểu sao em lại giết ông. Chắc tại nhà nghèo quá, khổ quá! Hồi đó em theo ba đi câu cá, lưới cá ở sông, vui lắm. Ông còn làm điều cho em chơi. Lúc em bệnh thương hàn, ông cũng em đi suốt đêm từ trong rừng ra tới nhà thương huyện. Em... em không hiểu sao em lại giết ông. Em ngu quá, anh à.”

Anh cai tù ngồi ghé xuống khoảnh ván còn thừa ra phía trước, chỗ gần cái chân bị cùm của tôi. Nghe anh kể, tôi cảm thông ngay, bao nhiêu bất bình lúc nãy nhường chỗ cho một mối thương tâm, tội nghiệp. Tôi vỗ vai anh, nói:

“Biết ăn năn thì ba sẽ tha thứ, không chấp trách đâu.”

“Thiệt hả? Nếu em ăn năn ba em có biết không?”

“Biết. Lúc em ngồi khóc bên cạnh xác ông ấy, ông ấy biết.”

“Vậy ông có tha thứ cho em không?”

“Lúc đó thần thức của ông ấy tỉnh táo lắm. Ừ... em không hiểu chữ thần thức, phải không? Có thể tạm hiểu như là linh hồn vậy. Linh hồn của ba em tự biết cái gì đã xảy ra và cái gì xui khiến em làm vậy. Ông ấy đã tha thứ cho em rồi, điều còn lại là em phải làm sao sống đàng hoàng, đừng hại ai, đừng làm buồn lòng ai... có vậy ba em mới yên lòng được.”

“Anh Hai à, anh tên gì vậy?”

“Khang, còn em?”

“Em tên Lộc. Em xin lỗi anh Khang, khi nãy em...”

CỜI TRÓI TẬP II

“Không sao đâu Lộc. Nhìn lại ông già kia kia. Nếu ba em còn sống, chắc cũng cỡ tuổi ông, phải không?”

“Ba em trẻ hơn.”

“Nếu ba em bị người khác đánh đập... em thấy sao?”

“Em... em biết lỗi rồi. Cám ơn anh.” Lộc đứng dậy tính rời chỗ tôi, nhưng rồi đứng lại nói, “khi nào anh cần gì, nói em biết nghe. Em ở đây bốn năm rồi, em quen hết công nhân với chức năng ở đây đó anh Khang.”

Lộc đến chỗ cửa phòng, hỏi thúc anh trực vệ sinh xỏ râu chúng tôi lại. Ông già bị Lộc đánh khi này đã về lại từ mấy phút trước, còn run rẩy e sợ Lộc giờ trò du đặng bộp tai ông thêm. Nhưng Lộc chỉ đứng im, dựa vào ngạch cửa chờ anh trực vệ sinh xỏ U. Rồi Lộc đến trước ông già nói lí nhí mấy lời, tôi nghe không rõ lắm, nhưng đoán là Lộc đã xin lỗi ông ấy. Tôi thở phào sung sướng.

Trong giờ cơm chiều, tôi nhìn ra ngoài bắt gặp một khuôn mặt quen thuộc đang đi chậm chậm dọc theo hành lang như tìm kiếm người quen trong số tù mới chuyển đến. Thấy tôi, người ấy hơi giật mình, mắt sáng lên, đứng lại ở trước cửa, nhú mày nhìn. Tôi liền đưa tay lên vẫy. Người ấy bước đến, chào:

“Khang mới chuyển đến hồi trưa này, phải không?”

“Ừ, Thiện Hiền thì sao?”

“Cũng hơn một năm rồi. Từ Long Đất chuyển đến. Khang có nhớ thời gian Khang trốn ở nhà bà Bàn, tôi có nhắc Khang là tôi sẽ đến đó kêu Khang đi vượt biên khi có chuyện?”

“Ồ... có chuyện đó hả, tôi quên mất.”

“Mau quên quá vậy! Lúc đó tôi nhắc cô Như Tâm dặn Khang đừng đi đâu, chờ tôi đến gọi đi. Đến khi đi thật, tôi đến thẳng nhà bà Bàn nhưng bà ấy nói Khang không còn ở đó nữa. Đó, chuyện đó tôi bị bẻ, bị bắt ở Long Đất tháng 7 năm 1985. Cũng may là Khang không đi chung chứ nếu chung thì cũng dính vào đây sớm rồi.”

Tôi cười:

“Không đi chung thì cũng gặp ở đây chứ có khỏi đâu. Nhưng anh bị bắt hồi tháng 7 năm 1985, vậy là tôi bị trước anh 2 tháng chứ không phải anh bị bắt trước tôi đâu.”

“Vậy à! Khang bị về vụ... đó, chứ đâu phải vượt biên, phải không?”

“Ừ, vụ đó, cho nên mới nằm chung phòng với mấy anh em này. Thiện Hiền làm gì mà được đi rông rông thoải mái vậy?”

“Tôi ở trong tổ hái thuốc Nam, lại là thầy giáo kèm dạy học cho một thằng lỏi con mười tuổi, con một ông cán bộ gộc của công an Tỉnh Đồng Nai. Hái thuốc Nam thì hai ngày đi một buổi sáng; buổi chiều thì dạy cho thằng nhỏ học chữ với học toán. Cho nên cũng khá nhẹ nhàng, rảnh rỗi. Mình dạy kèm cho con cán bộ nên được ưu tiên đi ra đi vào tự do trong khuôn viên trại.”

“Ồ đây người ta có biết Thiện Hiền là tu sĩ không?”

“Chắc không ai biết đâu, tôi đâu có khai tu sĩ. Họ thấy tôi hiền, nghiêm mà lại biết chữ nên mới bắt tôi dạy kèm thằng nhóc mất dạy đó. Ô, cái thằng này mới mười tuổi mà đã biết cậy quyền cậy thế, bắt nạt biết bao nhiêu tù nhân trong trại này. Nó chỉ sợ có tôi thôi. Tôi đang bắt nó làm bài tập nên mới đi rảo rảo xuống đây tìm người quen, té ra gặp Khang. Không ngờ rồi cũng có ngày tái ngộ, Khang nhỉ. Thôi, biết Khang ở phòng này, khi nào có dịp, tôi ghé thăm... nhưng chắc khó lắm, vì tụi chức năng ở đây đề ý từng người, có chuyện gì nghi ngờ chúng báo cáo lên cán bộ ngay, phiền lắm. À có thầy Quảng Bình cũng bị giam ở trại này, tội vượt biên. Khang biết thầy ấy không?”

“Tên nghe quen lắm, nhưng chắc phải gặp mặt mới nhớ. Thầy ấy ở phòng nào?”

“Đang ở bệnh xá, bị bại liệt chân.”

“Dữ vậy!”

CỜI TRÓI TẬP II

“Hơ, ở đây bị liệt chân là chuyện thường thôi. Cùm chân một thời gian, hoặc bị kỷ luật chùng nửa tháng thì thành bại liệt, lạ gì đâu chứ. Thầy ấy bị bắt, không khai là tu sĩ, cuối cùng bị phát giác là khai man nên cán bộ cho biệt giam kỷ luật rồi tăng án thêm 2 năm. Khang có khai là tu sĩ không?”

“Tôi không cần khai họ cũng biết rồi. Họ tự động ghi hồ sơ tôi là tu sĩ ngay từ đầu.”

“VẬY CŨNG CẶNG LẮM ĐÓ. Ít khi nào họ trả tự do cho tu sĩ. Đã lỡ bắt rồi thì hình như không muốn thả ra nữa. Vượt biên như thầy Quảng Bình thì còn đỡ chứ Khang dính vào chính trị, e khó có ngày... Thôi, tôi phải đi nghe. Khang ráng giữ gìn sức khoẻ. Khi đi lao động, cố gắng làm hết mình kéo bị tụi nó cúp cơm, đánh đập, cho vào kỷ luật... sẽ bệnh hoạn, bại liệt... ón lắm!”

“Tôi biết.”

Thiện Hiền bước ra. Thấp người, vai ngang, dáng đi như gấu. Tôi và Hiền bằng tuổi nhau. Chúng tôi quen nhau vào năm 1976 khi tôi ra Vạn Giã tìm mối ghe vượt biên. Từ khi tôi rời Nha Trang vào năm 1978, chúng tôi không còn gặp nhau nữa. Tu sĩ trẻ chúng tôi dưới chế độ cộng sản có nhiều công việc phải miễn cưỡng dấn thân vào, và công việc nào cũng chiếm đi khá nhiều tâm sức và thì giờ. Chúng tôi vừa kịp lớn thì đã phải đối đầu với một thứ độc tố tinh thần tràn lan trên xứ sở. Để tự vệ và sống còn, chúng tôi phải chống lại hoặc đành lòng rời nước mà đi. Thành phần tu sĩ Phật giáo chúng tôi đang có mặt trong các nhà tù cộng sản chỉ bởi hai phương hướng hành động đó. Có thể sẽ có người nói rằng sở dĩ chúng tôi vào tù cũng chỉ vì chúng tôi vọng động, không chịu ở yên một chỗ để lo tu, lại đi dính vào thế sự... để thiệt vào thân, cản trở chuyện tu hành. Bốn năm trước, trong thời gian tôi tổ chức Đoàn Phật Tử Phụng Đạo, lo việc cứu giúp dân nghèo ở kinh tế mới, đã có vài tăng sĩ nói với tôi ý đó và mai mỉa cười vào những việc tôi làm. Sau này, tôi bị công an truy nã về tội có liên can đến lực lượng Phục quốc, họ

càng cười tôi thêm. Tôi nghe bạn bè thuật lại từng lời biếm nhẽ của họ mà không có cơ hội nào để nói chuyện với họ. Không phải tôi cần gặp họ để biện minh cho những việc làm của tôi, mà chỉ muốn gặp họ để nói với họ rằng, chính từ cái vị thế bất khả phân ly giữa Phật giáo với dân tộc gần hai ngàn năm trên đất nước này mà người tăng sĩ Phật giáo, ở bất cứ thời đại nào, cũng luôn luôn có mặt ở ngay tuyến đầu của mọi hiểm nguy để chống đỡ và gánh chịu tất cả nỗi thống khổ khốn cùng của dân tộc. Nói rằng “Phật giáo với Dân tộc là một” là nói ngoa nếu ở giai đoạn cực kỳ khổ đau của toàn dân, những người con Phật từng thệ nguyện ban vui cứu khổ lại an phận thủ thường, hoặc điềm nhiên tọa thị, hoặc a tòng xu phụ với bạo lực cường quyền để bóp nát bao chồi hy vọng và quyền sống của sinh dân! Cho nên, dù thế nào đi nữa, tôi vẫn tha thiết muốn họ hiểu rằng, không phải chỉ có tôi cần sự dân thân của họ, mà đất nước này, cả dân tộc này, đang chờ đợi sự lên đường của họ. Họ chỉ cần đồng loạt cất bước thì ngay ở bước chân đại nguyện đầu tiên đó, đất nước sẽ chuyển mình ngay.

Ngồi im nơi phòng giam vào khoảng thời gian trống trải trước giờ phát cơm chiều, tôi bất lực nhìn hai cổ chân bị xiềng của mình. Và trong một phút buồn lặng trong lòng chẳng biết tỏ cùng ai, tôi chợt cất khẽ một lời kêu gọi mông lung, gọi vào khoảng trời mây nhá nhem ngoài khung cửa sổ: hỡi những người bạn trẻ đồng hành của tôi, hai chân tôi bây giờ đang bị cùm xích, không đến với bạn được, không cùng song hành với bạn được; nhưng nếu được cởi trói, tôi sẽ tiếp tục bước lại từ đầu bước chân đại nguyện của người tăng sĩ Phật giáo trước cơn khổ lụy của quê hương.

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG MƯỜI TÁM

Nàng cười khúc khích mãi ở chi tiết đoàn tù bị lừa xuống ao để tắm. Nhìn nàng cười vui, tôi cũng cười theo. Nàng nói:

“Nhu vậy, từ hai năm nay, lần tắm hôm qua ở nhà em là lần thoải mái nhất, sáng khoái nhất cho anh, phải không?”

“Hẳn nhiên rồi. Hai năm rồi mới được tắm một cách đàng hoàng như một con người. Mà chuyện ấy chưa thấm gì đâu. Còn nhiều trò man rợ, hãi hùng và buồn cười hơn nữa kia. Trong đó, có chuyện không tiện kể cho em nghe đâu...”

“Cứ kể tự nhiên đi mà, không tiện thì nói hé hé một chút, em cũng đoán ra...”

Tôi cười nhìn cái vẻ nhí nhảnh trẻ con mà đáng ra không có ở tuýp người nghiêm trang nề nếp như tôi nhận xét về nàng lúc đầu. Tôi nhấp cà phê, cười tùm tùm với nàng, rồi tiếp...



Năm phút sau giờ cơm tối, chúng tôi được anh nuôi phát cho mỗi người một nửa ca nước nóng để uống. Cũng như bữa ăn lúc trưa, nước này vừa dùng để rửa cái ca hay cái gà-mên nhận cơm của mình lại vừa lấy chính nước rửa đó làm nước uống. Suốt ngày chúng tôi bị cùm trên sạp gỗ, không được ra ngoài, tiểu tiện đại tiện tại chỗ (vào cái lon sơn mà anh trực vệ sinh mang đến), tắm rửa thì chỉ kịp hụp đầu xuống nước hồ sen hai lần sao cho kịp hai phút mà cai tù đếm số, không có thì giờ đánh răng súc

miệng, không có thì giờ giặt đồ (muốn giặt thì phải nhịn tắm vì phải lấy chính hai phút tắm mà giặt thật nhanh áo quần của mình)... Lo vệ sinh cho chính thân thể còn không được xem là trọng thì chuyện rửa sạch cái ca lãnh cơm, vật ngoại thân, hẳn nhiên là không cần thiết gì cả.

Vừa nhấp được vài tợp nước đã nghe loa phóng thanh từ góc rào nào đó the thé cất lên tiếng hô xung phong của một nữ du kích quân chống Mỹ cứu nước. Nghe qua đã thấy rung mình ớn lạnh trong người. Thực ra đó chẳng phải là tiếng thúc quân đánh trận, mà là tiếng hát đấy! Hát thế nào mà tôi là người Việt vẫn không hiểu gì cả, cứ y như là nghe một bài ca tiếng Tàu vậy. Bài ca Tàu thì còn đỡ. Giống như cô gái Tàu nào đang cãi lộn với hàng xóm hoặc bị người ta rượt đuổi, la lên cầu cứu. Tội nghiệp. Khi đã nghèo, đã mệt thì nghèo mệt đến tận cùng lời ca tiếng hát. Cảm hứng của một nghệ sĩ chân chính có thể sáng tác được một nhạc phẩm bất hủ cho triệu người thưởng thức nhưng lòng hăng hái nhiệt thành của hai triệu người đối với lý tưởng thì chỉ nẻ ra được một thứ tiếng thét vô hồn chẳng ai nghe lọt được lỗ tai. Dốt đẻ ra dốt. Nghèo đẻ ra nghèo. Không phải cái gì do tập thể cùng làm thì cái đó phải tốt đẹp. Chất liệu tồi tàn thì có cố gắng cách mấy cũng chỉ tạo ra những thành quả èo uột, thô kệch. Người ta tưởng rằng con người trong cuộc đời giống như con chuột trong ống cống: hễ chặn đầu này thì ắt nó phải chạy đầu kia. Muốn mọi người ùa về một phía thì cứ việc cấm đoán ngăn chặn kỹ lưỡng ở phía này. Cho nên mới tập trung tất cả phương tiện để cổ xúy cho một đầu mối của lưỡng cực. Thế giới và tâm thức con người trở nên “điên đảo mộng tưởng” thêm là từ chỗ đó. Đầu phải cứ bắt buộc mọi người phải hồ hởi và phải tin vào sự vinh quang vĩ đại của chủ nghĩa thì mọi người sẽ hạnh phúc ấm no! Cũng không phải cứ cười lên thì sẽ có hạnh phúc. Có hạnh phúc đi, thì tự khắc nụ cười sẽ nở trên môi. Không có phương pháp cười, không có hình thức cười, không có nỗ lực cười, không có sự tập luyện cười. Không

có cái cười nào thực sự là nguyên nhân của hạnh phúc. Chỉ có hạnh phúc thật sự của tự tâm mới làm nở ra những nụ cười chân thật. Cả cái xã hội múa rối cải lương này thực ra chỉ sống với những nụ cười lừa dối, gương gạo. Người ta biết vậy nhưng cứ giả đồ tin tưởng là có một thứ hạnh phúc nào đó qua những nụ cười vô hồn, rỗng tuếch—vì nếu đánh mất lòng tin tưởng này thì họ có thể bị người cùng hội cùng thuyền cho rằng mình không đủ cao siêu, không đủ trình độ để lãnh hội và thường thức cái phương pháp do thần tượng cóp nhặt hoặc phóng tưởng ra. Cuối cùng, có những người máy biết nói, biết viết, biết làm thơ, và biết ca hát... Ai cũng có thể trở thành nghệ sĩ trong cái ống công: nói mãi về một chuyện, cười mãi bằng một cách, hạnh phúc sẽ từ đâu đó có mặt.

Nhạc vừa dứt, bài học chính trị bắt đầu. Bài học về chính sách cải tạo thương nghiệp và hợp tác hóa nông nghiệp. Những bài học này hình như đã được viết và thi hành từ cuối thập niên trước. Tù nhân chỉ cần nghe thôi, khỏi cần giấy bút để ghi chép, cũng không cần thảo luận góp ý gì, cứ nghe mãi vào đầu rồi để nó tự thấm. Cải tạo là cải tạo ở chỗ đó. Nếu không có loa phóng thanh các bài học chính trị thì hóa ra trại tập trung cải tạo chỉ là trại tù khổ sai thôi sao! Cho nên, phải có chút “văn hoá” gì đó để cho trại giam có chút ý nghĩa “cải tạo.” Thực ra giả đồ lắng nghe thì cũng chẳng khó khăn gì, có điều hơi phiền cho chúng tôi là mấy anh cai tù cứ đi tới đi lui, kiểm soát xem có người nào thiếu tích cực trong việc “cải tạo” không. Nằm ngủ hay nằm nghỉ trong lúc bài học chính trị đang phát thanh dĩ nhiên là thiếu tích cực, cần phải trừng phạt rồi. Nhưng ngồi co một giò, đưa đầu gối lên ngang mặt cũng là một hành vi tiêu cực. Ngồi bó gối thì có vẻ tiêu tư sản ăn không ngồi rồi, cũng không được. Vậy là, cai tù bắt chúng tôi ngồi duỗi hai chân ra trước mà lưng phải thẳng—giống như một tư thế du già thể dục vậy đó. Mà thẳng sao được khi một chân chúng tôi “đeo kiềng” thì đặt trên sạp gỗ, cục cựa rất khó khăn, chân còn lại thì bị

cùm vào thanh “trường kiểm” và treo hồng lên! Trong tư thế đó, chỉ có mấy nhà xiếc đại tài dẻo xương dẻo gân mới làm cho lưng muốn thẳng thì thẳng, muốn cong thì cong, chứ lũ người lao động nghiệp dư như chúng tôi thì làm sao biểu diễn chuyện đó được! Cho nên, nói là ngồi dậy để học chính trị mà kỳ thực chỉ là tập làm xiếc sao cho khỏi đau lưng mà thôi.

Gần một giờ đồng hồ loay hoay với cái tư thế kỳ cục thốn cả xương sống đó, bài chính trị mới chấm dứt. Chúng tôi thở phào nhẹ nhõm, tính ngả lưng nằm xuống cho đỡ mỏi thì một cai tù khá già bước vào, bảo chúng tôi cứ tiếp tục ngồi tự nhiên! Ông tự giới thiệu tên ông là Đại, cũng là tù như chúng tôi, có điều ông là tù cũ, được giao trách nhiệm kiểm soát và hướng dẫn các phòng giam chúng tôi sinh hoạt vào buổi tối sau giờ lao động. Ông Đại ngủ ở đâu chúng tôi không biết. Suốt ngày chúng tôi cũng chẳng thấy ông đâu cả. Có lẽ ông cũng là một cai tù, có chỗ ngủ trên văn phòng hay một phòng đặc biệt nào đó. Phòng chúng tôi là phòng 2, theo ông Đại cho biết là cần quan tâm lưu ý. Ông Đại cho biết sơ về nội qui, kỷ luật và các sinh hoạt hàng ngày theo kèng báo của trại. Như vậy, thời khoá biểu hàng ngày của chúng tôi được sắp xếp như sau:

- 4 giờ sáng thức dậy lãnh phần cơm điểm tâm (chùng một chén rưỡi); lãnh cơm xong, muốn ăn thì ăn luôn lúc đó hoặc cất để dành ăn chung một lần với cơm trưa thì tùy ý (vì không ăn lúc này thì chỉ có thể ăn được vào lúc cơm trưa chứ không có thời gian trống nào để ăn sáng cả); thức dậy khi các anh nuôi mở cửa đem cơm mấm vào phát chứ không có kèng báo gì cả.

- 5 giờ có kèng báo thức chính thức.

- 5 giờ 30 sáng, hăng hái đứng dậy tập thể dục tại chỗ để thực hiện nếp sống văn minh của xã hội chủ nghĩa (tức là chân vẫn cứ bị cùm nhưng ba mươi người trong một xâu “trường kiểm” phải ráng vịn nhau mà đứng dậy—muốn đứng dậy, phải hô “một, hai, ba” rồi đồng loạt

CỜI TRÓI TẬP II

nương nhau mà đứng, người nào không đứng dậy thì số người đã đứng sẽ bị mất thăng bằng khiến cả một xâu người loạng choạng hoặc té nhào hết cả. Đứng dậy trong khi hai chân còn bị cùm cũng là một động tác kỳ công của con nhà xiếc: một chân bị khập khiễng vì treo dính vào “trường kiếm”, chân còn lại tuy có thể đặt được vững vàng trên sàn nhưng cũng đeo một “đoàn kiếm” khá nặng và kên càng nên phải hết sức chú ý kéo kiếm của mình gác treo vào kiếm người kế bên, rất dễ té. Chưa hết: đứng được rồi, phải một tay vịn vào vai người kế bên, một tay cử động tập thể dục theo tiếng hô “một, hai, ba, bốn; bốn, ba, hai, một” của anh huấn luyện viên nào đó trong loa phát thanh. Cử động cái tay còn dư đó thôi, khi nào có cai tù bước ngang hoành hoạc la lối thì ráng đưa luôn cái tay còn lại ra, đưa nhẹ nhàng, vừa phải, vì càng động mạnh chân càng đau và có thể khiến cả xâu người đổ nhào. Như vậy, nguyên mười phút tập thể dục chỉ làm được một động tác duy nhất là đưa tay lên trời rồi bỏ xuống).

- 5 giờ 40 sáng, vừa dứt tập thể dục thì mọi người đã đủ tỉnh táo và lòng nhiệt thành hăng hái để cùng cất tiếng ca lên thật to bài “Như có Bác Hồ...” gì gì đó. Từ trẻ đến già, trong cùm hay ngoài cùm cũng đều phải hát, và theo như một anh cai tù đi ra đi vào nhắc nhở với nụ cười châm biếm và hai bàn tay nâng lên, hát lên như nhạc trưởng điều khiển dàn đại hòa tấu, ai cũng ngầm hiểu là phải hát cho thật say sưa, thành khẩn, tha thiết theo giọng ca cố ý hùng tráng và dậm vào quyết tâm của chàng ca sĩ nào đó từ loa phóng thanh. Không thuộc bài ca thì cũng phải giả đò nhép nhép miệng để khỏi bị cai tù phạt roi. Tiếng ca của cả ngàn tù nhân ở khắp các dãy phòng giam nghe dập dồn hùng mạnh như bước chân chập chùng của một đoàn quân sắp ra trận tuyến, cơ hồ làm lu mờ cả một bình minh đang rạng sáng ở trời đông, làm tăng thêm lễ sống và ý chí lao động cho người tù... Vậy mà nhiều anh tù vẫn nghiêng răng trèo treo, có hát thì cũng chỉ hát “Như

có con gì trong quần em nổi chứng...” cho đỡ tức. Sau bài ca hớn hờ chào Bác thì tiếp liền nội qui trại. Tất cả đều phải đọc to lên. Dĩ nhiên chúng tôi mới vào đâu có thuộc và có lẽ sẽ chẳng bao giờ thuộc vì không có cán bộ hay cai tù nào đưa bản nội qui bắt học cả: tất cả thì giờ đều dành cho chuyện lao động. Có thể ở một thời gian nào đó trước đây, số tù nhân cũ ở đây đã có một thời gian được nghỉ lao động để học nội qui nên mới thuộc mà đọc vang rân khắp trại.

- 6 giờ sáng được rút sắt cho ra sân, xếp hàng đi lao động (bọn tù mới chúng tôi sắp xếp ngồi thành hai hàng, mỗi hàng có xâu chung một “trường kiểm”, ngồi tại chỗ dùng búa và đục để đá, chẻ đá. Đá tảng do toán tù khác vác trên vai về, chẻ ra thành từng miếng nhỏ, rồi đập nát ra cỡ một đồng xu để trải đường đi, xây cất nhà cửa... Đại tiện, tiểu tiện thì có người trực vệ sinh mang lon đến tận nơi lao động. Làm việc từ 6 giờ đến 12 giờ trưa thì có người đem cơm đến phát ngay tại chỗ lao động, ngồi trong cùm mà ăn trong vòng 10 phút thì làm việc tiếp).

- 6 giờ chiều được nghỉ lao động, xếp hàng xuống ao để nhúng nước cho trôi bụi bặm bám trên người suốt một ngày dài nắng dầm mưa. Nhúng nước trong vòng 2 đến 3 phút. Ngoài 2-3 phút này, không còn cơ hội nào trong ngày để tắm rửa, giặt đồ, đánh răng...

- 6 giờ 30 chiều nhận phần cơm tối, ăn trong cùm, trên cái sạp gỗ làm giường ngủ.

- 7 giờ tối ngồi dậy trong cùm nghe phát thanh bài học chính trị.

- 8 giờ tối nghe “thủ trưởng” —người chịu trách nhiệm phổ biến các tin tức và thông báo chung của trại cho phòng giam—nói chuyện sinh hoạt phòng giam chừng 15 đến 30 phút. Sau giờ này có anh nuôi hậu cần vào ghi tên ai muốn mua thực phẩm hay thuốc lá sẽ được anh nuôi đem đến vào những ngày kế tiếp (tiền và quà thăm nuôi của thân nhân gửi vào đều phải đưa hết nơi kho hậu cần cất giữ giùm—chỉ được nhận một số thức ăn tươi

CỜI TRÓI TẬP II

và vài thứ cần thiết để dùng trước, khi nào hết thì báo hậu cần, xin lấy thêm). Rồi sẽ có ban y tế (cũng là tù nhân cải tạo) của bệnh xá vào từng phòng để phát thuốc cho người nào khai bệnh. Bệnh nhẹ thì phát thuốc, bệnh nặng thì y tá ghi tên vào sổ bệnh, 6 giờ sáng hôm sau trong lúc điễm danh đi lao động sẽ được cai tù gọi tên cho vào bệnh xá nghỉ bệnh cho đến khi nào ban y tế xét thấy đương sự hết bệnh thì trả về phòng giam để đi lao động trở lại bình thường.

- 10 giờ tối là giờ báo nghiêm, tất cả phải nằm xuống ngủ. Tuy nhiên, ai được cất phiên trực thì phải thay nhau thức mỗi người nửa giờ đồng hồ để gác. Mỗi phòng tùy theo nhân số mà chia cất việc gác đêm. Đây cũng là chuyện rất khôi hài và khá phiền của trại cải tạo K4. Chẳng rõ đây là do ban quản trại nghiên cứu đề ra hay là do đám cai tù muốn lập công với cán bộ trại nên đã dâng lên cái sáng kiến chứng minh khả năng kiểm soát chặt chẽ của mình. Là như vậy: tù nhân cải tạo suốt ngày lao động dưới sự kiểm soát của cai tù và cán bộ, đêm về đã mệt mỏi lại không được ngủ yên giấc mà phải thay nhau canh gác ngay tại chỗ nằm của mình. Người canh gác vẫn bị cùm chân như bao nhiêu bạn tù đồng sàng khác, chỉ khác là phải ngồi dậy trong khi những người còn lại đang ngủ. Trách nhiệm của anh ta là phải thức trong vòng nửa giờ đồng hồ của phiên gác, ngồi dậy giữa bóng đêm (vì đèn phòng đã tắt vào giờ báo nghiêm cho đỡ tốn điện), cứ ngồi im như vậy đề lơ như có ai trong cùng xâu “trường kiếm” của mình làm việc gì nghe rọt rọt như là tháo cùm, cưa sắt thì la lên. Người gác đêm này phải hết sức tỉnh táo mới được, vì chính anh cũng bị cán bộ và cai tù kiểm soát bằng cách nửa giờ đồng hồ đi ngang phòng giam, lớn tiếng hô “Phòng 2 báo cáo đi!” thì phải lập tức “Báo cáo Phòng 2 nhân số 30 người đầy đủ, bây giờ là phiên trực từ 2 giờ đến 2 giờ rưỡi khuya.” Phải khai đúng nhân số của phòng giam và phải nói đúng được khoảng thời gian mình đang gác để chứng tỏ mình đang tỉnh chứ không ngủ. Anh

nào trả lời sai, có cai tù tông cửa xông vào phòng lấy roi hay gậy quất túi bụi: “Ngủ hả, đánh cho mày tỉnh! Ngủ quên lỗ thủng nào trốn trại thì sao biết được hả!” Mỗi người gác nửa giờ đồng hồ, từ 10 giờ đêm đến 5 giờ sáng gồm có 14 phiên gác. Buổi tối vào giờ sinh hoạt phòng giam, thủ trưởng sắp xếp chia phiên gác đêm cho 14 người trong đêm đó, đêm sau đến lượt 14 người kế tiếp. Phòng 30 người thì trung bình cứ ngủ yên được một đêm thì một đêm khác có phiên gác của mình. Người không gác đêm thực ra cũng chẳng ngủ yên được vì cứ nửa giờ lại có tiếng đối đáp ồn ào qua lại giữa cai tù và người gác. Ngoài ra, nửa giờ đồng hồ có ba tiếng keng nghe rất chói tai ở góc nào đó gióng lên báo cho những người gác đêm biết mà đổi phiên gác (bằng cách gọi anh bạn tù nằm kế bên dậy gác thay mình).

Đại khái một ngày của tù nhân tại K4 là như vậy. Khác chăng là ở “hiện trường lao động,” thay đổi tùy theo nhu cầu công việc và nhân sự. Có khi chúng tôi được điều ra khuôn vác đá tảng từ bờ hồ vào sân của Khu C; có khi dọn vệ sinh chung quanh nhà cầu... Tù nhân đông mà không bao giờ thiếu việc. Ban quản trại và những cai tù tích cực luôn tìm cách sáng tạo ra nhiều công việc cho tù nhân làm, liên tục từ ngày này sang tháng nọ, năm này tới năm kia, mỗi tuần chỉ được nghỉ ngày chủ nhật—mà cái ngày nghỉ duy nhất trong tuần này cũng thường bị lạm dụng xâm lấn, gọi là ngày để “dâng Bác,” “dâng Đảng” như thể Bác và Đảng là thứ cô hồn hoạnh tử nào lẩn quẩn lang thang ở đâu trong mấy bụi rậm của trại giam chờ người được cúng quai vậy. Làm việc không lương, ăn uống không đủ chất lượng, sáu ngày một tuần, mười hai giờ một ngày, đám tù mệt mỏi chỉ mong đợi có ngày chủ nhật, vậy mà cứ bị huy động làm việc thêm để dâng Bác, dâng Đảng! Cho nên họ ức lắm. Có người học được ở đâu câu chuyện tiểu lâm, đem kể cho nhau nghe trong giờ giải lao làm cho cả toán tù chính trị cười tùm tùm với nhau, đỡ mệt nhọc.

CỜI TRÓI TẬP II

Chuyện kể rằng có một chiếc ghe vượt biên bị đắm, trên ghe chết hết chỉ còn một người đàn ông và sáu người đàn bà bơi được vào một đảo hoang. Trong hoàn cảnh buồn tẻ của đảo hoang ấy, bất đắc dĩ họ trở thành vợ chồng. Ông chồng duy nhất này được sáu bà vợ chăm sóc mọi thứ chỉ để làm mỗi một việc là “làm chồng.” Có chuyện đó thôi mà ông cũng mệt mỏi, chán ngấy. Cho nên, một hôm trông thấy ngoài khơi một dáng người ôm khúc gỗ đang từ từ trôi tấp vào bờ, cả bảy người trên đảo hoang đều vui mừng. Sáu bà vợ thầm nghĩ rằng: “Ước chi đây là một người đàn ông.” Ông chồng cùng mơ ước như sáu bà vợ: “Ước chi đây là một thằng đồng nghiệp, chia sẻ bớt công việc của mình.” Người bị nạn và khúc gỗ càng lúc càng gần hơn làm tăng niềm hy vọng và nỗi hồi hộp của bảy người. Nhưng đến khi có thể nhìn thấy rõ được người kia, cả bảy người bật ngửa ra, thất vọng: một người đàn bà! Sáu bà vợ chán nản, bỏ đi, không thèm tiếp rước đồng nghiệp mới. Ông chồng thì không kèm được bực tức, la lên: “Mẹ kiếp! Có mỗi một ngày chủ nhật để nghỉ ngơi vậy mà từ nay cũng mất luôn rồi!”

Đó là chưa kể những giờ lao động phụ trội, thay vì mỗi ngày làm việc từ 6 giờ sáng đến 6 giờ chiều thì bắt làm thêm 2 giờ đồng hồ sau khi ăn tối, đến 8 giờ hoặc 8 giờ rưỡi mới được về phòng giam. Tận dụng tất cả công sức và khả năng của tù nhân cải tạo từ nhiều năm qua, trưởng trại K4 và tập đoàn thuộc hạ dưới tay đã tạo nên một khu du lịch chiếm mấy trăm mẫu đất, mấy trăm mẫu ruộng, trong đó có một sở thú với nhiều chuồng thú nhập cảng từ nước ngoài, một công viên, nhiều hồ cá cảnh (trong đó có hồ sen mà chúng tôi xuống tắm mỗi chiều), vài khách sạn và vài nhà hàng sang trọng chuyên tiếp đón người nước ngoài... Tất cả khu du lịch ăn chơi nổi tiếng của K4 đều do khối óc và bàn tay của tù nhân tạo dựng nên. Lúa gạo, ngũ cốc, gia súc, thịt, cá, bàn ghế và vật dụng bằng gỗ, đồ gia dụng bằng nhôm, đồ gia dụng bằng thép, đá vụn xây nền móng cho nhà cửa v.v... tất cả

những thứ này đều do tù nhân sản xuất ra để tập đoàn quân trại K4 hưởng.

Trưởng trại tên là Nhân, tục gọi là Út Nhân, sống đời sống vương giả, quyền uy như một ông hoàng, ông chúa. Cơ nghiệp kếp sù và thế lực vững mạnh của ông này thừa khả năng phả lấp hết mọi nghi vấn và nổi ganh tị của các cơ quan thanh tra kiểm soát nào đó của Đảng và Nhà nước. Tập đoàn quân trại K4 cũng đủ khôn ngoan đến ngăn chặn các phái đoàn nước ngoài đến tham quan trại. Phái đoàn nào đến tìm hiểu sinh hoạt trại giam thì cũng chỉ được trưởng trại khoe khoang các thắng cảnh do bàn tay tù tạo nên chứ chẳng bao giờ được thấy bộ mặt thật của tù nhân. Có gặp chẳng là gặp các anh cai tù mập mạnh, được phát quần áo hẵn hoi. Những anh cai tù này vốn là những người được cán bộ tin dùng và ưu đãi, đang sống ở giai cấp chỉ huy của tù nhân, luôn sung túc vì được cán bộ trại ban thưởng mỗi khi tù nhân làm việc đạt chỉ tiêu, được cán bộ cho phép nhận quà thăm nuôi đầy đủ mỗi nửa tháng, đồng thời được nuôi béo bởi có nhiều cơ hội để bóc lột quà cáp thăm nuôi của tù nhân nào muốn được nói tay roi vọt và được sắp xếp công việc lao động nhẹ. Nghe nói mấy anh cai tù cao cấp của trại có người được trả tự do rồi mà còn quay trở lại xin được làm công nhân ăn lương, làm việc cho trại. Từ xưởng trại đến tù nhân thực thụ phải trải qua nhiều giai cấp xã hội: cán bộ cấp chỉ huy, cán bộ cấp thừa hành, công nhân (đã được mãn án hoặc sắp mãn án, cấp này làm trung gian giữa cán bộ và cai tù), cai tù (chức năng) cấp chỉ huy, cai tù cấp thừa hành—tức là đàn em thuộc hạ của cai tù cắt cử ra để thay phiên mình kiểm soát từng đội lao động nhỏ—rồi mới đến tù nhân. Với nhiều tầng lớp bao che nhau trong lừa dối như vậy, phái đoàn nào đến điều tra mức sống của tù nhân ở trại K4 cũng đều dừng lại ở khu vực khách sạn và nhà hàng sang trọng phía bên kia bờ hồ, gần quốc lộ để được trưởng trại tiếp đãi. Thằng hoặc có được đưa vào sâu hơn, sát hơn với khu trại thì cũng chỉ ngồi trong căn

CỜI TRÓI TẬP II

“nhà tròn” (chữ dùng của tù nhân), căn nhà gỗ rất đẹp xây trên hồ sen như một thứ thưởng nguyệt lầu hay thưởng hoa lầu nơi ngự uyển của cung vua, để nhâm nha yến tiệc, nhìn đám cai tù hay tù nhân mập mạnh được tuyển lựa bày trò đóng kịch thành thoi, dạo bờ hồ ngắm cảnh... Những màn kịch đó chỉ làm vui lòng người xem, còn diễn viên thì dở khóc dở cười, không còn lời nào để bàn nói về sự dối trá mỉa mai làm nặng nề thêm cho thân phận tù đầy đói rách. Sự dối trá dù ở mức độ thấp nhất, có tính cách cá nhân và chỉ tác động lên một thiểu số đối tượng nào đó thì đã là chuyện không thể tha thứ được; vậy mà, ở xã hội này, diễn hình là ở trại giam này, nó được thực hiện công khai, không chút giấu giếm, không chút xấu hổ. Có khá nhiều lần trại tiếp đón các phái đoàn nào đó đến thăm trong đó có hai lần khá buồn cười làm tôi nhớ mãi.

Lần thứ nhất, lúc đó tôi nhập trại đầu chừng hai tuần thì có một phái đoàn không rõ là phái đoàn nước ngoài hay của Bộ Nội vụ, đến tìm hiểu sinh hoạt trại. Ngày đó, tôi còn đeo cùm, ngồi đập đá trong sân của khu C. Cùng chung công việc chẻ đá và đập đá với tôi là khoảng một trăm tù nhân khác. Đang cặm cụi làm việc với sự thúc đẩy của những cai tù cầm roi qua lại, bỗng thấy một viên cán bộ công an từ ngoài chạy xe gắn máy vào văn phòng của Khu C, truyền lệnh mật với Khu trưởng (cũng là tù nhân, “giai cấp” cai tù), Khu trưởng liền ra sân, thông báo lại cho các cai tù khác. Các cai tù lập tức lừa hết những anh tù xác xơ ốm đói vào giấu trong các phòng giam xa nhất, ở cuối dãy. Từ các khu lao động khác, hàng trăm tù nhân bệnh hoạn kiệt sức, áo quần rách nát, cũng bị cai tù lừa về, đem giấu kín. Một số tù nhân mới nhập trại, trông bề ngoài còn khỏe mạnh, áo quần khá thơm tât (trong đó có tôi), thì được cho ngồi lại, tháo cùm, tiếp tục đập đá hay làm những công việc nhẹ nhàng quanh sân. Quang cảnh trại giam thường ngày ồn ào, rộn rịp tiếng bào, đục, cưa, xẻ, đập đá, cuốc đất, xúc đất, la hét, đánh đập... chỉ trong chớp mắt đã biến thành một cảnh

yên bình thanh tịnh như cảnh chùa.

Một cai tù kín đáo đốc thúc việc làm của chúng tôi, rồi tránh ra, ngồi ở dưới bóng cây mát, nói nhỏ nhẹ:

“Làm lâm râm thôi, lâm râm thôi, không hiểu hả? Làm từ từ, nhẹ nhàng, không cần gấp, làm như chơi vậy thôi!”

Nói rồi anh cười. Chúng tôi cũng cười. Vâng, thì làm lâm râm, nhẹ nhàng. Nhưng vác đá tảng và nhấc cái búa tạ để chẻ đá nặng quá mấy anh ơi! Giả đồ nhẹ nhàng còn mệt ứ hơi hơn là cứ làm việc bình thường như mọi ngày!

Đâu chừng một giờ đồng hồ sau, có lẽ phái đoàn vô hình vô ảnh nào đó đã rút đi rồi, anh cai tù đến sát sau lưng chúng tôi, hét lớn:

“Siết cáp, siết cáp!”

Bọn tù chúng tôi chung hừng ngưng tay nhìn anh, ý chừng muốn hỏi siết cáp là cái gì vậy. Thấy chúng tôi còn nghi ngại thắc mắc, anh lại hét rồi vừa giải thích:

“Siết cáp! Là làm lẹ, làm rút, làm nhanh lên đó! Siết cáp, siết cáp!”

Rồi anh cười. Chúng tôi cũng cười. Màn kịch đã qua. Đám tù xơ xác bị giấu kín cũng được thả ra, ùn ùn trở về chỗ lao động của mình, tiếp tục “siết cáp.”

Lần thứ hai, vào một ngày chủ nhật không bị cưỡng bức làm việc thêm để “cúng cô hồn,” chúng tôi đang nằm rồi, ngồi rồi nằm trong cùm, thì ông Đại, thủ trưởng của phòng giam chúng tôi, bước vào ra lệnh tất cả phải ngồi dậy để học bài. Tưởng lại là bài học chính trị về đường lối chính sách gì mới của Đảng và nhà nước, nhưng không phải! Học đường lối chính sách thì mỗi tối vào giờ học chính trị đã có loa phát thanh lo hết rồi. Còn đây là chuyện nội bộ của trại giam K4. Ông Đại dặn dò với vẻ hăm dọa:

“Học thuộc lòng, không được lộn trước lộn sau. Từ nay về sau, bất cứ lúc nào chúng tôi hỏi đến thì các anh phải trả lời vanh vách theo bài học, không được thiếu

CỜI TRÓI TẬP II

một chữ, không được sai một con số! Anh nào không thuộc sẽ bị biệt giam kỷ luật, bỏ đói một tuần!”

Bài học gì mà quan trọng dữ vậy! Đám tù xàm xì to nhỏ. Và được ông Đại giải thích ngay:

“Đây là bài học về chính sách lao động và tiêu chuẩn ăn mặc của cải tạo viên trại tập trung lao động cải tạo K4.”

Ông Đại thuộc loại có học, có biết chữ, nên thuộc lòng và nói chuyện vanh vách, có lớp lang lắm. Xưa kia ông nhảy núi theo cách mạng rồi hối hận sao đó lại quay về thành, chiêu hồi. Sau 30-4-1975, ông trốn đi mấy lần không được, cuối cùng bị cách mạng bắt, kết hai tội: “chính trị xu hướng” (tức là tội vượt biên) và một tội dài dòng khó hiểu “phản bội cách mạng nguyên thủy” (tức là chiêu hồi). Ở tù lâu lại am hiểu đường lối và cách làm việc của trại giam, ông được cất nhắc làm cai tù.

Ông Đại bắt đầu đọc từng câu, từng chi tiết cho chúng tôi. Ông đọc câu nào chúng tôi đồng loạt nhắc lại câu đó. Cứ như vậy, từ câu đầu đến câu cuối. Đọc qua một lần rồi đọc lại, đọc tới, đọc lui, cho đến khi nào thuộc. Đó là phòng giam chúng tôi. Các phòng giam khác cũng vậy, mỗi phòng có một cai tù cầm giấy ghi bài học, hướng dẫn học thuộc lòng, “để lỡ như có ai đến hỏi thì biết đường trả lời.”

Trước khi nói rõ nội dung bài học đó như thế nào, tưởng cũng nên nhắc lại ở đây chính sách lao động và tiêu chuẩn ăn mặc thực sự của tù nhân chúng tôi ra sao cái đã:

- Mỗi ngày làm việc 12 giờ đồng hồ (nếu có làm thêm giờ phụ trội thì là 14 giờ);

- Mỗi tuần làm việc sáu ngày (nếu bị cưỡng bức làm thêm ngày chủ nhật thì là 7 ngày một tuần);

- Mỗi ngày ba bữa cơm: điểm tâm một chén, trưa một chén rưỡi, chiều một chén rưỡi, vị chi 4 chén cơm sét (tức là chén cơm gạt bằng, không vun lên—theo một anh bạn đã từng buôn gạo cho biết 4 chén cơm sét bằng một lon gạo vun; 4 lon vun thì bằng một ký, vậy cứ

VĨNH HẢO

4 ngày thì được một kí, 30 ngày thì được 7 kí rưỡi, cứ tính rộng rãi bao dung một chút là 8 kí hay 10 kí gạo mỗi đầu người—trong khi nhu cầu trung bình của một người bình thường ở ngoài thì phải từ 20 đến 30 kí lô/ tháng);

- Hoàn toàn không có thức ăn, suốt từ năm này đến năm kia; chỉ có nước muối pha màu giả làm nước mắm mà thôi (vào dịp lễ tết thì trại làm thịt hai con heo nái để chia cho hơn 1500 người, vị chi mỗi người được một miếng thịt heo bằng ngón chân cái); tù nhân nào không được gia đình thăm nuôi thì chắc chắn là bị lao lực, thiếu dinh dưỡng, kiệt sức dần mòn mà chết (nhiều người đã chết trong trại với da bọc xương);

- Trại hoàn toàn không phát áo quần cho tù nhân. Áo quần đồng phục màu lam sẫm của trại may rất giới hạn, chỉ dành cho các cai tù và các tù nhân đi lao động gần khu vực của cán bộ trại hoặc gần quốc lộ. Tù nhân nào không có gia đình gửi áo quần vào thì chỉ một thời gian lao động sẽ trở thành người ăn lông ở lỗ, tìm vãi rách hay bao cát may quần quanh hạ bộ; nếu quần rách mà áo hầy còn thì chịu cởi trần, lấy áo làm quần để khỏi bị cai tù đánh đập vì tội cởi truồng trước mặt mọi người.

- Áo quần và thực phẩm là những thứ quan trọng cấp thiết, còn không được cấp phát đầy đủ thì không làm gì có chuyện cung cấp mùng màn, mền gối, đồ dùng cá nhân v.v... Nhiều tù nhân bị kẻ khác ăn cắp ca hay muống đã lấy áo để lãnh cơm rồi bóc ăn bằng tay. Trời lạnh muối mòng, tù nhân đành nằm run trong cùm mà ngủ.

Đó là đời sống thực tế. Và đây, chúng tôi phải học thuộc lòng và đọc to như trẻ em mẫu giáo học vần, bài học về các tiêu chuẩn lao động và ăn mặc của những tù nhân no đủ sung sướng nhất thế giới:

- Mỗi ngày lao động 6 giờ đồng hồ, một tuần năm ngày, nghỉ ngày thứ bảy và chủ nhật;

- Mỗi tháng, cải tạo viên được hưởng 20 kí gạo, 5 kí rau tươi, 2 kí thịt heo, 2 kí thịt bò, 2 kí cá, 2 kí thịt gà,

CỜI TRÓI TẬP II

2 kí thịt thỏ (trại tù các nước tư bản chắc chắn là không có loại thịt đặc biệt này vì chỉ có trại K4 là có trại nuôi thỏ để bán), 2 lon sữa hộp, 2 kí trái cây, 1 kí đường, 1 kí kẹo bánh...

- Mỗi tháng, cải tạo viên được phát 1 bàn chải đánh răng, 1 ống kem đánh răng, 1 thỏi xà phòng tắm, 1 kí xà phòng giặt, 1 khăn lau mặt, 1 khăn tắm, 1 khăn hi mũi (không phải khăn tay đâu nghe!), 1 đôi găng tay, 1 cái mũ, 1 quần lót và 1 bộ đồ lao động.

- Mỗi năm, cải tạo viên được phát 1 cái mũ, 1 cái mền, 1 cái gối, 1 cái chiếu, 1 đôi dép mang trong phòng, 1 đôi giày lao động.

Vậy đó, bài học đã được ban biên soạn nào đó sắp xếp thứ tự và cho những con số rất dễ nhớ. “Mỗi ngày” trước rồi đến “mỗi tháng,” rồi đến “mỗi năm.” 20 kí rồi đến 5 kí, rồi đến 2 kí, 2 kí rồi đến 1 kí và 1 cái... Bài học thuộc lòng được đọc lên rang rang suốt ngày chủ nhật hôm đó. Những ngày kế tiếp, cứ vào buổi tối là có cai tù nhắc nhở đọc lại, đọc tới đọc lui những lời cầu nguyện linh thiêng hướng về Bác và Đảng.



Chuyện nơi trại cải tạo kể ra thì có vẻ thứ lớp, đơn giản, có đầu có đuôi, dễ hiểu, êm đềm, vui... Nhưng kỳ thực, cuộc sống nơi đây trôi đi một cách tàn nhẫn, khốc liệt, cơ hồ như một cơn trốt không lồ xoáy tít qua đồng hoang, nhắc bóng những cát bụi mà tung lên thình không. Chúng tôi là những hạt bụi nhỏ li ti không giò không cẳng, không chỗ bám víu, không phương tự vệ, bị thổi thốc lên, quay cuồng theo vũ điệu của bão lốc. Nơi đây có tiếng keng báo giờ, có những đêm đen lặng câm hoặc sấm dội ì ầm chuyên rung nền trời đậm đặc và những bình minh sương mù sa ướt tóc; có những buổi trưa nắng đỏ hừng hực trên vai và những chiều mưa dầm dề tranh thủ

làm nốt công việc trong ngày... Tất cả những thứ ấy là thời khóa, là thời điểm, là chặng mốc để cai tù căn cứ mà đẩy xô hoặc lôi kéo chúng tôi vào ra những con giông bão tàn bạo. Chúng tôi không còn ý thức được thời gian là gì. Chúng tôi không có thời gian. Chúng tôi mất hết, mất hết mọi thứ, ngay cả niềm hoài vọng về một tương lai sáng sủa hơn hay nỗi khát khao được tự do, cời trôi vào một ngày đẹp trời nào đó. Trước mắt chúng tôi chỉ có đá lớn, đá nhỏ, búa, lưỡi đục, cuốc xẻng, cò, lúa, roi vọt, cơm, nước muối, nước uống, hồ cá, sinh lầy, ghê, phân, máu... Chúng tôi luôn luôn gắng sức để làm cho kịp chỉ tiêu công việc mà ban quản trại đề ra trong ngày hay trong tuần, trong tháng. Mệt mỗi cũng gắng sức, bệnh hoạn cũng gắng sức, gắng sức cho đến khi nào ngã quỵ. Đôi khi nước mắt và mồ hôi chúng tôi khô nhanh dưới trời nắng hạ, hoặc rơi theo dòng nước mưa vô tình chảy phẳng dưới đôi chân đeo cùm.

Đôi khi tôi thấy mình bé nhỏ, vụng dại, bất lực, hèn kém như một con kiến mọn. Con kiến thềm ngọt. Con kiến thềm được ăn uống thỏa thích trái cây trên Phật điện. Con kiến thềm được chạy rong. Con kiến muốn được làm chủ tiểu ngòi học kinh ê a. Con kiến thềm được ngủ vùi trong tủ thờ. Con kiến muốn được đạp xe dọc bờ biển Nha Trang vì vu dùa chen bóng. Con kiến muốn được đứng trên đỉnh đồi Trại Thủy nhìn cánh chim bay vút giữa mây ngàn. Con kiến thềm được vuốt tóc ai mơ màng dáng kiều nga. Con kiến thềm ôm lấy Như Như yếu điệu mắt đa tình. Con kiến nuôi tiếc một đêm giữa trời ru giấc ngủ liêu trai Mộng Huyền. Con kiến nhớ bạn bè những buổi lang thang tìm chỗ ngủ đêm, sớm mai thức dậy ôm đàn ca, buồn ơi giấc mộng giang hồ... Con kiến nhớ cha, con kiến nhớ mẹ. Con kiến muốn khóc. Con kiến không khóc được. Nước mắt con kiến đã khô. Con kiến chỉ còn tiếng nấc, tiếng nấc đau nghẹn trong lòng. Nửa khuya vùng dậy sức nhớ chân mình còn treo trên cùm sắt. Con kiến muốn thét to giữa đêm trường. Rơi nước mắt đi, rơi nước mắt đi,

cho voi nổi buồn. Vậy mà nước mắt không rơi, cứ hòa theo dòng máu nóng, chảy ngược vào trong tim...

Ngày tháng cứ thế mà trôi. Tương chừng đã vài chục năm, nào ngờ chỉ mới non một tháng kể từ khi tôi nhập trại này. Ở trại tạm giam B5 ăn không ngồi rồi, suốt ngày chuyện trò, giải trí với bạn đồng tù, tôi thấy thời giờ trôi qua thật nhanh. Bây giờ vào K4, thời gian ngưng đọng lại, cơ hồ không trôi nữa. Tôi thực sự là không nhớ ngày tháng trong suốt thời gian nằm trong phòng giam và đi lao động. Mãi đến khi vào bệnh xá, nhìn thấy cuốn lịch treo trên tường, tôi mới sực biết rằng tôi chỉ mới ở K4 hai mươi lăm ngày.

Ông già y tá người Huế, tên là Nguyễn, trông hiền từ, nhân hậu. Một số tù nhân gọi ông là bác sĩ, nhưng có lẽ ông chỉ là một y tá xoàng, vì ông chỉ biết chữa trị sơ sơ các bệnh thông thường bằng cách chích thuốc và cho thuốc uống. Thuốc uống của bệnh xá thì chủ yếu là các lọ thuốc dân tộc mà viên nào viên nấy to bự, bề thế và nhám xam như mấy viên mực bán cho học sinh nghèo tiểu học, nuốt vào không khéo là bị nghẹn hoặc trầy cả cuống họng. Loại thuốc này có ghi cách dùng ở bên ngoài lọ thuốc, ai cũng có thể phát cho bệnh nhân được.

Ông Nguyễn cùng một anh thư ký cao dong dỏng xách cái thùng gỗ đựng đủ loại thuốc dân tộc (thuốc Nam) và một số lọ thuốc Tây thông thường, bước vào phòng 2 chúng tôi. Lâu nay ông Nguyễn vẫn thường vào thăm bệnh mỗi tối, nhưng tôi mệt quá nằm ngủ hoặc vì không bệnh nên tôi chẳng để ý gì ông cho lắm. Đêm nay tự dưng tôi cảm thấy bồi hồi nhớ nhà thì nhằm lúc ông bước vào phòng. Thấy ông, tôi giật mình, như thể được gặp lại ba tôi vậy. Ông thấp người hơn ba tôi, nhưng khuôn mặt có nét gì hao hao, có lẽ là ở đôi mắt buồn, an phận và miệng cười hé cái răng vàng bên khóe trái vừa đôn hậu vừa có duyên. Ông vừa bước ngang từng người vừa cất tiếng hỏi bằng cái giọng Huế giả không-Huế quen thuộc mà ba tôi thường dùng để nói chuyện với những người Nha Trang,

những người không nghe quen tiếng Huế:

“Có ai khai bệnh gì không?”

Một vài người khai bệnh, ông khám sơ rồi lấy thuốc đưa họ uống. Bệnh nhẹ như cảm, cúm, đau bụng... vẫn còn lao động được nên không ghi vào sổ bệnh—đó là chỉ thị về việc cho nghỉ bệnh của ban quản trại và cai tù đưa ra mà ban y tế phải theo. Đến ngang chỗ tôi, thấy tôi chỉ ngược nhìn mà chẳng nói năng chi, ông dừng lại nhìn sâu vào mắt tôi. Có lẽ ông đọc thấy nỗi u uẩn buồn đau nào đó trong tôi và điều này dường như đã khiến ông rung động, đưa một bàn tay lên sờ lên trán tôi, nói nhỏ:

“Có đau chi không con? Ôi trời, nóng quá, nóng quá! Bị sốt phải không? Tội nghiệp chưa, mệt trong người lắm hở? Ngày mai lên bệnh xá dưỡng nghe chưa.”

Thực ra tôi không thấy nóng sốt gì cả nên ấp úng chẳng biết trả lời sao. Nhưng cử chỉ và lời thăm hỏi của ông ngay lúc ấy quả thực là liều thuốc êm dịu trong lành mà tôi đón nhận được từ khi vào tù. Nó đến với tôi đúng vào lúc tôi đang nhớ nghĩ đến người cha già của tôi ở nhà. Ông gọi mấy anh tù kia trông trông, có khi gọi là “mây” xưng “tao,” vậy mà ông sử dụng tiếng “con” để gọi tôi, thật ngọt ngào và tình cảm. (Cái ngôn ngữ gia đình thân mật đó hình như không mấy thích hợp để sử dụng trong trại giam này. Ở đây, người ta chỉ xưng hô lạnh lùng, cộc lốc, không cần lịch sự hay lễ phép gì cả. Mười chín tuổi như cai tù Lộc cũng gọi cỡ ông Nguyễn bằng mày, xưng tao). Có thể ông dùng ngôn ngữ đó để nói với tôi vì ông cảm nhận được rằng có một thứ tình cảm gia đình, hay tình cảm thiêng liêng lạ lùng nào đó hãy còn nguyên vẹn đầy ấp trong tôi, chưa bị hoặc không bị biến mất trong cơn xoáy khủng khiếp điên cuồng của trại tù.

Tôi đang cố gắng tìm một lời nào đó để nói mà chưa nói được thì ông cứ một mực nói rằng tôi đã bị sốt và bảo anh thư ký (tên là Tính) ghi tên tôi vào sổ bệnh. Sau đó ông đưa tôi vài viên thuốc Aspirin, bảo uống trước mặt ông hai viên, sáng sớm dậy uống hai viên rồi ra xếp

hàng ở sân trại chờ cai tù kêu tên cho vào bệnh xá dưỡng bệnh.



Bệnh xá nằm phía bên trái của văn phòng khu C, chiếm một diện tích bằng bốn phòng giam nhập lại. Một góc tám của diện tích này được ngăn để làm phòng cách ly dành cho những người bị bệnh lao (có lối đi riêng ở phía ngoài). Bẩy phần còn lại được chia làm ba gian: gian trước là văn phòng bệnh xá gồm hai cái bàn trực đặt ở giữa, hai bên là hai dãy giường bệnh có thể dung chứa được từ 12 đến 14 bệnh nhân; từ hai bên bàn trực của bệnh xá trở hai lối đi, một lối dẫn xuống dãy phòng bệnh có diện tích bằng một phòng giam bình thường, chứa khoảng 30 người trên một sạp gỗ dài, một lối khác dẫn xuống một phòng bệnh tối tăm chứa được khoảng 6 bệnh nhân (cái phòng tối tăm này nguyên là một nửa của phòng cách ly được ngăn ra bởi một vách ván, vì vậy mà thiếu ánh sáng). Tất cả bệnh nhân đang nằm điều trị ở bệnh xá đều bị cùm một chân vào thanh sắt dài xoắn xuyên qua vách và có khóa bên ngoài y hệt các tù nhân khoẻ mạnh ở các phòng giam khác.

Ban y tế trực bệnh xá có ba “y sĩ” gồm hai Tây y và một Đông—và cả ba cùng là “Nam y” vì đều biết sử dụng thuốc dân tộc (thuốc Nam) để bù đắp vào sự khan hiếm và đắt đỏ của thuốc Tây và thuốc Bắc... Ngoài ra còn có hai thư ký trông coi sổ sách và hai anh nuôi chịu trách nhiệm đi nhận thực phẩm về phân phát cho toàn bệnh xá. Ba vị y tá không phải là bệnh nhân, còn ngoài ra, từ thư ký đến anh nuôi đều là bệnh nhân được tuyên dụng để phục vụ tại bệnh xá. Tây y có ông Trợ và ông Nguyễn, cả hai bị bắt vì tội vượt biên. Đông y là ông Mậu, bị bắt vì tội hoạt động chính trị chống lại Nhà nước. Ba vị này đều xấp xỉ sáu mươi tuổi. Trưởng bệnh xá là ông Trợ. Ông Nguyễn và ông Mậu chỉ là phụ tá. Thư ký thì có ông Cảnh

và Tính (anh chàng xách thuốc theo ông Nguyễn thăm bệnh hôm qua). Ông Cảnh là cán bộ Nhà nước, trước làm việc trong Ủy Ban Nhân Dân xã Long Phước, cùng một xã với ngôi chùa Long Quang do tôi trụ trì trước đây thuộc huyện Long Thành. Ông Cảnh bị bắt vì tội đồng lõa với công an du kích trong xã tổ chức bán bãi vượt biên theo đường dây của giám đốc công an tỉnh Đồng Nai (vụ này bị đổ bể vài năm trước khi tôi vào tù). Tính là công nhân viên ở Biên Hoà, ăn cắp hàng trong kho vật tư của cơ quan Nhà nước. Hai anh nuôi ở bệnh xá đều là dân nghiện xì ke ma túy bị bắt vào cải tạo.

Tôi bước vào bệnh xá thì ông Nguyễn nhớ mặt ngay, bảo tôi ngồi xếp hàng chờ được khám bệnh cho thuốc. Đến lượt tôi vào khám, ông Nguyễn đứng một bên nói nhỏ một câu gì đó. Ông Trợ ngẩng đầu nhìn tôi một lúc rồi gật đầu gọi tôi đến khám. Bất mạch rồi đặt ống nghe bệnh, ông ghi xuống sổ là tôi bị sốt và có dấu hiệu hở van tim. Ông sắp đặt tôi nằm ở dây giường bệnh gần đó, thuộc gian trước của bệnh xá. Từ chỗ nằm nhìn qua dây giường đối diện, tôi bắt gặp thầy Quảng Bình đang ngồi trên một giường bệnh; thấy tôi nhìn và gật đầu chào, thầy tùm tùm cười đáp lại nhưng có vẻ không nhớ tôi là ai. Thực ra nếu không có Thiện Hiền nói trước, có lẽ tôi cũng không thể nào nhận ra thầy, vì tôi và thầy chỉ gặp nhau một hai lần ở Phật học viện Hải Đức Nha Trang trước năm 1975. Thầy bị biệt giam thế nào đó mà hai chân bị liệt phải nằm điều dưỡng ở bệnh xá một thời gian. Khi tôi vào bệnh xá thì thầy đã chuẩn bị rời bệnh xá để về phòng giam lao động, tôi chỉ đến hỏi thăm thầy được một vài câu rồi từ đó chia tay, không có cơ hội nào để trò chuyện nữa. Sau này thỉnh thoảng tôi và thầy có gặp nhau hoặc nhìn thấy nhau và chỉ chào nhau bằng nụ cười. Hình như chân thầy hãy còn yếu, còn bước chuệnh choạng nhưng nụ cười của thầy là một nụ cười rất lạ, không thể tìm thấy trong rừng người cải tạo: vừa an lạc, vừa nhẫn nhục, vừa hàm cái vẻ thách thức điều cợt khổ đau. Tôi thầm cảm ơn nụ

cười ấy làm phấn khích ý chí phấn đấu và kham nhẫn của tôi trước nghịch cảnh và khổ nạn

Nằm ở bệnh xá vài ngày, tôi chứng kiến nhiều bệnh nhân với nhiều căn bệnh rất lạ mà tôi chưa hề bắt gặp lúc còn ở ngoài xã hội. Nhìn lại mình, tôi thấy mình hãy còn may mắn lắm. Tôi có bệnh hoạn gì đâu, tôi thấy trong người rất khỏe, vì vậy, tôi thưa với ban y tế cho tôi trở về phòng giam để nhường chỗ cho những người bệnh nặng hơn. Ông Trọ nghe tôi nói vậy thì cũng hơi lạ, ông nói:

“Anh bị bệnh tim, thật đó. Nghỉ dưỡng được lúc nào hay lúc đó, vậy tốt hơn. Cái bệnh của anh, trông mặt ngoài thì khỏe lắm, nhưng có thể chết bất đắc kỳ tử chứ chẳng phải chơi đâu! Tôi nói thật đó.”

“Vậy sao? Nhưng ... tạm thời bác sĩ cứ cho tôi về phòng giam đi lao động, khi nào có bệnh nặng, tôi xin bác sĩ cho được nằm nghỉ dưỡng.”

“Cái đó tùy anh, tôi không ép”, ông nhỏ giọng xuống. “Ai cũng muốn vào nằm bệnh xá, dù bệnh hay không bệnh. Anh đâu phải là dân lao động ở ngoài trời, hay là cứ nằm đây một thời gian, chúng tôi có việc cho anh làm trong bệnh xá?”

“Đạ... vậy thì tốt quá, nhưng... chuyện đó để tính sau. Hiện giờ tôi thấy trong người rất khỏe, không có lý do...”

“Thôi được, anh thấy áy náy thì anh cứ về, nhưng nhớ nghe, chúng tôi sẵn sàng dành chỗ cho anh ở đây. Anh có bệnh trong người đó, tin tôi đi.”

Trở về phòng giam vào buổi chiều sau giờ lao động, tôi ngồi trong cùm suy nghĩ về lời ông Trọ. Hình như cả ông Nguyễn và ông Trọ đều dành cho tôi một tình cảm và sự ưu đãi đặc biệt nào đó. Không biết họ đoán biết tôi là tu sĩ? Khi tôi khai vào sổ bệnh, họ chỉ biết tên thật của tôi thôi. Có lẽ có tin đồn về tôi từ lúc nhóm tù chính trị ở B5 chuyển đến mà tôi không biết?

Trước khi nhắm mắt ngủ, với nghi vấn về ban y tế

VĨNH HẢO

còn lẫn quẩn trong đầu, tự dưng tôi lại thêm một lần nữa, chợt nhận ra rằng hình như ở nơi chốn và hoàn cảnh nào cũng có một thứ may mắn bất ngờ cho tôi. Không biết cái may mắn nảy ra từ bệnh xá này sẽ đưa dẫn thân phận tôi đến đâu, nhưng tôi linh cảm là có một cái gì đang chờ đợi tôi ở hướng ấy.

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG MƯỜI CHÍN

Từ bệnh xá, tôi trở về phòng giam vào chiều thứ ba. Hôm sau, ông Đại vào phòng thông báo là có một công tác đặc biệt đòi hỏi nhiều nhân công trong những ngày sắp tới. Vì vậy, lệnh của ban Chỉ huy Khu C là tháo cùm cá nhân cho thành phần tù chính trị chúng tôi để có thể dễ dàng tham gia công tác đặc biệt đó.

Cùm cá nhân là loại cùm mà ngày đầu tiên chúng tôi nhập trại đã bị đóng cho mỗi người một cái ở cổ chân phải và đeo mãi bên mình suốt gần một tháng nay (phân biệt với “cùm tập thể” là loại cùm ở cổ chân trái, xỏ chung một thanh sắt dài với 29 người khác cùng phòng giam). Ngay tối hôm ấy, tại phòng giam, chúng tôi được ban Chỉ huy Khu C mang kèm búa đến tháo bớt một cùm. Thật nhẹ nhàng làm sao! Chưa ra khỏi nhà tù mà chúng tôi đã thấy hân hoan mừng rỡ vô cùng, bởi vì cái cùm cá nhân nặng trĩch này làm phiền chúng tôi rất nhiều mỗi khi di chuyển, làm việc, tắm rửa... và nhất là lúc thay quần, thật là khổ sở! Bây giờ được tháo, chúng tôi thật sung sướng, không phải chỉ sung sướng ở phần xác mà cả ở phần tinh thần—cùm được tháo bỏ cho chúng tôi cảm giác là chúng tôi đã tiến được một vài bước nào đó về hướng tự do: chỉ những người mới vào trại, những người phạm kỷ luật và những người án nặng mới phải đeo cùm mãi dưới chân.

Sáng hôm sau, vừa tập thể dục xong đã bị tập trung đi sớm, bỏ qua phần “tán” Bác Hồ và “tụng” nội qui trại giam. Ở sân trại, tù nhân xếp hàng ngồi dày đặc. Sương mai kéo xuống trắng như bông. Lạnh căm căm. Nhiều anh tù run bần bật. Vài người ho sù sụ. Cai tù đọc

tên mấy người được y tá chứng nhận có bệnh cần vào bệnh xá điều trị. Sau đó, điểm danh cấp tốc rồi toàn bộ tù nhân xếp thành hai nhóm lớn, mỗi nhóm xếp thành năm hàng ngang, mỗi hàng khoảng năm chục người, rầm rộ theo sự hướng dẫn của cai tù, bước ra hướng cổng rào của Khu đã mở sẵn thật rộng. Đây là lần đầu tiên từ ngày nhập trại tôi được ra khỏi cổng chính của Khu C. Chẳng biết là sẽ được dẫn đến đâu, chúng tôi cứ việc lầm lũi bước theo người đi trước. Ra khỏi cổng rào, quẹo trái, đi thẳng trên con đường rộng trải đá sỏi. Tiếng bước chân của đoàn người dẫm trên sỏi nghe rào rào, có khi nghe lồi chồi không đều, chùng như những bước chân loạng choạng miễn cưỡng của một bầy quỉ đói đang bị lừa vào chảo dầu, có khi lại nghe rầm rập xôn xao, như cô hồn các đảng ùn ùn đẩy xô nhau tiến về phía có mâm cao cỗ đầy... Chùng mười phút sau, đoàn người đứng dừng lại trước một cái hố lớn. Quanh miệng hố có một số cai tù đứng đứng ngồi ngồi, chỉ trỏ, bàn bạc. Cái hố thật lớn, có dáng hình chữ nhật, chiều dài khoảng sáu chục thước, chiều rộng chừng ba chục thước, chiều sâu đâu chừng một thước rưỡi. Dưới đáy hố lộ nhô những tảng đá lớn, sinh ngập lênh láng. Một vài anh cai tù đang đứng dưới hố đo đạc gì đó, sinh lòng ngập gần tới đầu gối. Chúng tôi được đưa đến gần miệng hố để nhìn thấy nó mà vẫn chưa hiểu là tại sao có nó và bây giờ chúng tôi sẽ làm gì với nó. Chưa có một lời giải thích nào về công việc mà chúng tôi sẽ làm.

Đang đứng im chờ lệnh, bất ngờ nghe một hồi còi dài thổi lên, rồi đồng loạt các cai tù cất tiếng hét vang rân, thúc giục chúng tôi ủa xuống hố.

“Xuống, xuống, mau!”

“Xuống mau!”

Đoàn tù hơi ngỡ ngàng ở phút đầu rồi cũng xắn quần, xắn tay áo, ò ạt tìm đường nhảy xuống hố, tránh những đường roi vun vút đuổi tới sau lưng. Ình, ình. Bồm, bồm. Sinh văng tứ tung. Nhiều anh mới nhảy xuống đã bị

CỜI TRÓI TẬP II

đá cắt đứt chân, ôm chân máu chảy lò cò dưới sinh. Nhiều anh đứng dưới hố rồi mà không biết phải làm gì, cứ xoay qua xoay lại, ngó đây ngó kia, rồi bị roi của cai tù quất tới. Quang cảnh làm việc mà cứ y như là cái ổ kiến bị chọc. Người đầu mà ngập tràn, nhích qua nhích lại không đụng người này cũng thúc nhằm người kia, vậy mà cai tù cứ lừa xuống, lừa xuống, không cho ai đứng trên miệng hố. Xua cả sáu, bảy trăm người xuống một cái hố nhỏ mà không giải thích trước công việc phải làm, rồi cứ vung roi quất tui bụi, đốc thúc la hét không để cho ai kịp suy nghĩ và chọn lựa công việc và cách thức làm việc. Có lẽ quan niệm và thói quen “lấy thịt đè người” để giải quyết mọi việc đã ăn sâu vào những cái đầu ít thông minh mà nhiều hoang tưởng nên người ta không cần biết gì cách làm việc đây chuyền và theo phương pháp khoa học của Taylor và Ford. Cứ nghĩ đông người thì việc sẽ mau hết mà không nghĩ đến cái hại của sự chật chội làm trở ngại sự vận chuyển, khiến công việc bị chậm trễ và kém năng suất, kém hiệu quả. Thành ra mấy trăm người xuống hố chỉ hấp tấp, vội vàng, xịch tới xịch lui vài ba công việc mà đáng ra chỉ cần khoảng ba mươi người khoẻ mạnh!

Cùng với bạn tù, tôi cũng xắn quần xắn áo, bỏ lại đôi giày xăng-đan trên bờ, lần dò xuống hố. Giữa đám người đông nghịt chen chúc trong cái hố sinh nhỏ, tôi cố gắng tìm hiểu thật nhanh công việc dưới hố là công việc gì thì thấy từng nhóm người xúm xít lăn đá từ trung tâm hố đến sát các cạnh hố; nhiều nhóm khác đang cố gắng đẩy các tảng đá ở cạnh hố lên khỏi hố (công việc này rất nguy hiểm, vì cả đá và tay chân người lăn đá đều dính sinh nên rất trơn trượt, dễ gây ra tai nạn). Một số đá tảng quá lớn không đẩy lên nổi thì có người mang búa tạ hoặc đục đến để chẻ ra thành từng mảnh nhỏ hơn. Công việc chỉ có vậy, chẻ đá, lăn đá và đưa đá lên bờ. Vậy mà mấy trăm người loay hoay chộn rộn chẳng thấy làm được bao nhiêu việc. Mấy chục cai tù cầm roi đốc thúc cũng làm choán khá nhiều diện tích của hố và chính sự gắt gỏng vô

lý của đám cai tù này cũng đã làm trở ngại cho công việc vô cùng. Tôi thấy hai anh tù nọ bị một cai tù trẻ tuổi (cỡ tuổi Lộc) cầm cái roi quất tới tấp, bảo lẫn một tảng đá lớn sang một bên, hai người này sục tay xuống dưới sinh, tìm kẽ hở dưới chân đá để lẫn, nhưng tảng đá cứ trơ trơ ra, chẳng chịu nhúc nhích, và roi của anh cai tù cứ việc giáng xuống vai xuống lưng họ. Tôi lợi sinh tiến nhanh đến hướng đó. Anh cai tù thấy tôi đến thì đưa mũi roi dí vào mặt tôi, hét:

“Thằng này nữa hả, muốn thử hả, rồi, dzô đi, ba thằng lẫn cục đá này cho tao, mau, mau!”

Tôi chưa kịp đưa tay xuống đã bị roi quất vào sau lưng, nghe nóng ran. Có tôi vào phụ thêm sức mà tảng đá vẫn trơ lì như một tảng núi. Anh cai tù thấy vậy càng đánh đập chúng tôi túi bụi, vừa giáng roi vừa hét:

“Ba thằng mà không xong, vô dụng! Đồ lưng dài chai lười lao động!”

Trong số ba người lẫn đá, tôi nhỏ tuổi hơn cả và cũng là người có chiều cao kém nhất. Hai người kia to cao, mập mạnh, cũng là tù chính trị nằm chung phòng với tôi, anh nào anh nấy ước chừng có thể cao hơn tôi cả tấc. Còn anh cai tù thì thấp hơn tôi gần một cái đầu; anh nhỏ con nhưng được trao quyền trong tay nên anh đầu có sợ chúng tôi, cứ cầm roi quất tới, quất tới. Ba đứa chúng tôi chẳng dám nói năng gì, cứ gằm đầu xuống, cố gắng mấy lần vẫn không xê dịch được tảng đá. Anh cai tù mặt mày hiểm ác, dữ tợn, nghiêng răng nói:

“Nè, thôi, ba đứa bây qua một bên, để tao kêu thằng này nó lẫn một mình cho tụi bây coi! Ê, Tur! Màỵ đến đây đi, lẫn cục đá này cho tao! Màỵ coi, ba thằng to bự như vậy mà lẫn cục đá không nổi, có phải là vô dụng không! Màỵ lẫn cục đá này đi, màỵ lẫn được thì tao phạt đòn ba thằng kia!”

Anh chàng tên Tur cũng là một anh tù khá to cao, lợi sinh bước tới, ngó chúng tôi, mỉm một nụ cười cảm thông một cách khó hiểu, rồi cúi người xuống, sục tay

CỜI TRÓI TẬP II

xuống sinh, lần dò một lúc rồi vùng một cái, hai tay anh nhấc lên, khối đá lăn nửa vòng, đổ âm xuống phía trước. Ngay lúc đó, tôi biết ngay tại sao chúng tôi ba người không lăn nổi tảng đá. Nhưng cũng chậm rồi. Anh cai tù hét lên, giọng có vẻ sung sướng một cách nhỏ mọn:

“Đó, đó, thấy chưa ba thằng lười! Lại đây, tụi bây lại đây tao đánh đòn, chia tay ra đây! Đánh để tụi bây giác ngộ mà lo lao động đảng hoàng!”

Chúng tôi lần lượt đến trước mặt anh cai tù, chia ngửa bàn tay ra cho anh khẽ như thuở còn học tiểu học bị thầy giáo phạt. Một anh tù bị quất như vậy thì chảy nước mắt. Không phải vì đau (bởi vì roi quất nơi vai nơi lưng thì đau hơn), mà vì nhục. Đến lượt tôi đưa tay cho anh cai tù quất, tôi nói:

“Quất thì quất đi, nhưng anh đừng có đem cái trò đó ra bịp người ta hoài, chẳng hay ho gì đâu!”

“Mẹ! Mà nói cái gì, hả?”

Tôi chia tay ra, chờ đợi. Thấy tôi không nói gì nữa, anh quất mấy roi rồi lại hét lên:

“Đó, ba đứa tụi bây thấy rồi đó, một mình thằng kia lăn được thì tụi bây phải lăn được! Lăn mau, mau!”

Hai anh tù kia vội vàng xúm lại chỗ cục đá, tôi bước tới, dang tay cản hai anh, nói:

“Một người lăn thôi. Đứng ba người chật ních thì làm sao có thể! Còn nếu ba người thì phải hô hai ba, cùng nhấc lên một lượt. Đừng có mắc mưu người ta. Thôi, để tôi thử trước.”

Anh cai tù thấy vậy thì xông tới, quất roi vào cả ba người, hét:

“Cả ba thằng, tao nói ba thằng, xúm vô, lẹ, lẹ!”

Không chờ hai người kia kịp cúi xuống, tôi khom người, vục hai tay xuống đá, thọc sâu vào kẽ hở, bám chặt mấy ngón tay vào, hai chân vững vàng bám đất, từ từ dùng sức của hai chân đứng thẳng lên. Trơn quá, tay tôi trượt khỏi cạnh đá, không giữ được, đành để nó rơi trở lại vị trí cũ. Anh cai tù thấy một mình tôi sắp sửa nhấc nổi

tảng đá có lẽ đã hơi quê trong bụng nhưng rồi thấy tảng đá rơi trở lại, anh đắc chí lắm, lại tiếp tục la hét:

“Được rồi, mày ngon thì để mày ngon, cho mày lăn một mình để coi sao!”

Tôi bậm môi cúi xuống quyết tâm lăn một lần nữa. Ầm! Tảng đá lăn nửa vòng bán sinh văng tung tóe. Tôi nhìn lại thấy hai anh bạn tôi mặt tươi rói lên, còn anh cai tù thì hậm hực, bĩu môi nói:

“Như vậy thì ăn thua gì, lăn cho tới bờ luôn!”

Tôi định cúi xuống nữa thì hai anh bạn kia giành lấy. Chúng tôi thay phiên nhau, mỗi người lăn nửa vòng, cho đến khi chạm cạnh hồ, rồi tiếp tục tìm tảng đá khác. Anh cai tù cảm tôi lắm nên cứ rà rà theo tôi, thấy tôi hơi ngưng tay một chút là quát roi hối thúc tôi làm việc (mặc dầu có đôi lúc chẳng còn tảng đá nào để lăn vì số đá dưới chân chưa đục chẻ ra kịp).

Cứ như vậy, chúng tôi cùng với mấy trăm tù nhân khác hì hục khom lưng lăn đá, đẩy đá, không một phút ngơi nghỉ; cho đến đúng 12 giờ trưa mới nghe thổi còi ra lệnh rời hồ. Lúc ấy, tôi quên mất thời gian nên ngỡ là đã chiều và chúng tôi đang được nghỉ để về lại phòng giam. Nào ngờ chỉ mới nghỉ để ăn trưa! Ôi là thời gian, sao mà trôi chậm. Lăn bao nhiêu đá, chịu bao nhiêu roi, dẫm bao nhiêu sinh... vậy mà chỉ mới bữa ăn trưa!

Lên bờ, tôi tìm đôi giày xăng-đan thì chẳng thấy đâu. Rõ ràng lúc này để chỗ này, gần tảng đá này. Chắc anh chàng tù hay cai tù nào đó đã mượn đỡ rồi.

Ai bảo để giày trên bờ! Ai mà muốn để giày trên bờ! Không để trên bờ chẳng lẽ lại mang xuống dưới sinh!

Ai bảo đi lao động mà mang giày xăng-đan bằng da, sang quá! Thực ra, có sang gì đâu: lúc bị bắt tôi mang đôi giày đó thì bây giờ cũng mang đôi giày đó, có giày giép nào khác để thay nó đâu mà bảo sang với hèn!

Ai bảo mang giày theo làm gì, sao chẳng chịu đi chân không! Trời đất, đi chân không giữa cái vùng đá sỏi, gai góc lởm chồm như khu trại à! Huống chi, có giày giép

sao lại đi chân không!

Thôi thì giờ mất giày rồi, bàn cãi gì nữa! Vậy là đi chân không theo đoàn tù tập trung ở một bãi đất rộng bằng phẳng ở gần chỗ đập nước để ăn cơm trưa. Đoạn đường đi phải dẫm trên đá vụn (đá này cũng do tù nhân chúng tôi đập nhỏ ra từ các tảng đá lớn và trải khắp các con đường trong trại và công viên, sở thú... của trại K4; đá này có cạnh rất sắc), đau thốn cả bàn chân đã bị đá cắt đứt nhiều vết lức lội dưới hố sinh.

Trong khi ngồi chờ phát cơm trưa, hai anh bạn tù khi nãy lặn đá chung hỏi tôi:

“Sao lạ vậy há. Mình lặn ba người cục đá không nhúc nhích, lặn một người thì nó lại ngã cái ầm một cách nhẹ nhàng?”

Tôi nói:

“Tại vì mấy tảng đá đó hình dạng chông chênh bất định, góc cạnh không đều lại bị sinh lấp, trơn trượt. Tụi mình xúm vào, người đầu này, người đầu kia, người nhắc trước, người nhắc sau, không những không đủ lực mà còn tạo nên những lực phản nhau ở hai ba chiều đối nghịch làm cho đá đứng yên một chỗ. Rồi tụi mình lại quíu lên vì bị la chửi và quất roi phía sau, thì làm sao nó nhúc nhích được! Cứ bình tĩnh đừng để ý chuyện roi vọt đốc thúc, quyết định nhắc lên là nhắc lên, thì nó sẽ lên. Anh chàng kia chắc đã kinh nghiệm cái chuyện này rồi nên mới lấy đó làm trò chơi để được thi thố cái quyền thưởng phạt!”

Một anh bạn tôi nói:

“Thằng qui sứ, ngó bộ vó của nó là biết thứ cán bộ công an chuyên môn nạt nộ bức hiếp bóc lột làm tiền dân, nếu không phải vậy thì cũng là dân ăn cắp, không phải dân ăn cắp thì cũng ăn trộm, không phải ăn trộm thì cũng là ăn cướp! Tại nó lùn tịt lại đen đui nên ganh tị muốn hành hạ tụi mình đó mà!

Chúng tôi cùng cười với nhau một lúc rồi đưa ca đón nhận phần cơm trưa.

Và khi bắt chợt ngược lên nhìn bầu trời quang

mây xanh biếc, tôi bỗng nghe một niềm cô tịch cao khiết vô cùng đang bùng nổ và tràn ngập trong lòng. Tôi biết, tôi từng biết, có một thứ tự do không ai có thể tước đoạt được. Tự do ấy không được sinh xuất hoặc ban phát từ xã hội mà từ sự nỗ lực của tự tâm. Cũng không phải từ sự nỗ lực, mà từ sự an nhiên, bất động, vô hành, vô vi, vô lao, vô tác. Không có thứ lao động nào vinh quang và đem lại vinh quang thực sự cho con người. Lao động là gì? Là sự vận động nhọc nhằn của thân xác hay của tinh thần ư? Những vận động đó không mang lại vinh quang nào cả mà chính chúng là gốc gác sinh sản những vọng động, manh động, bạo động, dìm chết con người trong nỗi vong thân, lạc bước, xa dần với tâm thức tự do thực sự. Có xã hội thì không thể có tự do. Có chủ nghĩa xã hội cũng không thể nào có tự do. Có cá thể thì không thể có bình đẳng. Có chủ nghĩa cá thể không thể có bình đẳng. Chúng ta hoàn toàn không có chút tự do và bình đẳng nào hết. Chúng ta chỉ tưởng tượng ra những thứ ấy mà thôi! Thế rồi, chúng ta gộp lại, gom lại, mượn cái hội đồng, mượn cái nhân dân, mượn cái công ích, mượn cái của chung... để mà đối phó với những cá thể vượt trội và bảo vệ những cá thể bất lực hèn mọn. Chung qui chỉ có vậy.

Này anh chị em ơi, thực ra không phải thứ gì trên đời cũng đòi hỏi cộng tác, cộng sự, cộng lao, cộng hữu, cộng sản... Cũng như cái việc lăn đá kia, có thể chỉ cần một người thôi, với sức lực, quyết tâm và trí khôn của nó. Không có cái gọi là sự “sáng tạo của tập thể.” Cũng không có cái gì thực sự là “tập thể.” Chỉ có cá thể. Chỉ có con người. Con người đó thường khi chỉ muốn và chỉ cần tồn hữu vận hành như một cá thể tự do. Bởi vì chỉ có chính nó mới có thể sáng tạo nên xã hội tốt đẹp và xấu xa trên cuộc đời. Nhưng con người đó thực sự là gì? Có thực là có một cá thể, một con người chăng? Lý luận theo Thanh Biện, hay theo quan điểm Phật giáo thì tập thể xã hội không có thực, chỉ có cá thể mới thực; nhưng cá thể, hay con người, cũng là sự tập hợp của nhiều yếu tố

CỜI TRÓI TẬP II

(duyên), vậy con người cũng không có thực, các yếu tố cấu tạo nên con người mới có thực; nhưng mỗi yếu tố cũng do nhiều thành phần chi li khác tập hợp lại mới có, vậy yếu tố đó không có thực, các thành phần của các yếu tố đó mới có thực... Cứ vậy mà suy diễn tiếp, cuối cùng, chẳng có cái gì có thực cả. Duyên không có thực. Con người không thực. Xã hội không thực. Thế giới cũng không thực. Thế giới chỉ là giấc mộng. Chúng ta đang làm cái trò gì đây? Chỉ cợt trói nhau bằng những vọng tưởng mà thôi.

Ăn trưa xong, chúng tôi lại bị lừa xuống hố, và bây giờ thì chúng tôi đã biết việc gì để làm, cũng như đã hiểu tại sao phải lăn đá từ dưới hố lên: chúng tôi đang đào một cái hồ nuôi cá cảnh trên mảnh đất đầy những đá tảng có chân đá rộng và ăn sâu xuống lòng đất. Có thể nói công việc đào ao bằng sức người—nhất là sức của những người tù thiếu chất dinh dưỡng—cũng tờ tợ như dọn núi để làm sông vậy.

Nguyên sáu giờ đồng hồ của buổi sáng chúng tôi chỉ mới đào sâu thêm được nửa thước, như vậy cái hồ bây giờ đã sâu cỡ hai thước, lút đầu người. Hố càng sâu, công việc càng nặng nhọc hơn. Chân chúng tôi bị đá cắt đứt nhiều vết từ buổi sáng, bây giờ càng lúc càng nhức nhối khó chịu. Máu tươm theo sinh. Sinh lẫn trong máu. Sinh lấp đầy vết thương. Tiếng chân lội bì bõm. Tiếng búa đập lên đá nghe bùm bụp, bôm bốp. Tiếng người la hét mắng chửi. Ngoảnh trước ngoảnh sau, người đồng lúc nhúc. Kẻ khom, người đứng, kẻ đẩy, người lăn. Bỗng nghe tiếng roi chan chát như nhắm vào một cái lưng trần nào đó, và có tiếng la khóc kéo theo sau những tiếng roi ấy. Những người ở xa không nghe thấy, tiếp tục làm việc, nhưng người ở gần như tôi thì dừng tay, quay nhìn. Một ông già bị té xấp xuống, hay tay chống xuống sinh cố ngoi đầu dậy, trong khi một anh cai tù, rồi hai anh cai tù, xúm lại, quất roi túi bụi trên lưng ông. Tôi không kịp suy nghĩ gì,

lội sinh lao tới phía đó ngay. A, lại ông già Nghĩa, người bị đau bụng và bị Lộc bắt nhai cái quần phân hôi mới nhập trại! Tôi không dám cản trở gì hai cái roi của hai anh cai tù mà chỉ lách chen vào, cúi xuống xốc hai nách ông già lên. Và dĩ nhiên là hai ngọn roi đã đánh phủ lên đầu, lên vai, lên lưng tôi.

“Ê, thằng này, mày làm cái gì vậy?”

Một bàn chân đập mạnh xuống sau lưng, ngang chỗ thắt lưng tôi khiến tôi nhào xuống, ông già cũng rơi trở lại xuống vũng sinh. Tôi nằm sấp, chồm qua người ông già, hai tay và hai chân chống cao, che cho ông ấy. Hai ngọn roi quất xối xả lên người tôi. Tôi nhắm mắt, cắn răng chịu đựng, không bật lên một lời. Tôi nghe tiếng văng tục chửi thề của hai anh cai tù rìn rít xoáy theo tiếng roi. Chát, chát! Ban đầu những ngọn roi khi quất xuống làm tôi đau rát từng thớ thịt trên lưng, nhưng chỉ ngay sau đó, roi càng chạm vào người, tâm tôi càng vắng dần mọi thứ vọng tưởng, rồi một trạng thái vắng lặng mang ập đến; bao nhiêu ý tưởng, hoài niệm, vọng tâm phân biệt, cảm giác và nhận thức của tôi tan biến thật nhanh; chúng có vẻ như bị ngọn roi đuổi xua đi. Và tôi cũng bị xua đến cái bờ mé của hư không bao la, nơi đó, tôi như đứng chênh vênh ở đỉnh cao nhất của đầu núi, đối diện với chính nỗi cô tịch thâm sâu của tự tâm. Té ra cây gậy của Lâm Tế có phần hữu lý ở chỗ này. Ý nghĩ đó thoáng qua thật nhanh trong đầu tôi và kéo tôi về với cái thực tế, rằng tôi đang khom người, hai tay chống xuống sinh, gánh chịu những đòn roi đau rát. Rồi có tiếng xôn xao của nhiều người xúm lại. Hình như sắp có ẩu đả. Hai ngọn roi đã ngưng, tôi ngược lên thấy nhiều người bạn tù kéo tới định đánh lại hai anh cai tù để cứu tôi và ông già Nghĩa. Nhưng đám cai tù cũng khá đông, từ chung quanh tụ lại rất nhanh, dùng roi đẩy xô các anh em tù ra.

“Tụi mày dám chơi không?” tiếng một anh cai tù đánh roi chúng tôi cất lên.

Thấy anh em tù dạt ra hết rồi, một anh cai tù túm

lấy gậy cô áo của tôi kéo xóc lên.

“Mày ngon a, muốn chịu đòn thay thằng già mất nét hả?”

Vừa nói anh vừa giơ nắm tay định đâm vào mặt tôi, bỗng nghe tiếng hét ở đâu đó:

“Ê, thằng kia! Mày làm cái gì vậy?”

Quả đâm của anh cai tù ngưng lại nửa chừng. Anh quay đầu nhìn về phía có tiếng nói. Tôi cũng nhìn về hướng ấy thì thấy Lộc, thằng bé giết cha, đang nhảy chồm những bước thật nhanh về hướng chúng tôi. Lộc chụp tay anh cai tù, hất mạnh xuống, rồi nhanh như chớp, bộp tai anh kia hai cái, văng tục rồi quát lên:

“Tụi mày làm cái giống gì vậy! Dám đụng tới anh Hai tao hả? Mẹ, tụi mày tổ nào, đội nào, muốn làm vua hả, tao vặn cổ hết bây giờ, nghe chưa!”

“Thằng già này cứ đứng xớ rớ, chẳng làm được cái gì hết. Tụi em đánh nó còn nói làm bầm. Rồi anh này nhào vô đỡ đòn chứ tụi em đâu muốn đánh ảnh!”

“Im mồm! Hai thằng mày lo làm đi, lăn đá, đục đá, mau! Không cho tụi mày làm cai nữa. Đi mau không thôi tao đập xuống sinh!”

Hai anh cai tù tản ra. Tôi cúi xuống xóc ông già Nghĩa dậy. Lộc nhìn tôi, nói:

“Anh... tên gì quên rồi, à tên Khang, anh có sao không? Lâu quá em bận lo công tác trên Khu, chẳng có dịp nào ghé ngang phòng anh. Tụi nó đánh anh dữ lắm hả. Đưa lưng em coi thử. Ui, bầm hết rồi. Thôi, anh lên bờ ngồi nghỉ đi.”

“Không được đâu, anh đang làm việc mà.”

“Anh sợ tụi nó hả, không sao đâu, em bảo đảm mà. Có em không thằng nào dám đụng anh đâu. Em nói anh bệnh, em cho anh nghỉ. Không bệnh em còn cho nghỉ được nữa là...”

“Thôi, cảm ơn Lộc. Mấy ông già như ông này lom khom lăn đá, anh làm sao ngồi trên bờ mà ngó được!”

“Mấy ông già này hả? Không sao, em cho mấy

ông lên hết trên bờ. Anh lên trước đi, hay là để em đỡ anh lên, rồi em đi vòng vòng kêu mấy ông già lên hết, chịu không?”

“Không, không cần đỡ anh, dìu ông già này lên trước đi.”

“Ừa, cũng bố già này hả, bố nhớ con không bố?”
Lộc vừa nói vừa cười rồi cùng tôi dìu ông già lên bờ.

Vừa lên tới bờ, tôi nói với Lộc:

“Ai chịu trách nhiệm chuyện đào hồ này vậy?”

“Thằng Hiệp lùn công an chứ ai. Mà sao anh Khang?”

“Làm việc kiểu này phí công sức mà ít kết quả quá! Mấy ông già với mấy anh chàng ốm yếu kia đứng dưới đó chật chỗ, cản trở công việc thêm mà thôi. Sao không cho họ đập đá hay làm việc nhẹ nhàng trong Khu, có phải hay hơn không!”

“Ô, cái đó là do cái thằng Hiệp ngu đó mà, trong buổi họp nó yêu cầu sáu trăm công nhân trong vòng nửa tháng thì Khu cho nó sáu trăm nhân công, nó muốn làm sao thì làm, em đâu có nói được với nó. Bây giờ kêu mấy ông già lên thì em phải đứng đây chờ nó ra, thương lượng với nó mới được. Hồi nãy em có gặp nó ngồi uống cà phê nói dóc với thằng Bính công an ở cái băng đá phía sau nhà hàng đó mà. Em đang công tác bên khách sạn, đi ngang đây thấy ồn ào, nhìn kỹ lại thấy cái áo sọc này của anh, em nhớ ra mới chạy tới. Chút nữa em đưa anh vô bệnh xá xức dầu cho tan mấy vết bầm này ghen?”

“Em nói Bính công an à, có phải Bính to con, người Bắc không?”

“Phải, Bính công an bây giờ có Hiệp công an bao che, mới nhập trại mà đã ngồi chơi không chẳng làm gì cả. Anh biết thằng Bính hả?”

“Anh ta ở chung trại B5 với anh một thời gian.”

“Nó với thằng Hiệp toàn là công an buôn lậu, tham nhũng, hối lộ, bán bãi vượt biên. Bây giờ vô đây làm cai tù. Cha, hình như có máu chảy chỗ này, áo anh

CỜI TRÓI TẬP II

thấm máu kia. Em đưa anh vô bệnh xá liền nghe?”

“Lộc à, anh không sao đâu, chuyện vô bệnh xá để tới nay về phòng tính sau đi, bây giờ lo cho ông bố già này trước thì tốt hơn, ông cũng bị đánh roi nhiều lắm đó.”

Lộc đứng ngó đảo dác một lúc, thấy có một tổ lao động ở đâu đi ngang liền kêu lại hỏi rồi gọi ông Nghĩa đi theo tổ đó để bảo vệ bệnh xá. Tới an lòng, cảm ơn Lộc. Lộc ngồi chơi với tôi một lúc, chờ đợi Hiệp.

“À, anh Khang, từ hôm nói chuyện với anh, em suy nghĩ như vậy: nếu mình không có ba thì mình hãy coi tất cả những ông già trên đời này như ba của mình. Nghĩ như vậy, tự dung em thấy sướng quá. Đi đâu em cũng gặp ba em cả.”

“Ừ, nghĩ như vậy là hay đó. Em cũng có thể suy ra, nếu mình không có anh em ruột thịt thì hãy coi tất cả những người chung quanh là anh em. Như vậy em cũng sướng lắm, đi đâu cũng gặp anh em.”

“Phải rồi, phải rồi! Nhưng hai cái thằng kia, chó má quá hả anh Hai! Không làm anh em với tụi nó được.”

“Cũng được hết đó Lộc à. Họ cũng là anh em, có điều... là anh em hơi dữ mà thôi! Mình thương họ thì từ từ họ cũng hết dữ.”

Lộc ngó tôi một lúc, nói:

“Anh hiền quá anh Khang à. Phải chi hỏi đó ba em mà hiền như anh thì... Thôi, để em đi vòng vòng, kiếm mấy ông già với mấy thằng sức yếu, kêu lên bờ, nghe anh Khang.”

Tôi ừ. Lộc đi vòng vòng trên bờ hồ, nhìn mặt nhìn dáng từng người, kêu lên bờ. Khoảng gần hai chục người được Lộc rút ra khỏi hồ, tập hợp dưới bóng cây dương gần chỗ tôi ngồi. Tôi cảm ơn Lộc thêm một lần nữa rồi dặn Lộc:

“Chút nữa Hiệp ra đây, có hai việc mà Lộc nên đề nghị với anh ta: thứ nhất là đừng dùng roi vọt để thúc đẩy người ta làm việc vì chuyện đó thường thường chỉ làm chậm công việc thêm mà thôi; thứ hai, nên sắp xếp mấy

người già yếu cho làm việc nhẹ trên bờ. Còn phần anh, để anh xuống tiếp tục làm việc dưới hồ. Anh còn khỏe mạnh, anh không muốn người ta nghĩ anh điều đình thương lượng chuyện đó cho bản thân anh đâu, Lộc hiểu không?”

Lộc gật đầu, suy nghĩ một lúc rồi ngồi xuống.

“Anh Khang à, anh là sĩ quan hả?”

“Không, không phải.”

“Vậy sao anh bị nhốt chung phòng với tốp sĩ quan?”

“Phòng anh chỉ có vài người sĩ quan của chế độ cũ. Nhưng họ bị bắt vào đây không phải vì sĩ quan mà vì chống lại Nhà nước. Anh cũng vậy.”

“Chống lại Nhà nước à? Anh hiền như vậy mà chống lại Nhà nước sao? Nhưng lấy gì mà chống? Anh chỉ có hai tay không, còn Nhà nước có công an, có quân đội, có súng đạn...”

“Súng đạn không bèn bằng lòng người đâu, Lộc à.”

“Em không hiểu.”

“Một ngày nào đó em sẽ hiểu.”

“Em muốn hiểu ngay, anh nói rõ hơn một chút đi. Em không có học, không biết chữ, anh nói sao cho dễ hiểu đó nghe.”

“Thì... có bao giờ em nghe người ta nói tình thương sẽ thắng thù hận, mềm dẻo sẽ thắng sự cứng rắn, yếu thắng mạnh?”

“Không, chưa bao giờ em nghe như vậy. Khó hiểu quá, tình thương mà sao thắng được thù hận?”

“Cái gì khiến em thay đổi thái độ đối với anh và ông già Nghĩa?”

“Tại vì... tại vì anh dạy em nên coi ông như ba, làm em nhớ tới ba em...”

“Có nghĩa là tình thương đã thắng được lòng thù hận trong em, rồi nó làm thay đổi con người em.”

“Em hiểu rồi, em hiểu rồi”, Lộc reo lên. “Hay quá, anh Khang à. Anh còn chuyện gì giống như vậy, nói cho

CỜI TRÓI TẬP II

em nghe nữa đi, em nghĩ là nghe mấy chuyện của anh em sẽ sung sướng lắm đó! Ôi anh Khang ơi, có khi em thấy anh giống ông thầy chùa ở xã em quá!”

Tôi giật mình ngó Lộc.

“Thiệt đó, ông thầy chùa đó hiền khô à. Vậy mà rồi ông cũng bị công an bắt đem đi đâu mắt không bao giờ thấy về nữa. Chùa của xã em thành ra là cửa hàng bán chất đốt. Em chẳng hiểu sao những người hiền như vậy mà lại bị bắt. Chắc tại vì... mấy ông thầy chùa lấy tình thương để thắng thù hận mà chắc chưa thắng được, phải không anh?”

Tôi phì cười:

“Có lẽ vậy. Bởi vì những người thù hận chưa chịu thức tỉnh giống như em nên họ còn thù hận, cứ còn dữ dằn mãi.”

“Em bây giờ cũng hiền rồi đó anh Khang à.”

“Ừ, em hiền nhiều rồi. Anh mong thế giới này, ai dữ rồi cũng thay đổi thành hiền như em... như vậy thì hạnh phúc biết bao!”

“À, em nghe nói có một ông thầy chùa ở trong nhóm sĩ quan chính trị của anh, sao chẳng bao giờ thấy ông ta đâu hết vậy?”

“Em nghe ai nói?”

“Không nhớ nữa, nhưng hình như là cán bộ nói, rồi mấy công nhân nói lại, rồi mấy chức năng chuyên miêng với nhau... nên em biết. Mới đầu em cũng muốn gặp thầy chùa đó để coi thử ông có phải là ông thầy chùa ở xã em không, nhưng chẳng thấy ông đâu.”

“Người ta còn nói gì về ông thầy chùa đó không?”

“Ừ... họ nói đây là thứ dữ, phải canh phòng đặc biệt! Nhưng em không nghĩ là mấy ông thầy chùa dữ đâu, phải không anh Khang?”

“Ừ, họ không dữ đâu, nhưng vì họ thường lên tiếng chống lại cái dữ cái ác nên kẻ dữ sợ họ, cho rằng họ dữ. Có một câu chuyện như vậy...”

“Ồ hay quá, anh kể chuyện em nghe đi, anh

Khang, em thích nghe lắm, hồi nhỏ tới giờ, em không được nghe ba má kể chuyện gì hết.”

Tôi im một lúc, ngẫm nghĩ, rồi kể câu chuyện trong kinh Hiền Ngu:

“Ở khu rừng nhỏ cạnh làng đó có một con trăn to lớn, rất dữ dằn, ai thấy nó cũng sợ hãi bỏ chạy. Nhưng một hôm, có một nhà sư đi du hóa—tức là đi nơi này nơi nọ để cứu giúp người—gặp con trăn phóng tới tấn công, ông không hoảng sợ nó mà trầm tĩnh đứng nhìn lại nó bằng đôi mắt rất từ bi. Chính nhờ đức từ bi...”

“Từ bi có phải là hiền không anh?” Lộc cắt ngang.

“Cứ hiểu đại khái là như vậy, nhưng từ bi nghĩa sâu rộng hơn nhiều. Hiền chỉ là một đức tính nhỏ trong từ bi mà thôi. Để anh tiếp: Chính nhờ đức từ bi mà nhà sư cảm hoá được con trăn—cảm hóa tức là làm thay đổi kẻ khác bằng tình cảm đó em. Trước khi tiếp tục đi chu du, nhà sư dạy con trăn về đức tính từ bi và nhẫn nhục. Từ đó, con trăn không giết hại hay ăn thịt bất cứ động vật nào nữa, mà cũng chẳng bao giờ tấn công, rượt đuổi ai; trái lại, chính vì nó hiền quá nên người ta không sợ nó nữa. Thậm chí bọn trẻ con trong làng thấy con trăn không những không bỏ chạy mà còn dám tới gần, chọc ghẹo, lấy gậy, lấy đá, đánh chọi nó. Con trăn cứ nằm im chịu trận, chẳng lên tiếng than van, chẳng tỏ thái độ gì để tự vệ hay chống chọi lại. Nó bị đánh đập và chọi đá toác da toác thịt, máu ra ướt cả đất, cử động không nổi, sắp chết tới nơi mới được bọn trẻ tha cho. Tình cờ lúc nó gần chết, nhà sư kia lại đi ngang làng, thấy nó ra cơ sự đó liền hỏi. Nó kể lại sự tình, nói rằng vì theo lời dạy của nhà sư mà áp dụng tinh thần từ bi nhẫn nhục, không hại ai và sẵn sàng chịu đựng hết mọi khổ nhục... để đến nỗi sắp chết. Nhà sư lắc đầu dạy con trăn rằng: ‘Con đã áp dụng sai tinh thần từ bi nhẫn nhục rồi. Từ bi không phải là ngu si, ù lì, để cho ai muốn làm gì đó thì làm. Nhẫn nhục không phải là chỉ biết cắn răng chịu đựng người khác hành hạ tổn thương sinh mạng mình và đồng loại một cách vô lý.

CỜI TRÓI TẬP II

Học theo đức tính từ bi nhân nhục, con không được làm tổn hại ai mà chỉ biết đem yêu thương đến với họ, nhưng đối với kẻ xấu ác và cố ý tổn hại đến con và đồng loại của con, con phải chứng tỏ cho họ biết rằng con có đủ khả năng để thắng được họ mà không cần giết; con không sử dụng sức mạnh của con để giết hại ai, nhưng con có thể biểu hiện nó để tự vệ. Đối với những kẻ cố tình giết hại con, nếu có thể tránh né được họ thì tránh né, còn không tránh né được thì con có thể phùng mang trợn mắt, thè lưỡi nhe răng để họ sợ hãi mà xa lánh, không phiền đến con nữa. Phải chạy, hoặc phải tự vệ để sống còn. Có sống con mới có cơ hội tu tập và làm lợi ích cho kẻ khác được chứ!”

“Em hiểu rồi. Như vậy... chắc là ông thầy ở trại B5 chuyển đến, cũng như ông thầy ở xã em, cũng vì bỏ chạy hoặc tự vệ nên họ bị bắt. Bị bắt vì lý do đó thì vô lý quá, phải không anh Khang? Tội nghiệp mấy ông quá hả?”

“Thực ra thì nhà sư dạy con trốn phải bỏ chạy hoặc phải tự vệ bằng cách biểu dương sức mạnh là vì nó chỉ là con trốn; chứ nếu nó là con người thì nhà sư dạy một thái độ tích cực hơn.”

“Vậy hả anh? Tích cực làm sao?”

“Con người khi học đức tính từ bi, thấy kẻ khác gặp khổ nạn thì phải ra tay cứu giúp, quên cái quyền lợi riêng của mình mà dấn thân vào đời để đem lại hạnh phúc an vui cho kẻ khác...”

“Ô, thằng Hiệp ra rồi kia, để em đến nói chuyện với nó. Thôi... em gặp anh Khang sau nghe.”

Trong khi Lộc đi về phía bên phải để đón Hiệp, tôi đứng đây, bước về phía bên trái, nơi cái hố sinh đầy ngập những đầu người lô nhô, lúc thò lúc thụt, như những tội nhân đang cố ngoi lên khỏi vũng lầy thống khổ của địa ngục trần gian.

Tôi dừng lại bên miệng hồ, nhìn xuống. Một vài

khuôn mặt hốc hác, nhọc nhằn ngược lên nhìn tôi rồi lại cúi gầm đầu xuống, tiếp tục lăn đá. Những cái lưng khom khom đầy mồ hôi. Nhiều lưng áo rách toạc phơi bày những hốc xương và những vết bầm tươm máu. Bóng tôi cùng với nắng chiều đổ nghiêng xuống vũng sinh linh xĩnh lộp nhóp. Nhiều bàn chân dẫm qua dẫm lại trên cái bóng ấy. Và trong ánh chiều lấp lóa xen kẽ giữa những đôi vai gầy còm lay động liên tục ở dưới hố, tôi thấp thoáng nhìn thấy những giọt mồ hôi của bạn tù rơi xuống, rơi xuống, như mưa, như sương, như ngọc lưu ly, như tinh anh vẹn tuyền của tất cả khổ lụy đời người. Nước mắt tôi bỗng rơi theo, rơi theo, vỡ trên bờ đá, từng giọt mát tằm thật nhanh vào vùng sinh đen lầy lội. Bất chợt, một nỗi cảm thương vô cùng mạnh mẽ, bùng dậy trong tôi. Và tiếp theo đó là một đại nguyện, như một nụ hoa thơm nhụy từ lâu với bao tinh chất trinh nguyên cao khiết để chờ đợi một khoảnh khắc phát tiết thiêng liêng, đã bùng vỡ ra một cách tự nhiên trong trái tim nguyên sơ không tì, không vết:

“Hỡi những tù nhân tội nhân của tất cả các thế giới, tất cả những địa ngục, tất cả những cảnh khổ đau, nghèo đói, áp bức nhục nhằn, xin trút hết bi lụy thống khổ lên vai tôi, xin hãy để một mình tôi gánh chịu, xin hãy để một mình tôi gánh chịu. Tất cả chúng sanh trong vô lượng thế giới ngay giờ phút này, xin cho họ đều được lập tức xa lìa mọi khổ não, hướng về an vui tuyệt đối.”

Và chính ngay ở cái phút giây ngắn ngủi của đại nguyện vừa cất lên, một cái gì mệnh mang tịch lặng mở ra. Vâng, tôi trực nhận được nó, chính là nó, cái mà tôi tìm kiếm đã từ lâu. Nó, cái vật không bao giờ mất đó đã hiện bày một cách trọn vẹn tinh tuyền trong tôi, tràn ngập, cùng khắp, không biên giới, không cùng tận. Tôi từ từ đưa hay bàn tay dính đầy những sinh khô lên, nhìn lại, nhìn

CỜI TRÓI TẬP II

thật kỹ. Đôi tay tôi là đôi tay tôi mà không phải là đôi tay tôi. Có một cái gì không thể nói được, không thể diễn bày được. Nó chính là tôi, là thế giới. Phải rồi, tôi chưa bao giờ, không bao giờ mất nó cả. Tôi đang ngắm nhìn nó, mà thực ra là nó đang ngắm tôi. Cũng không phải vậy nữa! Bởi vì nó chính là tôi, mà tôi cũng chính là nó... Tôi nghĩ là tôi đã thực sự trông thấy nó. Nhưng nó tuy là cái bất diệt không bao giờ mất, vẫn hãy còn là một cái gì mong manh mà nếu tôi lay động nhẹ một chút thì nó sẽ tan biến ngay. Tôi đứng lặng ở bờ hồ chăm chăm ngó thẳng vào nó như một con thú rình mồi không để sơ sẩy. Tôi muốn đứng mãi cho đến khi nào tôi hoàn toàn nắm giữ được nó, không để cho nó vượt mất nữa.

Bất ngờ một hồi còi dài vang lên. Tôi giật mình, quay lại và thấy một anh cai tù tay phải cầm còi, tay trái cầm một mẩu giấy nhỏ, ra dấu cho mọi người lắng nghe. Mấy trăm người dừng tay, im lặng như tờ. Lộc và Hiệp cũng từ từ bước ngang gần chỗ tôi. Anh cai tù kia thấy mọi người yên rồi mới nhìn vào mẩu giấy một lần nữa rồi lớn tiếng:

“Ồ đây có ai tên là Vĩnh Khang không?”

Phải một lúc lâu, tôi mới thực sự nói được một chữ:

“Có,” và tôi đưa một tay lên cao.

“Tội phản cách mạng, phải không?”

“Phải.”

“Vậy anh theo tôi về Khu gấp.”

Anh cai tù đưa mẩu giấy đó cho Hiệp. Hai người nói với nhau gì đó một lúc, Hiệp ghi chú vào sổ tay riêng, chắc là trừ bớt một người trong nhân số lao công thuộc quyền kiểm soát của anh. Anh cai tù gọi tên tôi ra dấu tôi bước theo anh về Khu. Lộc chạy theo chúng tôi, hỏi:

“Nè, sao vậy, có chuyện gì vậy, được về hả?”

“Còn lâu” anh cai tù kia đáp.

“Vậy chứ sao kêu về Khu, bệnh hả?”

“Không phải. Tại vì phản cách mạng, thú dữ, nên

không được ra khỏi Khu. Tội mình còn may phước đó. Thả ông nội này ra đào ao lỡ ông sống thì bị cùm hết cả đám. Cái ao gần đường cái quá, cán bộ nói vậy. Bảo kêu vào, từ nay không cho ra ngoài nữa.”

“Gì mà ghê vậy. Anh Khang này tao biết mà, hiền khô à.”

“Hiền, chuyện đó khó bàn lắm mày ơi. Tốt hơn là cứ theo lệnh cán bộ.”

“À, vậy mày đưa anh vô bệnh xá luôn được không? Tao còn bận qua trại ngựa, không vào Khu được.”

“Sao phải vô bệnh xá?”

“Anh bệnh, bị tội kia nó đánh bầm cả người. Mày đưa anh vào bệnh xá đi, tao chịu.”

“Để thôi, bây giờ cũng chiều rồi, có đưa về Khu cũng chuẩn bị cho nghỉ lao động rồi. Tao sẽ đưa ông vô bệnh xá.”

Mặc hai người nói gì với nhau thì nói, tôi chỉ bước theo, lòng ngẩn ngơ tiếc nuối. Luôn có một trở lực nào đó ngăn cản sự trở về của mình.

Tôi có cảm tưởng rằng nếu lúc đó tôi được dễ yên, được ngồi xuống bên bờ đá, tham thiền liên tục trong suốt 49 ngày đêm, thì tôi sẽ thành Phật. Ma vương không bao giờ thích cái chuyện thành Phật của tôi hay của bất cứ ai cả. Vì vậy, ngay ở cái khoảnh khắc thiêng liêng mà tôi sắp sửa nắm bắt trọn vẹn được thực tại tối hậu, nó xen vào ngay. Nó cho tôi cơ hội thoải mái dễ dãi khác để đánh đổi, để cách ly tôi ra khỏi con đường trở về. Và tôi tiếp tục, thay vì đồng mãnh bước xuống vũng lầy thống khổ, lại bước vào bệnh xá để được nghỉ ngơi, điều trị.

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG HAI MƯỜI

Nắng đã lên cao và bên ngoài, người đi bộ nườm nượp trên hai lề phố. Ngày thường mà như thế. Nơi đây có vẻ như là khu dành cho những người nhàn rỗi, du lịch. Không có dấu hiệu rõ rệt nào của nghèo đói khổ đau.

“Em có thích qua ngồi phía này, nhìn ra đường không?”

Tôi hỏi nàng như vậy vì nhớ rằng trước đây Mộng Huyền đòi ngồi cùng phía với tôi, thích thú ngắm cảnh khách ngoại quốc qua lại.

Nàng xoay người nhìn ra đường rồi quay vào, nói ngay:

“Không. Em đâu cần phải ngắm cái cảnh xô bồ nhộn nhịp đó. Em thích ngồi nhìn anh, nghe anh nói chuyện thôi.”

“Vậy mình đi tìm chỗ nào khác nhé? Ngồi đây cũng khá lâu rồi, để còn nhường chỗ cho khách khác nữa.”

Nàng ngoan ngoãn gật đầu. Chúng tôi ra ngoài, dắt xe xuống lòng đường. Nàng hỏi tôi muốn đi đâu. Tôi nói tùy nàng. Nàng chở tôi chạy dọc bên Bạch Đằng, tìm một băng ghế đá dưới bóng râm cạnh bờ sông. Tóc nàng óng ánh tung bay trong gió. Chúng tôi ngồi bên nhau, nhìn ra hướng sông. Bên trái chúng tôi là chiếc tàu sắt to lớn mang tên Tiền Giang, đang neo bến. Một vài chiếc ghe nhỏ qua lại trên mặt sông dập sóng. Xa xa, con phà Thủ Thiêm đang từ từ hướng về Sài Gòn. Một vài cánh chim hải âu trắng muốt vỗ cánh lao xao, làm rộn cả bầu trời xanh ngắt.

“Họ đánh đập anh như vậy chắc để lại nhiều vết

bầm hay theo trên người anh hờ?” nàng hỏi với đôi mắt rơm rớm lệ.

“Cũng khá lâu rồi, chắc không còn vết tích gì đâu. Nhưng ở hai cổ chân thì còn vết cứa của cùm sắt.”

“Đưa em coi”, nàng tự nhiên nói.

Tội ngập ngừng kéo nhích ống quần lên một tí. Nàng dùng ngón tay sờ nhẹ trên các vết thương của tôi.

“Còn đau không?”

“Không, hết đau rồi. Cám ơn em.”

“Nhưng hình như hãy còn bầm tím, để chút nữa về nhà em lấy dầu xức cho anh, đánh cho tan vết bầm.”

Tôi thấy ấm áp trong lòng. Đã nhiều năm rồi, tôi mới được đón nhận một tình cảm chăm sóc nhẹ nhàng của phái nữ như thế. Ngay phút đó, tôi nghĩ là tình yêu đã đến với tôi.

“Đáng lẽ phải xức dầu ngay khi bị đánh đập. Chắc trong tù không ai lo cho anh chuyện đó, với lại anh cũng ngang tàng, lì lợm lắm, làm gì chịu để ai chăm sóc!”

Tôi cười:

“Có chứ. Anh đâu có lì lợm như em nghĩ.”



Tôi được ông Trợ sắp đặt chỗ nằm ở bệnh xá. Còn ông Nguyên thì bảo tôi cởi áo nằm sắp xuống, đưa lưng cho ông đánh dầu để tan những vết bầm. Trong khi cởi áo, tôi nhìn thấy tờ lịch treo trên tường và sực biết rằng hôm nay là ngày rằm tháng bảy âm lịch. Ngày này, ở các chùa đang tổ chức lễ Vu Lan. Ngay vào lúc cái hoài niệm và phóng ảnh về một ngày Vu Lan hiện ra trong đầu óc, tôi lập tức ý thức và cảm giác được rằng dầu gió do ông Nguyên xức cho tôi đang thấm vào các vết thương, đau rất vô cùng. Tôi nằm sắp, nhìn những ngón tay của mình. Ôi, cái ý niệm phân biệt đối đãi lại trở về với tôi. Nó cho tôi cảm giác đau đớn của xác thân, gấn chặt đời tôi vào

CỜI TRÓI TẬP II

với kiếp người hệ lụy. Nhưng không sao, tôi thăm nhủ, cảm ơn người, đau khổ ời. Cũng chính nhờ người mà cảm thức của ta đối với cuộc đời nhạy bén, tinh tường và chân thực hơn.

Khi tôi ngồi dậy, trời đã nhá nhem tối. Từ bệnh xá nhìn ra ngoài, tôi không thấy trăng đâu nhưng ánh trăng trung nguyên đã ngập sáng nửa sân trại. Tôi nhớ lại giây phút tao ngộ rực rỡ giữa tôi và ánh sáng hay niềm tịch lặng vô biên trong chính tôi. Dường như con trăng sắp lên luôn luôn có một tác động trực tiếp hoặc gián tiếp nào đó vào sự vận hành tâm thức của con người. Tôi nhớ đêm rằm tháng bảy của bốn năm trước, một mình đứng trên bao lơn của một dãy lầu của tu viện Già Lam, trong khi bên dưới rộn ràng lễ hội Vu Lan, cùng lúc với con trăng vàng vạc tuôn ánh vàng, trong tôi bỗng bùng dậy một niềm thương cảm to lớn lạ kỳ đối với đất nước dân tộc tôi. Có thể nói rằng chính từ niềm thương cảm mãnh liệt này, tôi quyết định rời bỏ ghế nhà trường để dấn thân vào đời, tìm kiếm một tương lai đẹp đẽ tươi sáng hơn cho quê hương. Có lẽ ánh mặt trời gay gắt ban ngày thì kích lệ sự hưng phấn của trí tính—tập trung ở cái khối óc luôn luôn nhồi lên để tìm một chỗ đứng ở chỗ cao nhất, rõ rệt nhất; còn ánh trăng đêm thì êm đềm hơn, nhưng đánh động toàn bộ cảm tính huyền nhiệm sâu lắng ở bên trong, ở tận cùng đáy tim ẩn mật kín đáo luôn vang dội nhịp điệu lúc dồn dập, lúc an nhiên, lúc dưng lặng một cách bất thường...

Ừ nhỉ, trái tim của tôi, chẳng rõ tự lúc nào, đã có những nhịp đập bất thường. Ông Trợ, ông Nguyên, rồi cả ông Mậu đông y, đều đã khám qua nhịp đập và các dấu hiệu nào đó của trái tim thực tế của tôi, và đều nhăn mày, tỏ vẻ khó hiểu. Rồi ông Trợ bảo là tôi bị đau tim. Tôi chẳng rõ điều này có xác đáng không. Tôi đưa tay sờ lên vùng da bao bọc trái tim mình. Nghe nó đập. Đập thật nhẹ, thật nhỏ. Có khi nó có vẻ đứng yên, không chịu đập. Thôi kệ, để ý làm gì. Hễ còn đập, dù là bất thường, là còn sống.

Vậy đó mà ông Trợ đã quyết định giữ tôi ở lại bệnh xá, không cho tôi về phòng giam nữa. Ông nói với mấy anh cai tù trong ban chỉ huy Khu rằng:

“Ban chỉ huy giao anh Khang cho tôi thì lẽ có chuyện gì, tôi chịu trách nhiệm; chứ còn bắt anh ấy ra ngoài lao động, anh ấy đứng tim chết bất tử thì đó là trách nhiệm của mấy anh đây nhé!”

Từ đó, tôi trở thành bệnh nhân thường trực của bệnh xá, tức là loại bệnh nhân có bệnh nặng, bệnh kinh niên, phải ở luôn nơi bệnh xá để các vị Đông-Tây y chữa trị, không còn đi ra ngoài lao động nữa; nếu có làm việc gì thì cũng làm những việc thuộc phạm vi bệnh xá. Ông Trợ lúc này mới nói thật với tôi:

“Thực ra ở bệnh xá có một việc rất quan trọng mà cái ông Cảnh, suýt, nói nhỏ anh nghe, ông ta thì siêng năng nhưng không biết cách làm việc nên bao nhiêu hồ sơ bệnh án, bao nhiêu sổ sách thuốc men... ông làm lung tung lộn xộn, mỗi lần có cán bộ y tế xuống hỏi cái này, hỏi cái kia, chẳng biết đâu mà trả lời. Có lần cán bộ dọa sẽ bỏ tù hết ban y tế của bệnh xá nữa đó. Hi hi, đã ở tù rồi mà còn bị dọa bỏ tù nữa! Thực ra ý ông nói là biệt giam kỷ luật hết nhân viên bệnh xá nếu không chịu cải tiến cách làm việc, không chịu lập hồ sơ bệnh án đầy đủ. Hờ, anh coi có cách nào phụ giúp cho một tay không? Chúng tôi thấy anh thì tự dụng nghĩ là anh làm được. Chúng tôi lo việc chữa trị đã bù đầu bù cổ, đâu có thể lo luôn việc sổ sách được. Đó, hiện giờ thì hồ sơ với thuốc men xuất nhập rồi tung lên, chẳng biết đâu mà kiểm soát.”

“Vậy để tôi phụ ông Cảnh sắp xếp lại.”

“Được vậy thì quý rồi, nhưng... tôi chỉ nói trước với anh thôi, để sau này có gì thì anh bắt tay vào mà giúp, chứ thực sự thì hiện giờ ông Cảnh được cán bộ chỉ định làm thư ký, mình chẳng mớ tay vào được đâu. Khi nào chuyện bế tắc không thể cứu vãn được nữa thì mình mới dám đề bạt người này người nọ ra giúp. Anh hiểu ý tôi không?”

CỜI TRÓI TẬP II

“Hiểu, nhưng thực ra tôi đâu có muốn làm thư ký. Bác nói ban thư ký cần giúp thì tôi giúp thôi.”

“VẬY là quý lắm rồi, nhưng mà cũng chưa được đâu anh à, vì ông Cảnh tự ái, không muốn ai giúp cả. Ông nói ông đã từng là thư ký của Ủy ban Nhân dân xã đó mà. Cán bộ cũng biết lý lịch của ông nên mới cắt ông làm thư ký bệnh xá đó. Có điều, anh thấy không, công việc ở Ủy ban Nhân Dân xã đâu có giống công việc của bệnh xá! Huống hồ... mấy chả làm ruộng thì giỏi chứ làm việc văn phòng thì có ở tỉnh cũng dở ẹt như thường, xã thì ăn nhằm gì!”

“VẬY bây giờ bác muốn tôi phải làm sao?”

“Anh tạm thời đi theo ban y tế mỗi khi đi khám bệnh cho bệnh nhân ở đây và các phòng, sau này nếu ông Cảnh không làm thư ký nữa hoặc nếu ông chịu để anh giúp thì giúp giùm cho, vậy thôi.”

“VẬNG, tôi hứa. Nhưng này bác Trợ ơi, tim của tôi có bị đau gì đó không, hay chỉ vì...”

“CÓ đau thiệt chứ sao không. Tôi nói với anh nhiều lần rồi mà. Anh không đau thì tôi đâu để anh ở lại đây; anh không ở lại đây thì tôi đâu có đề nghị anh làm thư ký.”

Tôi gật đầu, xác nhận lại lần nữa lời hứa sẽ phụ giúp ban y tế làm việc sổ sách. Tôi hứa như vậy, nhưng chỉ mới vài ngày, chưa kịp quen thuộc với sinh hoạt bệnh xá đã bị gọi tên tập trung ngoài sân của Khu C. Lúc ấy đâu chừng bảy giờ tối (giờ đó thì cả ông Cảnh, Tính và hai anh nuôi của bệnh xá cũng đã bị cùm hết vào thanh sắt dài của giường bệnh; chỉ còn các y sĩ là tiếp tục ở ngoài cùm, làm việc cho đến giờ báo nghiêm). Tôi đang nằm trên giường bệnh, quan sát ban y tế làm việc, bỗng thấy một cai tù cầm giấy bước vào, đọc tên vài người, trong đó có tôi.

“NHỮNG người có tên lập tức mang hết hành lý cá nhân, tập trung trước văn phòng trại. Sẽ có xe đến đưa đi.”

Anh đọc một dọc tên mà chỉ có hai tên là bệnh nhân đang nằm ở bệnh xá, một là ông Thi bệnh kiệt sức và ho nặng, và tên còn lại là tôi. Ban y tế lo rút thanh sắt tháo cùm cho tôi và ông Thi rời giường bệnh. Anh cai tù còn dặn thêm:

“Nhớ mang theo cái U đó nghe!”

Tôi bỏ cái U vào giỏ xách. Ông Thi cũng đã sẵn sàng. Chúng tôi nhìn nhau, chào nhau bằng một cái gật đầu rồi cùng bước theo anh cai tù ra ngoài sân.

Ông Thi nằm ở bệnh xá trước tôi. Ông đã xấp xỉ năm mươi, cao và ốm tong teo, chỉ còn trơ lại bộ xương. Nhưng đâu đó trên nét mặt ông, tôi thấy cái vẻ thông minh, cương nghị và liêm sỉ hiếm có trong những tù nhân ở tình trạng đói thiếu, kiệt sức vì thiếu dinh dưỡng. Lúc cùng ở bệnh xá, ông và tôi chỉ nhìn nhau từ xa (từ hai dãy giường đối diện) chứ chưa có cơ hội nào để trao đổi chuyện trò. Bây giờ bị gọi tên cùng một lúc, dường như cả tôi và ông bỗng thấy là bạn tù của nhau, ít nhất là bạn đồng phòng ở bệnh xá—đó là chưa nói “đồng nghiệp” nếu chuyện tập trung này chỉ nhắm vào thành phần tù chính trị.

Ở sân, một số người đã tập họp trước, ngồi xôm, chẳng ai nói với ai lời nào, mặt nào mặt nấy thất thần, có vẻ lo lắng, e sợ. Cai tù lảng xãng chạy qua chạy lại, đếm tới đếm lui, hô thúc, la chửi, bảo giữ trật tự. Những người có tên trong danh sách ngó mặt nhau, phát giác ra rằng số người bị tập trung nếu không thuộc diện “phản cách mạng” thì cũng thuộc diện sĩ quan chế độ cũ. Người ta chào hỏi nhau lặng lẽ, nửa cảm thông, nửa e dè. Đã có những người cùng hội cùng thuyền xâm xỉ nhỏ nhỏ với nhau. Đi đâu mà đi vào ban đêm, gấp gáp quá vậy? Có chuyện gì xảy ra bên ngoài chăng? Tàn quân đánh phá để cứu tù chính trị sao? Hay là quân xâm lược Trung quốc đã tiến vào bao vây thành phố? Hay là tướng Ngô Quang Trưởng đã đem đại binh từ chiến khu đánh ra? Hay là lực lượng kháng chiến của Đề đốc Hoàng Cơ Minh từ biên

CỜI TRÓI TẬP II

giới Lào xâm nhập vào nội địa? Hay là tàn dư của lực lượng Trần Văn Bá, Mai Văn Hạnh nổi lên? Hay là lực lượng Phục quốc đang kêu gọi nổi dậy? Hay là các lực lượng chống cộng trong nước đã cùng toàn dân đồng loạt khởi nghĩa? Hay là phe Nam và Bắc Cộng sản đang chuẩn bị đánh nhau? Ôi, bao nhiêu là hy vọng đổi thay hoàn cảnh tù tội. Nhưng có một ý kiến nào đó bi quan hơn, phát ra từ một anh chàng to cao dềnh dàng ngồi bệt dưới đất mà bằng người ta quì gối:

“Đừng có ham, chúng nó mang đi bán chứ có gì đâu mà bàn tới bàn lui! Lo cầu nguyện bây giờ là vừa rồi.”

Lời nói với giọng cà rưng như vậy mà rồi mặt nào mặt nấy cũng có vẻ giật mình, ngơ ngác một lúc rồi lại dăm chiêu. Ừ, cũng có lý. Nếu họ đem đến một đồng hoang hay một khu rừng nào đó mà bắn chết hết thì sao nhỉ! Ai biết đâu mà kiện với thưa. Chuyển đi ban đêm khơi nguồn sức tưởng tượng cho những kẻ mà hai tay hai chân và thân xác đã giao phó hoàn toàn cho công việc lao động nặng nhọc, chỉ còn cái đầu cứng ngắc để thỉnh thoảng mơ về quá khứ hay dự phóng tương lai.

Thế rồi một chiếc xe, rồi hai chiếc xe cam nhông, từ ngoài chạy vào sân, thùng xe đưa vào trước, đầu xe hướng ra ngoài. Chúng tôi lục tục lên xe theo thứ tự danh sách mà một cai tù đọc lớn. Mỗi xe khoảng từ 25 đến 30 người. Vị chi khoảng từ 50 đến 60 người. Nấp thùng xe phía sau đóng lại, cài then sắt, khóa. Rồi xe chuyển bánh, chạy đi trong đêm. Không khí trên xe lúc này sao im lặng lạ lùng, không giống như đợt chuyển trại buổi sáng từ B5 đến K4. Đợt đó người ta nói chuyện nhao nhao, phấn khởi lắm (vì ăn không ngồi rồi ở trại B5, ai cũng mong được đi lao động!). Bây giờ ngồi im, một phần vì kỷ luật của mấy anh cai tù trại này, phần khác có lẽ là do sự lo sợ viễn vông về an nguy của mình. Trong xe bít bùng, chúng tôi không thấy rõ mặt nhau. Bên ngoài cũng đen kịt; có chăng những khoảng hở ở phần trên của thùng xe thì cũng chỉ hé

lộ một trời đêm mịt mùng với con trăng chưa mọc của ngày hạ tuần.

Xe chạy một khoảng đường ngắn thì dừng lại. Tôi không đoán được là chúng tôi đang ở đâu. Một anh tù đã ở trại này khá lâu, nói:

“Cũng còn trong trại K4 chứ có đi đâu xa mà ham!”

Chúng tôi được lệnh tập trung, lại ngồi xôm, ở cửa chính của một khu nhà với tường xây bằng đá ong, bít bùng và kiên cố như một pháo đài. Chẳng biết ngồi đây để chờ đợi cái gì. Chỉ thấy một vài anh tù đang khuân vác những bao xi-măng từ trong căn nhà đá đem ra ngoài, chất thành đồng cạnh mé tường đá. Công việc của các anh có vẻ gấp gáp. Nơi chất xi-măng cũng cho thấy chỉ là tạm thời vì không có mái che. Một vài công nhân và cai tù đi ra đi vào, thúc giục. Có tiếng đục đẽo gì đó bên trong căn nhà đá nghe lục cục, chát chát. Rồi hình như không được yên tâm khi để chúng tôi ngồi lâu ngoài sân với hai chân thông thả không cùm, người ta vội vàng ra lệnh chúng tôi xếp hàng bước vào trong. Tôi không kịp quan sát kỹ lưỡng bên trong, chỉ đoán được là có khoảng 6 phòng bằng nhau nằm hai bên một lối đi chạy suốt chiều dài căn nhà và rộng chừng hai mét. Theo hướng dẫn của cai tù, chúng tôi chia làm hai nhóm, mỗi nhóm bước vào một phòng. Tôi bước vào căn phòng mà những bao xi-măng vô tri vừa được lấy ra để chứa chúng tôi thay vào đó. Hai anh tù khuân xi măng bây giờ đang vội vã quét dọn bên trong căn phòng. Bụi xi-măng bay mù mịt. Một anh tù khác tiếp tục dùng búa và lưỡi chày để đục cho xong cái lỗ xuyên qua vách đá để đầu thanh sắt cùm chân chúng tôi có thể xỏ ra ngoài. Trong khi nhóm tù chúng tôi đứng lại chờ ở lối đi thì nhóm tù kia bị lừa vào căn phòng xéo góc với căn phòng chứa xi-măng. Căn phòng bên đó dường như là một căn phòng trống và đã từng nhốt tù nên mọi thứ đã chuẩn bị sẵn, chỉ cần bước vào. Trong số người trong nhóm bên ấy, tôi nhắc thấy đáng thầy Quảng Bình.

CỜI TRÓI TẬP II

Trước đây, thầy Quảng Bình đã từng bị biệt giam đến nỗi bại chân, vừa trị dứt để đi lao động bình thường thì nay lại đã trở vào biệt giam. Tôi thấy cảm cảnh e ngại cho thầy ấy.

Bụi xi-măng còn tung mù trong phòng, chúng tôi đã bị thúc giục bước vào. Tôi bước vào sau, thấy ông Thi ngồi sẵn dưới sàn gỗ với cái U móc sẵn vào cổ chân, chờ đợi xỏ râu. Ông ngược nhìn tôi, cười chào, rồi đưa một tay ra dấu, chỉ cho tôi xuống chỗ trống bên cạnh ông. Tôi chào ông rồi ngồi xuống, moi giỏ xách lấy cái U “bưu bối cái tạo” của mình ra. Chừng vài phút sau, chân chúng tôi đã bị cùm. Phòng giam chúng tôi chứa hai mươi ba người, chia thành hai dãy nằm đưa chân vào nhau, đầu hướng vào vách. Tôi và ông Thi nằm ở dãy trong, như vậy khi ngồi dậy thì mặt chúng tôi hướng về phía cửa ra vào; còn dãy phía ngoài thì đưa lưng về phía cửa, quay mặt về phía chúng tôi. Hai thanh sắt cùm chân hai dãy người chạy song song với nhau và cùng chĩa đầu ra ngoài vách đá để được móc ổ khóa từ bên ngoài. Hai bóng đèn tròn bắt thật cao trên tường ở hai địa điểm chéo góc với nhau, có vẻ như không đủ năng lượng ánh sáng để tỏa khắp căn phòng có trần cao và bốn vách xám xịt màu đá.

Chúng tôi phải sơ mặt sàn gỗ (để lót làm nền chất xi-măng cho khỏi hư) rồi nằm xuống. Không ai, ngay cả cai tù, nói với chúng tôi một lời giải thích về chuyện giam nhốt chúng tôi vào nhà đá. Thôi thì cứ nhốt. Chúng tôi nằm xuống, bắt đầu trò chuyện râm ran. Đây là cơ hội cho những người tù chính trị làm quen nhau. Chúng tôi bị bắt từ nhiều tổ chức chính trị và đến từ nhiều trại giam khác nhau. Nhìn qua nhìn lại chỉ thấy vài người quen mặt. Vậy là làm quen, nói chuyện chờ giờ ngủ. Nhưng cửa phòng giam chưa đóng, chưa khóa. Hình như còn chờ đợi một cái gì. Cánh cửa phòng này bằng sắt có một lỗ thông gió diện tích vừa bằng một mặt người như mọi cửa phòng biệt giam của các trại tù. Quanh bốn vách không có cửa sổ nào khác ngoài vài lỗ thông gió nhỏ xíu, chiều kích cỡ một

viên gạch, nằm ở khoảng trên cùng của vách phía bên trái của tôi, ngang tầm với trần nhà. Không khí trong phòng chỉ có thể lọt vào từ những cái lỗ khiêm nhường mà nằm cao tí trên trần đó (vì lỗ thông gió ở cánh cửa sắt chỉ mở ra khi bên ngoài có chuyện gì đó cần báo vào).

Đâu chừng mười phút sau, có cán bộ và cai tù đến, lẳng xăng qua lại một lúc rồi đưa vào phòng chúng tôi thêm hai nhân vật. Hai người này tôi có biết mặt nhưng không biết tên. Ông Thi nói nhỏ với tôi:

“Đó là thằng Liệt, thằng Sinh. Hai thằng này sắp ra làm công nhân rồi vậy mà cũng bị nhốt như bọn mình. Chắc là để canh chừng.”

“Vô trong nhà đá kiên cố như vậy, chân lại bị cùm nữa, cần gì phải canh chừng!” tôi nói.

“Canh chừng sự liên kết, trò chuyện, bàn luận chính trị... của bọn mình chứ đâu phải canh chừng cửa sắt đục tường.”

“Có chuyện đó nữa sao?” tôi hỏi lại.

“Dĩ nhiên. Tụi quản trại cần thận lắm, đâu có để mình tự do nói chuyện, dù là nói chuyện trong nhà đá như vậy. Hừm, cháu biết không, Liệt và Sinh cũng từng là tù chính trị đó. Hồi trước chúng theo linh mục Vàng, bị bắt trong vụ nhà thờ Vinh Sơn. Giam lâu rồi, bây giờ sắp mãn án, sắp được làm công nhân trại rồi đó. Tụi này đánh đập tù có tiếng, ai cũng ghét. Đáng ra chúng không nên làm vậy, vì mình là tù chính trị, đâu phải thứ tù hình sự đầu trộm đuôi cướp, vô giáo dục. Đã lãnh án vào tù rồi có ngày cũng ra, đâu cần phải tích cực lập công hành hạ bạn tù khác để cho bọn quản trại đánh giá là mình chẳng có chính nghĩa hay lý tưởng gì cao vời. Kìa, cháu thấy không, hai tên đó không bị cùm như bọn mình, chỉ nằm chung phòng vậy thôi. Đúng là để canh chừng kiểm soát bọn mình đó mà.”

Liệt và Sinh nằm kế nhau ở dãy đối diện chúng tôi, đầu họ day đúng cửa sắt. Liệt và Sinh suýt soát tuổi nhau và đều trên bốn mươi. Liệt thì to cao, da sạm đen,

CỜI TRÓI TẬP II

rắn chắc. Sinh cao trung bình, hơi gầy nhưng cũng rắn chắc, râu để khá rậm, tục gọi là Sinh râu. Họ có vẻ như chủ nhà, nói năng lớn tiếng, chẳng kiêng dè ai. Vào tới phòng, đưa tay chào hỏi mấy người quen cùng chung lực lượng rồi ồn ào bàn chuyện chỉ huy làm việc ở khu này, khu kia, lần áp bao tiếng nói xầm xì của chúng tôi.

Một lúc, thấy hai anh nuôi bước vào, một anh vác nguyên một cái khạp sành có nắp đậy, khá nặng—loại khạp này người ta thường dùng để đựng gạo hoặc chứa nước tương, một anh xách ba cái lon—lại lon sơn! Cái khạp được đặt giữa phòng, ở khoảng trống giữa hai thanh sắt xỏ chân chúng tôi, khá gần chỗ bàn chân tôi hướng đến. Ba lon sơn kia thì được chia ra, mỗi góc phòng lãnh một cái, khoảng giữa phòng một cái. Tôi đã có kinh nghiệm với những lon sơn nên không ngạc nhiên với sự có mặt của chúng trong phòng giam này. Nhưng còn cái khạp để làm gì nhỉ? Chứa nước uống à? Nếu là vậy thì sướng quá. Lâu nay chưa có phòng giam nào được một khạp nước uống ngon lành! Nhưng không phải vậy đâu. Đám tù nhìn khạp, cười với nhau, một người nói:

“Không biết cái khạp này có đủ sức chứa nước mưa của hai mươi lăm cái vòi rồng không nhỉ?”

Ồ, té ra là vậy. Các phòng biệt giam chỉ giam một người nên chỉ cần một lon sơn, không cần khạp. Ở các phòng giam tập thể và bệnh xá, người ta cũng chỉ sử dụng vài lon sơn. Chỉ có phòng giam nhà đá như bây giờ mới cần khạp to lớn như vậy. Trong ba cái lon, hai cái dành cho việc đại tiện, khi nào đầy thì nhờ trực sinh (người trực lo vệ sinh cho các phòng giam) đem đổ mỗi trưa, vào giờ phát cơm. Điều này có nghĩa là chúng tôi không được ra ngoài để đi lao động hay tắm rửa, làm vệ sinh như tù nhân của các phòng giam khác. Chúng tôi là loại tù nhân đặc biệt, bị giam trong một phòng giam đặc biệt. Vậy là kể từ tối thứ bảy ngày 23 tháng 8 năm 1986, ngoại trừ Liệt và Sinh được ra ngoài mỗi ngày, tất cả chúng tôi đều bị giam trong phòng, chân cùm tại chỗ, trong vòng 40 ngày.

VĨNH HẢO

Bốn mươi ngày đó, tôi có thêm một số bạn, đặc biệt là ông Thi, người bạn vong niên nằm kế cạnh tôi, một con người lịch lãm, tài hoa, có sĩ khí, có phong cách đàng hoàng nhất trong số các tù nhân sĩ quan mà tôi từng gặp trước đây. Ông Thi trước kia là Trung tá Không quân, Phi đội trưởng một phi đội A37 đóng ở Sài Gòn. Ông gốc người Huế, nhưng sinh trưởng ở Đà Lạt. Cộng sản chiếm miền Nam, ông Thi bị bắt đi học tập cải tạo ở một trại tập trung ngoài Bắc. Ông được trả tự do năm 1983. Vợ và hai con của ông đã rời khỏi nước, không liên lạc với ông từ lâu. Ông tự lo tìm cách vượt biên và bị bắt lần nữa, đưa đi cải tạo ở trại này. Có lẽ vợ ông khi ra nước ngoài đã lấy chồng khác rồi nên không liên lạc với ông nữa, và dĩ nhiên là không thăm nuôi ông trong suốt thời gian ông bị tù. Ông kể là mấy năm đầu ở Bắc Việt, ông có nhận quà thăm nuôi và có gặp mặt vợ con vài lần, rồi từ khi vợ con trốn được qua Mỹ, ông bị đứt liên lạc. Ông có người anh tên Hòa, đang sinh sống ở Đà Lạt, có thăm nuôi ông một lần duy nhất vào dịp Tết năm 1985, rồi từ đó không thấy thăm nữa. Vì thiếu dinh dưỡng, ông kiệt sức, rụng cả hai hàm răng, móm xòm và trở thành một trong những người trợ xương ốm đói nhất của trại K4. Trong suốt thời gian bị giam chung với ông, tôi chia sẻ với ông những gì tôi được gia đình gửi vào, những mong phục hồi sức khỏe cho ông, nhưng vẫn không vớt vát được bao lăm. Đôi khi tôi có cảm tưởng ông sẽ không chịu đựng nổi những ngày giam kín trong nhà đá. Vậy rồi mỗi sớm mai thức giấc, vẫn thấy ông ngồi dậy, vui vẻ cười với tôi, đón chào một ngày mới. Sau vài ngày trò chuyện quen thân với nhau, ông Thi biết tôi là tu sĩ Phật giáo và tôi biết ông là tín đồ Thiên Chúa giáo, một tín đồ không mấy ngoan đạo. Chúng tôi không bao giờ nói chuyện với nhau về tôn giáo mà chỉ nói với nhau về thân phận long đong của người dân trên quê hương cũng như tương lai mù mịt của đất nước. Bốn mươi ngày đêm treo giò trong cùm sắt, chúng tôi, hai thế hệ già trẻ của hai thành phố thơ mộng nhất Việt Nam,

CỜI TRÓI TẬP II

nằm bên nhau nhìn lên trần nhà, phà khói thuốc mơ màng dẹt thêu vận hội mới cho quê hương trong ngày mai xa xăm nào đó. Có lẽ điều thú vị nhất của tôi trong những ngày bị giam trong nhà đá là được kết bạn với ông Thi.

Còn ngoài ra, những chuyện khác xảy ra trong phòng giam đều là những chuyện buồn cười.

Bên dãy cùm phía ngoài, tức cùng một dãy với Liệt và Sinh, có ông Lâm và ông Công là hai cựu sĩ quan của hai chế độ Cộng Sản và Cộng Hòa, nằm sát nhau. Ông Lâm là sĩ quan cộng sản bỏ Đảng, tham gia lực lượng Phục quốc ở Biên Hoà năm 1985. Ông Công là Thiếu tá Công binh chế độ trước, bị bắt vì tội vượt biên. Hai người này cứ cãi nhau, thúc cùi chõ với nhau mãi. Ông Lâm thì ốm xòm người vì bệnh đau gan. Ông Công thì mập mạnh nhưng bị đau bao tử. Chỗ nằm chật, hai ông cứ lán qua lán lại, không ai chịu nhường ai. Mấy ngày đầu, chúng tôi chẳng nghe hai ông nói năng gì cả. Đột nhiên vào một ngày đó, chuyện cãi cọ của hai ông rùm beng lên khiến cho mọi người trong phòng giam đều biết rằng hai ông đã chia đất, giành sân từ nhiều ngày trước. Họ đã thương lượng với nhau và ký một thoả hiệp bằng lời nào đó về cái biên giới chẵn ở giữa chỗ nằm của hai người. Ông Lâm ngồi bật dậy, chỉ vào kẽ ván nứt dưới sàn gỗ, nói:

“Đây nè, cái mức nó nằm đây, thế mà cái cùi chõ của ông cứ đưa chồm qua, chọt ngay hông tôi làm sao tôi ngủ!”

Ông Công cãi lại:

“Nhưng ông nhìn lại thử xem, cây rường chạy ngay trên trần nhà rõ ràng là mức chẵn, ông đồng ý rồi, vậy mà tay ông vắt qua trán, nhú mấy ngón tay qua đây. Tôi chỉ nhúc nhích chút xíu là ngón tay ông đâm vào mặt!”

Cả phòng cười ầm lên, rồi tìm lời khuyên lon hai ông già khó tính. Hai ông chẳng ai thêm nghe ai, cứ cắn nhằn, hực hực với nhau, có khi cùng nằm xuống ra sức mà

lấn nhau. Ông Lâm nhỏ con, ôm tong ôm teo, da vàng nhợt, vậy mà cũng ráng gồng mình đưa lưng ra mà lấn lại ông Công. Cảnh tượng trông rất buồn cười. Vậy mà hai ông cũng phải chịu trận, nằm kế bên nhau suốt 40 ngày đêm! Có lẽ vì hai ông đều có bệnh trong người nên khó tính, khó ngủ, hoặc vì hai ông không hợp với nhau trước về điều gì nên mới sinh ra chuyện gây gổ cãi nhau hoài về chỗ nằm, chứ chuyện chạt chội trong phòng giam này thì mọi người đều như nhau, đâu có ai được ưu đãi gì. Chiều ngang 5 mét mà phải chia cho 12 đến 13 người nằm thì làm sao rộng nổi. Nằm ngủ, chúng tôi đung tay đung chân nhau là chuyện thường. Chỉ có người mình ghét mà cứ đung mình hoài mới khiến mình khó chịu mà thôi.

Câu chuyện của hai ông già làm cho nhiều người trong phòng bực mình, có khi còn cho hai ông là trẻ nít. Có người lại thích nghe hai ông cãi, nói rằng, thực ra nếu không có chuyện của hai ông xảy ra thì phòng giam chán biết bao! Chân trong cùm, suốt 40 ngày đêm chỉ thấy bốn vách đá và ngàn ấy mặt người, nếu không có hai ông cãi vả cho vui thì còn cái tuồng nào khác để xem?

Riêng tôi, tôi chỉ thấy tội nghiệp. Hình ảnh hai ông cự sĩ quan của hai chế độ mới-cũ, giành đất trong nhà đá, phản ảnh cái bi hài kịch của tiền đồ đất nước này. Phú hết cho kẻ kia, mình rút chạy, không phải là giải pháp hay. Dùng sức mạnh của mình để lấn đất của kẻ kia, càng không phải giải pháp hay. Để cho kẻ thứ ba, thứ tư xía vào, đứng ra dùng lý lẽ này nọ để phân chia đất đai cho mình, thì tủi nhục quá. Để cho mọi người chung quanh la ó, bắt buộc mình phải chấp nhận nhau khi chưa thực sự cảm thông nhau, cũng là điều bất ưng ý. Vậy thì phải làm sao đây? Ngày đó, cả hai ông, sau một lúc cãi vả, trong khi cả phòng giam đều ngồi dậy chăm hãm nhìn và lắng nghe họ thì tự dưng họ đều hướng về tôi, xin ý kiến của tôi mà chẳng cần biết gì đến Liệt và Sinh (hai người ăn to nói lớn, thường tỏ vẻ như có thẩm quyền làm chủ phòng giam), cũng không hỏi ý kiến của cha Hưng (là người

nằm kế ông Công) hay những bạn đồng phòng khác. Có lẽ hai người nhắm vào tôi là muốn lấy ý kiến mà họ tin là sẽ vô tư đáng tin cậy của một người tù chính trị trẻ tuổi nhất trong phòng giam (một người tù chính trị đã không trực tiếp tham gia bất cứ chính thể mới hay cũ nào, và cũng không trực tiếp can dự cuộc chiến tương tàn của hai miền Nam Bắc nhiều năm qua).

“Anh Khang, nói cho một tiếng xem ai phải ai trái”, ông Lâm nói.

“Anh Khang nói đi, tôi nghe anh đây, công bình mà nói đi”, ông Công yêu cầu.

Tôi lúng túng một lúc vì không ngờ là họ đột nhiên hỏi ý kiến mình; vả lại, bởi yêu cầu của họ, cả phòng giam lúc ấy cũng im lặng, chú ý, chờ đợi câu phát biểu của tôi—trong đó có Liệt và Sinh, hai anh chàng cai tù không xỏ cùm đang nằm ở phía cửa ra vào, nghiêng đầu ngó sang. Một lúc, tôi cười cười, nói giọng vui, điềm tĩnh:

“Hai chú cứ nghĩ rằng đây là chỗ tạm ở của mình thôi, ngày mai, chắc chắn có một ngày nào đó, mình sẽ rời chỗ này. Vậy thì biên giới nó nằm chỗ nào cũng được, chấp nhận hết, vui vẻ chấp nhận hết.”

Hai ông im lặng. Cả phòng giam cũng im lặng một chốc. Rồi nhiều người ùa lên:

“Phải rồi, phải rồi.”

Vậy mà, ngày mai, ngày mốt, nhiều ngày kế tiếp, chúng tôi vẫn chưa được rời nhà đá; nhưng biên giới giữa hai ông già, hình như đã xoá. Rút kinh nghiệm từ chuyện hai ông, tôi thực sự muốn nói với những người dân nước tôi rằng, chúng ta khổ đau nhiều và làm cho kẻ khác khổ đau nhiều vì chúng ta chỉ thấy cái khổ cái sướng riêng mà không thấy được cái khổ cái sướng chung. Không có sự chia cắt cưỡng ép hay sự thống nhất cưỡng ép nào có thể mang lại hạnh phúc thực sự cho chúng ta. Chỉ khi nào chúng ta ý thức được, cảm nhận được, một cách sâu thẳm rằng, chúng ta là nạn nhân, là tù nhân, bị giam nhốt bởi

bao lớp thành trì kiên cố của chủ nghĩa, của lý tín, của giáo điều, của mê chấp, của vọng tưởng, của hoang tưởng, của vị kỷ, của tự tôn... thì khi đó, chúng ta mới có thể cảm thông và thương yêu nhau, cùng cõng trời giải vây được cho nhau. Giữa chúng ta không có biên giới. Giữa chúng ta không có cách ngăn. Chúng ta đang là nạn nhân, là tù nhân của những biên giới.



Ở nhà đá, phần cơm sáng của chúng tôi bị cúp vì chúng tôi không ra ngoài lao động. Như vậy, mỗi ngày chỉ còn hai bữa ăn, trưa và chiều. Mỗi trưa trước giờ phát cơm, cán bộ đến mở cửa sắt để anh nuôi vào dọn vệ sinh cho phòng chúng tôi (bằng công việc duy nhất là xách hai lon phân và khiêng cái khạp đầy nước tiểu ra ngoài đổ, xịt nước tráng rửa qua loa rồi đem trả lại vào phòng giam). Sau đó là giờ phát cơm và nước uống. Phiền nhất là có khi đang giờ ăn cơm lại có người cần sử dụng lon sơn khẩn cấp. Mọi người nhăn mặt nhăn mày bỏ ngang bữa ăn, nằm dài xuống để chờ đợi người kia “hành sự.” Nằm dài xuống là cách duy nhất để tránh xa cái lon sơn, vì khi một người dùng cái lon, người ấy phải đặt nó ở khoảng trống giữa hai thanh sắt, sát chỗ cái chân bị cùm của mình, tức là khoảng giữa phòng. Mọi người đều nằm xuống, đầu day vào tường thì xa hơn được cái lon một khoảng cách dài nhất! Thử tưởng tượng cảnh một người ngồi chễm chệ trên lon sơn và hai mươi bốn người khác nằm xuống chờ đợi! Cảnh tượng này thật “dị” quá sức! May mà thời gian nằm ở nhà đá này, tôi không bị bệnh kiết lỵ hay trớ tràng như thời còn ở B5. Nếu có thì cũng chỉ biết dở khóc dở cười! Dù cố gắng nhìn “thế gian hằng như mộng” hay quán tưởng cuộc đời như bóng chớp chiều tà, như hoa đóm hư không... tôi biết tôi cũng không sao

CỜI TRÓI TẬP II

có được về an nhàn tự tại để thực hiện những “đại sự” trong cảnh huống đó. Nhiều người tập đi đại tiện mỗi sáng sớm, lúc chỉ có một số người thức. Hai tuần đầu tiên, nhiều người chưa quen, cứ nhịn mãi, cuối cùng phải “trông mía.” Tôi ngây thơ hỏi trông mía là sao thì được trả lời:

“Nhịn mấy ngày không đi được, đến khi đi được thì như khúc mía cắm xuống đất đó mà!”

Tôi thì không đến nỗi phải bon chen làm nghề trông mía hay trông lau gì. Cứ chờ mọi người ngủ hết là tôi rón rén dậy, mò lấy cái lon sơn (mà trước khi đèn tắt, tôi cố tình đặt nó ở một chỗ khá gần), rồi cứ thế, ung dung làm việc trong bóng đêm, chẳng ai nghe ngóng hay dòm ngó gì cả! (Đèn phòng mở từ lúc 8 giờ sáng cho đến 10 giờ đêm; khi tắt thì trong phòng tối như mực). Vậy mà có lúc cũng không được yên. Số là ông Công bị bệnh mất ngủ. Tôi tưởng mọi người ngủ hết té ra ông còn thức. Có lẽ những lần trước ông có thức nhưng không can thiệp gì vào việc làm trong bóng đêm của tôi nên tôi không biết. Lần này, nằm một lúc, nghe nhiều tiếng ngáy đủ âm bậc, đủ giai trình, tấu lên giữa đêm hoang của nhà đá, tôi yên tâm ngồi dậy mò lấy lon sơn. Ủa, cái lon đâu vậy kia! Nhớ khi nãy đặt nó nằm ngay khoảng này! Vậy chắc có người dời đi rồi. Tôi đang lần mò cẩn thận, nhẹ nhẹ, để tìm cái lon (vì thò tay trong bóng đêm để tìm lon phân dơ bẩn cũng nguy hiểm như bắt rắn vậy—nếu không khéo thì thọc tay vào miệng nó!) thì đột nhiên ông Công bật quẹt lửa lên, sáng trưng. Ông chìa cái bật lửa về hướng tôi để soi sáng, giúp tôi tìm cái lon.

“Thấy chưa? Kia, nó kia.”

Nói theo giọng đó thì rõ ràng là ông đã biết tôi muốn gì, tìm gì. Có nghĩa là những đêm trước ông đã từng theo dõi tôi.

“Đạ, có rồi. Cám ơn chú,” tôi nói, và nhủ thầm, “xin tắt nhanh cái quẹt lửa giùm cho!”

Từ đó tôi không còn ung dung tự tại nữa. Dù vẫn

“làm việc” trong bóng đêm nhưng luôn có cảm giác là có ông Công mắt ngủ, ngồi hoặc nằm, lắng nghe mọi thứ âm thanh tiết tấu phát ra trong phòng. Ông ấy thật dễ thương, tỏ ra tốt bụng giúp tôi tìm lon sơn. Tuy nhiên, ở đời đôi khi có những sự tốt bụng chỉ khiến mình thêm e dè, mất tự nhiên.



Ở nhà đá được hai mươi bốn ngày thì tôi được thăm nuôi. Một vài người khác trong phòng giam cũng được nhận quà. Không ai trong nhà đá được ra ngoài gặp mặt thân nhân. Anh nuôi xách giỏ quà đến tận phòng giam, gọi tên rồi mở cửa đưa vào. Ngoài giỏ quà, anh nuôi còn cho biết là tôi có mấy trăm bạc gửi hậu cần cất, có ghi vào sổ. Khi nào tôi muốn mua thứ gì thì báo với hậu cần để mua. Quà thăm nuôi, tôi lấy những thức ăn chơi như kẹo bánh, thuốc lá thơm mời hết mọi người trong phòng; thức ăn để dùng với bữa cơm thì chia một ít cho vài người không có thăm nuôi; còn bao nhiêu đều giữ lại để tôi và ông Thi dùng hàng ngày. Lần thăm nuôi đó, tôi nhận được một cái áo len màu nâu sẫm, loại ba lỗ, cổ trái tim. Đây là món quà khá xa xỉ đối với trại này. Ngoài mấy công nhân, tôi không thấy ai mặc áo len vào mùa lạnh. Tất cả đều đi ra ngoài lao động với mình trần trụi trực hoặc những chiếc áo tù rách nát. Tôi tặng ông Thi vì thấy ông gầy yếu quá, sợ không đủ sức chịu được cơn lạnh của mùa đông đang trở tới với nhà đá. Mừng và tâm chần của tôi, tôi và ông cùng đắp chung lên hai lớp cho ấm. Tôi dặn ông mặc áo len phía trong, choàng áo tù bên ngoài để không bị cán bộ và cai tù hỏi tới (vì họ biết ông Thi không có thăm nuôi, sẽ hỏi áo đâu mà có; nếu biết áo do tôi đưa, họ sẽ nghi ngờ chúng tôi âm mưu, đồng lõa với nhau về chuyện gì—chẳng hạn thông cung, trốn trại hay sách động phá trại v.v...—hoặc tôi có ý mua chuộc tù

nhân chính trị nên mới có chuyện tặng khời khời một cái áo len đắt tiền).

Điều khổ sở nhất trong phòng giam nhà đá là tự đứng đến khoảng ngày thứ 10 kể từ khi vào nhà đá, chúng tôi bị rận từ đầu sinh sôi, tấn công khủng khiếp. Đây là lần đầu tiên tôi biết con rận nó như thế nào. Nó nhỏ bằng con chí. Cắn khá đau, có khi nhói cả một vùng thịt da. Chỗ nó thường ẩn nấp là lưng quần, gấu áo và cổ áo. Mấy người bạn tù đều cho biết hễ có rận thì không có rệp. Nhưng rệp thì tương đối dễ chịu hơn rận. Họ còn cho biết rằng đã có người ở trong biệt giam, vì không đủ sức trị rận nên bị rận cắn chết. Đó là chuyện có thật. Ban đầu tôi không tin lắm, nhưng bị rận cắn vài ngày, tôi biết là chuyện trên có thể xảy ra, chẳng có gì là phóng đại cả. Từ khi trong phòng có rận, mỗi sáng, chúng tôi đều phải làm công tác chung là ngồi “giết rận.” Không giết nó thì sẽ bị nó giết. Mọi người đều phải giết. Người ta đều giết mà mình nuôi nó thì phá hỏng chương trình diệt rận chung của phòng giam. Vậy là tôi lẫn cha Hưng, một linh mục tuyên úy Thiên Chúa, cấp bậc Đại úy, đều phải ngồi dậy, cùng với mọi người, tìm rận trong áo quần của mình mà giết. Tôi thật là khó chịu khi làm công việc này. Rận sinh sôi nhanh lắm, trong vòng vài ngày đã thấy hàng ngàn con trong phòng (tính theo số lượng bình quân mà mỗi người tìm thấy trong quần áo riêng của họ). Có khi chúng tôi thấy cả đoàn rận hàng chục con, bò ngang nhiên trên vách đá hoặc dưới sàn gỗ. Nếu không ra tay tiêu diệt chúng thì có thể qua một đêm nào đó, những người yếu sức nhất trong phòng sẽ bị rận cắn chết. Ngoài giờ giết rận buổi sáng, trong ngày, bất cứ lúc nào phát hiện có rận trong quần áo hay chân của mình, chúng tôi đều phải giết để tránh hậu họa cho hai mươi bốn người khác trong phòng giam. Tôi vừa giết rận vừa trì niệm chú Vãng sanh cho chúng. Đây là lần đầu tiên trong đời, tôi cố sát một số chúng sanh để tự vệ. Dù có lý do để cố sát, tôi vẫn không thấy yên lòng. Hồi còn ở chùa, tôi nhớ có nghe chuyện

một thầy tu theo Mật tông trong khi ngồi trì tụng thần chú, bị rệp cắn phá, đã trì một bài chú nào đó để sai khiến mấy con kiến bò lên tha mấy con rệp, cho đi chỗ khác chơi. Tôi thấy cách đó hãy còn quan liêu và chưa giải quyết được vấn đề sát sanh. Vì vậy, trong một phút tĩnh tâm tôi bèn nghĩ ra được một lời nguyện hướng về mấy chú rận. Tôi thiết tha thầm đọc lời nguyện này nhiều lần trong ngày:

“Xin cho những chúng sanh rận đừng sinh vào phòng giam này nữa. Nếu lỡ sinh vào phòng giam này, xin đừng cắn những người khác mà hãy tập trung nơi tôi vì tôi hứa sẽ không giết hại quý vị; nếu tập trung nơi tôi, quý vị nào cắn hút máu thịt của tôi thì liền được no đủ, hóa kiếp sớm, không còn gieo thêm nghiệp nữa.”

Chẳng biết do lời nguyện linh ứng hay vì người trong phòng giam đã hăng say tiêu diệt tuyệt chủng giòng giống rận ở nhà đá, hoặc vì khí hậu mùa đông ác nghiệt thế nào đó mà những ngày kế tiếp, tự dưng không thấy rận xuất hiện cắn phá chúng tôi nữa. Tôi vui lắm. Dù gì thì cũng đã tránh được sát nghiệp.

Cuối cùng chúng tôi cũng được tháo cùm cho rời nhà đá để trở về Khu C, tiếp tục lao động bình thường như trước. Bạn tù đã bàn tán với nhau rằng người ta giam chúng tôi vào nhà đá vào cuối tháng 8 là để phòng ngừa chuyện chúng tôi có thể sách động tù nhân nổi loạn trong trại nhân ngày Quốc khánh 2-9 của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Ở ngoài xã hội cũng như trong trại tù, lực lượng công an của nhà nước đều lo phòng xa chuyện đó bằng cách kiểm soát hay giam nhốt kỹ lưỡng thành phần trí thức và tù nhân chính trị. Phòng đoán này cũng có lý, nhưng khi qua khỏi lễ lớn 2-9 rồi mà vẫn cứ bị giam mãi trong nhà đá, đám tù chính trị lại bàn thêm, “chắc là qua khỏi 2-9 một tuần hay nửa tháng cho chắc ăn đó mà.” Vậy rồi sắp hết tháng 9, vẫn còn nằm nhà đá. Đám tù bàn thêm, “Có thể ở ngoài có biến động, đảo

CỜI TRÓI TẬP II

chánh...” Nếu thực là như vậy thì giam càng lâu có nghĩa là biến động bên ngoài càng lớn. Biến động càng lớn, càng có cơ may được tự do! Ôi, cuối cùng thì chẳng có lời bàn nào trúng trật vào đâu cả. Có trúng chẳng thì có lẽ là để tránh nổi loạn nhân ngày 2-9; còn chuyện tại sao nhốt quá lâu thì... có gì khó hiểu đâu: một khi lên danh sách chuyển tù cũng trải qua nhiều thủ tục kiểm tra phiền phức, cho nên đã giam vào nhà đá thì chỉ muốn giam luôn, không muốn phải đổi tới đổi lui nữa, mất công! Bây giờ lại đem tù chính trị ra ngoài, chẳng qua là vì cán bộ quản trại đã khá rảnh mà Khu C cũng cần thêm nhân công lao động, vậy thôi!

Chẳng rõ Liệt và Sinh có biết trước không, chứ đối với chúng tôi, chuyện rời nhà đá thật bất ngờ. Buổi sáng của ngày thứ 40, tức là nhằm vào ngày 1 tháng 10 năm 1986, có ai làm gì đó bên ngoài làm rung rung hai đầu thanh sắt cùm chân chúng tôi, rồi có tiếng mở khoá lanh canh lách cách nơi cửa sắt, rồi cửa sắt bật tung ra, ánh sáng chói lòa của một ngày nắng lửa vào làm nhức cả mắt. Một cán bộ quản trại và hai công nhân đứng ở cửa, nói với giọng vừa lạnh lùng, vừa có vẻ ban ơn:

“Rút U ra đi, về Khu!”

Chúng tôi mừng húm như trẻ nít sắp được dự hội. Mặt nào mặt nấy tươi rói, lảng xảng rút cùm, thu xếp giỏ xách cá nhân, rời nhà đá. Nhưng, một vài người, trong đó có tôi, tự dưng bủn rủn, không bước đi nổi. Trong khi những người khác rời phòng để tập trung trước sân nhà đá rồi mà chúng tôi còn loay hoay xoa bóp đôi chân một lúc cho tan máu, hy vọng sẽ được bình thường trở lại. Vậy mà vẫn không thay đổi gì. Tôi từng bị giam cùm nửa tháng ở trại B5, bị cùm nhiều ngày trong suốt thời gian ở trại K4 này, lại được những bạn tù từng có kinh nghiệm nằm nhà đá nhắc nhở đứng dậy tập thể dục tại chỗ nhiều lần. Thế nhưng những người tù cũ của K4 bước ra được, còn chúng tôi, mấy người tù mới, đều bị rơi lại, cứ ngồi tại chỗ mà xoa bóp. Một anh công nhân hét lên:

“Ra mau, muốn ở luôn trong này hả?”

Ông Thi ôm yếu như vậy mà bước ra tỉnh bơ, thấy tôi bước đi không được ông quay lại tỉnh dịu tôi, nhưng cán bộ và công nhân lại thúc giục, ông vội rời phòng. Tôi và hai anh tù khác gắng gượng đứng dậy mà chân cứ khuyu xuống, tê buốt. Công nhân càng hối thúc, la hét lớn tiếng hơn. Chúng tôi bèn bò ra khỏi phòng cho nhanh. Vâng, bò bốn chân, như mấy con chó vậy. Ra được đến sân, chúng tôi chồm nhanh về phía các bạn tù ra trước xếp hàng.

Trong khi ngồi chờ điểm danh, vừa dùng tay xoa bóp hai cổ chân, tôi vừa nhớ đến Tèo, một tù nhân trẻ ở bệnh xá mà tôi gặp trước đây, và ngay lúc ấy, tôi ngờ rằng tôi sẽ bị bại liệt chân rồi đi chân đẹo như em. Tèo mới mười bảy tuổi, bị bắt vì tội vượt biên hồi năm ngoái. Vì phạm tội kỷ luật (mà em giấu không nói rõ cho tôi nghe), em bị cùm biệt giam nửa tháng không cho thấy ánh sáng bên ngoài. Sau nửa tháng bước ra, em bị bại liệt hai chân, được đưa vào bệnh xá để tập đi trở lại bình thường nhưng chỉ bình thường được một chân, chân còn lại cong về phía sau như chân gà.

Liệt và Sinh lập tức rời đám tù chính trị đi về Khu trước. Chúng tôi ngồi lại chờ điểm danh.

“Đi!” công nhân ra lệnh một tiếng thật khô.

Chúng tôi lại lục tục đứng dậy, rời khu nhà đá, theo sự hướng dẫn của nhiều công nhân, chúng tôi hướng về phía Khu C. Các bạn tù khỏe mạnh khác đã xúm vào xóc nách tôi và hai anh tù bị đau chân vịn vai đứng dậy mà bước. Hai bên mắt cá chân của tôi như hai bánh xe đã bị mất đi cái trục, lỏng lẻo, muốn ngã bên nào thì ngã. Nhưng đi được một lúc thì thấy đỡ đỡ. Tôi không còn vịn vai bạn tù mà bước nữa, khập khiễng cố theo kịp họ để tập trung tại một khu đất gần hồ sen.

Nơi đây có một đồng đá lớn. Công nhân giao chúng tôi cho một cai tù trong coi, mà cai tù này chính là một người bị cùm giam nhà đá chung một phòng với

CỜI TRÓI TẬP II

chúng tôi 40 ngày trước. Anh này tên Hiền, cũng là một tù nhân chính trị tham gia vụ nhà thờ Vinh Sơn. Anh bảo công việc của chúng tôi ngày hôm nay là dời đồng đá ấy đến một khoảnh đất khác cách đó 50 mét. Đồng đá ngổn ngang, hòn này chồng lên hòn kia, như một cái núi nhỏ. Chúng tôi hì hục đá lớn thì lăn, đá nhỏ thì vác; nhưng nhỏ nhất thì cũng nặng khoảng 15 đến 20 kí lô. Chân tôi bủn rủn bước đi không vững mà phải vác lên vai hết tảng đá này đến tảng đá khác để đi từng chặng đường 50 mét dọc hồ sen lờm chờm sỏi đá thì chẳng khác nào con hạc đội con rùa lớn mà lặn lội bờ ao... Cũng may là Hiền vốn đã có cảm tình với tôi từ lúc nằm chung trong nhà đá nên thông cảm, nhân nhượng, chỉ cho tôi vác những viên đá nhỏ. Có khi thấy tôi khuyụ chân suýt té, anh bảo tôi ngồi nghỉ ở gần đó, không cho làm việc nữa. Hai anh bạn tù bị yêu chân kia cũng được nghỉ theo. Nhưng sau giờ ăn trưa, tôi và hai anh thấy chân bắt đầu, cũng tự động ra làm việc để kịp xong trước giờ báo nghỉ buổi chiều.

Vậy rồi đồng đá cũng được thanh toán. Sáu giờ chiều chúng tôi trở về Khu C, tập trung ở sân trước văn phòng, cạnh bệnh xá, chờ điểm danh để được về phòng giam nghỉ ngơi. Nhưng một công nhân từ văn phòng Khu C bước ra nói nhỏ gì đó với Hiền. Hiền gật gù, tỏ vẻ không vui lắm, nhưng rồi anh cũng phải thông báo là ban chỉ huy Khu cần 20 công nhân trong số tù chính trị để làm thêm giờ phụ trội buổi tối. Không biết là sẽ làm công việc gì. Hiền kêu gọi ai cảm thấy có thể làm việc được thì tự giác rời hàng đứng qua một phía, không ai tự giác thì cuối cùng sẽ có công nhân xét theo dáng người khỏe mạnh hay không mà chỉ định.

Đã tập quen tinh thần tự giác tự nguyện trong cửa chùa, tôi quên khuấy là chân mình đang còn khệnh khạng đau yếu, cứ việc giơ tay lên. Hiền nhìn tôi, lắc đầu. Người khác giơ tay thì anh gật đầu cho đứng qua một phía. Lúc ấy, ông Trợ và ông Nguyễn đứng ở hiên bệnh xá, thấy được tôi thì lật đật chạy đến bên Hiền, nói ngay:

“Này, này, anh Khang kia bị bệnh tim nặng, là bệnh nhân của bệnh xá, nếu đã được trả về Khu thì cho chúng tôi xin lại, không thể để đi lao động nặng bên ngoài nữa được đâu.”

Hiền gật đầu đồng ý. Sau khi sắp xếp nhóm lao động phụ trội và nhóm trở về phòng giam, Hiền đưa tôi vào bệnh xá. Tôi chia tay ông Thi và nhóm tù chính trị nhà đá kể từ lúc này.

Ban y tế lo chữa trị cho tôi ngay. Ông Nguyễn xoa dầu nóng hai chân tôi rồi giao ông Mậu châm cứu, dặn dò tôi phải tập đi qua đi lại mỗi ngày để tránh bị bại liệt. Kể từ hôm ấy, tôi mới thực sự là bệnh nhân “thường trú” của bệnh xá. Và chính cái ngày tôi trở về bệnh xá ấy, trên chiếc giường bệnh cấp cứu đặt ngay cửa ra vào của bệnh xá, tôi thấy xác anh Vận nằm chết cứng đờ, chờ cán bộ y tế của trại giam đến xem xét và làm thủ tục khai tử.

Vận là người bạn tù chính trị đầu tiên hướng dẫn và giúp đỡ tôi lúc tôi mới chuyển đến trại giam B5. Anh được chuyển đến trại này trước tôi vài tháng. Có lẽ anh nằm nhà đá, khác phòng với tôi; từ nhà đá anh bệnh nặng được đưa vào bệnh xá rồi chết vào ngày hôm nay. Từ nhiều ngày qua, tôi không được gặp lại anh, nay gặp lại thì anh đã ra người thiên cổ. Nhìn xác anh xanh mướt như khúc gỗ trên giường bệnh, tôi đau xót khóc trong lòng. Tôi nhớ khi tôi chưa được gia đình thăm nuôi, anh chia cho tôi những muỗng nước tương và muối trắng. Lúc tôi nằm bệnh, anh cho tôi đắp ké tấm chăn mỏng của anh. Bây giờ anh bệnh nặng nằm xuống, tôi chưa kịp chăm sóc an ủi thì anh đã ra đi vĩnh viễn. Tôi cảm thấy như tôi có nợ anh một cái gì chưa trả được. Tôi ngồi trên giường bệnh, nhìn về hướng anh, cầu nguyện.

Đêm buông xuống dần bên ngoài. Tiếng đập đá chan chát của toán lao động phụ trội đâu đó vẫn còn vang vọng đến. Thêm một ngày qua, thêm một khung cảnh mới, thêm một người bạn nằm xuống... nhưng chưa có gì đổi thay. Ôi thân phận đen tối của quê hương tôi.



“Em thấy anh bây giờ đi lại bình thường rồi mà, phải không?” nàng hỏi, giọng hơi e dè.

“Đã bình thường, có điều anh vẫn chưa tin tưởng là anh có thể chịu đựng được cảnh đứng lâu hay ngồi lâu một chỗ... cho nên, đáng ra chiều hôm qua anh đã ra nhà ga đón tàu hỏa về Nha Trang, nhưng sợ bị đứng trên toa tàu đông nghẹt suốt 12 giờ đồng hồ...”

“Anh đâu nhất thiết phải đi tàu hỏa.”

“Chứ đi bằng gì?”

“Bằng xe.”

“Anh đâu có giấy tờ tùy thân gì đâu mà đi xe!”

“Không cần đâu.”

“Tình hình xã hội bây giờ đổi khác rồi sao?” tôi cười nhạt.

“Không phải. Đi lại và mua vé xe vẫn phải có giấy thông hành đó chứ, nhưng nếu đi bằng xe cơ quan thì khỏi cần giấy tờ gì hết, chỉ cần có tiền là được.”

“Vậy sao, nhưng xe cơ quan là xe gì?”

“Xe của mấy ông cán bộ đi công tác, cho mình quá giang để lấy thêm tiền tiêu đó mà. Ban đầu thì mấy ông đi công tác thật, nhưng bây giờ, chẳng có công tác gì hết cũng lấy xe cơ quan nhà nước hoặc xe riêng, chạy từ Nam chí Bắc, rồi từ Bắc chí Nam để chờ hàng lậu kiếm tiền, họ cho mình đi ké để lấy thêm chút ít. Đi loại xe này thoải mái lắm vì xe mới, ít người, lạnh thì có máy sưởi, nóng thì có máy lạnh; đặc biệt là không bao giờ bị công an chặn xét, bởi vì mấy ông cán bộ ngồi trên xe đã lo liệu hết mọi thứ thủ tục rồi. Còn hành khách mà họ chọn cho lên xe thì cũng phải hành lý đơn giản, ăn mặc sạch sẽ nên mình cũng không phải chịu đựng chuyện dơ dáy hôi tanh...”

“Anh đâu có biết chuyện đó. Chắc anh sẽ đi bằng cách này. Nhưng làm sao đón được xe cơ quan? Họ bán vé ở đâu?”

“Đâu có bán vé. Họ làm ăn không chính thức thì làm gì có vé. Xe họ đậu gần các bến xe nhưng bên ngoài, dọc theo đường đi; hễ ra Trung hay Bắc thì quay mũi xe ra, đi vào Nam hay miền Tây thì quay mũi xe vào. Cửa xe mở sẵn, tài xế đón khách, cho giá tiền. Minh chỉ việc leo lên lựa chỗ ngồi, vậy thôi. Một chiếc xe van họ chỉ lấy chừng năm đến sáu người khách, ngồi rộng rãi thoải mái lắm, không bị nênm cứng như xe đò đâu.”

“Khỏe quá há. Vậy thì... nay mai anh sẽ đi.”

“Sao anh không nghỉ ngơi thêm, chờ em đi với.”

“Cái gì? Em muốn đi theo anh?”

“Anh không thích à?”

“Ồ... thích chứ, nhưng... về nhà anh, sẽ nói làm sao với gia đình?”

“Bộ anh có vợ con gì chờ đón ngoài đó sao mà sợ?” nàng vừa nói vừa cười rinh rích.

“Đâu phải. Về nhà ba mẹ anh đó mà. Ai cũng biết anh lâu nay ở chùa, rồi ở tù, tự dung đùng một cái đi về với em... làm sao giải thích! Với lại...”

Nàng vẫn tỉnh nghịch, hỏi tới:

“Với lại làm sao?”

Tôi ngáp ngừng, tính nói sự thực cho nàng nghe, nhưng sợ rằng chính cái sự thực đó sẽ làm đánh gục tôi, nên thôi, nói trớ:

“Với lại anh bị quản thúc tại gia, em theo anh không tốt cho em đâu.”

“Nói đùa với anh thôi, anh yên tâm, em không theo làm phiền anh đâu. Em chỉ đi chung chuyến xe với anh cho vui thôi, đến Nha Trang thì chia tay.”

“Em đi đâu?”

“Đi thăm nuôi ba em. Em sẽ thăm ba em đợt trước Tết. Chắc cũng đâu chừng gần một tuần nữa em mới đi. Ba em sợ tốn kém, sợ em khổ nên bảo nửa năm hay một

CỜI TRÓI TẬP II

năm đi thăm ông một lần cũng được, nhưng em thương ông quá, sợ ông thiếu thốn nên cứ ba tháng em đi một lần. Có khi em còn muốn mỗi tháng một lần nữa kia, nhưng đi như vậy thì trở ngại chuyện làm ăn lắm. Sao, anh chịu cho em đi theo không?”

“Có em đi chung một đoạn đường thì vui lắm chứ. Nếu anh không bị bắt buộc phải về Nha Trang chịu quân thú, anh còn muốn theo em ra tới ngoài Bắc nữa kia...”

Nàng cười vui không nói gì nữa. vén tóc mai, nhìn xa xăm, phía bên kia bờ sông.

“Em định chừng nào thì đi?”

“Khoảng ngày 15 tháng Giêng này thì khởi hành, nhưng... nếu anh thích, em sẽ ghé Nha Trang chơi vài ngày với anh, em ở khách sạn, không phiền gia đình anh đâu. Đợt này ghé Nha Trang mua quà thăm nuôi để có món lạ thay đổi cho ba em. Sao, ngày 15 được không anh?”

“Được...” tôi định nói thêm gì đó nhưng chẳng bật nên lời.

“Chắc chắn nghe, không có đổi ý à!” nàng đưa một ngón trở, làm một cái móc ngoéo chờ đợi ngón tay tôi. Tôi cười, đưa một ngón trở, móc vào.

“Ừ, chắc chắn”, tôi nói.

“Rồi, anh kể tiếp đi. Câu chuyện ở bệnh xá.” Nàng hứng khởi thúc giục.

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG HAI MƯỜI MỘT

Lịch sử thăng trầm của bệnh xá trại tù có cái vẻ gì tương đồng với lịch sử chiến tranh của đất nước tôi. Đường như phải có nhiều người gánh lấy bao tải nhục đắng cay hoặc bất hạnh nằm xuống để mở ra một lối thoát, một tương lai cho những người còn sống khác.

Trong số tù chính trị ở trại B5 chuyển đến K4, không phải chỉ có anh Vận chết vì bệnh. Ông Trợ còn cho biết là ông Vương có nằm bệnh xá một thời gian vì bệnh bao tử, càng lúc càng nặng, cán bộ tạm tha về nhà để chữa trị; ông về đâu chừng một tuần thì chết tại nhà. Một bệnh nhân chính trị khác mà tôi vừa quen vào dịp nằm bệnh xá đợt trước là ông Phùng Xuân Mỹ, cựu Trung tá Không quân chế độ trước, bị bệnh đường ruột, cũng chết trên giường bệnh ở bệnh xá trong vòng một tuần sau anh Vận.

Đó chỉ là nói những người tù chính trị mà tôi biết. Còn tù vượt biên, hình sự thì khỏi nói, đếm không được. Giống như có một cơn dịch thổi qua bệnh xá. Những bệnh nhân mang các cơn bệnh khác nhau, lần lượt rủ nhau mà chết. Ngày nào cũng có người chết. Ngày nào cũng có cán bộ y tế (cũng là công an) và cán bộ quản trại đến bệnh xá lập “biên bản tử vong” và quy trách đổ lỗi ấy cho ban y tế bệnh xá. Ông Trợ, trưởng ban y tế, được coi là có tay nghề vững vàng hơn ông Nguyễn và ông Mậu, nhưng cũng giơ hai tay lên trời, xin đầu hàng. Ông thưa với cán bộ:

“Báo cáo cán bộ, có nhiều lý do khác chứ không phải vì chúng tôi không chữa trị đàng hoàng cho bệnh nhân. Lý do trước nhất là thuốc men không đầy đủ. Lý do

CỜI TRÓI TẬP II

thứ hai là khí hậu... vùng này độc địa, gió máy, yếu một chút là trúng gió chết ngay. Thứ ba là có những bệnh quá nặng, cần giải phẫu, cần bác sĩ chuyên môn ở các bệnh viện tối tân bên ngoài, chúng tôi ở đây không làm sao chữa trị được. Xin cán bộ hiểu cho điều đó.”

Viên cán bộ phụ trách quản lý bệnh xá ngồi gật gù, nói rằng để trình lên trên xét xem có cách gì ngăn chặn bớt nhân số tử vong của trại hay không. Khô cái là viên cán bộ này không biết đọc chữ, lại chẳng biết chút gì về y học. Bao nhiêu đơn xin cấp thuốc, đơn báo cáo bệnh, biên bản tử vong, bệnh án v.v... ông đều cầm lên nhìn giống như thầy bói mù xem tranh, rồi gật gù—cái gật gù khó hiểu, không rõ là đồng ý hay không đồng ý—rồi mang đi, nói là để trình cấp trên. Vậy rồi chẳng có gì thay đổi. Có người khác chết, ông lại chạy xuống, nhìn, lắng nghe báo cáo, gật gù, rồi lại cầm biên bản chạy đi. Cứ như vậy, hết bệnh nhân này tới bệnh nhân khác, rơi rụng như lá mùa thu, như gà trong mùa dịch.

Cuối cùng, cán bộ nhận chỉ thị ở đâu từ cấp trên, đưa xuống bệnh xá, bảo lập danh sách các bệnh nhân bệnh nặng không thể chữa trị. Ông Trợ mừng lắm, cùng ban thư ký kê khai một danh sách ba tờ lớn gồm một trăm hai mươi bệnh nhân, trong đó có cả những bệnh nhân không nằm ở bệnh xá (vì bệnh xá đã hết chỗ), và trong đó có cả tôi. Ông Trợ nói nhỏ với tôi:

“Kê, tôi cứ ghi tên anh vào đây, nếu họ cho về thì tốt, không cho về cũng đâu có sao. Tủ chính trị như anh thì khó thật đấy, nhưng biết đâu!”

Tôi nghe vậy thì ngạc nhiên vô cùng, hỏi lại:

“Ừa, danh sách này là danh sách bệnh nhân bệnh nặng... cần được chữa trị, cần được cấp thuốc men đầy đủ chứ có phải là danh sách được trả tự do đâu.”

“Anh khờ quá, trên bảo lập danh sách bệnh nặng không chữa trị được có nghĩa là trên đầu hàng rồi! Trên muốn tổng khử đám tù kiệt sức, bệnh nặng, đã không lợi gì cho công tác lao động mà còn tốn kém cơm gạo, thuốc

men, lại thêm mang tiếng cho trên là không chăm sóc cẩn thận để tù nhân chết nhiều quá! Đó, lý do là thế. Cho nên danh sách này cũng là danh sách được về đó anh à!”

Ôi, tôi nghe đến đó thì trong lòng khắp khởi vui mừng biết bao. Té ra cái linh cảm về tự do của tôi cũng đâu có sai. Rõ ràng là tôi vẫn luôn tin tưởng một điều rất phi lý là tôi sẽ được tự do sớm chứ không chết rục trong tù. Bây giờ, dấu hiệu tự do bắt đầu chớm nở từ mấy tờ giấy thô sơ ghi chép bằng tay của ban thư ký bệnh xá.

Danh sách đã lập, đã được ông Trợ, ông Nguyên, ông Mậu, cùng ký ở dưới, xác nhận rằng những bệnh nhân với những căn bệnh nan y ở trên là đúng. Lại có chữ ký của cán bộ phụ trách y tế (ký bằng cách vẽ chữ thập vì ông này không biết chữ). Rồi ba tờ giấy ấy được cán bộ mang đi.

Những thủ tục xét hồ sơ khá lâu của các ban ngành thuộc chế độ xã hội chủ nghĩa vốn cũng là một thứ bệnh nan y khó chữa. Cho nên, trong khi chờ đợi danh sách được chứng nhận, bao nhiêu căn bệnh giết người khác đã hoành hành, cướp đi thêm nhiều mạng người trong bệnh xá, mà căn bệnh giết nhiều người nhất vẫn là căn bệnh thuộc về bộ phận tiêu hoá: kiết lỵ, loét bao tử, đau ruột, trống tràng, đau ruột dư... mà ban y tế chữa mãi (bằng thuốc dân tộc) cũng không sao trị dứt. Đến khi bệnh nhân chết thì khai báo theo sự bàn bạc và quyết định của công nhân hay cán bộ. Một cụm từ bao quát, chung chung, được ban y tế sử dụng để gọi tên những căn bệnh thuộc bộ tiêu hóa mà bệnh xá không chữa trị được: *ról loạn tiêu hóa*. Trên hai mươi bệnh nhân chết vì bệnh này, trong đó có một trường hợp đặc biệt mà người ta nghĩ là cán bộ trại sẽ hí hửng thông báo cho gia đình người chết và có thể sẽ đăng một tờ báo nào đó của nhà nước để thông tri chế độ ăn uống no đủ của trại cải tạo K4: chết vì bội thực!

Nạn nhân là một tù hình sự, tên là Hùng, mang tội ăn trộm. Anh này chừng hai mươi tuổi. Mặt mày hung dữ,

CỜI TRÓI TẬP II

đầu to, mặt tròn, mắt lộ, đôi ngươi trắng dã. Anh nằm ở dãy phía trong của bệnh xá. Dãy này được xỏ cùm bằng dây sắt dài ngang với dây sắt của các phòng giam bình thường—tức là có thể xâu được ba mươi người. Anh nằm ở bệnh xá khá lâu (chẳng rõ bệnh gì) nên được ông Trờ cắt nhiệm vụ rút cùm, xỏ cùm cho đám bệnh nhân nằm chung một sàng gỗ với nhau. Vào ngày thăm nuôi giữa tháng 10, ngày mà tôi được gặp mặt gia đình (sẽ kể sau), không rõ có nhằm quốc lễ hay là một lễ gì đó của riêng trại giam (chẳng hạn sinh nhật ông trưởng trại) mà bỗng dưng mỗi tù nhân được lãnh mỗi người một miếng thịt heo (đúng ra là một “mẫu” thịt) “to” bằng ngón tay út. Thịt được nhà bếp kho một nồi lớn rồi đem phân phát cho cho khoảng một ngàn rưởi tù nhân ở khắp các phòng giam của Khu C; đặc biệt bệnh xá là nơi được hưởng nhiều ưu tiên nhất theo cán bộ chỉ thị, tức là phải chia thịt nơi đây khá hơn các phòng giam một chút, chẳng hạn thay vì mẫu thịt to cỡ ngón tay út của con gái thì cho cỡ ngón tay út của con trai, thay vì một muống thịt kho thì cho hai muống. Bảy giờ hai anh nuôi của bệnh xá, một anh đã được trả tự do, anh còn lại được thăm nuôi và gặp mặt gia đình, vui quá không muốn làm công tác chia cơm, bèn lãnh nguyên thùng cơm với xoong thịt đem về bệnh xá, giao cho Hùng chia giúp. Hùng bị giam lâu ngày không có thăm nuôi nên gặp bữa thịt mỡ thì ham quá, chia cho bệnh nhân mỗi người vừa đúng một mẫu thịt nhỏ, số dư lại không chịu chia tiếp, đem trút hết vào ca riêng của mình. Phần cơm Hùng cũng chia nhín nhín để dư lại cho mình thì thâu hết. Một số bệnh nhân dùng cháo, Hùng chia xong, dư lại cũng cất luôn. Đã vậy, bệnh nhân ở bệnh xá lúc ấy có khá nhiều người được thăm nuôi ngay trong ngày đó nên đa phần không nhận phần cơm trại, cũng không thèm nhận phần thịt ít oi, nên Hùng hí hửng gom hết các phần cơm và thịt ấy, đem về một góc phòng, lui hui dồn cơm thịt vào giỏ xách cẩn thận, cho một ít cơm vào tráng cái xoong thịt dính nước mỡ, rồi hăm hở thanh

toán từng phần cơm, phần cháo. Buổi tối khi mọi người ngủ ngon, tôi đang ngồi thiền (trong cùm sắt), cũng nghe tiếng Hùng lục đục ngồi dậy, xúc cơm ăn. Sáng mai thức dậy, ban y tế bảo rút cùm cho bệnh nhân ra hồ sen để tắm, ai nấy hồ hởi rời khỏi sàng mà Hùng cứ nằm ngay đơ thẳng cẳng ra đó. Đến nhìn kỹ lại thì thấy Hùng mắt trợn tròn, miệng sùi bọt mép liên tục. Ông Trợ đến xem, gõ cái bụng cứng anh ách của Hùng nghe bùm bụp như trống làng. Ông Trợ lắc đầu, nói:

“Bội thực! Báo lên ban chỉ huy Khu ngay.”

Hùng được khiêng ra khỏi chỗ nằm, đặt ở giường cấp cứu, chờ cán bộ quản lý bệnh xá đến, lập biên bản tử vong, rồi quấn trong một cái chiếu, đưa lên xe kéo, kéo ra khu D (tức nghĩa trang của trại).

Sau cái chết của Hùng, lần lượt có thêm vài tù nhân chết vì kiệt lực hoặc trống tràng (cái bệnh mà tôi mắc phải lúc ở trại B5). Cái chết bấy giờ trở thành một cái gì rất quen thuộc đối với bệnh nhân của bệnh xá. Ngày nào cũng có người chết thì còn lạ gì nữa. Mới thấy người này người kia hôm qua gầy cầy, tắm rửa, vắn thuốc ngồi hút... mà bây giờ đã nằm dưới lòng đất! Từ khí vậy bọc khu vực bệnh xá. Có bệnh nhân cho rằng buổi tối thấy những người ấy đi qua đi lại ở khu vực tắm tối thuộc dãy trong bệnh xá.



Cho đến ngày thăm nuôi giữa tháng 10 hôm ấy, chân tôi vẫn chưa bước đi được một cách bình thường. Đoạn đường từ bệnh xá đến phòng thăm nuôi cũng khá xa, vì vậy, tôi được cán bộ cắt cho một người khoẻ mạnh cũng tôi đi rồi người này cũng sẽ cũng tôi về lại bệnh xá.

Đây là lần thứ nhì tôi được gặp mặt thân nhân. Đã ở ba trại giam, một năm rưỡi, vậy mà tôi chỉ mới gặp được gia đình có hai lần. Cứ hết chuyến trại tới khai cung,

CỜI TRÓI TẬP II

hết khai cung tới tình nghi, hết tình nghi tới biệt giam kỷ luật, hết biệt giam kỷ luật lại tới chuyên trại, rồi vào nhà đá... Những thay đổi liên tục này cắt đứt sự liên hệ giữa tôi với gia đình. Bây giờ, ngồi ở hiên sau của phòng thăm nuôi chờ đợi gọi tên, tôi vừa xúc động, vừa nôn nả hồi hộp. Xúc động là sắp được gặp mặt người thân thay mặt gia đình đến thăm; nôn nả hồi hộp là vì trong tôi, nỗi hoài vọng về tự do đang tràn lấp mọi thứ tình cảm hay lý lẽ thông thường khác. Cái hoài vọng ấy khiến tôi trở nên vô tình và vị kỷ vô cùng trong dịp gặp gỡ người thân hôm nay. Trong đầu óc tôi lúc ấy, chỉ nghĩ đến một điều là làm sao nói gia đình lo làm đơn xin cho tôi được tạm tha về nhà để chữa trị. Ông Trợ cho tôi biết, đó là cách hay để chứng tỏ cho cán bộ trại tin rằng mình bị bệnh nặng thực sự; và cũng là cách để thúc đẩy cán bộ khiến họ không còn ngần ngại trong việc cứu xét việc tạm tha—bởi vì đơn xin bảo lãnh của gia đình cất bớt một phần trách nhiệm cho ban quản trại. Đó là cách nghĩ của ông Trợ thôi, nghĩ rằng làm vậy thì chắc ăn hơn, nhất là đối với một tù nhân chính trị mang trọng án như tôi, chứ trên thực tế, việc lập danh sách bệnh nhân bệnh nặng là do chỉ thị của ban quản trại đưa ra nhằm giải quyết vấn đề tử vong quá cao trong trại. Chính vì vậy, dù có đơn xin bảo lãnh của thân nhân bệnh nhân hay không, ban quản trại vẫn cứ cứu xét danh sách do bệnh xá xác nhận như thường.

Bất ngờ nhất cho tôi là trong buổi gặp mặt thân nhân này, có ba tôi đến cùng chị Thuần, người chị thường lo việc thăm nuôi tôi mỗi tháng. Tôi và ông đã không nói được gì nhiều với nhau vì cha con tôi không quen ăn nói lớn tiếng—mà khung cảnh phòng thăm nuôi thì đòi hỏi người ta phải hét lên. Và tôi chỉ cố gắng nói với ông mỗi một điều mà tôi cho là quan trọng: làm đơn bảo lãnh cho tôi được tạm tha để chữa trị bệnh. Ba tôi có hỏi về cái áo len màu nâu mà gia đình đã gửi cho tôi tháng trước, sao không thấy tôi mặc. Tôi trả lời dối là tôi đã cất trong bệnh xá vì chưa thấy lạnh. Ông nói:

“Áo đó chị Trang bên Mỹ gửi về cho ba, ba nhường cho con đó, ba ở ngoài không bị lạnh như con trong này đâu.”

Sau chuyện đó, chúng tôi trao đổi thêm vài chuyện nhỏ nhặt khác, rồi chia tay. Chiếc áo len ba tôi nhường cho tôi, tôi đã tặng ông Thi. Tôi tặng ông thì đúng, chẳng ân hận gì cả; nhưng chỉ tiếc là tôi đã không mặc nó ít nhất một lần, để khỏi phụ lòng người cha già đã quan tâm nhớ nghĩ đến mình.

Rời phòng thăm nuôi, tôi được anh tù kia cõng về bệnh xá, một anh tù khác thì xách giùm tôi hai giỏ quà. Ba tôi đứng lại ở sân trước, nhìn theo. Hình ảnh cuối cùng tôi còn ghi được lúc đó là đôi mắt lo âu, buồn bã, bất lực kèm theo đôi môi mếu máo của ông khi thấy tôi không bước đi được bình thường. Đôi mắt ấy cũng đã gọi theo tôi tất cả thương yêu của ông, làm ấm tim tôi trong những ngày vào đông năm ấy.



Trong khi “danh sách tù nhân bệnh nặng không thể chữa trị” được gửi đi và chờ cứu xét, bệnh xá nhận thêm khá nhiều bệnh nhân từ các Khu khác chuyển về, trong đó có cả Khu Ruộng ở huyện Xuân Phước. Bệnh xá Khu C trở thành một thứ nhà thương thí tập trung tất cả những loại bệnh trạng vô cùng ghê rợn kỳ quái và vô cùng đau khổ của cuộc đời. Nào là anh chàng sưng đái mặc quần lúc nào cũng xẻ đáy để lộ ra cả cái “bọc điều” căng phồng, lớn như quả dứa xiêm; nào là anh chàng bị sạn thận đứng ngồi nhấp nhòm, vừa tiểu tiện vừa khóc; nào là anh chàng bị bứu cổ; nào là anh chàng bị bứu lưng; nào là anh chàng sắp mù mắt; nào là anh chàng viêm mũi, máu mũi chảy ròng ròng; nào là hai ông già đói nhất, trơ xương nhất, cao trên một mét bảy mươi mà nặng có hai mươi sáu ký; nào là anh chàng bệnh xơ gan cổ trướng, da

CỜI TRÓI TẬP II

vàng vàng nhợt nhạt, bụng to như trống châu... Tất cả những người bệnh trên, có khi cũng không được nghỉ ngơi dưỡng bệnh. Tuần nào cũng có một vài cuộc “càn quét” của đám cai tù nhằm vào bệnh xá để lừa người đi lao động. Đám cai tù vừa hăng say lập công với cán bộ mà cũng vừa ganh tị với những người bệnh nên cứ tìm hết công việc này đến công việc khác để bắt bệnh nhân làm việc. Bệnh nặng thì làm việc nhẹ! Chủ trương của họ như vậy. Việc nhẹ là xe dây thừng, xúc dòi ở cầu tiêu đem nuôi vịt, quét dọn và nhổ cỏ quanh sân trại... Bệnh nhân cũng bị cai tù đánh đập tàn nhẫn khi cơ thể mệt nhọc làm việc không nổi. Hai ông già kiệt sức lì đòn nhất, bắt mấy ông đập đá, mấy ông cứ cầm búa ngồi đó, lâu lâu dùng hai tay nhắc búa lên rồi thả xuống. Cai tù dùng roi đánh, hai ông nói:

“Đánh nữa đi, đánh đi! Không làm nữa đâu, mệt quá, không làm nổi nữa!”

Roi quất vào người hai ông, nghe côm cốp chứ không nghe bình bịch như người khác. Hai ông lần lượt chết ở bệnh xá vì kiệt sức, và đã chết trước khi danh sách tù nhân bệnh nặng được cứu xét có kết quả.

Một nửa nhân số liệt kê trong danh sách, khoảng gần sáu mươi người, lần lượt được gọi tên lên văn phòng Ban chỉ huy Khu C trong vòng một vài ngày. Không có tên tôi. Những người được trả tự do đều là tù hình sự hoặc vượt biên, án nhẹ. Chưa có tù nhân chính trị nào được thả.

Ông Nguyễn, nhân một lúc đưa bệnh nhân đi tắm giặt, ngồi với tôi bên bờ hồ, nói nhỏ:

“Có lẽ tù nhân chính trị thì chậm hơn, nhưng theo tôi thì trước sau gì cũng được thả. Bệnh xá chết nhiều quá, ban quản trại quí lên rồi!”

Im một lúc, ông Nguyễn nói tiếp:

“Này, nhà con ở đâu, cho bố địa chỉ, khi nào về được bố ghé thăm.”

Ông Nguyễn vẫn xung hô thân mật với tôi như thế. Tôi nói địa chỉ hai người chị của tôi ở Sài Gòn. Ông

có vẻ ngập ngừng, nghi ngại một lúc, rồi mới lẩm nhẩm học thuộc lòng.

Hai ngày sau, lại thêm mười mấy người được thả, trong đó có ông Nguyễn và cả Tính, anh phó thư ký của bệnh xá. Ông Nguyễn lú quíu thay áo quần, rồi kéo tôi nhanh vào một góc bệnh xá, nói:

“Tôi sẽ cố gắng lo chạy cho thầy ra, thầy yên tâm.”

Tôi sừng sốt nhìn ông. Ông cười, nói:

“Thầy tưởng tụi này không biết thầy là ai sao? Ông Trọng, ông Mậu cũng biết đó. Thành Liệt, thành Sinh cũng biết nữa. Thôi, tôi về nhen, mong có dịp gặp lại thầy ở bên ngoài.”

Tôi không nói được gì với ông ngoài một lời chúc bình an. Liên tiếp nhiều ngày sau, không còn tù nhân nào trong bệnh xá được gọi tên ra về nữa. Dù sao, kể từ khi có bảy chục người được trả tự do, bệnh xá đã được rộng rãi hơn, mau chóng lấy lại được không khí sinh hoạt yên bình, nhẹ nhàng như trước.

Nhưng bằng đi một tuần không còn thấy ai nhắc gì đến chuyện danh sách bệnh nặng nữa thì tự dưng lại có thêm nhiều người chết. Không những vậy, càng lúc càng có nhiều bệnh nhân mắc bệnh nan y từ các Khu khác chuyển về, hoặc từ các phòng giam xin được vào bệnh xá. Lịch sử tử bệnh vô thường của bệnh xá lại tái diễn chu kỳ cũ. Cán bộ chạy ra chạy vào, hỏi thăm tử số. Công nhân, cai tù cũng lảng xảng chạy tới chạy lui, tìm thêm người bệnh ở các phòng, đưa vào bệnh xá. Ban y tế bây giờ còn ông Trọng, ông Mậu, muốn tìm người phụ giúp thêm. Ông Trọng ngó tôi, hỏi ý:

“Anh ra phụ giúp ông Cảnh một tay được không?”

“Dĩ nhiên là được,” tôi đáp.

Nhưng ông Cảnh nói:

“Tôi có chuyện gì đâu mà giúp. Cần là cần bác sĩ, y tá thôi, chứ thư ký thì dễ ẹt, tôi làm được rồi!”

Vậy rồi ông Trọng và ông Cảnh gây nhau. Tôi tăng

lờ, không muốn xen vào.

Nhân số bệnh xá bây giờ lại tăng như cũ. Những chỗ trống bây giờ được lấp. Nhiều bệnh nhân phải nằm tại phòng giam. Hai người bệnh lao ở phòng cách ly cũng lần lượt chết. Phòng cách ly bỏ trống. Tôi và Thành, một anh nuôi của bệnh xá, được cắt công tác làm vệ sinh phòng cách ly sau khi khiêng xác anh bạn tù ho lao về đặt trên giường cấp cứu của bệnh xá để chờ quần chiếu đem đi chôn. Anh tù ho lao này bị cụt chân, mang tội dùng ma tuý và hiếp dâm đưa con gái ruột mười bốn tuổi của anh. Còn người tù ho lao bị cách ly đã chết trước anh là ông già khoảng năm mươi tuổi, ngoài tội giết người còn phạm cả tội hiếp dâm đặc biệt, gọi bằng cái tên dài dòng là “hiếp dâm người quá cố” (đại khái theo lời khai của ông thì ông đã hãm hiếp và giết đứa con dâu của ông lúc con trai ông đi vắng; giết xong ông đi uống rượu, uống rượu xong trở về lại hiếp dâm cái xác chết của cô con dâu lần nữa). Tôi nghe kể chuyện mà rùng mình. Từ một góc tù, tôi có thể nhìn được tình trạng suy đồi đạo đức trên đất nước tôi đã xuống thấp đến mức nào. Ở trên thì đảng viên cán bộ nhà nước mặc sức tham nhũng, hối lộ, bán tài nguyên đất nước để thủ lợi riêng cho cá nhân, cướp đoạt trắng trợn tài sản của nhân dân với những chính sách rùng rú bất định, sống đối trá với nhau để tồn tại, chia chác quyền lợi mà hưởng thụ; ở dưới thì dân đen nghèo khổ thống hận, cướp bóc giành giật nhau, rượu chè bài bạc, nghiện ngập xì ke ma tuý, không còn tin tưởng nhau, phá hết kỷ cương đạo đức... Chưa có thời đại nào trong suốt nhiều ngàn năm của đất nước lại tàn hại đến mức này.

Trở lại vấn đề của bệnh xá. Người bệnh ở đây càng lúc càng nhiều. Người này vừa chết đã có người khác thay chỗ nằm. Bệnh xá rộn lên. Bệnh nhân chúng tôi cũng bị căng thẳng lây, không sao yên nghĩ được vì mỗi giờ cứ phải nhìn cánh chết chóc, cánh cán bộ khiển trách ban y tế, cánh công nhân đi qua đi lại để nhìn mặt từng bệnh nhân như dò tìm những người khai bệnh dối. Cuối

cùng, cán bộ y tế lại đến bệnh xá, bảo ông Trọ cho lập một danh sách mới cho tù nhân bệnh nặng không thể chữa trị. Ông Trọ bấy giờ mặc nhiên trở thành một nhân vật khá quan trọng, có thể gián tiếp ban phát ân huệ tự do cho những bệnh nhân nằm quanh ông. Ông cùng ông Cảnh đi một vòng bệnh xá, ghi tên những người nào xét thấy bệnh nặng. Danh sách đợt này thực ra là danh sách những người đợt trước chưa được cứu xét, bổ sung thêm một số tên mới; và dĩ nhiên là với cảm tình sẵn có của ông Trọ dành cho tôi cộng với sự chẩn đoán của ông là tôi bị bệnh tim, danh sách đợt này cũng có cả tên tôi. Tuy nhiên, với cái khuôn mẫu kê khai rõ ràng danh tính, căn bệnh và kèm theo cả tội phạm kia, tôi không thấy nhiều hy vọng như trước đây nữa. Có lẽ đối với nhà nước, cái tội “phản cách mạng” dù ở tình trạng bệnh nặng thể nào thì cũng đáng đời, khó tha thứ!

Danh sách này lập khá lâu và khá cẩn thận. Cán bộ phụ trách y tế đã xem qua hai ba lần rồi mà vẫn chưa chịu ký, cứ bảo ông Trọ xét kỹ lại, đừng để sót người bệnh nặng nào để rồi phải mất công lập thêm một danh sách khác nữa. Cán bộ muốn đây là danh sách chốt, giải quyết toàn bộ tù nhân bệnh nặng, phải cho về hết! Ông Trọ hăm hở kể lại tôi nghe như vậy, và ông nheo mắt với tôi, nói rằng:

“Trước sau gì anh cũng được về, đừng lo!”

Lời ông đem lại cho tôi niềm hi vọng đã mất từ những ngày trước. Tiếp tục chờ đợi. Danh sách đang còn bổ sung.

Một chiều nọ, cán bộ y tế đưa vào bệnh xá hai tù nhân bệnh xơ gan cổ trướng. Bệnh này trước đây đã có một người được trả tự do. Hai người này cùng một bệnh, e còn nặng hơn trước, tưởng là may mắn được đưa đi bệnh viện Chợ Rẫy tại Sài Gòn để chữa trị nhưng hóa ra là xui xẻo hơn anh tù xơ gan nằm ở bệnh xá. Tại bệnh viện Chợ Rẫy, các bác sĩ giỏi kể cả một vài bác sĩ nước ngoài, khối xã hội chủ nghĩa, cũng đành bó tay với căn

bệnh đã tới lúc không còn cứu chữa của hai anh. Bác sĩ Chợ Rẫy cho trả hai anh về trại giam, yêu cầu thả họ về để sống với gia đình những ngày tháng cuối cùng trước khi chết. Nhưng muốn được như vậy cũng phải chờ đơn xin cứu xét, chờ ban quản trại lập thủ tục tha hoặc tạm tha. Vậy là ông Trợ ghi tên hai anh tù xơ gan này vào danh sách bệnh nặng. Trong thời gian chờ đợi hoàn chỉnh danh sách ấy, cán bộ y tế đã bày hai anh hãy viết thư cho gia đình, rồi cán bộ sẽ mang thư đến tận nhà, hướng dẫn gia đình làm đơn xin bảo lãnh gấp để hai anh được ban quản trại cho về, không cần phải chờ Cục Quản Lý Trại Giam của tỉnh Đồng Nai duyệt theo danh sách bệnh nặng đang còn tiến hành. Một trong hai anh đã được về bằng cách đó.

Anh còn lại tên Tuấn, không được gia đình bảo lãnh, đã sống nốt đời anh trên giường của bệnh xá. Mỗi lần đi đại tiểu tiện, anh rất khổ sở, ỉ à ỉ ạch mang cái bụng tròn quay và to hơn những cái bụng đồ sộ nhất của bất cứ người đàn bà chữa nào trên thế giới (lời của Thành, anh nuôi của bệnh xá nằm kế tôi đã nói vậy), đi qua đi lại trước mặt chúng tôi mỗi giờ đồng hồ. Có lẽ vì cơn đau thể xác và sự phiền nhọc của cái bụng nặng, anh đâm ra bần gất, cau có, đừng chuyện gì cũng chửi bới, la toáng lên. Anh đi qua đi lại trong bệnh xá để tiểu tiện được vài ngày thì hết sức, nằm liệt luôn trên giường, phóng uế tại chỗ dù rằng anh hãy còn tỉnh táo. Cán bộ y tế, các công nhân và các cai tù vào bệnh xá, thấy tình trạng anh như vậy đều lắc đầu. Ông Trợ báo cáo cán bộ rằng anh Tuấn đang nằm chờ chết. Cán bộ có vẻ lo lắng lên vì chuyện này, lăm bằm như trách cứ ai, rồi đột nhiên quay qua Sinh, anh công nhân cố vấn Ban Chỉ huy Khu C, nói:

“Anh phụ trách chuyện lo cho anh Tuấn trong thời gian này nhé. Cần thứ gì thì báo cáo.”

Nói rồi, cán bộ rời bệnh xá ngay. Sinh ngồi lại nơi văn phòng bệnh xá, bàn việc với ban y tế. Sinh hỏi ông Trợ:

“Theo ông, bây giờ anh Tuấn cần thứ gì?”

Ông Trọng lắc đầu, nhỏ giọng nói:

“Cần gì nữa đâu. Nằm liệt đó cho đến khi chết thôi. Chỉ hơi phiền là... chúng tôi lo việc chữa trị cho biết bao nhiêu bệnh nhân khác, không có thì giờ chăm sóc anh ấy như nhu cầu.”

“Như nhu cầu nghĩa là sao?”

“Nhu cầu đòi hỏi một y công ngồi trực bên giường bệnh của anh Tuấn suốt ngày, săn sóc mọi thứ, nhất là chuyện đại tiện tiểu tiện, giặt giũ quần áo, đút cháo, đưa thuốc, v.v... Những công việc này cũng bận rộn suốt ngày chứ chẳng phải chơi. Chúng tôi mà làm việc ấy thì còn thì giờ đâu mà chữa bệnh cho những bệnh nhân khác.”

“Vậy thì cắt một người ra làm y công, bệnh xá đông như vậy mà không có người ư?”

“Thưa anh, ban y tế chúng tôi chỉ còn ba người là tôi, ông Mậu, ông Cảnh; còn anh nuôi thì lấy từ một người từ bệnh nhân. Trên nguyên tắc... bệnh nhân nằm điều trị và chữa bệnh ở đây không bị bắt buộc phải nhận công tác của bệnh xá, chúng tôi đâu có dám cắt cử hay chỉ thị ai.”

“Thì biết rằng vậy, nhưng sao không thử tìm xem có ai chịu tình nguyện làm y công giúp đỡ anh Tuấn?” Sinh nói đến đó thì đảo mắt một vòng, nhìn quanh hai dãy giường cặp hai bên chiếc bàn làm việc của ban y tế.

Tôi định giơ tay tình nguyện nhưng nghĩ lại, thấy chưa đúng lúc, bèn ngồi im. Tôi biết người nào nhận việc chăm sóc cho Tuấn sẽ được tháo cùm suốt ngày, tự do đi lại nhiều hơn trong phạm vi Khu hoặc ngoài bờ ao (để giặt giũ) như các nhân viên của ban y tế. Cái chuyện như vậy tốt nhất là để người ta yêu cầu chứ đừng có đại mà giơ tay tình nguyện để rồi bị nghi là có ý đồ trốn trại—nhất là một người tù chính trị có án nặng như tôi.

“Nhưng ngoài chuyện chăm sóc ăn uống, giặt giũ, đưa thuốc uống ra, anh Tuấn còn cần thứ gì nữa?” Sinh hỏi ông Trọng.

CỜI TRÓI TẬP II

“Thưa anh, có lẽ cũng cần chút ít thức ăn hay bột gì đó chứ giở đồ của anh Tuấn hình như đã cạn khi mới về tới đây. Gia đình anh ấy đã bỏ mặc, không thăm nuôi anh nữa.”

“Anh ấy vẫn còn ăn uống được bình thường sao?”

“Hiện thời thì có thể ăn cháo và bột.”

“Vậy thì ban y tế cứ viết phiếu xin cấp dưỡng đặc biệt, kê khai những gì cần thiết, đưa lên văn phòng Khu nhờ chuyển lên trên cứu xét như cán bộ đã nói lúc nãy. Vậy há!”

Nói rồi, Sinh ngồi suy nghĩ một lúc, rồi nói tiếp với giọng cố ý lớn để mọi người trong bệnh xá có thể nghe được:

“Nhưng khi anh Tuấn được cấp dưỡng mọi thứ rồi thì cái người y công giúp đỡ chăm sóc anh phải là người y công có lòng, đặc biệt là phải có thăm nuôi, phải không?” Sinh cười một tiếng. “Chứ không thì y công ăn hết đồ của bệnh nhân sao! Cho nên, phải tuyển chọn y công cho kỹ mới được! Không phải chỉ có lòng không thôi mà còn phải có thăm nuôi đầy đủ nữa.”

Tôi nghe vậy thì hầu như không còn ý định tình nguyện giúp đỡ anh Tuấn nữa. Ban đầu, lòng thương của tôi đối với người bệnh liệt giường kia đã bị lý do chính trị ngăn chặn; bây giờ, lại lý do kinh tế cản trở. Thôi, tôi thăm nhủ, để người khác làm vậy. Nhưng rõ ràng là khi nói xong những lời ấy, Sinh đã hướng cặp mắt nhìn về phía tôi. Dĩ nhiên đã từng sống chung với tôi một phòng giam ở nhà đá, Sinh thừa biết tôi là tu sĩ. Sinh không muốn công khai yêu cầu tôi làm y công vì làm như vậy có vẻ như là bất kính với một tu sĩ khác đạo với Sinh; nhưng có lẽ anh thấy không thể tìm người nào khác hơn để làm công việc ấy.

Theo hướng nhìn của Sinh, ông Trọ ngó tôi, hiểu ý ngay, bèn đứng dậy, bước về chỗ tôi, hỏi:

“Chuyện này chắc ngoài anh Khang ra, chẳng ai đủ tiêu chuẩn gánh vác. Anh giúp Tuấn được không?”

Tôi không trả lời ngay, chỉ nhìn Sinh dọ ý. Sinh thấy tôi nhìn thì cũng đứng dậy, bước một bước tới chỗ tôi, nói:

“Giúp dùm đi, ở đây không ai khác làm được đâu.”

Tôi gật đầu. Vậy là Sinh bảo anh nuôi rút sắt, tháo cùm, cho tôi ra ngoài.



Công việc tôi làm bây giờ là công việc mà ông Mậu và ông Cảnh đã thay phiên nhau làm trong những ngày trước một cách khổ nhọc đến độ hai ông cứ cãi vả, phân bì nhau người làm ít, người làm nhiều. Thấy có tôi đảm nhận, họ vui mừng giao cho tôi một xấp giấy bỏ (loại giấy để viết đơn từ đã xài rồi) như là “dụng cụ” nghề nghiệp căn bản của người y công vậy.

“Giấy này để làm gì?” tôi hỏi.

“Để chùi đít thằng Tuấn,” ông Cảnh mau mắn đáp.

À, té ra là như vậy. Công việc chính trong ngày của tôi đối với Tuấn có nhiều thứ lắm, nhưng chùi đít và giặt áo quần dơ là chuyện chính.

Giường của Tuấn nằm là giường cấp cứu, đặt ở giữa văn phòng bệnh xá, ngay cửa ra vào. Tuấn còn tỉnh táo, biết những gì xảy ra chung quanh, nhưng không ngồi dậy nổi, chỉ nằm tại chỗ. Thời gian ban y tế thay nhau làm y công, Tuấn đại tiện mỗi ngày chừng ba lần. Đến khi tôi lo việc chăm sóc anh thì tình trạng tồi tệ hơn: cứ ba mươi phút anh phóng uest một lần. Phân của anh lúc bấy giờ là một thứ chất lỏng, đỏ đỏ như máu và nhờn nhờn như đàm, tanh hôi khủng khiếp. Dường như có cái mùi của thầy chết phun theo những dòng nước lỏng bấy nhầy ấy. Mỗi lần anh đại tiện, cả bệnh xá nhăn mặt nhăn mày, né đi nơi

khác. Tôi xé những trang giấy lớn thành từng miếng nhỏ vừa một bàn tay, vo cho nhàu để giấy được mềm đi một chút rồi lại trải ra, để sẵn bên hông Tuấn. Khi nào Tuấn khều tay tôi, chỉ xuống dưới là tôi lập tức kéo quần anh xuống lót một tờ giấy lớn vào, chờ anh phóng uế xong, lấy những mẫu giấy nhỏ đã vo mềm, lau cho anh. Lau xong, gói gọn lại bỏ vào lon, chờ có dịp ra bờ ao đổ phân thì mang đi.

Hôm ấy, trong thời gian tôi vắng mặt năm phút để đi đổ phân, Tuấn đã đại tiện thêm lần nữa ngay trong quần, tôi phải cời ra thay cho anh quần khác (anh có hai bộ đồ tù) rồi mang quần kia đi giặt. Giặt quần kia xong, phơi chưa kịp khô thì quần này lại tràn ngập phân lỏng. Tôi lấy một quần xà-lồn của tôi để mặc cho anh. Nhưng rồi cái quần xà-lồn cũng dính đầy phân. Đến lúc đó, tôi mới sực biết là anh không còn kiểm soát chuyện đại tiểu tiện nữa, hoặc đã mất cảm giác ở bộ phận bài tiết. Hình như anh còn tỉnh táo ở nửa phần người phía trên. Anh biết tôi đang làm gì, nhưng anh không biết trước là anh sắp đại tiểu tiện. Tuy vậy, điều tôi đoán hình như không đúng lắm, vì rõ ràng là anh biết đau. Anh nổi cáu vắng tục chửi tôi một tràng rồi nói:

“Lau nhẹ nhẹ một chút được không mày!”

“Xin lỗi, xin lỗi nghe, tôi không cố ý đâu.”

Tôi biết là do giấy dày cứng quá mà lại lau chùi một chỗ quá nhiều lần trong ngày nên vùng hậu môn bị trầy xước thế nào đó, bây giờ chỉ cần đụng nhẹ vào là đau. Đã vậy, giấy mà ban y tế cung cấp cho tôi chùi hậu môn Tuấn cũng sắp hết khiến tôi đâm lúng túng, chưa biết tính sao. Tôi hỏi ông Cảnh thư ký thì ông này nói:

“Hết giấy chùi đít thì chịu thua thôi chứ biết làm sao bây giờ. Hay là để tôi làm đơn xin trại cấp giấy chùi đít.”

“Dạ, chú nhớ xin vài cuộn giấy vệ sinh đang hoàng chứ đừng xin ba thứ giấy bỏ như vậy cứng lắm, anh ấy chịu không nổi đâu!”

Ông Cảnh cười, lắc đầu nói:

“Biết giấy cứng đã có chưa mà đòi giấy mềm! Ở tù mà làm như ở cung điện vậy! Bộ không nhớ lâu nay bọn mình chỉ xài lá cây với cành cây thôi sao!”

“Nhưng mà... đây là trường hợp đặc biệt, người ta bệnh nặng... Thôi, trong khi chờ đợi trại cho giấy, ban y tế cũng ráng tìm giúp cho một ít giấy nghe.”

“Hết rồi, bao nhiêu giấy trong văn phòng này đã dồn hết vào cái đít kia rồi, anh không biết sao! Ngày nào cũng vét giấy! Bây giờ chỉ còn hồ sơ bệnh án, đâu có đựng vào đó được!”

“Ồ... vậy chú làm đơn xin giấy dùm gấp gấp một chút nghe!”

“Gấp? Mình làm đơn gấp nhưng người ta cứ xét từ từ thì cũng như không!”

“Thì cứ làm đi mà!” tôi năn nỉ.

Cái ông Cảnh này, thật là bi quan, khó tính! Nói cái gì cũng bàn ra. Ông từng là thư ký của Ủy Ban Nhân Dân xã và bây giờ cũng là thư ký của bệnh xá, vậy mà ông chẳng tin gì vào hiệu năng của đơn xin, của giấy tờ!

Tôi đến ngồi bên giường bệnh của Tuấn nhìn anh ngủ. Ông Trọng nói sơ cho tôi nghe rằng Tuấn có vợ và một đứa con. Anh nghiện ma túy rồi bị bắt vào tù. Ở tù, bị bắt buộc phải cai thuốc, rồi do thiếu dinh dưỡng, anh bị xơ gan (?). Ba người bị cùng chứng bệnh xơ gan cổ trướng phình lên hết mức, đều là người có sử dụng ma túy trước khi vào tù. Tôi không rành về y khoa để hiểu nguyên do nào mà họ đều mắc chứng bệnh nan y và phải đi đến cái chết như vậy. Một cái chết từ từ một cách tàn nhẫn. Hai người kia may mắn hơn Tuấn, đã được trả tự do để sống quãng đời cuối với sự chăm sóc và mai táng của gia đình. Chỉ còn lại Tuấn, không ai bảo lãnh. Cán bộ trại đã nói chuyện với gia đình Tuấn nhưng gia đình anh yêu cầu cứ để anh ở lại trong trại. Họ không muốn nhận anh trở về. Ngay cả mẹ ruột của anh cũng từ chối. Tôi không hiểu đâu là lý do chính của sự từ chối này. Có lẽ họ quá nghèo,

CỜI TRÓI TẬP II

không đủ sức lo cho Tuấn; cũng có lẽ là lúc trước Tuấn làm khổ họ quá nhiều, bây giờ họ không muốn nhìn mặt anh nữa...

Tuấn chợt mở mắt ra, nhìn mặt một lúc rồi la:

“Đồ quỷ sứ, còn ngồi đó mà ngó nữa à. Sao không lo lau cứt cho tao!”

Tôi giật mình nhìn xuống phía dưới vùng hạ bộ của Tuấn, thấy phân lỏng đã chảy ra một vũng lênh láng lầy nhầy. Giường nằm của Tuấn cũng được đóng bằng gỗ, chỗ nằm lót ván ép, không có đường cho phân và nước tiểu rút xuống đất. Phân và nước tiểu chảy tràn trên mặt ván, phải dùng giấy cào dồn, túm lại rồi vắt vào lon. Mà lau chùi bằng giấy thì không thể nào sạch hết được, phân vương lại, thấm lại trên mặt ván, hôi tanh nồng nặc, ruồi nhặng đánh hơi bay vào từng đàn, đập cánh nghe vù vù. Tôi xin giẻ để lau giường, bệnh xá không có. Muốn dời Tuấn qua giường khác để chùi rửa giường này, bệnh xá cũng không cho, bảo rằng cứ để Tuấn nằm yên đó, không dời đi đâu. Lau chùi cho Tuấn xong, tôi ngồi quạt ruồi cho anh. Cảm thấy bất lực. Cảm thấy như mình không làm tròn trách nhiệm. Trong lòng bứt rứt vô cùng mà chẳng biết phải làm gì. Cứ ngồi đó quạt. Quạt mạnh tay để đuổi ruồi thì bị Tuấn la chửi, bảo rằng lạnh. Quạt hơi thưa thì ruồi bầu vào, Tuấn cũng la mắng, bảo rằng nhột hoặc nóng, bảo rằng tôi làm biếng. Đôi khi bất bình, tôi muốn bỏ cuộc nhưng thấy tội nghiệp anh ta nên không đành. Có khi tôi phải niệm Phật để trấn át cái tâm sân hận sắp bùng nổ trong tôi. Có khi tôi phải quán tưởng rằng mình là một bà mẹ đang chăm sóc đứa con bệnh nặng để vượt qua những túi nhục uất ức rất bực bẽo mà Tuấn dành cho tôi. Có khi tôi phải tưởng tượng rằng Tuấn chính là đứa em ruột của tôi đang nằm chờ chết...

Đơn xin cứu xét những bệnh nhân bệnh nặng không thể chữa trị lần thứ hai đã có hiệu quả. Cán bộ vào bệnh xá đọc tên, mấy chục người hí hửng rời giường bệnh tập trung ở văn phòng Khu. Đợt này có cả tên của Tuấn.

Tuấn nghe đọc tên, chỉ ngược mặt nhìn cán bộ một lúc rồi nhắm lại. Tổng cộng khoảng bốn chục người được thả trong đợt này. Theo ông Trọng cho biết thì danh sách gọi đi là một trăm hai mươi người; vậy là chỉ mới được cứu xét khoảng một phần ba.

“Yên chí đi, anh sẽ được về mà. Còn khoảng tám mươi người nữa, không lý lại chẳng có tên anh!” ông Trọng an ủi tôi.

Ông Trọng nói rồi tôi mới sực nhớ rằng tên tôi cũng có trong danh sách xin cứu xét của bệnh xá. Hóa ra nhiều ngày nay ngồi bên giường bệnh theo dõi và chia sẻ nỗi đau khổ thể xác lẫn tinh thần của Tuấn, cái bản ngã của tôi và tất cả niềm hoài vọng tự do của nó như thể bị teo rút lại, nhường chỗ cho một thực trạng thống khổ mệnh mang giăng ngập trong lòng. Mọi thứ đối với tôi lúc ấy, không quan trọng nữa. Tôi đã quên tất cả. Trước mắt tôi chỉ có Tuấn và cơn đau của anh, những biến thái trên nét mặt và cơ thể anh. Có một cái gì gắn bó tôi với công việc chăm sóc Tuấn. Nó không phải chỉ là trách nhiệm hay bổn phận. Nó cũng không đơn thuần như là lòng thương. Nó dường như là sự cúi đầu của tự ngã xuống niềm đau cuộc đời. Nó dường như là sự hồi hộp băng khuâng của tâm thức trước ngưỡng cửa của thực tại tối hậu—cái thực tại mà lâu nay tôi ngỡ là phải nhìn lên, cất cao lên để vươn tới, thì bây giờ, nó ở ngay bên dưới, phải cúi đầu, phải nhìn xuống...



Tôi thực sự là không còn mẩu giấy nhỏ nào để lau chùi cho Tuấn. Chưa thấy giấy vệ sinh của trại đưa đến, mà bệnh xá cũng không còn bất cứ giấy tờ bỏ nào. Ban y tế lắc đầu, xuôi tay, phó thác chuyện đó cho tôi, coi như Tuấn là cái gì thuộc về tôi, không còn liên hệ gì đến họ. Tôi ngồi cạnh Tuấn một lúc thì bất chợt nảy ra sáng kiến

CỜI TRÓI TẬP II

hay. Tôi vội lôi giỏ xách của mình, lấy ra cái mùng vải và tấm khăn bàn bằng ni-lông (được gia đình tôi gửi vào, dùng làm tấm lót trải dưới chiếu để cản hơi đất khi tôi còn ở trại B5 Biên Hòa), và tấm chăn (cũng bằng vải mỏng). Tôi mượn cây kéo của ban y tế, cắt cái mùng vải của tôi ra thành cả trăm mảnh nhỏ; còn tấm ni-lông thì cắt thành mười miếng hình chữ nhật mỗi miếng lớn bằng cái khăn lau mặt. Vải thì dùng để lau chùi hậu môn cho Tuấn, vừa để thay giấy vệ sinh, vừa khỏi làm đau anh; còn ni-lông thì lót sẵn dưới mông Tuấn để phân lỏng khỏi dính vào ván giường và cũng tiện cho việc giặt rửa; còn tấm chăn thì đắp cho Tuấn, che phần hạ bộ cho anh để tránh chướng mắt người ra kẻ vào ở bệnh xá, vì ông Trợ bảo đừng mặc quần cho anh nữa. (Tấm chăn này cũng thuộc loại chăn vải mỏng, tôi dự định là nếu xấp vải mùng kia thiếu, cũng sẽ cắt nó ra thành trăm mảnh để lau chùi cho Tuấn, hy vọng cầm cự được cho đến ngày có giấy vệ sinh của trại giam đưa tới.)

Đến giai đoạn này thì Tuấn đại tiện khoảng 15 phút một lần, và đang dần dần đi vào hôn mê. Bụng anh xẹp đi khá nhiều so với mười ngày trước. Điều này ông Trợ không nói, nhưng tôi có cảm tưởng là cái bụng phình trướng ấy chứa đầy phân và máu mủ. Tuấn đại tiểu tiện càng nhiều thì bụng anh càng xẹp bớt. Và bây giờ, anh không đi ra phân lỏng nhờn nhờn như đằm dãi nữa, mà đi ra máu, máu tươi. Máu vọt ra khỏi hậu môn như một cái miệng núi lửa phun bắn ra những dòng phún xuất thạch. Máu vừa ra khỏi người anh, tôi chưa kịp lau xong đã thấy khô thật nhanh trên vải. Tôi nói với ông Trợ. Ông Trợ đến nhìn rồi kéo tôi ra nói riêng:

“Giai đoạn cuối rồi đó.”

Ông Trợ không cho Tuấn ăn cháo lỏng từ mấy ngày trước mà chỉ cho uống nước gạo rang. Mỗi ngày tôi theo anh nuôi của bệnh xá xuống bếp rang gạo rồi đổ nước vào nấu một xoong nhỏ đem lên cho Tuấn, đút cho anh húp từng muỗng nhỏ. Ngoài nước gạo rang, tôi cũng cho Tuấn

uống thuốc Nam do ông Mậu nấu, mỗi ngày ba lần, từ nhiều ngày nay (vì cả bác sĩ Chợ Rẫy lẫn ban y tế của bệnh xá đều nói là nhà nước không có loại thuốc Tây nào để trị cho căn bệnh này—nhất là đã đến thời kỳ nghiêm trọng, gọi là *hết thuốc chữa*).

Sau hai ngày hôn mê và đi ra máu tươi, Tuấn bỗng tỉnh dậy vào buổi trưa hôm nay. Nằm im tại chỗ, mắt mở lớn, nhìn tôi đăm đăm, một lúc Tuấn nói:

“Anh tên gì vậy?”

“Khang”, tôi đáp.

“Anh giúp tôi một chuyện được không?”

“Chuyện gì cũng được, anh nói đi,” tôi khích lệ.

“Tôi thèm ngọt quá anh Khang ơi! Anh làm sao nói cán bộ cấp cho tôi bột hay đường gì đó, được không?”

Tôi lúng túng, nói:

“Không rõ họ có cho phép ăn uống như vậy không, vì nghe nói... bệnh của anh phải uống thuốc và chỉ uống nước gạo rang...”

“Xi, nước gạo rang, nước gạo rang, ngày nào cũng nước gạo rang! Người ta chết đến nơi rồi, ăn uống thứ gì vào cũng vậy thôi! Chẳng ăn thua gì đâu.”

Ông Trọ nghe Tuấn nói chuyện với tôi thì bước tới sờ trán, rồi vừa bắt mạch vừa nói:

“Anh muốn ăn gì?”

“Cho xin một ca bột đi bác sĩ ơi!”

“Được rồi, được rồi, để tôi nói anh Cảnh viết đơn xin cấp dưỡng gọi đi ngay.”

Tuấn sáng mắt lên một lúc rồi lại tỏ vẻ thất vọng, nói lầm bầm:

“Lại là đơn xin! Biết chừng nào mới có!”

“Nếu bệnh xá cho phép, để tôi lấy bột của tôi,” tôi nói.

“Anh còn bột không?” ông Trọ quay nhìn tôi, hỏi.

“Còn một ít, để tôi khuấy cho anh ấy nghe.”

“Tốt lắm, anh cho xin đi.” Ông Trọ nói.

Tôi vội đi khuấy bột, đút từng muỗng cho Tuấn ăn.

CỜI TRÓI TẬP II

“Ngon quá, bột của anh hình như chỉ có đậu xanh trộn với sữa bột và đường, ăn khoái lắm! Tôi chưa từng ăn ca bột nào thơm ngon như vậy,” Tuấn nói.

Nói rồi, đầu chùng nửa phút sau anh lịm vào giấc ngủ. Và máu nơi hậu môn anh tiếp tục tuôn ra, từng dòng, từng dòng, càng lúc càng nhiều hơn. Tôi liên tục lau chùi và thay ni-lông trong suốt buổi xế hôm ấy. Đến chiều, khi trời sắp tắt nắng, Tuấn lại thức tỉnh, mở mắt nhìn tôi quan sát một lúc, rồi nói:

“Anh Khang có vợ con không?”

“Không,” tôi đáp.

“Anh bao nhiêu tuổi mà chưa vợ con?”

“Hai mươi bảy rồi.”

Tuấn gật gù, nằm suy nghĩ một lúc rồi tiếp:

“Hai mươi bảy tuổi mà chưa vợ con thì cũng lạ đó chứ. Nhưng không có thì càng tốt đó anh Khang à. Em nhỏ tuổi hơn anh, có vợ con sớm, mà rồi bây giờ nằm xuống có được vợ con nhìn mặt đâu. Em đâu có đòi hỏi gì nhiều! Hôm trước em nhờ cán bộ nhắn về là chỉ xin gặp mặt lần cuối thôi mà vợ em cũng từ chối, không cho gặp. Thực ra thì em cũng chẳng nhớ vợ lắm đâu, chỉ nhớ đứa con, muốn nhìn nó một lần trước khi chết... Vậy mà cũng không cho. Em nhắn xin gặp mẹ em, mẹ em cũng lờ luôn, không trả lời gì hết.”

“Chắc tại gia đình bị trở ngại chuyện gì...” tôi an ủi.

“Không phải đâu, không có trở ngại gì đâu. Đi gặp mặt chứ có phải đi thăm nuôi quà cáp mà trở ngại! Em biết chỉ vì gia đình không ai thương em nữa. Gia đình em mà còn như vậy thì đủ biết tất cả những con người trên đời này, không có ai thương em hết... Mẹ em, vợ em, con em, cả gia đình em đều ghét em, không một người nào còn thương em, cho đến mấy ông cán bộ, bác sĩ, y tá, công nhân, chức năng, bạn tù, bệnh nhân trong bệnh xá này... ai cũng nhìn em bằng cặp mắt khinh bỉ, ghê tởm... Người ta bịt mũi, nhắm mắt, không muốn nhìn em. Tất cả, không một người nào trên cuộc đời này còn chút tình

người! Em không hiểu tại sao em lại có mặt trên cuộc đời khốn nạn này để rồi chết cô đơn như vậy...” Nói đến đây, Tuấn bắt đầu khóc, khóc lặng lẽ bằng hai giọt nước mắt lăn nhanh từ cuối đuôi mắt, rơi xuống cái gối bản thủ. Một chốc, Tuấn chớp mắt nhìn tôi, nói, “Không, thực ra có một người thương em, có một người thương em, em biết, đó là anh đó, anh Khang.”

Tôi im lặng không biết phải an ủi Tuấn bằng lời nào. Một lúc, tôi nói được một câu không hay lắm:

“Đừng nghĩ như vậy, lo dưỡng bệnh đi. Một người bệnh nặng, đau khổ như Tuấn, ai lại chẳng thương.”

“Anh đừng bênh vực cho họ nữa anh Khang à. Em biết hết rồi, em hiểu hết rồi. Cuộc đời này là như vậy. Hừ, anh Khang biết không, có một lúc nào đó, tự dưng mình cảm thấy cô đơn kinh khủng, rồi cảm thấy rằng tại sao mình phải gánh chịu cái khổ đau của cuộc đời này một cách thật vô lý... mình nghe lời bạn bè đi tìm vui, mình đốt một điếu thuốc, mình tiêm một mũi thuốc... rồi cuộc đời mình bắt đầu đi xuống, đi xuống đến tận cùng cái đáy khổ đau và cô đơn nhất, ở đó, không còn ai khủng khiếp như mình nữa. Đời em là như vậy đó. Xoay trước xoay sau, không còn con đường nào để đi.”

Tuấn lại khóc. Một lúc, anh chùi nước mắt, cười với tôi, nói:

“Em khủng quá hả anh Khang, đương không lại đi nói ba cái chuyện như vậy với anh.”

“Không, Tuấn cứ nói đi, tôi thực sự muốn nghe, muốn biết lắm.”

“Em đã nói hết rồi. Đời em chỉ có như vậy, đâu có như anh Khang, phải không anh? Anh Khang à, sao anh có thể thương được em vậy? Em chỉ là con người hư đốn phá làng phá xóm. Em chỉ là người dung nước lũ của anh thôi mà! Thương em, anh đâu có lợi lộc gì đâu! Em có cái gì đâu mà anh thương.”

Tôi lúng túng không biết nói gì. Một khắc sau tôi mới nói được một câu rất nhỏ, không chắc là Tuấn có

nghe được không:

“Em có tất cả nỗi đau khổ của cuộc đời.”

Tôi nói đến đó thì mắt tôi cũng rung rung và ngay trong giây phút ấy, tôi trực nhận một thứ ánh sáng rực rỡ thanh khiết như bùng tỏa một cách tràn đầy từ tận tâm tôi, mà cửa ngõ hay nguồn cội của nó chính là ở chỗ lấp lánh long lanh của giọt nước mắt chưa kịp tuôn.

“Anh Khang ơi, em thèm nước đá lạnh quá! Anh nói họ cho em xin vài cục đá lạnh đi.”

Tôi nói với ông Trọng. Ông Trọng nói với ông Cảnh. Ông Cảnh chạy qua văn phòng Khu, nói với Ban chỉ huy. Ban chỉ huy cử người qua nhà hàng của trại giam để xin đá lạnh.

“Anh Khang ơi, anh là ai vậy? Anh làm gì ở ngoài đời mà phải vào đây?”

Tôi cười, không nói.

“Anh hiền quá. Đáng lẽ anh đâu có bị tù. Nhưng mà... anh có vẻ là con người không đau khổ, dù anh đang ở tù như em và mọi người ở đây. Anh bình an quá. Làm sao em có được sự bình an như anh? Anh theo đạo gì vậy, anh có thể dạy em nghe vài lời gì đó không?”

Nhìn dấu thánh giá xâm nơi cánh tay của Tuấn, tôi thấy không cần thiết phải nói tôi đạo gì. Tôi im một lúc, nhớ lại đoạn kinh ngắn tôi đã đọc cho Phương, cô nữ công an ở trại B5, tôi nói:

“Đây là điều tôi học được từ người khác, nếu Tuấn muốn nghe, tôi đọc cho Tuấn há: *Đừng làm việc ác, hãy làm việc lành, giữ tâm trong sạch.* Quan trọng nhất là *giữ tâm trong sạch.*”

Khi đọc cho Phương, tôi đọc đủ bốn câu vì Phương biết tôi là tu sĩ, và Phương cũng theo đạo Phật. Bây giờ đọc cho Tuấn, tôi bỏ bớt câu cuối “*Đó là lời Phật dạy.*”

Tuấn nằm im, có vẻ suy nghĩ một lúc, rồi hỏi:

“Làm sao giữ tâm trong sạch khi em thấy rõ những điều lỗi mà em đã làm trong quá khứ?... Càng lúc em càng thấy rõ chúng hơn. Chẳng hạn em thấy em la mắng chửi

bởi anh... Em xin lỗi nghe anh Khang. Anh tha thứ cho em nghe.”

“Đừng nhớ chuyện cũ, tôi không chấp đầu. Bỏ qua hết đi, cứ nhìn những gì hiện ra trong đầu óc mình như đang xem chiếu phim vậy, đừng tránh né, cũng đừng nhập vai với chúng. Phải biết là chúng không có thật. Nhớ là giữ tâm bình tĩnh, như người ngồi xem phim. Nhớ nghe, chúng không có thật đâu.”

Tuấn gật đầu rồi liền sau đó, chìm vào cơn hôn mê. Tôi buồn bã đứng dậy, đến hỏi ông Trọng về chuyện đá lạnh.

“Thì cho người đi xin rồi, chờ đem đến, chắc là sẽ có ngay. Hờ, thèm gì mà thèm bắt nhân quả! Đòi đá lạnh giờ này làm sao mà có, chiều tới nơi rồi. Mà đây là bệnh xá nhà tù chứ có phải bệnh viện Chợ Rẫy đâu chứ!”

Tôi quay ra chỗ Tuấn, ngồi bên giường, lấy quạt xua ruồi. Tuấn có vẻ đang ngủ một giấc ngon, êm đềm. Gương mặt anh bây giờ hờn nhiên như trẻ nít. Bên ngoài, các toán lao động vừa tắm dưới hồ sen lên, xếp hàng đếm số để vào phòng. Bệnh nhân ở bệnh xá lục tục lấy ca ra nhận phần cơm chiều. Ráng hoàng hôn vô tình rục rạc sáng một màu hồng tím ở phía trời tây. Tôi lặng lẽ ngồi đó, cầu nguyện cho Tuấn. Và trong khi mọi người đang lảng xãng chia cơm, lãnh cơm, ăn cơm, Tuấn bưng mắt dậy, nhìn tôi, mỉm cười. Ông Trọng đi ngang thấy vậy bèn ghé xuống tai Tuấn nói:

“Sắp tới rồi, đá lạnh sắp tới rồi, sẽ có ngay, rán chờ một chút nữa đi!”

Tuấn có vẻ không để ý lời ông Trọng, chỉ ngược mắt nhìn tôi đăm đăm một lúc.

“Em không cần gì nữa hết anh Khang ạ. Anh Khang cúi xuống đây em nói nhỏ với anh cái này đi.”

Tôi cúi mặt xuống, kê sát tai vào miệng Tuấn. Tự dưng Tuấn đưa hai tay, bá lấy đầu cổ tôi, kéo xuống thấp hơn, hôn lên má tôi một cái thật lâu, rồi thả tôi ra, nhìn tôi, cười nụ cười đầu tiên mà tôi thấy trên môi anh từ

CỜI TRÓI TẬP II

nhiều ngày qua. Tuấn nói nhỏ:

“Anh Khang ơi, sau này anh sướng lắm đó nghe.”

Đó là lời chúc phúc cuối cùng của Tuấn dành cho tôi, nhưng lúc ấy tôi vụng về, không hiểu. Tôi đã không biết nói gì, làm gì để đáp lại lời cuối của anh. Chỉ đưa một bàn tay lên, sờ trán anh, rồi áp nhẹ bàn tay ấy vào má anh như vỗ về một đứa em bất hạnh. Tuấn nhắm mắt, nụ cười giữ lại trên môi một lúc. Từ đó anh đi vào cơn hôn mê thực sự, kéo dài từ khoảng sáu giờ chiều đến tám giờ tối mới hắt ra hơi thở cuối cùng.

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG HAI MƯỜI HAI

Chắc mình phải về anh ơi, ngồi đây em không chịu nổi. Nàng nói. Sao vậy, có chuyện gì không. Tôi hỏi.

“Ngồi đây, chỗ đông người, em không khóc được. Mình về nhà, anh há!”

“Ừ, về. Ừa, đôi giép của anh đâu rồi?”

Tôi ngồi trên băng đá khom người xuống dò tìm dưới đất. Nàng đứng dậy, nhìn quanh, nói:

“Vậy là người ta ăn cắp giép anh rồi. Chắc cái thằng hời nãy, em thấy nó đi ngang phía sau lưng mình, nhưng đâu có ngờ nó khoèo đôi giép anh. Tài thật!”

“Bây giờ... làm sao đây? Chẳng lẽ lại đi chân không ngoài đường?”

Nàng nhìn tôi một lúc rồi bật cười lên khanh khách. Ôi, nàng cười hồn nhiên, dễ thương làm sao! Nhưng tôi thì dở khóc dở cười. Ngồi kể chuyện hăng say, thả giép dưới đất, chân đong đưa cho mát một chút, vậy rồi đặt chân xuống đất thì đôi giép đã thành tài sản của người khác.

“Em chờ anh đi bằng Honda, đâu có sao, không ai thấy đâu.!”

“Dị hợm quá! Ai lại đi chân không ngoài đường!”

“Thời xưa Phật cũng đi chân không khắp nơi khắp chốn mà. Anh ngồi xe, em chạy thật mau, chẳng ai để ý đâu mà lo. Thôi mình về.”

Hồi xưa (chẳng xưa lắm, chừng mười năm trước), lúc ở Hội An, dù có đi ra ngoài ruộng hoặc kéo xe bò xin phân chuồng ở nhà người ta, tôi vẫn không bao giờ chịu đi chân không. Ra ruộng thì bỏ giép trên bờ mà lội xuống sình, lên bờ thì mang giép vào lại. Mà giả như lúc đó có đi

CỜI TRÓI TẬP II

chân không thì cũng chẳng sao, áo quần tu lem luốc, rách nát, tay chân như nhớp sinh lây, lại còn vác cuốc trên vai, hợp quá đi chứ! Đàng này, ở trung tâm thành phố Sài Gòn, thành phố lớn nhất Việt Nam, mặc áo quần đàng hoàng tươm tất, lại đi chân không! Coi làm sao được.

Xe chạy đi cả đoạn rồi mà nàng vẫn cứ cười. Nàng tìm đường vắng xe cộ để chạy nhanh. Vậy mà tôi cũng phải xấu hổ đến đỏ mặt. Tôi giấu mặt không nhìn ai trên đường, và đầu trán tôi tựa vào vai nàng. Nàng ngung cười. Có mùi của một loài hoa nào đó phảng phất trên tóc nàng.

Nàng tấp xe nhanh vào một tiệm giày trên đường Lê Thánh Tôn. Tôi bước vào nhanh, lựa một đôi xăn-đan quai nâu. Nàng giành trả tiền, tôi không chịu. Túi tôi hãy còn dày cộm tiền, tôi móc ra trả.

Về đến nhà, chúng tôi lại ngồi ở phòng khách, soạn bày bình trà ra.

“Chút nữa em chở anh đến nhà bạn anh, lo việc của anh xong, em chở anh về lại đây há. Anh cứ ở đây cho đến ngày hai đứa mình đi Nha Trang, chạy tới chạy lui ở đâu làm gì cho mệt. Ở đây yên lắm, em nói với anh rồi.”

“Đề coi đã. Gặp bạn bè rồi mới biết.”

“Em cũng cần đến chùa Hoa Nghiêm bữa nay để nhờ mấy sư cô thay phiên đến trông nhà giùm trong thời gian em đi thăm nuôi, anh muốn đi chung không?”

“Anh cần ở chơi lâu với bạn bè... chắc là một vài hôm, trước khi ra Nha Trang. Như vậy, có thể chút nữa em bỏ anh ở chỗ Tửu rồi em đi công việc của em.”

Nàng xụ mặt, lộ vẻ buồn một chút rồi tươi lại ngay, nói:

“Thôi cũng được, nhưng bất cứ lúc nào anh muốn đến đây thì đến nghe. Em ít khi đi vắng lắm. Các mối quen của em, họ đều đến đây để giao hàng. Hơ, hồi này ngồi ở bên Bạch Đằng, em muốn khóc để sợ nhưng tức cười chuyện anh mất giếp, bây giờ thấy hết khóc rồi. Thôi, anh kể chuyện tiếp đi.”

“Kể tiếp để được khóc đó hả? Đàn bà con gái mấy người làm như là thích nghe kể chuyện gì đau khổ lắm vậy!”



Sau cái chết của Tuấn, lại thêm mười mấy bệnh nhân khác ở bệnh xá lần lượt nằm xuống vì bệnh đường ruột. Ông Trợ cứ ghi chung chung một thứ bệnh: rối loạn tiêu hóa. Cán bộ phụ trách y tế cần nhân ông Trợ:

“Anh lại bảo là mấy người này mắc chứng rối loạn tiêu hóa! Sao ai cũng rối loạn tiêu hóa hết vậy! Rối loạn là sao, ý anh muốn nói là phản động đó hả?... Thì cứ nói là phản động chứ cần đêch gì phải nói rối loạn, rắc rối thế! Còn tiêu hóa là cái đít, tôi hiểu. Thế nhưng phản động cái đít là phản động thế nào chứ?”

Ông Trợ lật đật giải thích. Lại giải thích! Đã giải thích rồi, bây giờ cán bộ lại quên. Tiêu hóa đâu phải là cái đít! Chắc cán bộ lộn với chữ hậu môn rồi! (Mà hậu môn cũng không phải là cái đít! Hậu môn thì người ta nói chữ khác kia!) Cái đít nói cho lịch sự là cái mông, còn lịch sự hơn nữa thì gọi đó là bàn tọa đó, thừa cán bộ. Như vậy, “rối loạn tiêu hóa” có nghĩa là bị rối loạn bộ phận tiêu hóa. Rối loạn là không làm việc bình thường nữa, chứ không có dính gì đến phản động chính trị cả. Còn bộ phận tiêu hóa là gì hả? Lại phải giải thích nữa. Bộ phận tiêu hóa là cái bộ phận thu nạp và đào thải... Không, phải nói như vậy thì cán bộ dễ hiểu hơn, đó là bộ phận tiếp thu và xử lý thực phẩm trong cơ thể con người; nói cách khác là...

“Dân ngụ các anh dùng chữ rắc rối luộm thuộm quá, không bắt kịp cách nói mạch lạc văn minh của chế độ xã hội chủ nghĩa!”

Vậy rồi, cán bộ đi họp với trên sao đó mà bằng đi mấy ngày không thấy ghé bệnh xá, chỉ có lệnh từ văn

CỜI TRÓI TẬP II

phòng ban chỉ huy Khu đưa đến là chuẩn bị dời bệnh xá. Dãy phòng rộng nhất của trại giam nằm sát vách với văn phòng ban chỉ huy Khu C được sử dụng làm nơi chứa bệnh nhân; còn văn phòng Ban chỉ huy Khu thì trở thành văn phòng bệnh xá. Từ nay bệnh xá đã có văn phòng riêng, lịch sự, khang trang, có một cửa trở qua phòng bệnh nhân. Phòng bệnh rộng lớn như một cái kho, mái cao, rất khoáng khoáng, có bốn cạnh vuông vức. Trừ một cạnh dành cho hai cánh cửa ra vào, ba cạnh còn lại được đóng và dựng lên ba dãy sàng gỗ đồ sộ, rộng rãi, mỗi dãy lại có tầng trên và tầng dưới, vị chỉ sáu hàng giường bệnh, mỗi hàng dài mười lăm thước, có thể chứa từ một trăm rưỡi đến hai trăm bệnh nhân nếu nằm san sát nhau. Chuyện dời bệnh xá qua khu vực này, có thể là do người ta nghĩ rằng khu vực bệnh xá cũ khá tối tăm, nằm ngay luồng gió độc, hoặc đã “nhiễm trùng” vì sự mất vệ sinh do nhiều tù nhân có bệnh nan y đã chết tại đó... Lại có lời đồn: cán bộ trại sợ khu vực bệnh xá có ma quỷ lôi kéo, khiến nhiều người bệnh rú nhau mà chết.

Không những bệnh xá đổi chỗ mà còn đổi luôn cả cán bộ trông coi. Cán bộ y tế hình như đã từ chức hoặc đã bị cách chức và thay vào đó là một cán bộ người miền Nam, khá trẻ tuổi, tên là Phong. Cũng như người trước, Phong không có chút kiến thức gì về y khoa, nhưng tánh tình Phong hiền lành, vui tính, cởi mở, biết thương bệnh nhân, biết quý trọng ban y tế; vậy thì cũng đỡ vất vả cho bệnh xá rồi. Tuy nhiên, Phong khá nghiêm khắc trong việc sổ sách giấy tờ. Và điều này thì kẹt cho ông Cảnh.

Mỗi ngày Phong đều có mặt khá lâu ở bệnh xá để bảo ông Cảnh cho xem bệnh án này, hồ sơ kia, rồi lại quan sát cách ông Cảnh quản lý tủ thuốc công, tủ thuốc tư nơi bệnh xá. Ông Cảnh rất lúng túng. Thấy công việc ông Cảnh làm không được hiệu quả, Phong bực dọc khiển trách, buộc ông trong vòng hai ngày phải sắp đặt ngăn nắp thứ tự hồ sơ bệnh án của bệnh xá và hai tủ thuốc, sao cho khi hỏi đến là phải tìm được ngay chứ không ấp a ấp úng

lục lợi suốt ngày như bây giờ. Phong rời bệnh xá rồi, ông Trợ đề nghị với ông Cảnh:

“Nhờ anh Khang giúp cho một tay chứ không thì bị phạt kỷ luật cả ban y tế luôn cho xem!”

“Có gì đâu mà phải nhờ người này người nọ, mất công. Chuyện của tôi để tôi làm!”

Ông Cảnh vẫn thường bưng bình và tự ái vặt như thế. Có lẽ ông tự hào đã từng là thư ký của Ủy ban Nhân dân xã nên không cần nhờ một “nhân dân” nào giúp tay. Rồi ông lui hụi sắp xếp đồng giấy tờ lộn xộn trong ngăn tủ. Chẳng biết ông sắp xếp theo nguyên tắc nào mà phải từ sáng đến chiều mới xong. Qua ngày thứ hai, ông Cảnh mới xoay qua hai tủ thuốc: một cái tủ công (tức thuốc của trại giam giao cho ban y tế dùng để chữa trị bệnh nhân), một cái của tư (tủ thuốc đựng tất cả thuốc men riêng tư của mỗi tù nhân do gia đình của họ gửi vào; tôi cũng có một gói thuốc riêng trong ấy). Ông Cảnh cứ loay hoay lôi ra, cất vào, tồn nguyên buổi sáng vẫn thấy hoàn là một núi lùm xùm ngồn ngang những bịch ni-lông cái lớn cái nhỏ chồng đống lên nhau như một đống rác.

Đến trưa, Phong cầm tờ giấy chạy tới văn phòng bệnh xá, vui vẻ đọc tên một số bệnh nhân nan y được trả tự do. Đây là số người có tên trong danh sách của đợt II (mà nửa tháng trước đã cứu xét cho về một phần ba), nay được gọi thêm khoảng một phần ba nữa. Phong có vẻ vui lây khi đọc to từng tên một trong danh sách, vừa đọc vừa thú vị nhìn vẻ hớn hờ mừng vui của tù nhân như thể chính anh là người ban ân huệ tự do cho họ vậy. Cả bệnh xá lắng xặng, rộn rịp lên. Người được đọc tên thì run rẩy thay quần áo (bỏ đồ tù, mặc đồ dân sự nếu có), người ở lại thì chồm qua chồm lại xin đồ của những người may mắn để lại. Có cả tên ông Cảnh, nhưng không có tên tôi. Ông Trợ lại an ủi, nói rằng danh sách bệnh nhân nan y chưa hết, còn khoảng bốn mươi người nữa đang còn chờ cứu xét.

Ông Cảnh được trả tự do với bệnh “đau bao tử cấp

tính.” Tuy nhiên, trong khi tất cả những người được đọc tên ra tập trung ở văn phòng trại để chờ nhận giấy lệnh tha thì Phong bắt ông Cảnh ở lại bệnh xá, buộc phải thanh toán cho xong công việc làm ngăn nắp tủ thuốc và hồ sơ của bệnh xá trước khi rời trại. Ông Cảnh có trình cho Phong xem tủ hồ sơ mà ông đã cặm cụi sắp xếp lại nguyên ngày hôm trước. Phong hỏi tới hỏi lui vài câu, ông Cảnh không trả lời được, Phong lớn tiếng:

“Làm lại, sắp xếp lại! Chưa được. Như vậy mà anh bảo là đã ổn định sao! Vậy anh lấy tôi xem hồ sơ bệnh án của anh coi nào? Đó, đó, thấy chưa, lại đi tìm, đi tìm, mất thì giờ quá! Làm lại cho tôi, cho tới khi nào tôi thấy được mới cho về. Với lại, trước khi về anh phải bàn giao công việc cho người khác, mà bàn giao thì phải bàn giao đầy đủ mọi thứ chứ lộn với thiếu tùm lum như vậy thì bàn giao cho ai!”

Vậy là ông Cảnh ở lại, mần mò ghi ghi chép chép, kiểm soát và thống kê số thuốc hiện có trong tủ. Dù sao thì ông cũng đã có tin vui. Ông bỏ ăn trưa, ngồi mãi nơi bàn giấy của văn phòng bệnh xá mà làm việc. Trong lúc đó, ban y tế hỏi ý ban chỉ huy Khu xin đề cử một thư ký bệnh xá thay thế ông Cảnh. Ý kiến qua lại như thế nào đó mà cuối cùng, ông Sinh và ông Trợ đến kêu gọi tôi nhận lời làm việc. Và tôi lại được tháo cùm, ra khỏi giường bệnh, chuẩn bị nhận sổ sách và hai tủ thuốc do ông Cảnh bàn giao. Nhưng khác với ông Cảnh, tôi không phải chỉ làm thư ký mà còn cáng đáng luôn việc làm anh nuôi của bệnh xá (vì anh nuôi Thành đã được trả tự do cùng ngày hôm nay).

Hai giờ chiều mà ông Cảnh vẫn chưa làm xong công việc của ông. Cuối cùng, ông mới nhờ đến tôi. Tôi hướng dẫn ông sắp xếp hồ sơ và hai tủ thuốc theo phân loại mẫu tự thông thường mà ai cũng có thể biết. Công việc chỉ tốn chừng một giờ đồng hồ để cho vào thứ tự hơn một ngàn hồ sơ bệnh án. Các hồ sơ của người chết thì để riêng một ngăn, cũng sắp theo vẫn mẫu tự. Văn phòng

bệnh xá thiếu mọi thứ tiện nghi để có thể gọi là “văn phòng.” Bìa cứng không có, tôi lấy giấy trắng xếp lại rồi viết hai mươi bốn mẫu tự thật to để kẹp các hồ sơ. Tủ thuốc cũng chia theo từng ngăn chứ không thồn đạp vào như ông Cảnh trước đây. Tôi cũng giúp ông tổng kết thuốc tồn kho, loại bỏ những chai lọ cũ đã quá hạn, chiếm nhiều chỗ trong ngăn tủ.

Bốn giờ chiều thì thực sự ổn định công việc của văn phòng bệnh xá. Phong nãy giờ chạy ra chạy vào nhìn tôi làm việc giúp ông Cảnh, hài lòng lắm. Phong nói với ông Cảnh:

“Nếu ông nhờ người ta sớm hơn một chút thì bây giờ đã ở nhà với vợ con rồi. Thôi, thay đồ lẹ lẹ ra văn phòng Khu gặp tôi lấy lệnh tha mà về!”

Nói rồi Phong bỏ đi. Ông Cảnh vội xuống hậu cần lấy đồ ký gửi rồi trở lại với bộ đồ tây, bỏ hai bộ đồ tù lại cho mấy anh bệnh nhân đang nằm ở bệnh xá tranh nhau. Ông từ giả ông Trọng và ông Mậu rồi đến bên tôi, ngỏ lời cảm ơn. Sau lời cảm ơn, ông ngập ngừng một lúc rồi ghé vào tai tôi nói nhỏ:

“Cái hôm công an vây bắt lực lượng Phục quốc ở xã mình, rồi sau đó vây chùa Long Quang để bắt thầy Khang, tôi hoàn toàn không biết, vì vụ bố ráp đó đột xuất, bí mật, do công an tỉnh Đông Nai tiến hành. Cả công an huyện còn không biết trước hướng gì tụi tôi chỉ là hàng xã.”

Tự dung đến lúc chia tay ông đột ngột gọi tôi là “thầy” và nói cái chuyện của “xã mình” mà đáng ra ông có nhiều cơ hội để nói trong suốt nhiều ngày trước, khi tôi bắt đầu nằm ở bệnh xá. Có lẽ lúc ấy ông hãy còn sợ sự liên hệ với tôi. Thảo nào ông cứ tránh né, không muốn tôi phụ giúp ông. Đến khi gần về rồi mới chịu xuống nước. Tôi cười nói:

“Đâu có sao, nếu lúc đó chú đi bắt tôi cũng được thôi, lệnh mà.”

“Không phải, tôi nói không phải để phân bua gì

CỜI TRÓI TẬP II

đâu. Ý tôi muốn nói là vụ của thầy Khang hôm ấy là có người báo trực tiếp với công an tỉnh Đồng Nai. Nghe nói là từ Sài Gòn báo lên đó. Thôi tôi về nghe. Chúc thầy cũng được về sớm.”

Tôi ngồi lại nơi văn phòng bệnh xá, nhìn theo dáng ông hí hửng bước ra văn phòng Khu. Khi nào thì đến lượt mình đây? Tôi tự hỏi và thấy lòng chùng xuống. Tù chính trị, lại là tu sĩ, làm thế nào được về sớm mà cứ mong đợi, cứ hy vọng? Linh cảm ư, hay chỉ là vọng tưởng? Tôi lấy thuốc ra hút. Ông Cảnh hàm ý gì nữa đây khi nói cho tôi biết là có người từ Sài Gòn báo cáo hoạt động của lực lượng Phục quốc cho chính quyền tỉnh Đồng Nai. Bây giờ tôi biết rõ thêm chuyện đó thì sao chứ? Có lợi gì đâu. Biết là có người tố giác chuyện mình làm, xác định thêm sự bội phản của Hân, ích gì chứ! Gông cùm xiềng xích đã đóng kín tương lai, chôn vùi dĩ vãng trong tôi. Tôi không còn thì giờ để bận tâm cái gì ở phía trước hay ở sau lưng nữa. Công việc của tôi bây giờ là ngồi ở văn phòng này, chờ đợi có ai đến xin lấy thuốc (của họ) hay xin thuốc (của bệnh xá) thì lấy cho họ. Gần đến giờ ăn thì đi cùng hai anh nuôi và một bệnh nhân xuống nhà bếp để nhận phần cơm cho cả bệnh xá hơn trăm người.

Tôi ngồi một lúc thì Phong từ ngoài bước vào, cười cười, nói:

“Tôi mệt cái ông Cảnh đó quá. Bây giờ có anh Khang làm thư ký, tôi hy vọng mọi chuyện sẽ êm xuôi hơn. Nè, anh Khang nằm dưỡng bệnh ở đây bao lâu rồi? Hai tháng rưỡi hả. Vậy chắc cũng nắm được phần nào sinh hoạt ở đây, theo anh thì để tránh bệnh hoạn, nhất là tránh chết chóc thì bệnh xá phải làm sao?”

“Ồ... chuyện đó thì phải hỏi mấy ông bác sĩ mới được.”

“Bác sĩ à? Hừ, ở đây có bác sĩ nào đâu. Ông Trọng hay ông Mậu đều là y tá Đông y sĩ cả tâng thôi. Dĩ nhiên là mấy ông rành chuyện chữa bệnh hơn mình, nhưng mà... chỉ chữa bệnh chứ không biết gì khác. Hỏi ý mấy

ông làm sao để tránh chết chóc nhiều trong trại thì mấy ông không biết. Có ai bệnh đem đến đây thì chữa, vậy thôi. Nhưng chữa sao mà cứ hết đợt này tới đợt khác. Hay là... ngoài chuyện bệnh hoạn còn có thứ tà khí độc địa vô hình nào đó chẳng? Anh nghĩ sao? Nghe đồn là có mấy người đã chết ở bệnh xá cũ, đêm đêm xếp hàng đi ra hồ sen mà tắm! Có thể họ phá những người sống không? Anh có cách gì trừ chuyện đó không?”

Tôi cười thâm trong bụng. Phong hỏi vậy tất anh biết tôi là tu sĩ, và anh đã đồng hóa tu sĩ Phật giáo với ông thầy tụng, thầy đấm, thầy pháp nào đó ở làng xã anh thì phải. Cán bộ cộng sản ngày nay cũng còn biết tin và sợ ma quỷ! Thảo nào không lo hỏi bác sĩ mà lại hỏi ý tôi! Do bởi Phong tin tưởng mà hỏi tôi như vậy, tôi lợi dụng cơ hội ấy, muốn đề nghị một số vấn đề của bệnh xá mà lâu nay tôi hằng ưu tư. Tôi nói:

“Thực ra thì cái chuyện này mấy ông y sĩ phải biết rành hơn tôi, có điều họ không dám nói ra đó thôi. Nói ra thì sợ bị kết tội là... nói xấu, xuyên tạc chế độ, rồi bị cùm biệt giam kỷ luật đến bại liệt hay rục xương.”

“Vậy có nghĩa là anh có biết, anh có thể nói ra không? Không có chuyện cùm phạt kỷ luật đâu.”

Thấy Phong có vẻ khản khoản, tôi mạnh dạn:

“Nói được chứ. Anh hỏi thì tôi nói. Như vậy: cái bệnh chung của cải tạo viên nơi trại này là bệnh suy dinh dưỡng. Suy dinh dưỡng ảnh hưởng đến sức khỏe, khiến vi trùng bệnh dễ xâm nhập. Vi trùng xâm nhập mà cơ thể không đủ sức kháng cự thì cơ thể sụn. Bệnh nhẹ cũng chết, bệnh nặng càng dễ chết hơn. Đó là chưa nói đến chuyện thiếu thốn thuốc men. Nếu có thuốc tốt đưa đến đây nhưng bệnh nhân ăn uống không đủ chất dinh dưỡng, lại nằm trong một bệnh xá dơ dáy, thiếu vệ sinh, thiếu mọi tiện nghi, lạnh không có mền đắp, nóng không có quạt thổi, thì thuốc tiên cũng thành vô dụng. Còn nữa, mỗi ngày đi tắm ở hồ sen, chỗ cuối dòng nước chảy; nước ở phía bên kia khu trại gia súc chảy ngang qua khu nhà

CỜI TRÓI TẬP II

tròn, rồi đổ về hướng này. Tất cả bệnh nhân, tất cả tù nhân ở đây đều tắm ở cái chỗ cuối dòng nước chảy đó, hứng hết bao nhiêu rác rưởi dơ bẩn từ đầu nguồn đổ xuống. Tắm xong lên bờ không có gì lau. Trời lạnh trời nóng gì cũng hụp xuống cái ao đó. Ăn uống xong không có nước rửa chén bát. Thức ăn mỗi ngày không đầy bụng mà lại bỏ quá nhiều sức ra để lao động—điều này là mầm bệnh lao lực, kiệt sức. Chuyện nấu nướng của nhà bếp cũng phải xét lại. Tôi thấy anh nuôi của nhà bếp rửa rau, vo gạo ngay tại cái hồ sen nuôi đầy cá tra với bông lau chuyên môn ăn phân người đó. Anh thử nghĩ xem, vậy thì bệnh tật làm sao tránh khỏi. Không phải chỉ những người nằm nơi bệnh xá này mới mang bệnh mà có thể là tất cả tù nhân trong trại này đều có bệnh, nhiều hoặc ít. Đồng hồ sơ bệnh án đầy cộm của bệnh xá chứng minh điều đó. Tôi biết nói ra điều này cũng chẳng thay đổi được gì vì nó nằm ở ngoài khả năng của anh, nhưng tôi cũng cứ nói để anh thấy rõ phần nào cái tình trạng của bệnh xá. Không phải tà khí hay ma quỷ gì đâu. Chỉ vì cái gì cũng thiếu mà thôi.”

Phong chớp đôi mắt, ngó lơ ra cửa một lúc rồi quay mặt vào, nhìn tôi một lúc, nói:

“Đúng là cái này nằm ngoài khả năng của tôi. Nhưng có thể một ngày nào đó, tôi sẽ đề đạt ý kiến này lên ban quản trại để cải thiện lại sinh hoạt trại giam... Anh nói cũng đúng, đa số các trường hợp bệnh chết tại đây đều là đau bao tử, đau ruột, và nhất là kiệt sức. Có nghĩa là có vấn đề trong chuyện vệ sinh và ăn uống, phải không? Cảm ơn anh phát biểu trung thực.”

“Còn một điều này nữa, không biết anh có để ý không: những người bệnh kiệt sức chỉ còn trơ lại bộ xương, vậy mà khi nằm dưỡng bệnh ở bệnh xá, họ cũng chỉ được phát phần cơm hay cháo ít hơn phần cơm tiêu chuẩn của những người lao động bên ngoài. Điều này đúng theo cách nói ‘tay làm hàm nhai,’ không lao động thì ăn ít; nhưng cũng không đúng lắm trong trường hợp

các bệnh nhân kiệt sức vì họ đang cần lấy lại sức, phải tẩm bổ cho họ chứ. Nếu trại không cung cấp đủ chất dinh dưỡng cho họ thì ít nhất cũng cho họ ăn cơm hay cháo nhiều một chút. Đã có mấy người kiệt sức, vào đây nằm, rồi chết. Chết thật vô lý. Tôi tin rằng nếu cho họ ăn tương đối đầy đủ và được nghỉ dưỡng một thời gian thì tự dung họ hết bệnh.”

“Chuyện đó... bây giờ phải làm sao? Bệnh xá phải báo cáo hoặc làm đơn xin cấp dưỡng gì đó thì ở trên mới giải quyết được chứ.”

“Trước đây tôi thấy ông Cảnh có làm đơn xin thuốc men, nhưng chưa hề thấy làm đơn xin cấp dưỡng thực phẩm cho các bệnh nhân kiệt sức. Tôi không biết là nếu từ hôm nay, tôi làm đơn xin cấp dưỡng thực phẩm với chữ ký chứng nhận của ban y tế, thì có cơ quan hay bộ phận nào của trại cứu xét không?”

“Ô, ý kiến hay đó. Sẽ có ban lương thực của trại cứu xét cấp dưỡng.”

“Nhưng mà... làm như vậy lâu lắm. Đơn từ gửi đi rồi chờ cứu xét, thực phẩm chưa kịp tới nơi thì bệnh nhân đã chết. Cho nên, tốt hơn hết là ban lương thực của trại trích sẵn một số lượng thực phẩm đủ loại nào đó trong mỗi tháng, đưa vào kho hậu cần của Khu; khi bệnh xá gửi phiếu xin cấp dưỡng thì cầm tay đem qua văn phòng Khu—mất có hai mươi bước; văn phòng Khu chứng nhận rồi cầm tay đưa xuống hậu cần—mất bảy chục bước; ban hậu cần sẽ lãnh trách nhiệm mang thực phẩm cấp dưỡng đó đến bệnh xá—mất năm chục bước. Như vậy chỉ trong vòng cao lắm là một giờ đồng hồ, đơn xin cấp dưỡng đã có hiệu quả. Tôi không biết đề nghị này có quá đáng, có thiếu thực tế lắm không? Anh nghĩ sao?”

“Được, chắc là được. Để tôi đề nghị. Tôi ghi nhận ý kiến của anh.”

Thấy Phong có vẻ sốt sắng chịu để ý đề nghị của mình, tôi hứng thú nói thêm:

“Tôi có thể tóm tắt ý kiến của tôi lần nữa không?”

CỜI TRÓI TẬP II

Điều này anh cũng như mọi người đều thấy rõ và cũng như tôi đã nói trước khi này: phòng bệnh tốt hơn chữa bệnh. Bệnh xá trước đây chỉ lo việc chữa bệnh chứ không bao giờ có một kế hoạch hay chương trình gì về chuyện phòng bệnh. Cứ khi nào có người bệnh nặng sắp chết thì mới thấy cõng vào bệnh xá, đến lúc ấy thì chuyện chữa trị đã trở thành muộn màng, khó khăn, ít hi vọng. Ban y tế không bao giờ có cơ hội khám bệnh tổng quát cho tù nhân. Buổi tối ban y tế đi dạo một vòng các phòng giam, chỉ hỏi: ‘Có ai bệnh hoạn gì cần khai báo hay xin thuốc uống không?’ Hỏi như vậy đâu phải là khám. Bệnh nhân làm sao biết mình có bệnh gì mà khai. Có khi họ mang trọng bệnh trong người mà không biết, cho đến khi bác sĩ phát hiện được thì đã trầm trọng, quá trễ. Có người đang lao động ngoài trời bỗng ho ói ra máu rồi mới đưa vào bệnh xá. Đâu phải là căn bệnh bắt đầu từ lúc ói ra máu mà đã bộc phát từ trước đó nữa chứ, phải không? Cho nên, ít nhất cũng phải tổ chức cho ban y tế có cơ hội khám bệnh tổng quát cho mọi người mỗi tháng một lần, không thể khám một lần trong ngày tất cả bệnh nhân thì chia ra từng đợt, ngày nào cũng có khám, mỗi ngày khám cho một phòng giam thì mỗi tháng cũng khám được hết cho toàn trại... Không hiểu chuyện đó có thể thực hiện được không?”

“Ý kiến hay lắm... Không biết sao trước đây chẳng ai nghĩ tới vậy kìa!” Nói câu ấy rồi, Phong có vẻ như thấy rằng mình vừa lỡ lời, liền chữa lại. “Thực ra kế hoạch y tế của nhà nước ta lúc nào cũng quan tâm đến chuyện phòng và chữa bệnh, cũng như việc khám bệnh tổng quát cho nhân dân hàng ngày hàng tháng đó chứ, chỉ có điều là chưa hề áp dụng cho trại cải tạo đó thôi.”

Tôi cười nói:

“Chuyện anh nói là chuyện của các thành phố thôi. Nhưng không phải ai cũng có sổ khám bệnh; mà dù cho có sổ khám bệnh đi nữa, cũng xếp hàng suốt ngày để được khám, rồi được phát một bọc xuyên tâm liên chứ có

thuốc gì khác hơn đâu. Bệnh gì cũng uống xuyên tâm liên, thuốc trị bá bệnh đó mà. Còn nữa, ở các vùng kinh tế mới không có bệnh viện, bệnh xá hay trạm y tế gì cả. Mỗi lần có bệnh gì phải lội bộ cả chục cây số mới đến được một trạm y tế nhỏ. Tóm lại là vấn đề y tế của nước mình còn yếu kém quá cho nên không trách gì các trại cải tạo, phải chịu vậy thôi! Tôi góp ý nhưng nghèo quá thì cũng chẳng thực hiện được đâu.”

“Được chứ, được chứ, phải khắc phục được hết.”

Nói rồi, Phong có vẻ ưu tư suy nghĩ một lúc, rời bệnh xá. Hôm sau, Phong trở lại, vui vẻ nói với tôi:

“Anh có thể làm đơn xin cấp dưỡng cho những người bị kiệt sức rồi đó. Đây nè, có một số loại trái cây, thịt, cá, lúa, bắp, đậu... mà trại có thể cung cấp, ngoài số này thì phải chờ lâu một chút, vì những thứ kê khai nơi đây là trại có sản xuất. Anh dựa theo cái danh sách này mà viết đơn nghe. Đơn viết xong, đưa ban y tế duyệt ký rồi đưa qua văn phòng Khu, ở đó có tôi ký rồi anh có thể mang thẳng xuống kho hậu cần. Dĩ nhiên không phải lúc nào tôi cũng có mặt ở văn phòng Khu nhưng nội trong ngày, thế nào cũng có tôi ở đó hoặc ở đây. Nhớ nhé. Công việc này tôi tin tưởng mà để anh làm chứ chưa chắc người khác tôi đã đồng ý đâu. Còn chuyện khám bệnh cho toàn trại thì ở trên đang còn nghiên cứu kế hoạch thực hiện. Tôi hy vọng sẽ được duyệt xét.”

Kể từ hôm đó, bệnh xá có vẻ có sinh khí hơn. Các người bệnh nặng được chăm sóc kỹ lưỡng. Mấy anh kiệt sức đều được tẩm bổ thịt, cá, trái cây, bột. Mặc dù phần cấp dưỡng ấy chẳng là bao, nhưng có còn hơn không. Bệnh xá tạm thời cứu sống được một số bệnh nhân èo uột chỉ còn trơ lại bộ xương. Những bệnh nhân này đều không có hoặc chưa có quà thăm nuôi của gia đình từ lâu. Không phải chỉ những người kiệt sức được cấp dưỡng theo phiếu đề nghị mà cả những bệnh nhân khác trong bệnh xá đều được nhận phần cơm hay cháo nhiều hơn. Ngoài ra, mỗi tuần anh nuôi hậu cần đều có mang vào

CỜI TRÓI TẬP II

bệnh xá một thùng trái cây giao tôi chia đều cho các bệnh nhân. Thường thường là đu đủ và cam chín rụng hoặc sắp hư hay bán không hết, nhặt từ vườn cây trái và nhà hàng của trại—mà trước đây đem đồ hay bán tháo ở đâu không biết, bây giờ dành cho bệnh xá. Điều này chưa hề xảy ra trong quá khứ. Tôi nghĩ có lẽ lời tôi đề nghị với Phong đã có kết quả. Kết quả không phải là cải cách lớn lao gì lắm, nhưng dù sao, tôi hy vọng rằng đây sẽ trở thành một tiền lệ sáng sủa hơn cho bệnh xá. Vả lại, cái chuyện bé xít ấy xét cho cùng thì cũng khai thác được chỗ dụng cho những trái cây và thực phẩm thặng dư của trại. Những trái cây và thực phẩm cấp dưỡng ấy có bằm dập hay meo mốc đến mức nào đi nữa thì xem ra vẫn còn chút tươi mát, chút sinh khí dinh dưỡng, dễ nhìn và lôi cuốn hơn những anh chàng bệnh nhân ốm đói của bệnh xá.



Từ khi ông Cảnh được về, danh sách bệnh nhân nan y cần được trả tự do để chữa trị—còn lại mấy chục người chưa cứu xét—bỗng dung đứng khựng lại, cơ hồ không còn dấu hiệu gì là sẽ được đá động tới. Tôi không còn chút hy vọng gì về danh sách ấy nữa, chỉ biết sống và làm việc từng ngày trong trách nhiệm của mình nơi bệnh xá. Nhưng ông Trọng thì chưa chịu thua, mỗi lần thấy tôi ngồi im lặng nơi bàn giấy của bệnh xá, ông trò tới, lại an ủi:

“Chắc đang còn cứu xét, vì số người chưa được cứu xét đa phần là tù nhân vượt biên và chính trị, phải chậm hơn chứ.”

Tôi chỉ cười, không có ý kiến gì. Nhưng ngay ngày hôm sau, bỗng thấy một ông già cán bộ mặc sắc phục xanh của công an, theo Phong vào bệnh xá, ra lệnh tất cả bệnh nhân có tên trong danh sách bệnh nan y và cả những bệnh nhân đang nằm điều trị tại bệnh xá, tập trung tại văn

phòng, để ông già ấy khám bệnh. Ông Trợ gọi ông ấy là cán bộ bác sĩ. Chẳng biết bác sĩ già này tốt nghiệp trường lớp nào mà cách khám bệnh coi mòì khá đơn giản, nhanh chóng, lẹ tay, ít mất thì giờ, e có thể so được với Tuệ Tĩnh hay Hoa Đà. Ông chỉ sử dụng cái ống nghe, đặt nơi vùng ngực vài chỗ, vùng lưng vài chỗ, là đã có thể ghi được bệnh. Vâng, bệnh gì cũng vậy, cũng chỉ nghe là có thể luận được rồi. Ông cũng chẳng cần bảo bệnh nhân hít mạnh thở sâu, thở vào thở ra gì cả. Vọng, vắn, vắn, thiết (nhìn, nghe, hỏi, bắt mạch—bốn phương cách chẩn bệnh của y sĩ), ông chỉ sử dụng “vắn” theo cái nghĩa là nghe bằng ống nghe của ngành y học Tây phương chứ không phải “vắn” là thăm dò thanh âm giọng nói của bệnh nhân cũng như những lời tự khai về triệu chứng của chính bệnh nhân ấy. Cái ống nghe đối với ông cán bộ già này có vẻ như là cây đèn thần, chiếc đũa tiên, hay viên ngọc như ý. Dường như với ông, chức năng của ống nghe không phải là nghe bệnh mà là chữa bệnh. Vâng, xem cách ông trân trọng “cung thỉnh” cái ống nghe từ trong hộp đồ nghề y khoa ra, người ta có cảm tưởng là ông sắp ra tay cứu độ bệnh nhân, tiêu diệt các căn bệnh hiểm nghèo. Cũng không có gì trách ông, vì trên thực tế, dụng cụ y khoa rất hiếm: ống nghe chỉ dành cho cán bộ y tế cao cấp và các bác sĩ. Bởi hiếm hoi, nó được xem như là một trong những vật biểu trưng sáng chói của nền văn minh và tiên bộ nhảy vọt của chế độ xã hội chủ nghĩa; móc nó vào cổ thì tự dung con người trở nên sáng giá, cao kỳ, vĩ đại hơn lên.

Khám đến tôi, ông già đặt cái “đĩa nghe” (tôi tạm gọi cái vật tròn tròn nơi ống nghe của y sĩ như vậy vì thực chẳng biết thuật ngữ chuyên môn y khoa gọi nó thế nào), nơi ngực tôi một lúc thì có vẻ ngạc nhiên, tỏ vẻ khó hiểu, ngược nhìn tôi một cái, rồi cúi xuống lắng nghe trở lại. Hình như ông không nghe gì cả. Ông tháo ống nghe ra khỏi tai, nhìn hồ sơ bệnh án của tôi do ông Trợ chẩn đoán trước đó; rồi ông đặt ống nghe vào tai trở lại, bảo tôi hít

thở sâu. Tôi làm theo lời ông, hít thở thật mạnh. Ông vẫn không nghe gì thì phải. Tôi biết lúc ấy trái tim của tôi nó không chịu đập. Nó đứng yên không nhúc nhích gì cả như nó đã từng làm như vậy nhiều lần trước đây. Ông giật mình gõ hai tuýp nghe ra khỏi tai, đưa một tay lên sờ trên ngực tôi:

“Lạ nhỉ, trái tim anh này nó không đập! Hít thở đều coi nào, hít mạnh, thở mạnh! Kỳ khôi thế nhỉ!”

“Báo cáo cán bộ, anh ấy bị lớn tim... cái van tim bị chèn hay là bị hở đấy ạ,” ông Trọng đứng bên liền nói vào.

Ông cán bộ già gật gù vừa nói vừa lấy viết ghi mấy chữ vào cuốn sổ mới do Phong cung cấp cho ông:

“Tôi biết mà, nghe qua là tôi biết ngay.”

Sau khi ông cán bộ y tế già đích thân khám bệnh cho bệnh nhân ở bệnh xá, Phong ôm luôn cuốn hồ sơ bệnh do ông cán bộ già ghi, cùng ông rời khỏi bệnh xá. Từ hôm đó, bệnh xá im lìm, không có sự cố gì xảy ra ngoài việc đón nhận và chăm sóc một anh tù chính trị tên là Nam, bị cán bộ, công nhân và cai tù đánh ngất xỉu trước sân trại. Nam được đưa vào nằm ở bệnh xá từ buổi trưa, đến chiều tối thì tắt thở. Cái chết của Nam gây dư luận xôn xao trong trại khiến cho ban quản trại e dè, ra chỉ thị ngăn cấm bàn tán, rồi còn dặn dò phải khai báo như thế nào nếu có cán bộ tình vào điều tra. Công việc lập biên bản tử vong đáng ra là công việc của ông Trọng và tôi thì lại để cho ông cán bộ y tế già và người phụ tá của ông thực hiện. Xác của Nam thay vì để ở bệnh xá thì đem ra văn phòng Khu để chờ cán bộ y tế tình vào khám nghiệm.

Buổi tối hôm ấy, vào giờ báo nghiêm, trong khi bệnh nhân chúng tôi đã lên giường và bị xích chân vào cùm sắt để ngủ thì Phong vội vã bước vào, bảo mở cùm cho tôi ra, đến làm việc tại văn phòng của bệnh xá. Phong đưa tôi bản sao (bằng tay) đơn xin cứu xét những bệnh nhân nan y của đợt trước (trong số đó có một số người chưa được cứu xét trả tự do) cùng với cuốn sổ bệnh mới mà ông cán bộ y tế già vừa mới lập, bảo tôi làm một đơn

xin cứu xét kèm danh sách mới. Danh sách này dựa theo danh sách đợt trước, loại trừ những người đã được về, giữ lại những người chưa được cứu xét và thêm một số tên mới. Và dĩ nhiên là tên tôi, một lần nữa được ghi vào. Phong cho thời hạn là trong vòng đêm nay phải làm xong để sáng sớm ngày mai anh mang đi. Danh sách bệnh nhân tổng cộng gần một trăm bốn mươi người, ghi rõ tên họ, tuổi tác, sinh quán, nguyên quán, nghề nghiệp, tội trạng, căn bệnh... của mỗi người. Có một số tên ở đâu lạ lắm, không thuộc số bệnh nhân đang nằm điều trị ở bệnh xá này. Tôi nghĩ có lẽ họ ở bệnh xá của các Khu khác. Làm xong bản danh sách lại phải sao thêm hai bản khác, sao bằng tay.

Trong khi tôi đang ngồi lập bản danh sách gốc, Phong hãy còn đi qua đi lại hoặc ngồi nói chuyện với ông Trợ để chờ đợi. Thấy công việc không thể xong ngay, Phong bước đến chỗ tôi, ngồi im nhìn tôi làm việc một lúc rồi nói, giọng nhỏ, vừa cho tôi nghe:

“Những gì anh nói với tôi trước đây, tôi thấy đúng lắm, nhưng trong khả năng của tôi, tôi cũng chẳng làm được gì để cải thiện nổi. Chỉ còn cách là đề nghị cứu xét tạm tha, tạm tha hết những người bệnh nặng thì may ra tránh được những cái chết vô lý. Cái chết của anh Nam mấy ngày trước... anh Khang có chứng kiến không?”

Ngừng bút, mắt không ngước lên, tôi nói:

“Tôi còn bị bắt buộc phải chứng kiến cảnh người ta dùng roi để đánh anh Nam nữa kia. Đánh cho đến ngắt xiu, đem nước lạnh dội cho tỉnh lại, rồi đánh tiếp. Tám người cầm roi vây đánh một người bị còng tay. Tôi không hiểu ban quản trại muốn gửi đến tù nhân chúng tôi cái thông điệp gì đây.”

“Lúc đó tôi đang lo hộp về vụ bệnh nhân của bệnh xá, không có ở đây. Và lại, đó là việc của ban quản giáo và ban chỉ huy Khu, tôi không can dự. Nhưng tôi cũng hoàn toàn không đồng ý chuyện xử phạt tù nhân trốn trại bằng cách đó. Đã man quá. Đó, rồi anh Khang cũng biết,

thêm một người chết trong bệnh xá làm cho tôi lại mang tiếng. Thực ra anh Nam đâu phải là bệnh nhân của bệnh xá. Tôi kiện lắm ban quản trại mới đem xác anh ấy ra văn phòng ban Chỉ huy Khu đó.”

Phong vừa nói đến đó thì ông Trọ bước vào, kéo ghế ngồi cạnh tôi, nói:

“Để tôi đọc giúp anh cho nhanh nhé.”

Phong ngồi một lúc rồi đứng dậy, bước ra, ngang chỗ tôi ngồi, Phong đứng lại, vừa nói vừa cười:

“Anh Khang này giỏi lắm nghe, phải không ông Trọ? Làm việc gì cũng tận tâm, hết mình, mà lại nhanh chóng nữa.”

“Báo cáo cán bộ, đúng vậy đó, anh ấy giỏi lắm. Ở bệnh xá này, bệnh nhân thương quý anh ấy hơn cả tôi và mấy y sĩ ở đây nữa kia.”

Phong vỗ vai tôi, cười, rồi nói:

“Mai này có về đừng ăn chay nữa nghe. Ăn chay hoài làm sao đủ sức khỏe, cho nên mới bệnh đó, phải không?”

Nói rồi, Phong rời bệnh xá. Câu nói của Phong dù không có gì chắc chắn lắm, nhưng cũng gợi ý cho tôi ít nhiều cái viễn cảnh tươi đẹp của tự do, trả lại cho tôi niềm hy vọng đã chìm mất từ những ngày trước.

Trước lễ Giáng Sinh hai ngày, trong khi tôi đang ngồi ở bệnh xá thì Lộc bước vào, tay cầm một tờ giấy. Thấy tôi, Lộc mừng lắm, reo lên:

“A, anh Khang, anh lúc này khỏe không? Trời ơi, em có nghe nói là bây giờ anh làm thư ký bệnh xá mà chưa có dịp nào ghé thăm anh. Bạn quá anh Khang ơi. À, có cái danh sách này, ông Liệt giao em đi lấy mấy người ở bệnh xá, vậy anh Khang đọc dùm em đi, em đâu có biết chữ.”

Tôi cầm tờ giấy. Lộc vỗ tay ba tiếng báo bệnh xá im lặng:

“Lắng nghe nè, ai có tên thì mang đồ đạc cá nhân

tập trung ở văn phòng ban Chỉ huy Khu. Rồi, đọc đi anh Khang.”

Tôi đọc lớn. Danh sách có tên tôi. Lộc nghe thì giật mình, hỏi:

“Vĩnh Khang là tên anh, phải không?”

“Ừ.”

“Mẹ bà tụi nó! Anh Khang như vậy mà...”

Ông Trọng nghe vậy thì bước tới, hỏi dồn:

“Danh sách này là danh sách gì vậy anh Lộc? Nói tôi nghe đi. Cho về hay là đi đâu vậy?”

Lộc ngáp ngừng một lúc rồi nói:

“Đâu phải danh sách về! Đây là danh sách vô năm nhà đá đó!”

“Úy trời, vậy thì không được! Tôi không cho các anh lấy anh Khang đi đâu. Anh ấy bị bệnh tim nặng lắm, có cán bộ y tế của trại chứng nhận mà, không đi nhà đá được đâu. Đi lần này là chết chắc! Tôi nói rồi đó, tôi không chịu trách nhiệm đâu nghe. Hay là anh trình cho cán bộ Phong biết ngay đi để cán bộ Phong can thiệp. Cán bộ Phong cũng biết anh Khang bệnh mà.”

Lộc nghe vậy thì cũng mừng, nói:

“Được rồi, được rồi, có lý do như vậy thì tốt, để tôi báo cáo lên là anh Khang bệnh nặng không thể vào nhà đá, có ban y tế xác nhận.”

Vậy là tôi không phải vào nhà đá. Ông Trọng nói rằng danh sách bệnh nhân nan y đang chờ cứu xét, nếu tôi vào nhà đá thì không có cơ hội để được nghe đọc lệnh tạm tha—có thể là trong những ngày sắp tới. Người ta không bao giờ trả tự do cho những phần tử đang bị giam ở nhà đá bao giờ.

Và trong khi mấy chục người bị lừa vào nhà đá trong dịp lễ Giáng Sinh thì vài ngày sau đó, khoảng gần năm mươi người ở bệnh xá và Khu C được gọi tên lên văn phòng ban chỉ huy Khu để nhận lệnh tạm tha; và lại không có tên tôi... Cả ông Trọng cũng được về trong đợt này dù rằng ông không có trong danh sách bệnh nan y.

CỜI TRÓI TẬP II

Bàn giao công việc của bệnh xá cho anh Oai và ông Mậu xong, ông Trợ nói riêng với tôi ở văn phòng bệnh xá, lại với giọng an ủi:

“Danh sách kỳ này một trăm bốn mươi người, anh biết rồi đó, hôm nay cho về chưa tới năm mươi, vậy thì vẫn còn cơ hội. Chắc là nay mai thôi. Anh sẽ về đó, tin tôi đi. Thôi, tôi về trước nghe.”

“Nhưng... xin hỏi chú một câu chót: có thực là tôi bị bệnh tim không?”

“Ừ... thực ra thì tôi không biết anh bị bệnh gì, chỉ thấy là quanh vùng tim có tiếng lạ lắm, không giống như người khác. Đại khái là có cái gì bất thường nơi trái tim anh đó. Cái dấu hiệu đó giống như là bị hở van tim, mà có khi lại giống như là bị nghẽn van... khó nói lắm. Tôi chịu thua. Nhưng tốt hơn là cứ kết luận là bị đau tim để phòng ngừa chuyện anh làm việc nặng hay xúc động mạnh mà bị chết bất đắc kỳ tử.”

Tôi cảm ơn ông đã giúp tôi trong thời gian qua. Ông cười, nói:

“Có gì đâu. Anh em cùng hội cùng thuyền thì giúp nhau thôi mà. Vả lại, anh bệnh thì tôi khám, tôi chữa, đó là công việc của tôi, có gì đặc biệt đâu mà cảm ơn.”

Nói rồi ông vẫy tay, bước ra. Tôi không rõ ‘cùng hội cùng thuyền’ là như thế nào. Ông bị tù vì vượt biên, tôi bị tù vì hoạt động chính trị. Ông ấy là y sĩ, tôi là tu sĩ. Cùng cái hội nào, cùng cái thuyền nào? Cái hội tù nhân, cái thuyền K4 hay cái hội nhân dân trong cái thuyền Việt Nam... thì ai lại chẳng cùng. Thôi thì cứ ghi nhận. Cảm ơn ông, một y sĩ xoàng nhưng có lương tâm, một hộ pháp thiện thần hiện thân để cứu giúp tôi suốt nhiều tháng qua.

Ông Trợ về rồi, Phong cất Oai thay thế làm trưởng ban y tế của bệnh xá Khu C. Anh Oai bị bắt vì tội vượt biên. Anh khai là y tá của chế độ trước, nhưng nhìn cách anh chữa bệnh, tôi không nghĩ anh chỉ là y tá. Cỡ ông Nguyễn ông Mậu so với anh Oai thì chẳng ra làm sao cả. Đến anh Oai này mới thật là y sĩ giỏi. Bao nhiêu căn bệnh

khó trị mà ông Trọng bó tay để bệnh nhân nằm ì tại bệnh xá, anh Oai xắn tay chữa hết. Anh nhờ tôi làm đơn xin cấp một số thuốc tây đặc biệt để trị các căn bệnh hiểm nghèo. Trong đơn xin cấp thuốc, anh cũng cần thuốc gây mê và các dụng cụ giải phẫu. Các loại thuốc khác đều được cung ứng theo nhu cầu của bệnh xá, ngoại trừ thuốc tê và dụng cụ đặc biệt cho ngành giải phẫu. Có lẽ ban quản trại sợ nhân viên bệnh xá dùng thuốc mê và các dụng cụ bén nhọn này để ám sát cán bộ (?). Cho nên, anh chàng bị sạn bàng quang sau khi được anh Oai cho uống loại thuốc gì đó để tổng hòn sạn theo đường tiêu ra đầu dương vật, đã nằm rên la thảm thiết đến độ không ai trong bệnh xá mà cầm lòng cho được. Anh Oai, hỏi bệnh nhân có chịu cho giải phẫu không có thuốc tê không. Anh kia đau quá nhận lời đại. Vậy là theo sự hướng dẫn của anh Oai, bệnh nhân cởi quần ra, đứng dưới đất, một chân gác lên mép giường, không một mũi thuốc tê nào, chịu đựng cho anh Oai dùng lưỡi dao mổ duy nhất của bệnh xá, nhúng còn để tẩy trùng rồi xẻ đầu dương vật, lôi ra hòn sạn to bằng đầu ngón tay giữa. Lôi sạn ra rồi, anh Oai còn dùng kim chỉ để khâu đầu dương vật của bệnh nhân lại. Không một chút thuốc tê nào!

Một tuần sau khi ông Trọng về thì đến Tết dương lịch của năm 1987. Dịp này, lại thêm một đợt thả tù bệnh nan y, giải quyết gần hết cái danh sách sau cùng mà Phong bảo bệnh xá thực hiện. Nhưng vẫn chưa có tên tôi. Những người chưa được cứu xét còn lại trong bệnh xá là những người tù chính trị và án nặng. Điều này ngoài Phong và ban quản trại ra, có lẽ chỉ có mình tôi là người thấy rõ, vì chính tay tôi viết và sao danh sách cứu xét (có giữ lại một bản cho bệnh xá). Tù chính trị và án nặng thì khó được trả tự do. Tôi đã nghĩ đến điều ấy trước đây nhưng đến lúc này, sau nhiều đợt tha có tính cách chắt lọc thành phần tù án nhẹ và chừa lại thành phần tù án nặng, tôi mới thấy sự kiện một cách rõ rệt hơn. Niềm hy vọng của tôi càng lúc càng giảm nhiều.

CỜI TRÓI TẬP II

Hôm sau, Phong cùng bốn tù nhân mang vào văn phòng bệnh xá một cái cân lớn và bốn, năm thùng các-tông chất đầy những cuốn sổ khám bệnh cá nhân (loại này nhà nước có in sẵn để phát cho nhân dân có hộ khẩu chính thức đi khám bệnh ở các bệnh viện công). Phong cười, nheo mắt riêng với tôi rồi giao cho thư ký bệnh xá lập sổ bệnh cho tất cả tù nhân của trại. Công việc văn phòng bệnh xá từ hôm ấy là đón nhận từng đoàn tù nhân ở các phòng giam xếp hàng bước vào để lập sổ bệnh riêng cho mỗi người. Sổ khám bệnh ghi tên tuổi và lý lịch tổng quát của mỗi người kèm theo tội trạng của họ. Chúng tôi cũng lo việc cân sức nặng và đo chiều cao của mỗi người rồi ghi vào sổ của họ, phát sổ ấy cho mỗi người giữ lấy. Công việc ấy không cần tới anh Oai và ông Mậu mà do tôi và vài bệnh nhân biết chữ khác đảm trách. Tôi vui vẻ làm công việc này suốt cả ngày cho tới tối gần giờ báo nghiêm mới nghỉ mà không biết mệt.

Buổi tối nằm trong cùm, nghĩ tới anh cán bộ miền Nam cởi mở như Phong, tôi có giả thiết rằng nếu những người cầm quyền hiện nay biết gạt bỏ chuyện chủ nghĩa, ý thức hệ, đảng phái... qua một bên, biết lắng nghe và tiếp nhận ý kiến đóng góp của người dân trong việc xây dựng và kiến thiết xứ sở... thì đất nước này đâu đến nỗi phải suy vong lụn bại như thế này. Tôi luôn luôn có cảm nghĩ rằng đất nước tôi không phải là mảnh đất thích hợp để gieo trồng duy nhất một loại hạt giống nào đó, nhất là loại hạt giống mang khả tính hủy diệt các hạt giống khác loại với nó. Vậy mà người ta cứ hăm hở xun xoe rước về những hạt giống xấu đã từng tàn phá những mảnh đất màu mỡ của vườn khác, đem về đây mà phá hoại vườn nhà. Càng phá hoại và làm đau khổ kẻ khác nhiều chừng nào, người ta càng vun bón làm giàu thêm chất tưởng tượng siêu phàm vô địch trong đầu họ chừng nấy, để rồi cứ bập bênh trong giấc mộng hãnh tiến, không bao giờ chịu nhìn lui, nhìn lại, nhìn xuống, nhìn ngay, nhìn trước... chỉ có nhìn lên mà thôi. Vâng, nhìn lên thật cao, cái đỉnh cao

VĨNH HẢO

chót vót của nền văn minh duy vật đã đánh bại tất cả các nền văn minh cổ xưa hay hiện đại của thế giới! Và thời đại hôm nay mà chúng tôi đang sống là thời đại thăng hoa vượt bậc của điều giấy mộng tưởng. Trong khi các vệ tinh nhân tạo đã có thể bay vòng vòng chung quanh trái đất và các phi thuyền đang nhắm vào các vì tinh tú xa xăm thì nơi đây, chúng tôi vác búa liềm và cuốc rựa lên vai, miệng đồng loạt mỉm cười, hân hoan, tin tưởng, tự hào: phóng lên trời cao tất cả tinh hoa trí tuệ của một dân tộc may mắn được sự hướng dẫn của Bác-Đảng, pháp phối hồ hởi theo đôi cánh tung hoành ngạo nghễ của con điều giấy vô địch. Ôi là mộng tưởng ầu thời! Ôi là vinh quang chói lọi của ngọn cờ bách chiến bách thắng!



Buổi sáng của ngày kế tiếp, ban y tế chúng tôi tiếp tục cân đo và lập sổ bệnh cho nhiều tù nhân từ các Khu khác kéo về. Văn phòng bệnh xá chật chội, chúng tôi khiêng bàn và cái cân ra ngoài sân. Phong đem đến thêm một cái cân khác và vài sợi thước dây (dùng đo vòng ngực bệnh nhân) để chúng tôi làm việc nhanh hơn. Và trong khi chúng tôi đang cặm cụi làm công việc ấy thì Phong đang sắp xếp những bệnh nhân đã có sổ bệnh bước vào một căn phòng nằm xéo góc với văn phòng bệnh xá, đối diện văn phòng ban chỉ huy Khu. Tôi không hiểu có gì xảy ra ở đó. Mãi đến khi lập xong hết sổ bệnh, tôi mới biết rằng mọi tù nhân đều phải xếp hàng để vào căn phòng đó, có các bác sĩ của tỉnh Đồng Nai từ Thủ Đức tới khám bệnh. Các vị bác sĩ này hiện đang làm việc ở một bệnh viện lớn nhất của tỉnh. Họ gồm mười ba người, mười bác sĩ và ba người khác là y tá lo ghi chép lập hồ sơ bệnh, hầu hết trẻ tuổi. Riêng bác sĩ trưởng thì cao tuổi nhất nhưng cũng chỉ đầu chùng trên dưới năm mươi.

Trong khi sắp xếp cho bệnh nhân đang điều trị tại

bệnh xá xếp hàng vào khám, tôi nghe vị bác sĩ trưởng nói chuyện với Phong bằng giọng Huế. Bỗng dưng một cảm giác thân mật, gần gũi nào đó bùng dậy trong tôi. Đã lâu lắm rồi tôi không nghe được cái giọng Huế nhỏ nhẹ dễ thương. Cái giọng Huế ấy sao mà giống cái giọng của ba tôi. Ở nhà tôi, chỉ có ba người nói tiếng Huế là ba tôi và hai chị lớn. Nhưng trong cái kho tàng ký ức của tôi, dường như chỉ có cái giọng Huế nhỏ nhẹ của ba tôi là tràn đầy và còn có thể gọi nhớ, còn có thể mừng tượng ra được, bởi vì ngoài thì giờ làm việc ở sở, ba tôi dành rất nhiều thời giờ còn lại của ông để nựng nịu và nói lời thương yêu với từng đứa con trong nhà.

Đến lượt bác sĩ trưởng rảnh tay thì đúng lúc tôi bước vào. Vừa ra đầu tôi ngồi xuống giường, bác sĩ xem sổ bệnh.

“Tên là Vĩnh Khang à?”

Tôi chỉ gật đầu. Bác sĩ nhìn xuống phần lý lịch cá nhân, hơi giật mình ngạc nhiên một lúc rồi mặt ông thoáng hiện vẻ xúc động. Một lúc, ông lại hỏi nhỏ:

“Nghề nghiệp đề là tu sĩ, vậy tu sĩ ở chùa hay tu sĩ ở nhà thờ đây?”

“Thưa, ở chùa.”

“Tội PCM là gì vậy?”

“Thưa, phản cách mạng.”

Bác sĩ im lặng, có vẻ ưu tư. Một lúc, ông xăn tay, cầm ông nghe lên, hỏi:

“Trong sổ ghi là bệnh đau tim, vậy đó là do ban y tế của trại khám hay do có bệnh từ trước mà biết?”

“Bác sĩ của trại khám nhiều lần đều cho là đau tim.”

“Có biết vì nguyên do nào không? Chẳng hạn trước khi vào đây, hay lúc nhỏ, có bị đau tim hay yếu tim sẵn không?”

“Tôi không nhớ, nhưng... có lần tôi bị người ta đánh đập, một người đập mạnh vào ngay tim, chỗ này.” (Tôi nhớ trận đòn vượt biên ở Vạn Giã mà từ sau ngày đó,

giọng nói và nhịp thở của tôi không còn mạnh mẽ như hồi thiếu niên nữa.)

Bác sĩ có vẻ xúc động mạnh, đưa mặt sát về hướng tôi một tí, hỏi nhỏ:

“Sao người ta lại đánh đập vậy?”

Có lẽ ông tưởng rằng tôi bị cán bộ hay cai tù đánh.

“Không có chuyện gì đâu. Đó là chuyện trước khi vào đây.”

“Thôi nằm xuống đi, thở mạnh, thở mạnh... Được rồi, được rồi, ngồi dậy đi.”

Ông ghi gì đó vào cuốn sổ bệnh của tôi rồi đem qua đưa cho Phong, hai người nói qua nói lại to nhỏ với nhau gì đó, tôi không nghe được. Tôi có ý đứng lại chờ đợi kết quả chẩn bệnh, nhưng Phong bước tới nói:

“Anh về lại bệnh xá được rồi.”

Tôi bước ra. Một lúc, Phong đến bệnh xá:

“Anh Khang, anh có thể lên phòng khám bệnh giúp làm thư ký cho bác sĩ trưởng, được không? Vì trên đó ba thư ký cho mười bác sĩ, không đủ. Bác sĩ trưởng cần xin một người làm thư ký riêng cho ông. Anh lên đi há, giúp dùm đi cho nhanh.”

Tôi vội lên phòng khám. Từ đó tôi ngồi cạnh bác sĩ trưởng cho đến khi ông khám xong những bệnh nhân cuối cùng. Trong lúc đang làm việc, ở một góc bàn khác có hai anh công an một anh đọc hồ sơ bệnh, một anh đang đánh máy. Hình như là các hồ sơ bệnh nặng đều tập trung vào cái bàn của hai anh công an này. Tôi nghe một anh đọc lớn tên tôi, tôi giật mình quay lại. Phong đứng gần đó cũng quay nhìn về hướng hai anh công an kia, rồi lật đật chạy tới, nói nhỏ nhưng tôi đoán nghe được:

“Xuyt, đọc nhỏ, có người này ở đây.”

Vậy là phần bệnh trạng của tôi do bác sĩ trưởng xác nhận, họ không muốn cho tôi nghe. Cái phần đó là phần quyết định. Tôi đoán rằng trại muốn trả tự do cho những tù nhân có bệnh nan y nhưng vì trong số này có tù chính trị án nặng nên trại phải mời các bác sĩ của bệnh viện tỉnh

CỜI TRÓI TẬP II

vào khám để dựa vào sự xác nhận của các bác sĩ này mà thả tù.

Buổi chiều, khi việc khám bệnh xong xuôi, bác sĩ trưởng quay qua bắt tay tôi và nói lời cảm ơn. Tôi cũng cảm ơn ông lần nữa. Ông nói với Phong:

“Thư ký bệnh xá này giỏi quá, các ký hiệu y khoa đều biết hết trơn! Giống như người học ngành y khoa vậy!” (Thực ra cách ghi các ký hiệu vắn tắt này, tôi chỉ mới học lóm được một ít từ anh Oai chứ chẳng biết gì khác hơn).

Phong cười có vẻ thích chí lắm, nói:

“Giỏi chớ. Tôi biết anh ấy giỏi mới kêu lên đây đó.”

Tôi còn tần ngần đứng chờ Phong đưa trở về bệnh xá (vì tôi không thể tự động đi một mình ở trong trại) thì bác sĩ trưởng nhân lúc Phong quay qua hướng dẫn hai anh công an kia làm việc, lại vỗ vai tôi, nói nhỏ:

“Về được thầy nhớ đi khám bệnh, bảo người ta đo điện tâm đồ để biết rõ thêm căn bệnh nhé. Chúc thầy may mắn.”



Thứ hai ngày 05-01-1987, hai hôm sau ngày tổng khám, hơn một trăm bệnh nhân được trả tự do. Nhiều bệnh nhân không có tên trong danh sách bệnh nan y do ban y tế bệnh xá lập trước đây mà do mười bác sĩ của bệnh viện tỉnh mới chứng nhận trong đợt tổng khám. Thật là một ngày đại xá vui vẻ chưa từng thấy ở trại giam. Tôi hồi hộp chờ nghe tên mình suốt cái danh sách dài, vẫn không thấy. Tôi chưa được tự do.

Thằng bé tên Bảy, mười tám tuổi, nhỏ con và khẳng khiu như một con nai con, là một bệnh nhân bị kiệt sức nằm lâu ở bệnh xá, được gọi tên thì mừng quýnh lên, nhẩy cồm một lúc rồi chạy tới ôm chầm lấy tôi, cười nói:

VĨNH HẢO

“Anh Khang ơi, em được về rồi, em được về rồi!”

Tôi sung sướng nhìn Bảy, xoa đầu nó. Nó nhón lên hôn nơi má, nói:

“Cám ơn anh Khang nhiều lắm nghe, em về trước, anh về sau há!”

Vậy rồi khi ra xếp hàng ngoài sân chờ vào văn phòng ban chỉ huy Khu để nhận giấy tha, Bảy ngất xỉu, chúng tôi phải cõng em vào bệnh xá. Anh Oai nói Bảy bị kiệt sức lại bị xúc động mạnh, rồi đứng xếp hàng chờ lâu ngoài nắng nên chịu không nổi, phải cho em ở lại bệnh xá bồi dưỡng vài ngày trước khi về. Tôi cấp tốc viết phiếu xin cấp dưỡng cho em. Nhưng buổi chiều cùng ngày, sau khi ăn xong phần cháo nấu với khoai tây và thịt băm, em nằm một lúc thì tự dưng rùng mình, nói mệt, mệt lắm. Anh Oai đến khám, nói mạch đập em yếu hết sức, chắc là không qua nổi. Tôi nghe vậy thì tức muốn khóc. Đã được tha rồi mà còn về không được nữa sao, Bảy ơi, cái nghiệp gì mà nặng quá vậy! Tôi ngồi bên cạnh Bảy, chẳng biết làm gì khác hơn là cầu nguyện cho em. Một lúc, Bảy nắm lấy tay tôi, nói thì thào:

“Anh Khang ơi, sao anh tốt với em quá vậy?”

Tôi ngăn em, nói:

“Nghỉ ngơi, đừng nói nhiều mất sức. Cầu nguyện đi.”

“Có, em có cầu nguyện Chúa đó anh Khang.”

“Giỏi lắm, nhưng em biết cầu nguyện sao cho tốt không?”

“Anh nói em nghe đi.”

“Gạt bỏ hết mọi suy nghĩ, tập trung vào lời cầu nguyện. Đừng để tâm phân tán đủ chuyện, hiểu không?”

Bảy gạt đầu nhẹ, rồi nhắm mắt lại. Một lúc, Bảy mở mắt ra, vói tay lôi từ giỏ xách của em một cái mũ cát-két màu cà phê sữa, đưa tôi, em nói:

“Cái mũ này của anh Khang cho em... Bây giờ em trả lại cho anh. Em xin lỗi anh. Em cũng cám ơn anh nhiều lắm, nghe anh Khang.”

CỜI TRÓI TẬP II

Cái mũ ấy đúng ra là Bảy ăn cắp từ giỏ xách của tôi, bị người ta bắt được đòi tố em đi biệt giam kỷ luật; tôi bênh em, nói là tôi đã cho để em khỏi bị phạt.

“Không, em không cần phải xin lỗi. Cái mũ này anh cho em thật mà. Nó thuộc về em đó.”

“Nhưng bây giờ anh nhận nó đi. Em tặng lại anh để anh có mà đội cho khỏi nắng, vớ lại bữa nào về... anh có mà đội chứ để cái đầu như vậy thấy không đẹp. Em... chắc em không thể về được đâu.”

Tôi cười đau khổ, thương xót cho Bảy mà chẳng biết nói gì để an ủi em. Theo lời anh Oai nói, tôi biết là Bảy sắp chết. Phong đang nhắn gia đình Bảy đến nhận em về. Tôi đưa tay lên sờ cái đầu hớt kiểu tù của mình rồi đội cái mũ lên. Bảy cười, nói:

“Đó, như vậy, đẹp quá rồi.”

“Thôi, em cầu Chúa đi, đừng nói chuyện nhiều há.”

“Anh cũng cầu Chúa cho em với nghe, anh Khang.”

“Ừ, anh cũng cầu nguyện cho em.”

Buổi tối, tôi nằm trong cùm, ở một chỗ khá gần Bảy, bỗng thấy một con bọ ngựa màu xanh lá cây từ đâu bay tới, rớt ngay trước mặt. Tôi nâng nó lên xem thì thấy nó cứng đờ, chỉ ngọ nguậy đôi râu và đôi càng một lúc rồi chết. Tôi xoay qua nhìn Bảy, thấy em vẫn còn thở nhẹ nhẹ. Ngay lúc ấy, bất chợt một mối xon xang băng quơ nào đó dâng dậy trong tôi. Con bọ rơi chết trước mặt tôi có vẻ như một điềm báo chẳng lành. Tôi chẳng hiểu là điềm gì. Nâng con bọ ngựa chết trên tay, tôi chỉ thấy lòng buồn vơi vơi, một cái buồn sâu lắng vào trong, đục khoét con tim.

Đêm đó tôi nằm ngủ trong giấc mộng chập chờn hình ảnh ba tôi, chỉ duy nhất ba tôi, đến ôm hôn tôi, xoa đầu tôi. Tôi bé nhỏ và sà vào lòng ông, đòi quà, đòi được dẫn đi xem xi-nê. Rồi bất chợt tôi lớn lên, trở thành tù nhân đứng trong khung cửa sắt. Ba tôi cùng vài người cảnh sát bước tới, mở cửa cho tôi ra. Tôi vui mừng quá lại

đến ôm ông nhưng ông biến thành mẹ tôi. Mẹ tôi khóc. Mẹ tôi mang vành tang trắng, ngồi khóc lặng lẽ, nước mắt chảy thành dòng.

Tôi giật mình thức dậy thì đã qua một ngày mới. Bảy chết trên giường bệnh. Tờ giấy tha còn nắm trong tay. Đêm qua trước khi ngủ tôi không thấy em cầm tờ giấy ấy. Có lẽ em đã thức dậy nửa đêm, nằm đọc tới đọc lui tờ giấy tha cho đỡ buồn.

Hôm sau, ngày 07-01-1987 (nhằm ngày mùng 8 tháng chạp âm lịch), tôi đang ngồi làm sổ sách ở văn phòng bệnh xá thì Phong từ ngoài bước vào nhanh, thấy tôi thì dừng lại, cười cười, nói:

“Anh Khang, biết gì không?”

Tôi ngược lên nhìn Phong, chờ đợi. Phong cười rất vui, nói:

“Anh được về rồi đó.”

Tôi ngồi lặng một lúc, tưởng chừng như đang còn đắm mình trong một cơn mộng ban ngày. Cái phút ấy, tôi chờ đợi đã từ lâu, tin tưởng nó sẽ đến, nhưng bây giờ vẫn vô cùng ngạc nhiên để đón nhận. Tôi đứng dậy:

“Thật hả?”

“Thật đó, chuẩn bị đồ đạc mà về. Tôi đọc tên nghe.”

Phong bước một bước đến ngạch cửa, cái cửa ăn thông giữa văn phòng bệnh xá và phòng bệnh.

“Bệnh xá im lặng lắng nghe nè. Nguyễn Mậu, Vũ Quang Minh, Trần Quang, Lê Trục, Lê Văn Năm, Vĩnh Khang.” Đọc đến đây, Phong quay qua nhìn tôi, mỉm cười, rồi tiếp, “tất cả những người này lập tức lên văn phòng ban chỉ huy Khu nhận lệnh tha.”

Tôi bủn rủn rời khỏi bàn giấy, bước qua dãy phòng bệnh. Phong vỗ vai tôi, nói:

“Về giữ gìn sức khỏe, đừng làm chuyện gì chống trái với pháp luật nhà nước nữa nghe anh Khang. Anh làm việc giỏi lắm, anh giúp bệnh xá này và giúp tôi nhiều lắm, nhưng tôi không muốn gặp mặt anh ở trại này nữa đâu.”

CỜI TRÓI TẬP II

Tôi bàn giao sổ sách cho ông Nghị, một phụ tá thư ký của tôi ở bệnh xá, rồi xuống kho hậu cần lấy bộ đồ tây và đôi giép da mới mà gia đình gởi vào trong một đợt thăm nuôi trước đây. Trong sổ của kho hậu cần, tôi hãy còn một giỏ thức ăn khô chưa dùng hết và mấy trăm đồng chưa xài tới. Tôi mang vào bệnh xá, phân phát hết thức ăn, chỉ giữ tiền để đón xe về Sài Gòn, rồi thay bỏ bộ đồ tù (mà ông Trợ đã cấp cho tôi trước đây). Chào tất cả, bước ra văn phòng ban chỉ huy Khu. Ở đây, Phong dặn dò sáu người tù chính trị chúng tôi về chính sách của trại cải tạo, sau đó anh phát cho chúng tôi lệnh tạm tha. Các điểm được nhấn mạnh trong lệnh này là “lệnh này chỉ có giá trị trong vòng 3 tháng kể từ ngày ký; đương sự có thể bị hồi triệu về trại giam trong trường hợp có lệnh báo khẩn cấp; trong thời gian ở ngoài để điều trị bệnh, mỗi ngày đương sự phải đến trình diện với cơ quan chính quyền địa phương.”

Riêng với tôi, Phong nói:

“Lệnh ở trên là anh Khang phải trở về với gia đình ở Nha Trang, không được trở về chùa của anh ở Long Thành hay bất cứ ngôi chùa nào ở bất cứ tỉnh nào khác. Anh nhớ nghe. Đó là lệnh ở trên, tôi chỉ có bốn phen nhắc anh thôi.”

Tôi nhận lệnh tạm tha, đọc lại, và thấy quả đúng là người ta đã chỉ định nơi cư trú của tôi. Chỉ định cư trú như thế, phải ngầm hiểu rằng người ta không cho tôi ở chùa làm người xuất gia nữa. Nhưng điều này cũng chẳng có gì đáng phàn nàn đối với tôi lúc ấy. Tôi cần tự do cái đã, chuyện cư trú tính sau.

Theo lệnh tạm tha ghi, nơi tôi phải đến tạm trú là căn nhà năm xưa có giàn bông giấy đỏ, nằm ở khu chợ Đầm thuộc thành phố biển thơ mộng Nha Trang.

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG HAI MƯỜI BA

Thở phào một hơi thật dài, nàng ngược nhìn tôi với vẻ vừa thương tâm vừa triu mến lạ. Mắt nàng rung rung lệ, nhưng mặt nàng tươi lên. Tôi biết nàng khóc sung sướng về sự tự do của tôi. Tôi có cảm tưởng nàng, chính nàng, mới là người đầu tiên, thấu hiểu, vui mừng và chia sẻ trọn vẹn được niềm vui tự do của tôi. Nhưng nỗi đau nặng trĩu đè nghiêng một nửa tim tôi, nàng vẫn hồn nhiên chưa biết đến. Nàng lặp đi lặp lại hai lần, chúc mừng anh, em mừng cho anh... Rồi nàng để tự nhiên cho nước mắt xuôi thành dòng, chạy quanh hai gò má bầu bĩnh trắng hồng, rơi lã chã trên hai bàn tay đặt trên đầu gối. Nàng là người bạn mới nhất của tôi chứng kiến và chào đón bước chân trở về của tôi. Nàng đang sung sướng như thể chính nàng vừa được thoát ra khỏi cái phóng ảnh của nơi chốn khổ đau nhục nhằn mà tôi gieo vào trí tưởng nàng từ suốt đêm qua đến giờ. Chính nỗi sung sướng trong ngần đẹp đẽ ấy của nàng đã ngăn chặn tôi, không cho tôi bộc lộ tiếp niềm đau to lớn mà tôi cố gắng đè nén, vùi chôn vào tận đáy sâu tâm mình. Tôi quyết định không nói nàng nghe. Tôi giữ niềm đau ấy lại cho tôi. Và trong khi ngồi im với nàng nơi căn phòng khách vắng lặng này, tôi một mình đào sâu xuống đáy tim, moi lên niềm đau khổ của tôi...



Trên đường ra cổng trại, tôi ngang qua chỗ một tốp tù chính trị án nhẹ đang dọn vệ sinh (vì tù chính trị án nặng đang còn bị giam nhà đá tù trước lễ Giáng Sinh cho

đến qua Tết nguyên đán). Tôi bắt gặp ông Bình, ông trùm giáo xứ Tân Cang, cha ruột của ông Lương, lãnh tụ lực lượng Phục quốc, một người bạn tù già ở chung trại B5 Biên Hoà với tôi trước đây. Mới hôm qua, một bản danh sách bệnh nan y khác được anh Oai đi khám các phòng và lập, tôi có đề nghị ghi tên ông Bình vào. Danh sách mới lập, chưa cứu xét, nên ông hãy còn lum khum nhỏ cổ ở đây. Tôi hy vọng một ngày rất gần, ông cũng sẽ được tha. Thấy tôi đã cởi bỏ đồ tù, cầm tờ giấy bước về hướng cổng trại, ông ngược nhìn tôi với đôi mắt kính ngạc khó hiểu. Ông không biểu lộ rõ nỗi vui hay gờ gắm một dấu hiệu chúc mừng nào với tôi, không biết là do ông sợ bị cai tù bắt phạt hay vì ông đang nghi vấn về sự tự do quá đơn giản của tôi. Một vài người tù chính trị án nhẹ khác, đa phần đều biết tôi, cũng nhìn theo tôi với những đôi mắt ngờ vực. Tôi chợt cảm thấy rằng sự tự do trước khi bị kết án và được miễn án của tôi có vẻ như một thứ đặc ân mà một người tù chính trị không nên đón nhận, vì đón nhận thì giống như bội phản những người cùng chí hướng với mình. Một người tù chính trị dưới chế độ cộng sản—mà ai cũng đoán là sẽ lãnh cái án rất nặng như tôi—mà chỉ bị giam tổng cộng có 613 ngày, chưa trọn hai năm, thì khó tin quá. Chính từ nơi đôi mắt ông Bình và những người bạn tù kia nhìn mình, tôi nhận ra ngay một cái gì oái oăm, phủ phàng hơn, đang chờ đón mình bên ngoài cánh cửa tù này. Nhưng mặc kệ, tôi thầm nghĩ, còn có nỗi khổ đau nào to lớn hơn nỗi đau của nô lệ tù hãm? Tôi đang được trả tự do, cho dù là thứ tự do tạm thời và đầy giới hạn. Tôi có lý do để tồn tại, để hân hoan thư thái bước ra khỏi khu nhà giam này.

Tôi xúc động đứng lại ở bên đường nhìn xe cộ và người ta qua lại tấp nập. Cái gì cũng có vẻ mới lạ và đáng yêu trong mắt tôi lúc này. Tôi lững thững rảo bước dọc theo quốc lộ, hướng về phía bến xe Long Khánh. Trước tôi, đã có người ra khỏi trại giam với bộ đồ tù rách nát, nói rằng “lo gì, cứ leo đại lên bất cứ chiếc xe đò nào,

không ai đòi tiền mấy thằng tù đâu!” Tôi may mắn là không cần phải xin xỏ làm phiền bất cứ chiếc xe chở khách nào. Cái mũ lưỡi trai màu cà phê sữa mà Bảy tặng lại tôi hãy còn mới, áo sơ mi màu cà phê sữa và cái quần jean màu đen, cùng đôi giép da màu nâu cũng còn mới (vì ba thứ này đều ký gởi nơi kho hậu cần, chưa dùng tới). Tôi vừa ra khỏi trại tù là đã lột xác nhanh chóng thành một thị dân khá bảnh bao ở quận lỵ nhỏ bé này. Trong túi tôi còn lại một ít tiền để đi xe đò, như vậy tôi khỏi phải xin quá giang miễn phí như nhiều người tù khác.

Nhưng chưa kịp đến bến xe, tôi gặp ngay hai nhà tu trẻ đang dắt xe đạp từ tiệm sửa xe bước ra. Đó là Nguyễn Phương và Nguyễn Lộc, hai vị sư đệ đồng môn của Nguyễn Lạc, bạn tôi. Họ nhận ra tôi ngay. Họ rủ tôi ghé vào chùa Long Thọ chơi và cho biết hôm nay đúng là ngày vía đức Phật Thích Ca Thành Đạo. Ai cũng nói tôi về đúng ngày Thành Đạo là điềm lành. Ở đây, các huynh đệ xúm xít thăm hỏi tôi, mua bún, rau tươi và đậu hũ chiên làm một tiệc nhỏ để đãi tôi bữa trưa. Tôi hỏi thăm Nguyễn Lạc thì được biết anh đã bị tù vì tội vượt biên. Các huynh đệ rủ tôi ở chơi đến chiều cho khoẻ rồi hãy về Sài Gòn, nhưng tự dưng tôi thấy nóng ruột, muốn ra bến xe ngay. Có một thứ linh cảm gì đó khó hiểu làm bồn chồn khó chịu trong lòng tôi. Một cái gì đó lôi kéo tôi về phía trước, và một cái gì đó như rượt đuổi tôi ở phía sau. Tâm tôi bất an. Tôi nói lời từ giã với người ở chùa. Các bạn gom tiền biếu tôi, tôi từ chối cách mấy cũng bị họ dúm tiền vào túi.

Ngồi trên xe, tôi chợt nảy sinh nghi ngờ về đợt trả tự do sáu người tù chính trị hôm nay. Có gì mờ ám chẳng trong vụ trả tự do này? Tại sao họ không thả chúng tôi hai ngày trước cùng lúc với một trăm bốn mươi người trong danh sách tù nhân bệnh nan y? Phải chăng ồ ạt cùng ra khỏi nhà tù họ sẽ khó khăn trong việc phân biệt ai là ai, khó theo dõi và kiểm soát? Có chàng cán bộ công an nào âm thầm bám theo tôi trên đường từ đây về Sài Gòn rồi từ

Sài Gòn ra Nha Trang chẳng? Bám theo để làm gì? Để truy bắt những đồng phạm khác của tôi, hay để ám sát tôi bằng một cách nào đó?

Về đến Sài Gòn, chỗ duy nhất mà tôi muốn ghé vào để từ đó ra Nha Trang (theo lệnh ghi trên giấy tạm tha) là nhà của các chị ruột tôi, nhất là chị Thuần, người đi thăm nuôi tôi mỗi tháng. Nhưng tôi đến nơi thì thấy cửa khoá bên ngoài. Một người hàng xóm của chị tôi đã nhận ra tôi, ái ngại cho biết ba tôi đã mất hai ngày trước và các chị tôi đều kéo ra Nha Trang dự tang. Tôi loạng choạng rời chỗ đó, đi lang thang trên đường Trương Minh Giảng ở ạt xe cộ.

Ba tôi mất thật rồi sao? Mới hôm nào, chưa đầy một tháng trước đây, ông lặn lội đường xa đến thăm tôi ở trại giam, khuôn mặt lo âu, đôi mắt buồn bã, thương cảm mà không nói nên lời, muốn ôm hôn con mà chỉ được ngồi xa mà nhìn, muốn nghe con bày tỏ ít nhiều thì chỉ được nghe yêu cầu mỗi một điều là làm đơn bảo lãnh nó về... Cho tới lúc này, tôi mới thấy là tôi bất công, vô tình, tàn nhẫn... đối với gia đình tôi, nhất là đối với ba tôi, người vừa mới nằm xuống, không còn cơ hội nào để tôi biểu lộ tình thương yêu và hiếu cảm của tôi nữa. Đường như trên đường xuất gia hành đạo của tôi, lòng từ bi đã được vận dụng và mở ra cho những con người đau khổ khác mà không đếm kể gì đến gia đình ruột thịt của mình. Có chẳng một thứ bi mẫn vô điều kiện khi còn phân biệt kẻ thân với người sơ? Khi người xuất gia nghĩ tưởng chăm lo đến kẻ thân thuộc của mình mà lơ là người xa lạ thì ai cũng cười, cho rằng họ không làm đúng hạnh xuất gia; nhưng khi họ chăm lo cho người xa lạ mà bỏ lơ gia đình ruột thịt thì chẳng thấy ai chê cười mà còn ca ngợi nữa! Ca ngợi sự vô tư, không thiên vị! Có thực là vô tư không thiên vị chẳng? Nếu vô tư thì người thân kẻ sơ đều thương yêu và đối xử như nhau chứ. Đàng này, tôi đã không màng gì đến niềm đau nỗi khổ của gia đình từ nhiều năm qua. Nói rõ hơn, tôi đã chưa lo việc báo hiếu

một cách cụ thể như một đứa con thường tình đối với cha mẹ tôi trong giai đoạn khốn khó chật vật nhất của gia đình. Tôi lạnh lùng với ba tôi. Tôi không hề biết ba tôi thích gì, cần gì, yêu cái gì, muốn cái gì, nuối tiếc cái gì, mơ tưởng cái gì, hy vọng cái gì... Bây giờ nhớ về ông, tôi chỉ nhớ khuôn mặt hiền lành và đau khổ của ông, nhớ là ông luôn luôn muốn biểu lộ rằng ông rất thương tôi. Từ khi xuất gia rời xa gia đình, hình như tôi chưa bao giờ bày tỏ một cái gì cho thấy là tôi cũng thương ông vô cùng.

Tôi bước đi mãi, đi mãi, dọc theo lề phố rộng trong khi nắng chiều đuổi theo sau lưng. Tôi cúi gầm mặt xuống, dẫm trên bóng mình, bước tới. Chưa biết đi về đâu. Tôi vừa nghĩ đến ba tôi, lại vừa nghĩ đến một chỗ tá túc tạm thời cho qua đêm nay. Ai có thể chứa chấp tôi đây? Lệnh tha chỉ định nơi cư trú là nhà ba tôi ở Nha Trang, vậy thì có ai ở Sài Gòn này dám chứa chấp tôi! Mà một người tù chính trị, cho dù đã được trả tự do với một tờ giấy tạm tha, cũng khó lòng được người khác an lòng và vui vẻ đón nhận vào nhà họ. Các chùa lại càng khó hơn vì thường bị công an kiểm soát. Huống chi, ngoài tờ giấy ra tù, tôi chẳng còn bất cứ mảnh giấy tùy thân nào khác để chứng minh rằng tôi chính là người có tên trong tờ giấy tạm tha ấy. Ai cầm tờ giấy này lại không được! Chẳng lẽ ai cầm tờ giấy này thì đều là Vĩnh Khang cả sao? Ôi, hóa ra được tha rồi mà cũng chưa thực sự an toàn giữa cái xã hội mà đi đâu, ở lại đâu, cũng phải có giấy tờ chứng minh. Không chứng minh được thì lại bị bắt vào đồn bót công an...

Tôi thực sự là chẳng biết đi đâu. Lang thang một lúc, tôi mới sực nhớ rằng từ lúc vào tù, mối dây liên hệ giữa tôi với xã hội bên ngoài hầu như chỉ được kết nối qua những giỏ quà thăm nuôi, còn mọi thứ đều bị cắt đứt. Như vậy, ngoài gia đình ruột thịt của tôi ra, chỉ có người nào gửi quà thăm nuôi cho tôi thì người đó mới có thể đón nhận và vui mừng cho sự trở về của tôi mà thôi. Tôi nghĩ ngay đến Tửu và Như Tâm. Các giỏ quà gửi vào cho tôi

CỜI TRÓI TẬP II

lúc nào cũng có vài chữ của hai người này. Tử đang ở đâu nhỉ? Tôi thực sự không nhớ, không biết. Mới chưa được hai năm mà sao đã quên hết vậy kia! A, hình như anh ở chùa Bửu Đà, nhưng chùa ấy phức tạp lắm, người ra kẻ vào tấp nập, biết ai người tốt người xấu mà lường. Và lại, quý thầy ở đó đều biết tôi ở tù, tôi vác mặt tới chỉ tỏ làm họ e ngại. Thôi, vậy thì tìm Như Tâm. Như Tâm ở chùa Hoa Nghiêm. Chùa này tôi chưa hề đặt chân tới bao giờ nhưng biết nó nằm ở đâu. Nơi đó ngoài Như Tâm và Như Nguyệt bạn thân của cô ra, không ai biết mặt tôi, vậy thì dễ thở hơn. Tôi gọi một chiếc xích lô. Suốt dọc đường từ đường Trương Minh Giảng đến chùa Hoa Nghiêm, tôi chỉ lo nghĩ đến một chỗ tá túc qua đêm, hầu như quên khuấy chuyện ba tôi đã mất.

Sư cô tri khách bảo tôi ngồi chờ ở bàn khách để cô lên lầu ba gọi Như Tâm. Bàn khách ở lầu hai, đặt ở khoảng hành lang trống giữa chỗ bậc cấp dẫn xuống tầng trệt và dẫn lên tầng thứ ba. Trời đã bắt đầu tối dần mà chẳng thấy ngọn đèn nào ở hành lang bật lên. Có lẽ nội qui của chùa này không cho tiếp khách ban đêm nên không có chuyện bật đèn hành lang. Thảo nào sư cô tri khách có vẻ không vui khi thấy tôi là một người nam đến chùa giờ này để đòi gặp một sư cô. Tôi thấy bứt rứt, khó chịu, chỉ mong gặp Như Tâm một chút rồi đi ngay, khỏi phiền ni chúng ở đây. Bây giờ tôi mới sực nhớ lại là trong luật, tăng đến chùa ni hay ni đến chùa tăng đều phải đi hai người trở lên, không được đi một mình. Dù tôi không còn là tăng nữa, cũng phải ý thức chuyện đó.

Chỗ tôi ngồi khá tối trong khi đèn ở phòng phát hành kinh sách gần đó thì sáng trưng. Ở khoảng đèn sáng, tôi thấy một thiếu nữ đang đứng nói chuyện với một sư cô. Thiếu nữ có mái tóc dài thả xuống ngang lưng. Khuôn mặt hơi bầu bĩnh. Đôi mắt to tròn đen láy nhưng đờm một vẻ buồn thảm kín. Đôi mắt buồn quen quen. Nét mặt quen quen. Dường như tôi đã bắt gặp cô một lần ở đâu đó. Hay chỉ là phóng ảnh của một thứ dục vọng nào chôn chặt

trong tôi, bây giờ vùng dậy, tìm kiếm... Tôi nhắm mắt lại một lúc. Khang ơi, ba mi vừa mất, mi có nhớ chăng?

Như Tâm chưa kịp xuống thì sư cô và thiếu nữ từ phòng phát hành kinh sách đã bước ra, đi ngang chỗ tôi để chuẩn bị xuống lầu. Thấy tôi ngồi trong bóng tối, sư cô cố nhướn mắt nhìn, rồi lên tiếng hỏi:

“Ai vậy? Anh cần gặp ai?”

“Thưa, tôi cần gặp sư cô Như Tâm.”

“Đã gặp chưa, có ai đi kêu chưa?” sư cô lại hỏi.

“Thưa có một sư cô đi kêu nhưng lâu quá sao chẳng thấy cô Như Tâm xuống.”

Sư cô kia làu bàu gì đó trong miệng rồi nói:

“Anh tên gì nói tôi biết để tôi đi kêu.”

“Thưa, tên Khang, Vĩnh Khang,” tôi đáp.

“A, thầy Khang hả? Thầy đó sao?”

“Ồ... sư cô là Như Tâm đây hả?”

“Không, tôi không phải Như Tâm. Thầy không biết tôi đâu, nhưng tôi biết thầy chứ. Tôi là Như Liên. Thôi, thầy ngồi đây, tôi kêu Như Tâm rồi xuống ngay. À, em chờ chị một chút nhen,” sư cô quay qua nói với thiếu nữ, rồi bước nhanh lên lầu ba.

Thiếu nữ hơi dợm chân muốn theo sư cô nhưng nghĩ sao lại thôi, đứng lại tần ngần trước mặt tôi, đưa tay vén tóc, rồi cầm cuốn kinh hay cuốn sách gì đó lật lật xem xem trong bóng tối. Một lúc, thiếu nữ kéo chiếc ghế trống đối diện, vừa ngồi xuống vừa hỏi:

“Thầy khỏe không?”

“À... cũng thường,” tôi hơi lúng túng đáp.

“Không ngờ cuối cùng cũng được gặp thầy.”

“Cô biết tôi sao?”

“Biết cũng khá lâu rồi, nhưng chỉ biết qua cuốn Mây Hồng Nhẹ Bay thôi chứ chưa bao giờ gặp thầy cả. Cuốn truyện đó của thầy, các chùa chuyền tay nhau đọc, có người chịu khó sao chép lại nữa, thích lắm. Thầy bây giờ... không còn ở chùa nữa hả?”

“Ừm... không còn nữa, từ hai năm trước rồi.”

CỜI TRÓI TẬP II

“Vì đi vượt biên nên cái trang chữ đầu phải là... hoàn tục, phải không thầy?”

Tôi chưa kịp đáp thì sư cô khi nãy bước xuống, nói:

“Thầy Khang ngồi chơi một chút nữa nghe, Như Tâm xuống liền,” rồi quay qua thiếu nữ, “rồi, em về há! Chị đưa em ra cổng.”

Thiếu nữ thoáng dụ dục rồi đứng dậy, chào tôi, đi theo sư cô kia xuống lầu. Trong tôi thoáng một chút tiếc nuối khi chia tay với thiếu nữ ấy. Tiếc vì cả tôi và nàng đều không lưu lại một dấu hiệu nào để còn có thể gặp lại nhau.

Nhưng tôi liền dẹp ngay ý nghĩ đó, nhớ về cái chết của ba mình. Ba ơi, sao ba không chờ con về. Ba có làm giấy bảo lãnh cho con, phải không, cho nên con mới được về sớm đó mà. Cảm ơn ba. Nhưng... sao ba không ráng chờ đợi kết quả của tờ đơn bảo lãnh, hờ ba? Con về được rồi đây này. Con được tự do rồi. Điều nhờ ba hết đó. Ba có vui không? Ba có vui không? Vui sao ba không sống lâu thêm để con còn có dịp nói chuyện với ba, vâng, còn rất nhiều chuyện cha con mình chưa kịp nói với nhau...

Một sư cô nào đó từ lầu ba bước xuống thang cấp, thấy tôi cô cũng nhướng mắt nhìn một cái rồi đi luôn. Chắc cô cận thị không nhìn ra tôi trong bóng tối. Tôi cũng không rõ đó có phải là Như Tâm không nên không dám gọi, vì đã hai năm rồi, tôi không dám chắc là tôi còn nhớ mặt Như Tâm. Và chẳng, những lần tôi gặp Như Tâm ở nhà bà Bằng, Như Tâm luôn chít khăn, nay ở chùa các sư cô đều để đầu trần, khó mà lường tượng ra mặt mũi Như Tâm thế nào trong bóng đêm.

Sư cô đi dọc theo hành lang, qua phía phòng phát hành kinh sách rồi quay trở lại, vừa đi vừa lầm bầm:

“Có ai đâu!”

Cô trở lại ngang chỗ tôi ngồi, nhìn tôi lần nữa, rồi hỏi:

“Anh đi với ai vậy?”

VĨNH HẢO

“Tôi đi một mình. Tôi ngồi chờ su cô Như Tâm.”

“Như Tâm đây nè, vậy có phải Khang đó không?”

“Tôi đây.”

“Trời ơi, Khang về thật hở? Thật không? Sao mà về hay quá vậy!” Như Tâm kéo chiếc ghế đối diện, ngồi xuống, giọng run un.

“Thì bệnh nặng, người ta cho về để chữa.”

“Thật hả Khang?” cô cứ hỏi.

“Thật chứ sao không. Chứ ai ngồi trước mặt cô?”

Như Tâm cười, một lúc cô hỏi:

“Họ có cấp cái giấy gì cho Khang không?”

“Có, lệnh tạm tha,” tôi móc túi lấy tờ giấy ra, đưa cô, rồi bất chợt thấy buồn.

Tôi cảm thấy là Như Tâm có vẻ chẳng tin tôi, không mong đợi sự tự do của tôi. Tôi nản lắm, muốn từ giã cô ngay. Nhưng cô cứ cầm tờ lệnh tha của tôi mò mẫm đọc tới đọc lui kỹ lưỡng trong bóng tối, nên tôi cứ ngồi đó, im lặng chờ. Đọc xong, cô trả tờ giấy lại cho tôi. Và chúng tôi im lặng. Phải một lúc lâu, cô mới hỏi:

“Khang mới được về hồi chiều nay thôi, phải không? Vậy bây giờ Khang về đâu?”

“Họ bắt buộc phải về Nha Trang.”

“Biết rồi, nhưng Khang đâu có đi Nha Trang liền bữa nay được, vậy tối nay Khang về đâu, nhà chị Thuần hở?”

Tôi im lặng. Một lúc, tôi đứng dậy nói lời giã từ. Như Tâm cũng im lặng, không nài, không cản, cũng không còn thắc mắc là tôi sẽ đi đâu đêm nay. Bằng nỗi e ngại phiền lụy đến kẻ khác, tôi cho rằng cô và có thể là những người bạn nào khác của tôi, sẽ không ai muốn gặp và tiếp xúc với tôi nữa. Mọi người sẽ thủ thế, sẽ sợ hãi và xa lánh tôi. Ừ thôi, thì cũng được đi. Tôi luôn luôn mong ước mọi người được an lạc thì không lý do nào tôi tìm đến họ để gieo nghi kỵ và sợ hãi. Tôi sẽ không phiền ai đâu. Tôi sẽ đi. Sau khi gặp Tुरू để thăm hỏi mọi chuyện xảy ra ngoài xã hội trong hai năm qua, tôi sẽ đi. Đi đâu

không cần biết. Có thể đi rông cho đủ ba tháng, không có chỗ nào để sống yên thì quay trở lại trại cải tạo, tiếp tục làm anh thư ký quèn của bệnh xá...

Tôi đi vài bước thì nghe tiếng Như Tâm đứng nơi cầu thang hỏi vói theo:

“Tôi nay Khang về đâu?”

“Chưa biết nữa. À, Như Tâm biết Tử bây giờ ở đâu không?”

“Ồ nhà anh Cường. Ừ, Khang đến ở tạm với Tử được đó. Nhà anh Cường ở trong hẻm đường Ngô Tùng Châu, quận Nhứt. Khang biết chỗ đó không?”

“Biết, nhưng không chắc là còn nhớ chỗ. Cô có địa chỉ không?”

“Không, nhưng chỗ nhà của Thanh Nga đầu hẻm, Khang đi thẳng vào khoảng hai trăm thước, nhìn bên trái có cái chuông treo đầu cái hẻm nhỏ, đó là lối dẫn vào nhà anh Cường. Vào đó thì Khang biết rồi chứ gì?”

Tôi gật đầu, cảm ơn cô rồi xuống lầu. Nhà Thanh Nga là nhà nào nhỉ? Tôi có bao giờ biết nhà cô đào Thanh Nga đâu kìa!

Tôi ra đến giữa sân thì sư cô Như Liên đã tiễn thiếu nữ kia đi và đang một mình bước vào, cười chào tôi, tôi chào lại rồi thẳng bước.

Đêm chụp xuống khu phố nghèo vừa lên đèn. Những trụ điện hắt ánh đèn vàng vọt xuống mặt đường đầy rác rưởi và bụi bặm. Tôi bước thật nhanh, cố nhớ lại căn nhà của anh Cường, nơi tôi có đến thăm vài người bạn tu ẩn nấp trên căn gác gỗ nhỏ từ hai năm trước. Tôi tưởng tượng Tử gặp tôi sẽ mừng lắm. Tử là bạn thân của tôi từ năm chúng tôi còn học ở Phật học viện Quảng Nam và chung lớp ở trường Bồ Đề Hội An. Tử cũng là Đoàn phó Đoàn Phật Tử Phụng Đạo do tôi sáng lập. Có lẽ anh cũng là người duy nhất trong số bạn thân của tôi, đến nhà chị Thuần để lo tiếp viện thăm nuôi tôi mỗi tháng. Hy vọng Tử sẽ không sợ hãi tôi. Nhưng không biết anh Cường, người chủ căn nhà mà Tử đang xin tá túc, có vui

về đón nhận tôi vào nhà anh, cho tôi ngủ tạm một đêm không?

Tôi vừa bước nhanh vừa miên man suy nghĩ thì có tiếng máy xe Honda nổ xình xịch phía sau. Chiếc xe có vẻ như đang chạy chậm chậm và bám sát phía sau tôi. Gì đây? Phải chăng đã đến lúc một anh công an nào đó ra tay thủ tiêu tôi, tạo một hoạt cảnh cướp bóc hay tai nạn gì ở khoảng đường khá vắng này? Tôi rời xa chỗ lòng đường, định bước sát về phía hành lang của khu phố thì có giọng một người nữ gọi:

“Khang ơi!”

Tôi quay lại thì thấy thiếu nữ ban nãy tôi gặp ở chùa Hoa Nghiêm. Cô dừng xe lại bên lề đường chờ đợi tôi bước đến.

“Khang đi đâu vậy?” Cô hỏi nhỏ khi tôi đứng gần.

“Ồ... đi tới nhà bạn.”

“Chỗ nào, để em chờ Khang đi,” nàng nói dứt khoát, có vẻ như không nghĩ rằng tôi sẽ từ chối.

“Ồ đường Ngô Tùng Châu, khoảng gần công viên gì... gần nhà Thanh Nga... nhưng tôi định đi bộ một khoảng rồi thuê xích lô.”

“Thôi, đừng đón xích lô, em nói nhỏ Khang nghe nè, có công an giả đồ đạp xích lô nữa đó nghe. Anh lên xe đi. Hay anh muốn lái? Anh lái xe này được không?”

“Được, nhưng bỏ lâu quá, ngại lắm. Cô cầm lái đi.”

Tôi ngồi phía sau, tay vịn vành yên, cố giữ một khoảng cách để không đụng chạm vào người cô. Thiếu nữ phóng xe đi. Gió đêm nhẹ nhẹ gửi hương tóc dịu dịu ngây ngây của cô đến cánh mũi phập phồng rung động của tôi.

“Sợ người ta chú ý nên không dám gọi bằng thầy, chỉ gọi tên để họ nghĩ rằng mình quen nhau từ lâu. Đùng có la nghe.”

“Đâu có sao. Gọi tôi bằng tên đi, vậy thoải mái hơn. Tôi không còn ở chùa nữa, lại mang hình thức như vậy, gọi thầy làm gì cho thêm rắc rối, chỉ khiến kẻ khác

thêm dị nghị mà thôi. Cô tên gì vậy?”

“Phương.”

“Lại là Phương,” tôi cười nói.

“Sao, trùng tên với bạn gái nào à?”

“Không phải bạn gái, mà là một cô cán bộ y tế tốt bụng.”

“Khang ở tù như vậy chắc cũng hai năm rồi hở?”

“Phương biết à?”

“Chỉ mới biết khi nãy thôi, do cô Như Tâm nói.

Chuyện là như vậy: trên đường về nhà, em sực nhớ là chưa lấy địa chỉ của Khang nên quay trở lại chùa. Té ra cô Như Tâm nói Khang vừa mới ra. Em tưởng không có cơ hội gặp Khang nữa nhưng khi nghe cô Như Tâm cho biết sơ chuyện của Khang, em vội chào cô, lái xe chạy dọc theo mấy con đường gần chùa, rồi thấy Khang. Em nghĩ nên chờ Khang đi thì tốt hơn. Ở tù mới ra chân ướt chân ráo, làm gì tìm được một chỗ qua đêm.”

“Cám ơn Phương,” tôi xúc động nói. Không ngờ Phương tinh tế hiểu ngay hoàn cảnh bối rối bất an của tôi trong đêm nay.

“Nếu Khang tìm nhà bạn không ra, hoặc vì lý do nào đó mà không ở lại nhà bạn được... thì Khang có thể đến chỗ em.”

Tôi im lặng. Tim tôi rộn rã lên khi nghe lời đề nghị của Phương, nhưng liền sau đó đã thoáng dậy chút nghi vấn. Sao dễ dàng vậy? Trong khi Như Tâm là bạn có quen trước thì e ngại đón tiếp tôi, còn Phương chỉ mới biết hôm nay, chỉ mới đầu chùng nửa giờ đồng hồ trước đó, lại sẵn sàng rước tôi về nhà cô. Đây là động lực đẩy người bạn mới này đến với tôi? Cảm mến? Thương hại? Hay ý gì khác? Phương là ai? Làm gì?

“Nhà Phương ở đâu?”

“Ở đường Trần Hưng Đạo, cũng quận Nhứt. Em nói thật đó. Nếu anh không tìm được chỗ nào tốt, cứ đến em.”

“Sao Phương tốt với tôi vậy? Phương không sợ

ư?”

“Sợ? Sợ cái gì chứ? Anh là người tù được trả tự do hợp pháp, anh đến ở tạm nhà em, có gì sai trái đâu.”

“Cái nguyên tắc đó chẳng có gì là đảm bảo cả. Người ta có đủ thứ lý do để bác bỏ chuyện hợp pháp của anh. Muốn hợp pháp thì lập tức trở thành hợp pháp, muốn bất hợp pháp thì lập tức trở thành bất hợp pháp. Chẳng cãi được đâu.”

“Nhưng chỗ em an toàn lắm. Chắc anh biết mà, Sở công an thành phố cũng nằm trên đường Trần Hưng Đạo; nhà em ở khá gần chỗ đó nên an ninh lắm. Càng gần chỗ nguy thì càng an.”

“Phương nói nghe oai như Tôn Tử đó nghe, chỉ sợ là... Kia, hình như chỗ này, Phương queo vào đây đi.”

Phương im lặng cho xe chạy từ từ vào con hẻm rộng. Nhà cửa san sát nhau. Con nít chạy giỡn la hét om sòm. Người lớn bắc ghế ngồi chơi trước những cánh cửa mở rộng. Ai thấy chúng tôi chạy xe vào cũng giương mắt ngó. Cái xóm này, người lạ đi vào là biết ngay. Vậy mà nghe nói trong nhiều năm qua, anh Cường đã chứa chấp biết bao là thầy tu trẻ ở căn gác nhà anh, để lần lượt các vị này đều vượt biên. Anh đúng là một bồ tát hóa thân, lấy an nguy của gia đình mình ra mà bảo vệ các tăng sĩ tương lai của giáo hội.

“Đây rồi, ngừng đi Phương, chỗ đầu hẻm này. Có cái chuông nhỏ treo phía trước, đúng rồi. Thôi... cảm ơn Phương nghe, tôi vào há, Phương về đi.”

“Không được. Anh vào tìm bạn anh, dù được hay không cũng ra đây cho em biết, em chờ ngoài này.”

“Phương ở ngoài này chẳng biết có an toàn không... hay là cùng vào?”

Phương ngập ngừng một lúc rồi gật đầu, dắt xe cùng tôi bước vào cái hẻm nhỏ mà tôi tin là dẫn tới nhà anh Cường.

Căn nhà có hàng rào gỗ bao quanh khoảng sân vuông nhỏ phía trước. Ánh đèn nê-ông trong nhà hắt ra

CỜI TRÓI TẬP II

cửa sổ cho tôi thấy thấp thoáng hai bóng người bên trong. Tôi đẩy nhẹ cánh cổng nhỏ, bước vào sát cánh cửa ra vào, bấm chuông. Một con chó nhẩy chồm lên thành cửa sổ, sủa inh tai, rồi gầm gừ khi chủ nhà lên tiếng. Người ra mở cửa cho tôi là một người đàn ông trung niên, ốm, cao, để râu mép khá rậm. Tôi không nghĩ ông ta là anh Cường. Trong trí nhớ kém cõi cũng như sự tưởng tượng của tôi, anh Cường hơi thấp người, không có râu, mặt hiền hòa phúc hậu, vui tính... chứ đâu có lẫm lẫm vô cảm như người này. Người đàn ông chỉ lộ nửa đầu ra cánh cửa mở hờ, lạnh lùng hỏi:

“Anh hỏi ai?”

“Xin hỏi có anh Tữu ở đây không?”

“Nhưng anh là ai?”

“Tôi... tôi là bạn của anh Tữu.”

“Bạn ở chùa đó phải không?”

“Phải.”

“Anh Tữu đi học Anh vẫn chưa về. Thường thì khoảng chín giờ rưỡi đêm mới có mặt ở nhà. Anh có thể trở lại vào ngày mai, khoảng sáng sớm thì dễ gặp hơn.”

“Cám ơn,” tôi nói nhỏ rồi rầu rĩ quay ra. Không biết có phải đó là anh Cường không. Nếu là anh Cường thì chắc là tôi sẽ không xin ở lại đâu. Dù sao, cũng phải gặp Tữu cái đã rồi hẵng tính.

Phương thấy tôi quay ra thì nói ngay:

“Không được phải không? Thôi, theo em về nhà em đi.”

“Không phải không được. Bạn tôi đi vắng chưa về. Chắc phải chờ đến chín rưỡi.”

Đạp cho nổ máy xe xong, Phương nói:

“Lên xe đi Khang. Mười giờ là giờ giới nghiêm công an có thể xét nhà và bắt những người cư trú bất hợp pháp vào giờ đó, anh trở lại đây nếu không có bạn anh, hoặc có nhưng bạn anh không dám cho anh ngủ lại thì anh đi đâu?”

“Vậy thì...”

“Đến chỗ em,” Phương dứt khoát.

Tôi lại leo lên xe, vịn cứng thành yên. Xe chạy một khoảng đường xa mà cả hai chúng tôi đều im lặng, chẳng ai nói với ai một lời nào. Tôi thấy lo quá. Cho đến lúc này, tôi vẫn chưa biết rõ Phương là ai, sẽ chở tôi đi đâu. Chuyện trả tự do cho tôi là chuyện của ông công an K4, tỉnh Đồng Nai; nếu công an Sài Gòn không đồng ý chuyện thả tôi, muốn bắt lại, họ cũng có quyền bắt lại, tôi nói gì được với họ!

“Phương à... nếu tôi gặp Tửu thì chắc chắn là Tửu sẽ nói với anh Cường cho tôi ở lại một đêm.”

“Nhưng cái ông hồi nãy thấy có vẻ khó chịu quá. Ông ấy đâu muốn anh ở lại, bảo anh sáng mai trở lại mà.”

“Ông đó không phải anh Cường chủ nhà đâu, chắc là bà con nào của anh Cường đó. Hay là mình ghé vô quán cà phê nào ở đầu hẻm một lúc, để coi Tửu có chạy ngang không. Đến gần mười giờ mà không thấy Tửu về thì...”

“Sao anh không đến chỗ em, sáng mai đi hãy gặp Tửu?”

“Ồ... thấy ngại quá.”

Phương im lặng dừng xe lại nơi một quán cà phê có đèn màu, bàn ghế bày ra choán cả lề đường rộng phía bên kia đường Ngô Tùng Châu. Chúng tôi chọn một cái bàn gần phía con hẻm nhất.

“Em quên hỏi Khang dùng tối chưa,” ngồi vào bàn rồi, Phương nói.

“Chưa, nhưng không thấy đói, chỉ mong lo xong chỗ ngủ đêm. Ăn uống chẳng cần lắm đâu.”

Phương nhìn tôi, đôi mắt long lanh, lộ vẻ thương cảm.

“Anh có dùng mặn được không?”

“Được. Mấy tháng cuối cùng ở tù, tự dung gia đình gửi thức ăn mặn vào, tù đó ăn mặn luôn. Có lẽ do Tửu hay Như Tâm đề nghị như vậy vì sợ tôi thiếu dinh dưỡng. Thôi, đừng bàn chuyện ăn uống nữa,” tôi bắt đầu

muốn tìm hiểu Phương rõ ràng hơn, để ngộ nhờ đêm nay không gặp Tửu, có thể tôi sẽ phải nhờ vả đến cô. “Phương đang đi học hở?”

“Khang nhìn em đoán em bao nhiêu tuổi mà bảo em còn đi học?”

“Mười chín hoặc hai mươi.”

“Em đâu mà trẻ dữ vậy Khang. Em hai mươi lăm rồi, đã thôi học từ lâu.”

“Vậy chắc Phương đang làm việc cho cơ quan.. nhà nước?”

“Ô, hạng như em chỉ vô dụng đối với nhà nước thôi. Hiện thời, em tự sinh sống bằng cách chạy thuốc tây, tức là mua lại thuốc tây của những người lãnh hàng nước ngoài rồi đem bỏ cho vài mối quen ngoài chợ. Công việc chỉ có vậy. Còn anh, chắc cũng cỡ tuổi em hở?”

“Hơn Phương hai tuổi. Phương họ gì vậy?”

“Họ Hà. Hà Thị Nam Phương.”

“Hà Thị Nam Phương? Tên hay quá! Ừm, tên em nếu chỉ đọc âm theo chữ Hán-Việt thì có cái nghĩa lạ lắm.”

“Đâu là phương nam? Phương nam là gì? Anh muốn nói vậy, phải không?”

“Ừ, phải rồi, em cũng biết chữ Hán?”

“Em học lóm mấy sư cô ở chùa thôi. Em quen hết mấy sư cô ở chùa Hoa Nghiêm đó.”

“Thảo nào em cũng có nét gì giống như là sư nữ.”

Phương cười phá lên một cách hồn nhiên, rồi bắt chợt giọng nằng chùng xuống, tay khuấy khuấy cái muỗng giỡn với mấy cục đá lạnh, nói:

“Có thực em có nét giống ni cô không? Giống chỗ nào, ở mái tóc này sao?” vừa nói nằng vừa đưa hai tay vắn tóc lên thành một búi nhỏ sau ót, dùng cái trâm hay cái kẹp gì đó trong giỏ xách, kẹp lại.

Tôi cười không nói. Chúng tôi nhanh chóng trở thành bạn, gọi nhau bằng “anh, em” tự lúc nào không biết, nghe như thân nhau từ lâu. Nàng vừa có vẻ gì hồn nhiên

như Như Như, lại vừa có vẻ gì lãng mạn một cách tinh nghịch như Mộng Huyền. Cả ba người đều ngang tuổi nhau và nhỏ hơn tôi hai tuổi. Cái tuổi đó không biết theo tướng số thì hợp hay khắc với tôi mà sao chỉ thấy phân cách, biệt ly... Hay chỉ vì chính tôi ngay từ cái tâm thức được trau luyện quen trong môi trường giới luật, đã tự cách ly, tự chối bỏ sự hiện hữu của tình yêu và nhan sắc?

Tôi vừa hớp cà phê vừa kín đáo nhìn kỹ lại nàng. Ngoại trừ đôi mắt ướt, tinh anh và rất đa tình, khuôn mặt nàng là hiện thân của một cái đẹp trong veo, đức hạnh. Cánh mũi cao, đầy đặn như là chùng mực để giảm chế và ngăn chặn không cho tình cảm bộc phát quá độ từ đôi mắt. Miệng cười rất từ bi, phóng khoáng. Nàng có vẻ là một sư nữ nhập thế, một người có đủ bản lĩnh nội lực để tự phác vẽ con đường và hướng đi của chính đời mình.

Phương im lặng khá lâu rồi bùi ngùi kể:

“Thực ra em có xuất gia ở chùa một thời gian, chẳng bao lâu đâu. Có tám năm thôi. Trước khi xuất gia, mỗi tháng em theo mẹ và bà nội đến chùa Hoa Nghiêm để sám hối. Sau, bà nội em mất, em thương nội nên đến chùa thường xuyên hơn để cầu siêu cho bà. Từ đó em quen quý sư cô nhiều hơn, được nghe giảng pháp, được đọc kinh sách, rồi dần dần nhận ra cái vẻ cao đẹp của con đường xuất gia... Em được ba mẹ cho xuất gia năm em mười bốn tuổi. Ở chùa Hoa Nghiêm cho đến năm em hai mươi hai, sắp sửa được thọ giới tỳ kheo thì gia đình em có chuyện,” nàng ngưng một lúc, cúi mặt xuống như che giấu nước mắt. “Mẹ em đòi dẫn cả nhà đi vượt biên, kéo cả em đi theo, nhưng em không chịu. Vì sao anh biết không?”

“Ờ... vì em chỉ muốn tu ở Việt Nam, không muốn xuất ngoại chứ sao.”

“Không phải,” nàng lắc đầu nguầy nguậy. “Nếu đi được cả gia đình thì em mừng, bản thân em được qua Mỹ thì em cũng vui, cũng tu được bên đó chứ. Đàng này, em phải ở lại vì em không thể bỏ ba em trong trại cải tạo được. Đi hết thì ai thăm nuôi ba, tuốt ngoài Bắc. Cho nên,

CỜI TRÓI TẬP II

em nói mẹ cứ dẫn hai đứa em trai của em đi trước, em sẽ ở lại với ba. Đó, nguyên do là vậy. Ban đầu em phải về nhà sống một thời gian với gia đình trước khi mẹ và hai đứa em lên đường, để phòng hờ họ đi không thành công, đồng thời giữ lại căn nhà của ba. Đến khi biết chắc mẹ và hai đứa nhỏ qua được trại ty nạn Galang, Nam Dương một cách an toàn, em có ý định bán căn nhà để có thể rảnh tay trở lại chùa, lại có tiền thăm nuôi ba dài lâu, khỏi mất công coi giữ. Trong thời gian chờ bán nhà, mẹ em đem hai đứa nhỏ qua được Mỹ rồi bắt nờ cho biết bà không thể chờ đợi ba được nữa, và đã lấy chồng khác bên đó. Em giận quá, không nhận quà hay liên lạc thư từ gì với bà nữa. Rồi em dành dụm vốn, tự nuôi mình vừa lo thăm nuôi ba... Câu chuyện của em là như vậy. Nghe chán quá hở anh.”

“Đừng nói vậy. Hoàn cảnh em đáng thương lắm. Em thật có hiếu với ba. Em có cơ hội báo hiếu, phụng dưỡng ba... em sẵn sàng bỏ đường tu để lo cho ba... Những việc em làm, anh không bao giờ làm được.”

Phương im một lúc, nhìn tôi, có vẻ suy nghĩ. Nàng chưa hiểu tôi muốn nói gì. Nàng không biết tôi có người cha vừa mất, chỉ mới cách đây hai ngày thôi.

“Mấy giờ rồi vậy Phương?”

“Sắp chín giờ rưỡi rồi. Hay anh vào đó một lần nữa xem sao. Có thể nhắn bạn anh là sáng mai anh tới, được không?”

Tôi im lặng, đứng dậy. Phương lại chở tôi vào con hẻm, đậu ở trước cửa nhà anh Cường, chờ đợi. Tôi bấm chuông lần nữa. Lại gặp anh chàng râu mở cửa. Thấy tôi, anh nói ngay, không chờ tôi hỏi:

“Anh Từ chưa về, không chừng chẳng về đêm nay đâu. Bây giờ sắp mười giờ rồi,” vừa nói vừa đưa đồng hồ tay lên xem.

“Vậy xin hỏi anh có phải anh Cường không ạ?” tôi hỏi nhanh.

“Không, tôi là cháu của ông. Ông đi làm chưa về,

phải mười giờ rưỡi mới có mặt ở nhà.”

“Vây thôi, cảm ơn anh.”

“Anh có muốn nhắn gì không?”

“Ồ... không cần đâu.”

Tôi quay ra với Phương. Phương vui mừng ra mặt, liền nổ máy xe, nói:

“Cuối cùng em cũng rước được anh.”

Tôi lại leo lên xe, ngồi phía sau, vịn thành yên. Nghe hương tóc nàng thơm bay. Phương thì vui lắm, nàng bắt đầu nói huyền thuyên:

“Anh cứng đầu quá à! Phải chi nãy giờ anh đồng ý với em thì bây giờ anh đã đánh một giấc ngon rồi, đâu còn chạy ngoài đường như vậy. Ra tù từ sáng đến giờ mà anh còn chưa kịp nghỉ ngơi nữa. Thôi, quăng hết gánh lo âu đi anh. Bây giờ về nhà em, nghỉ ngơi, đừng suy nghĩ gì nữa. Mọi chuyện ngày mai hãy tính. À, anh có nhớ những gì anh viết trong cuốn Mây Hồng Nhẹ Bay không? Đọc cuốn đó từ ba năm trước, lúc mới rời chùa, em đã ước gì có thể rước anh chàng tu sĩ trẻ lang thang khờ khạo trong truyện đó về nhà em từ lâu rồi. Em không muốn anh lang thang không có chỗ ăn chỗ ngủ như anh chàng trong truyện đâu. Khờ như anh... làm sao mà sống nổi trong xã hội này. Trước sau gì lại bị người ta gạt nữa! Em sẽ bảo vệ anh, không để ai gạt anh nữa đâu.”



Nhà Phương là một căn lầu hai tầng, chiều ngang không rộng lắm, nhưng khá sâu vào phía trong. Phương mở cửa sắt, tôi đẩy xe vào. Nàng kéo cửa sắt khóa lại cẩn thận.

“Còn ai ở nhà này ngoài em ra không?” tôi e ngại hỏi.

“Dĩ nhiên là không rồi. Em ở có một mình, đã kể anh nghe rồi. Để em dẫn anh lên lầu. Ở dưới này là phòng

khách với nhà bếp. Các phòng ngủ đều ở trên lầu. Đây, theo em. Nè, anh có thể nghỉ ở phòng này, hồi đó là của hai đứa em trai của em. Thỉnh thoảng có mấy sư cô bạn em ghé ngủ đêm cũng nghỉ ở phòng này. Phòng em kế bên. Phòng rộng bên kia là của ba mẹ. Xa hơn nữa là chỗ thờ Phật và ông bà tổ tiên. Anh không có đồ thay... em lấy tạm mấy bộ pi-gia-ma cũ của ba em hồi đó, được không? Hay là anh muốn mặc đồ tu của em cho thoải mái. Thường em vẫn mặc đồ vật hò ở nhà đó anh.”

“Thôi, thôi, cho anh mượn đỡ đồ của ba em rồi chỉ cho anh phòng tắm.”

“Được rồi, chờ em tí.”

Tôi ngồi trên một chiếc giường, chờ đợi Phương lấy áo quần. Phòng của hai cậu em trai Phương có hai giường nệm nhỏ, hai đầu giường kê hai cái bàn học. Cửa sổ ở giữa còn đóng kín. Phòng sạch sẽ như được quét dọn hàng ngày. Cách Phương hỏi chọn áo quần cho tôi có vẻ tự nhiên, vô tư, xem tôi như người anh lớn trong nhà khiến tôi yên lòng. Tôi đang có đại tang. Tôi không muốn một thứ tình cảm nào tấn công làm rung động tôi trong thời gian này. Tôi còn chưa kịp có thời giờ để tưởng nhớ hay tụng niệm cho ba tôi.

“Sao anh có vẻ buồn vậy. Đây, đồ này chắc anh mặc vừa. Khăn và bàn chải đánh răng này chưa xài qua. Em đưa anh qua phòng tắm nghe.”

Nàng bước vào trước, dọn sơ ba cái đồ linh tinh gì đó, ôm gọn trong lòng rồi quay ra, nói:

“Từ ngày mây ồng vô, điện nước cúp hoài, mấy ồng nước hư ở đâu chẳng rõ, chỉ có rô-bi-nê này là còn chạy, cho nên em hứng vào lu và thùng phuy để tắm chứ không xài vòi sen hay bồn tắm được nữa. Thôi, anh cứ tự nhiên há, để em đi làm thức ăn.”

Dội nước lạnh vào người, tôi bắt đầu thấy tỉnh táo, nhẹ nhàng trong lòng. Hình như đến tận giây phút này, tôi mới thực sự ý thức được toàn vẹn nỗi hạnh phúc to lớn của sự tự do mà đáng ra tôi có quyền đón nhận từ hồi

VĨNH HẢO

chiều. Trên đoạn đường từ Long Khánh về Sài Gòn, tôi đã mừng tưởng là sẽ được sự chia sẻ mừng vui của các chị trong gia đình hay của bạn bè thân, nhưng tôi đã không gặp ai. Niềm vui chưa kịp bùng vỡ ra đã phải nén lại bởi nỗi đau mất đi người cha hiền, cộng thêm nỗi lo âu về một chỗ nghỉ đêm. Bây giờ tôi đứng đây, một mình trần trụi trong phòng tắm, quên khuấy luôn tất cả mọi người, tôi nhìn tôi trong kiếng và nhoén miệng cười một mình. Vâng, tôi phải sống. Cho dù ba tôi có nằm xuống bằng cách thế nào đi nữa, ông vẫn mong như thế. Tôi phải sống.

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG HAI MƯƠI BỐN

Nàng chở tôi đến chỗ nhà anh Cường để gặp Tửu. Chúng tôi chia tay nhau ở đầu hẻm. Nàng dặn dò tôi đủ thứ. Đi đứng cẩn thận, coi chừng lại bị người ta gạt. Nhớ khi nào gặp gì trở ngại cứ chạy đến nhà em. Thứ Năm tuần tới cùng đi với em ra Nha Trang, vậy anh phải đến nhà em trước ngày đó...

Tôi gõ cửa nhà anh Cường. Một người đàn ông trung niên, thấp người, mặt mày hiền từ, giọng nói ôn tồn lịch sự:

“Anh cần chi ạ?”

“Anh Cường đây phải không?”

“Vâng, tôi đây. Sao... thầy biết tôi?”

“Anh không biết tôi nhưng tôi biết anh chứ. Tôi là Khang, bạn của Tửu.”

“A, thầy Khang, tôi cũng biết thầy mà! Tôi và Tửu tụng kinh cầu nguyện cho thầy mỗi đêm. Thầy vào đi.”

Theo sự hướng dẫn của anh Cường, tôi lên gác, gõ cửa phòng Tửu. Tửu mở cửa thấy tôi thì sững sốt một lúc rồi reo lên, nhào tới ôm lấy tôi, khóc.

Ngày tôi chưa vào tù, Tửu hãy còn hình thức tu sĩ, bây giờ Tửu cũng như tôi, tóc dài, áo sơ mi, quần tây. Mới hôm nào, chúng tôi còn là những chú tiểu, tu học chung với nhau dưới mái Phật học viện, san sẻ chia sẻ với nhau bao niềm vui học Phật hoặc nỗi khổ nhọc trong nếp sống đạm bạc đói nghèo của xứ Quảng cần khô để cùng nuôi dưỡng chí nguyện xuất trần; rồi chúng tôi lớn lên cùng với nỗi mơ ước đến xứ Phật, với giấc mộng làm hành khất lang thang du hóa, bình bát ca-sa dạo chơi trên

đường mây xa ngút... Thoắt cái đã mười mấy năm, hai chú tiểu thuở ấy trở thành hai thanh niên thế tục, xếp cất ca-sa, chôn bao giắc mộng cũ để dẫn mình vào cơn gió bụi.

Tôi cũng muốn được khóc như Tửu, nhưng không rơi nổi một giọt lệ. Chờ Tửu bình tâm trở lại, tôi mới hỏi thăm tình hình bên ngoài trong vòng hai năm qua.

Trước tiên là chuyện Tửu vượt biên. Mới đêm qua, Tửu đi thất bại quay trở về lúc 2 giờ khuya. Tửu nói lúc lên đường xuống bãi, anh bỗng thấy ray rút là bỏ đi khi tôi còn ở tù. Có lẽ cũng chính vì cái ray rút này mà khi chuyện vượt biên không thành, anh chẳng thấy buồn gì hết. Quay trở về không ngờ lại được gặp tôi.

Tửu còn cho biết có nhiều bạn bè của tôi cũng phải cải trang làm người thế tục để đi vượt biên như Tửu. Đây chẳng phải là điều gì mới lạ đối với tôi, vì trước khi vào tù, tôi cũng đã từng gặp gỡ khá nhiều tăng sĩ cải trang người thế tục, ẩn lánh trong nhà phật-tử, cho đến khi nào đi được ra nước ngoài mới cạo đầu khoác ca-sa, quay lại hình thức cũ. Đối với họ, cuộc sống trong nước đã trở thành cuộc sống tạm bợ. Người dân nước tôi sống tạm bợ chờ ngày đi ngược ngoài thì tăng sĩ trẻ nước tôi cũng vậy, vừa tu tập, vừa chờ đợi một chuyến đò sang sông. Ở đời sống này, cái gì cũng bấp bênh. Mọi người sống tạm để chờ cơ hội lên đường. Thực ra, tu sĩ chúng tôi được giáo dục từ nhỏ rằng thế gian này hiện hữu như một giấc mộng (kinh Lăng Già) hay như nhà lửa (kinh Pháp Hoa), thì đáng lẽ không e ngại gì một cảnh sống bấp bênh, hực lửa cả; vậy mà chúng tôi cứ phải lên đường tị nạn, bỏ nơi hực lửa này để tìm đến chỗ hực lửa khác. Chúng tôi biết ở một nơi nào đó ngoài xứ này thì vẫn không ngoài cái nhà lửa và giắc chiêm bao như trong kinh nói, vậy mà chúng tôi vẫn cứ loay hoay với trò chơi trốn tìm rượt bắt. Cái thảm cảnh này, ngoại nhân nhìn vào e sẽ lắc đầu khó hiểu. Chỉ có thể giải thích được rằng ở nơi chốn khác trong cùng căn nhà lửa của thế gian này, có thể ngọn lửa sẽ êm dịu

CỜI TRÓI TẬP II

hơn, vừa đủ cho chúng tôi hít thở và bình tâm để tìm một ngõ thoát chắc chắn hơn.

Tình hình sinh hoạt của Phật giáo trên toàn quốc bây giờ khá căng thẳng mặc dù đang có luồng gió đổi mới với chủ trương Glasnost (cởi mở) và Perestroika (cải cách) từ Liên Xô thổi qua và có lẽ đang được cánh cán bộ cộng sản miền Nam tiến hành từng phần; nhân vật tiêu biểu cho phong trào đổi mới có vẻ như là Nguyễn Văn Linh. Ông này nắm chức Tổng Bí Thư Đảng vào Đại hội VI năm 1986 khi tôi còn trong tù. TỬ ĐƯA TÔI ĐỌC THỬ VÀI TỜ BÁO. Tôi chỉ đọc lướt vài chỗ, thấy loáng thoáng những lời kêu gọi “cởi trói văn nghệ,” “tự do báo chí,” v.v... nhưng không tin tưởng gì mấy ở hiệu quả của lời kêu gọi cũng như sự thành thật của người kêu gọi. Vẫn chỉ là những lời lẽ, ngữ ngôn, khẩu hiệu máy móc rêu rao và ca tụng về vinh quang chói lọi của giấc mộng không tưởng. Những lời kêu gọi kiểu này đã khởi phát từ năm 1986, không biết đã thay đổi gì cho xã hội bên ngoài, nhưng những người ở tù như tôi không thấy bất cứ một dấu hiệu nào của sự đổi mới hay cởi trói ấy; chỉ thấy một người tù được thả thì mười người tù khác bị bắt thay vào. Tù chính trị càng lúc càng tăng. Cựu sĩ quan và công chức chế độ cũ giam mãi không được về. Nhân số tù không bao giờ giảm xuống mà chỉ có một hướng đi lên. Có đổi mới hay cởi trói chẳng là đổi mới và cởi trói trong hệ thống Đảng, để đòi hỏi sự bình đẳng quyền lực và quyền lợi trong giai tầng đảng viên, đòi hỏi áp dụng “dân chủ” trong sự ứng cử và bầu cử giữa những phe cánh đảng viên... những đòi hỏi này chẳng dính nhập gì đến nhân dân và tù nhân chúng tôi cả. Ê-kíp Bộ chính trị trung ương nào lên hay xuống thì cũng thế thôi—như tôi đã một lần với Nhiều: hoán chuyển vị trí và vai trò giữa nhóm cán bộ trại giam và Bộ chính trị trung ương Đảng, thì vẫn thế, chẳng có gì thay đổi. Và đời sống quanh tôi, vẫn cứ như vậy, dù tôi ở tù hay không ở tù. Tăng sĩ chúng tôi, già và trẻ, tiếp tục theo chân nhiều con người yêu chuộng tự do khác, lên đường vượt biển,

VĨNH HẢO

đem cả sinh mệnh mình đổi lấy bầu trời quang đặng ở một phương xa lạ.

Tôi lừa đồng báo xuống đất, rủ Tử đi thăm bạn bè. Tử chờ tôi đi ăn trưa ở tiệm cơm chay đối diện Việt Nam quốc tự. Ngồi đây chúng tôi có thể nhìn thấy hoạt cảnh oái ảm ngậm ngùi mà chính ngôi tháp đồ sộ của Việt Nam quốc tự phải curu mang. Năm 1975, ngôi tháp đang còn xây cất chưa hoàn chỉnh thì miền Nam bị cộng sản chiếm, và mọi dang dở của thời ấy đến nay vẫn tiếp tục dở dang: các tầng trên của ngôi tháp hiện giờ còn trơ khung, trống vách, có thể nhìn xuyên qua được để nhìn thấy bầu trời âm đạm của một ngày cuối năm; hai tầng dưới cùng của ngôi tháp thì bị nhà nước trung dụng để làm một nhà hàng ăn uống rất u “hoành tráng” của quận 10. (Ừ thì nhà cửa, kiến trúc trong miền Nam này, thứ gì cũng to lớn đồ sộ, thứ gì cũng khiến cho các quan chức và thần dân Bắc Hà phải thất thần kinh hải muốn cất lên lời ngưỡng mộ; nhưng ngôn ngữ phong nhiêu tú lệ nào có được trong dòng văn chương nước nhà thì đều đã sử dụng để ca tụng các lãnh tụ rồi, còn đâu để ca ngợi cái gì khác—chẳng hạn muốn nói cái gì “vĩ đại” thì lại e phạm nhằm chữ “húy kỵ” dành riêng cho Bác [không lẽ trên đời này lại có cái gì vĩ đại ngang bằng với Bác!] — vậy là ta phải nói né đi, hoặc tìm chữ khác! Sáng tạo tập thể hay sáng tạo thông qua tập thể, quả là một thứ sáng tạo tồi tệ nhất của loài người. Các nhà thông thái từ cao cấp đến hạ cấp của xã hội này đang nở mặt nở mày cất lên hàng loạt những từ ngữ được lắp ráp như cách lắp ráp phụ tùng xe đạp rất phổ biến trên khắp nước từ những ngày sau năm 1975)

Đó là phía ngôi tháp bên trái, còn phía phải của khuôn viên Việt Nam quốc tự, người ta dựng lên một rạp hát lớn lấy tên là Hòa Bình—nghe nói là do kiến trúc sư Liên Xô vẽ kiểu, và chỉ một năm sau khi hoàn thành, người ta phát giác là ngôi hí viện “hoành tráng” này bị nghiêng một bên, có thể sụm trong một ngày nào đó. Có

CỜI TRÓI TẬP II

lẽ thực tế thì không đến nỗi tệ như vậy. Mà cho dù đó là sự thực thì nhà nước cũng phải lo bênh vực đàn anh, đồ thừa dân miền Nam vì không ưa thích đế quốc Liên Xô nên đồn đãi không trung thực cho bõ ghét thôi. Hy vọng chỉ là lời đồn. Nhưng đồn sao mà ác! Nhiều ẩn ý quá, mà hai ẩn ý nguy hiểm nổi bật là: thứ nhất, cơ cấu kiến trúc của Liên Xô sắp bị sụm; thứ hai, ngôi nhà Hòa Bình của xã hội chủ nghĩa xây trên nền đất miền Nam e không vững! (Mà nền đất này lại là nền đất của Việt Nam quốc tự!)

Ăn xong, tôi muốn đi gặp Thiện Đắc. Từ căn, bảo đừng đi.

“Sao vậy? Thiện Đắc được tự do lâu rồi mà.”

“Nhưng... có thể Thiện Đắc không còn ở chỗ cũ,”

Từ ấp úng nói, có vẻ muốn che giấu điều gì.

“Thì cứ tới nhà anh ruột của Thiện Đắc ở đường Nguyễn Thiện Thuật, hỏi thăm thì tự khắc biết Thiện Đắc ở đâu. Nếu tôi đến không tiện thì để tôi ngồi ở một quán nước nào đó, anh vào gọi Thiện Đắc ra,” tôi thúc.

Thấy tôi có vẻ không kèm được ý muốn tìm gặp bạn bè chung tù, cuối cùng Từ nói thật:

“Tốt hơn là Khang không cần gặp Thiện Đắc lúc này. Để khi nào mọi hiểu lầm được giải tỏa hết rồi hãy tìm thăm.”

“Hiểu lầm? Hiểu lầm cái gì?”

“À... thì Thiện Đắc ở tù ra, gặp ai cũng nói rằng chỉ tại Khang mà anh ta bị bắt bỏ tù; rồi còn đồn là Khang khai báo tùm lum để cho anh em đồng bạn bị mắc nạn, ở tù lâu!”

“À, té ra là vậy. Thôi, hay mình đến ông Trọng, bạn tù của tôi ở trại giam T20.”

“Khang có nhất thiết phải đến thăm không?”

“Anh hỏi vậy là ý gì? Bạn bè ở tù ra, thăm nhau, có gì lạ đâu.”

“Chỉ sợ công an theo dõi, để ý, thấy mấy người ở tù liên lạc với nhau tưởng mình móc nối làm chuyện gì...”

“Nếu tôi muốn làm một chuyện thì sao? Anh có chờ tôi đi không?”

“Chờ chứ, nhưng Khang ơi, tạm thời gác chuyện đó lại đi. Khang ở tù, ai cũng nóng ruột, bây giờ Khang ra được, hãy lo chuyện an cư lạc nghiệp cho rồi, đừng toan tính chuyện ấy nữa...”

Tôi thờ dãi nói:

“Anh nhìn xem, mọi thứ chung quanh chẳng có gì thay đổi. Đất nước này sẽ như vậy mãi, bước đi lạch đạch như vệt vào cái vũng khổ đau tăm tối.” Tôi nhớ hình ảnh tù nhân cái tạo bị lừa xuống ao để tắm mỗi chiều. “Phải làm cái gì chứ! Huống chi lệnh tạm tha của tôi chỉ có giá trị 3 tháng, anh không nhớ sao? Tôi muốn làm một cái gì hoặc tìm một ngõ thoát trước khi hết hạn.”

“Nhưng Khang nói tôi nghe là họ dặn ‘khi nào ra lệnh trình diện thì phải có mặt’ mà.”

“Có nghĩa là họ muốn gọi trình diện bất cứ lúc nào thấy cần, chứ không phải đợi đúng 3 tháng. Chính vì vậy mình phải tính một nước nào... trước thời hạn 3 tháng, hoặc sớm chừng nào tốt chừng đó.”

“Vậy... Khang gặp ông Trọng để hợp tác bày keo khác à?”

“Chuyện đó gặp ông rồi tính sau. Bây giờ tôi muốn thăm ông và để xem thử có thể cùng ông vào chiến khu Bảy Núi của lực lượng Hòa Hảo để tạm thời ẩn lánh không.”

“Có chiến khu trong đó không, hay chỉ là lời đồn?”

“Tôi tin là ông ấy nói thật. Có thể chiến khu chỉ là một vùng an ổn bí mật trên Thất Sơn, không bị sự kiểm soát của chính quyền chứ chẳng phải là cái gì to lớn vững mạnh như người ta nghĩ đâu. Dù sao thì nơi đó thích hợp cho tôi hơn, ít nhất là trong hoàn cảnh này... Tôi không muốn vào tù trở lại. Tôi còn nhiều việc phải làm. Nếu lực lượng Hòa Hảo còn yếu, tôi sẽ làm cho nó mạnh lên.”

Từ nhìn tôi một lúc khá lâu, không nói gì. Có lẽ

CỜI TRÓI TẬP II

anh muốn khuyên can nhưng chưa có cách. Từ chờ tôi đến đường Bà Lê Chân ở Tân Định, tìm nhà ông Trọng. Căn nhà nằm trong một hẻm nhỏ của một xóm nghèo. Cửa mở toang hoang. Tôi đứng ở ngạch cửa, gõ mấy tiếng ở cánh cửa bằng tôn. Không ai trả lời. Tôi bước tới một bước nhìn vào trong. Nhà trống hoang không bóng người. Góc trái của căn nhà một gian này là một chiếc giường rộng có treo mùng sẵn, chân mùng vắt lên trên trần mùng. Chung quanh dường như không có vật dụng gì đáng chú ý hơn là sự có mặt của chiếc giường ấy. Tài sản của gia đình này hình như chỉ chừng đó. Bên cạnh xó bếp, một cái bàn gỗ cũ kỹ, đen xỉn, bày trên đó là một cái ca nhựa vàng ố đặt cạnh một cái bát trồng, còn dính vài hạt cơm. Ruồi nhặng xúm xít đậu quanh miệng bát. Sau cái bàn có một buồng nhỏ được ngăn bằng tấm tôn rỉ sét. Có thể là nhà vệ sinh hay buồng tắm. Tôi đứng im chờ một lúc. Từ giục:

“Lên tiếng đi người ta mới biết là có khách chứ,” rồi Từ lớn tiếng gọi. “Có ai ở nhà không?”

Không có tiếng trả lời. Căn nhà lạnh ngắt. Chúng tôi định quay về thì một thiếu phụ từ đầu lối xóm chạy đến, gọi:

“Mấy anh tìm ai vậy?”

Tôi quay lại. Thiếu phụ mặc áo ba ba màu cam, quần đen, không trang sức, trông còn trẻ và nét mặt dường như hãy còn hồn nhiên, không biết đau khổ.

“Thưa chị, đây có phải là nhà chú Trọng không?” tôi hỏi.

“Dạ phải, đây là nhà ông,” thiếu phụ đáp.

“Chú Trọng đâu rồi, thưa chị?” tôi hỏi hộp hỏi.

“Ồ... ông bị tù... chưa về. Mấy anh không biết hở? Xin hỏi mấy anh là ai?”

“À... à... tôi có ở chung tù với chú... Tường đâu chú được về rồi.”

“Chưa, chưa về được đâu,” thiếu phụ nói, rơm rớm nước mắt. Nước mắt cô rơi thật nhanh. Mới thấy hồn

nhiên khi nãy bây giờ đã đổi thành sầu thảm, đốn đau.

“Anh ở chung trại K3 với ông hờ?”

“Chú ấy qua K3 à? Hồi nào? Tôi ở chung trại T20 với chú có một tháng thôi, sau đó thì chia tay. Chị là... con của chú?”

“Không, tôi là bà xã của ông,” thiếu phụ đáp.

“Xin lỗi, lâu quá tôi quên là chú ấy sống ở đây với ai.” Tôi áp ứng một lúc rồi đổi cách xưng hô. “Thím có được thăm nuôi chú mỗi tháng không?”

“Có, mỗi tháng một lần,” thiếu phụ đáp.

“Vậy cho tôi gửi chút ít quà cho chú nghe. Nói với chú ấy rằng tôi là Vĩnh Khang, đã được về, tôi đang chờ đợi chú...”

Tôi vừa nói vừa móc hết tiền trong túi, đưa cho thím Trọng, rồi cùng Tुरू quay đi ngay, không để cho thím có được một giây để từ chối hay cảm ơn.

Tुरू chờ tôi đi một khúc đường mới nói:

“Một chút tôi đưa tiền cho Khang dẫn túi nghe. Nghe tin Khang ở tù, một vài bạn bè ở các tỉnh gom tiền gửi đến Khang, nhất là thời gian sau này, khi biết rõ Khang ở trại giam nào. Tiền thăm nuôi Khang trong mấy tháng tới, để tôi đưa hết Khang. Hiện giờ cũng có một số quà từ nước ngoài gửi về cho Khang nữa đó, nhưng quà chưa đến, chỉ có thư báo trước thôi.”

Tôi không quan tâm lắm về chuyện Tुरू nói. Tôi đang buồn và suy nghĩ vẩn vơ đến Thiện Đắc và ông Trọng.

Ông Trọng nói với tôi ông chỉ bị tình nghi và sẽ về sớm. Tôi ngỡ là ông sẽ về trước cả Thiện Đắc. Vậy mà, cho đến khi tôi được tự do, ông hầy còn trong tù. So với những người tù khác, tôi đã may mắn được về sớm; nhưng may mắn này lại có một cái gì đó, bất ổn. Tुरू và Nam Phương chỉ biết mừng tôi về, không thắc mắc lý do tại sao tôi về sớm. Nhưng còn người khác thì sao? Họ sẽ nghĩ gì?—nhất là những người lên án, trút lỗi cho tôi như Thiện Đắc?

CỜI TRÓI TẬP II

Chợt nhắm lại thời gian ở tù của mình—613 ngày—chính tôi cũng lấy làm lạ. Hình như đến lúc này tôi mới thấy ngạc nhiên về sự tự do dễ dàng sớm sủa của tôi. Tôi là người tù chính trị mà ai cũng nghĩ là phải mang trọng án, vậy mà tôi lại được về sớm, sớm hơn cả ông Trọng là người chỉ bị tình nghi. Tôi chợt thấy một cái gì bất công—chứ không phải là bất ổn—trong sự tự do của tôi so với những bạn tù khác. Phải chăng có người nào đó đã lo lót hối lộ hay bằng cách nào đó, cứu tôi ra khỏi tù sớm, hay chỉ vì tôi có tên trong danh sách những tù nhân bệnh nan y vô dụng và tốn kém cơm gạo mà cán bộ quản trại cần thiết muốn loại bỏ khỏi danh sách lao động của trại giam? Phải chăng có Thiện Chí? Ông Nguyên? Ông Trọng? Ông Cảnh? Phương và ông thầy già? Ông bác sĩ trưởng? Hay là đơn xin bảo lãnh của ba tôi đã cứu tôi? Phải chăng có một sự phù hộ vô hình nào đó từ ba tôi? Ông chết trước khi tôi về hai ngày. Có thể trước khi hóa thân sang một kiếp khác, ông đã phù hộ tôi, phù hộ thằng con mà ông nghĩ là cần thiết phải được tự do cho dù là đổi cả mạng sống của ông? Ông có hai đứa con ở tù chứ đâu phải chỉ riêng tôi. Vậy ông có cứu luôn cả Hiền, anh ruột tôi không? Ôi, cái ngày ông mất, tôi tính lại, rõ ràng là trùng với ngày thằng bé tên Bảy cầm cái lệnh tha trong tay mà chết—ngày mà có một con ngựa trời từ đâu bay tới, rớt ngay chỗ tôi, cựa quậy vài cái rồi hóa kiếp. Đêm ấy tôi mơ thấy ba tôi ôm hôn tôi thuở tôi còn bé, rồi thấy mẹ tôi mang vành tang trắng... Ai, năng lực nào, đã cứu tôi?

Còn Thiện Đắc thì phiên trách tôi, cho rằng chỉ vì tôi mà bao nhiêu bạn bè bị hại... Ôi, cái lẽ này không phải khi vào tù, chính tôi từng tự nhận lỗi về phần mình đó sao! Nhưng bây giờ, bị một người khác lên án, tự dung lòng tôi lại thấy nặng trĩu, mệt nhọc. Sau hai năm tù rã rời thân xác, bại liệt cả hai chân đến bây giờ hãy còn bủn rủn như nai con mới lọt lòng mẹ, những tưởng được ra về với vẻ huy hoàng tươi sáng của bao nỗi vui mừng từ người

thân đến bạn bè gởi trao... nào ngờ đến tận giờ này, tôi vẫn chưa hẳn thường được trọn vẹn cái đẹp mênh mông của tự do mà tôi hằng ôm ấp. Mà cũng lạ! Con người tôi, ngay từ khi rời khỏi trại giam, lập tức trở thành yếu đuối, nhạy cảm, cần được vỗ về, chăm sóc, quan tâm, an ủi... giống như bất cứ đứa trẻ tầm thường nào khác. Đường như tất cả những chí nguyện, thệ nguyện, hạnh nguyện, đại nguyện nào từng được nuôi dưỡng và cất lên một cách tự nhiên trong vũng lầy thống khổ của trại giam, bây giờ đã rời khỏi tôi, xa lánh tôi, bỏ tôi lạc lõng ở chốn phồn hoa này. Chúng như những con đại bàng cùng nhấc bổng tôi khỏi mặt đất, đưa tôi lên tận những bờ mây cao thăm rồi thả tôi xuống thế giới lúc nhúc con người và những cỗ máy xâm xập đêm ngày lập đi lập lại âm thanh và biểu tượng của tự do hạnh phúc... Ôi, chỉ mới hai năm mà tôi đã không còn thích hợp với cuộc đời này nữa. Tôi vẫn làm mọi thứ như người ta, nhưng tôi không còn cảm giác. Tôi chỉ tiếp nhận con người và thế giới một cách lấy lệ. Tôi chỉ muốn con người đón nhận tôi. Và dù Nam Phương đã chăm sóc tôi, dù rằng Tửu đã ôm tôi mà khóc mừng, tôi vẫn chưa thấy mình được đón nhận hoàn toàn. Vẫn còn một ngăn cách nào đó.



Chạy một vòng thăm vài chỗ quen, chúng tôi trở về nhà anh Cường vào lúc chập choạng tối. Vừa mở cửa cho chúng tôi, anh Cường đã nói:

“Thầy Khang có khách chờ ở trong.”

Tôi bước vào thì thấy Như Tâm ngồi sẵn nơi bàn khách, đứng dậy chào đón tôi. Thái độ của cô khác hẳn với tôi hôm qua khi tiếp tôi ở chùa Hoa Nghiêm khiến tôi cảm thấy ngỡ ngàng. Bây giờ, cô mới thực là sư cô Như Tâm, người bạn mới nhất trước khi vào tù của tôi. Tửu ngồi với tôi và Như Tâm một lúc rồi lên lầu. Gia đình anh Cường

cũng lui hết phía sau để nhường phòng khách cho tôi và Như Tâm trò chuyện.

“Hôm qua Khang đến chùa Hoa Nghiêm, Như Tâm thực sự là sững sốt, mắt bình tĩnh... không biết nói gì. Đến khi Khang đi rồi, Như Tâm mới tỉnh hồn, ân hận là đã không giữ Khang lại một chút rồi lo tìm chỗ giúp Khang nghỉ qua đêm, hay ít nhất là đưa xe đạp cho Khang mượn... Như Tâm tệ quá.”

Thấy mắt cô đỏ hoe, tôi lúng túng, nói:

“Có gì đâu. Tôi về bất ngờ quá, lại đến chùa vào ban đêm, cô khó xử là phải. Tôi còn quên cảm ơn những món quà cô gửi vào tù cho tôi đó.”

Như Tâm bây giờ mới cười; lấy khăn chấm nước mắt.

“Thực ra thì Như Tâm không bao giờ tưởng tượng là có thể được gặp lại Khang. Ai cũng nghĩ... người ta sẽ chôn Khang trong ngục tối.” Cô ngưng một lúc, lại lau nước mắt. “Đôi khi trong đêm, Như Tâm khóc thầm, thương cho Khang. Khi nào đến nhà các chị của Khang để gửi quà thăm nuôi, Như Tâm đều hỏi hộp, lo sợ... cứ sợ là các chị của Khang sẽ báo một tin buồn nào đó. Chẳng hạn... từ nay không cần thăm nuôi nữa. Ôi, hễ thấy các chị vui vẻ đón chào, Như Tâm mới thở phào, yên lòng. Gia đình Khang còn lo chuyện thăm nuôi có nghĩa là Khang hãy còn sống. Vậy rồi, Khang đột ngột xuất hiện. Như Tâm bàng hoàng như người trong mộng—cái giấc mộng hão huyền mà Như Tâm từng ôm ấp. Thực đó, Như Tâm thường tưởng tượng nếu một ngày nào đó Khang trở về, đến chùa thăm, Như Tâm sẽ vui mừng biết bao! Ước chừng có thể ôm chầm lấy Khang nữa kia! Nhưng rồi, khi sự thực đến, Như Tâm chỉ biết lặng người, hỏi đáp vu vơ, đầu óc như mù đi, không kịp suy nghĩ một cái gì thiết thực. Đêm qua Khang đi rồi, Như Tâm trở về phòng, khóc rồi thức cả đêm, có ngủ được đâu.”

Tôi lặng thinh không nói gì. Biết là hôm qua mình đã hiểu lầm Như Tâm. Giờ nghe những lời bày tỏ của cô,

tôi cảm động và thậm cảm ơn một tình bạn chân thành, chưa nhạt mất theo thời gian—thời gian hai năm có là bao, mà nghe chừng đặng đặng như hai mươi năm; thời gian ấy chưa cuốn đi toàn bộ ý lực của tôi, nhưng dim tôi mềm nhũn trong dòng cuồng lưu của xúc cảm và luyện ái. Vâng, con người tôi hôm nay thật đáng ghét, như một kẻ giang hồ lãng du đã hứng chịu nhiều cay đắng gian khổ, trở về với bộ mặt bụi bặm lâm li, trơ trơ trước nỗi chết và niềm đau nhân thế, hay chính niềm đau nỗi chết của người thân. Nhưng cái vẻ lạnh lùng đó chỉ là giả tạo. Giả tạo, ôi là giả tạo! Bộ mặt giả tạo dù cố ý hay vô tình, dù trưng bày với mục đích nào, dù che đậy thứ gì thanh cao hay bản thủ bên trong, cũng luôn luôn là một cái mặt nạ tởm lợm buồn nôn. Tôi che giấu cái gì đây? Nhìn vào đi, hãy nhìn thật sâu vào đáy tim nhà người! Cái gì ở trong ấy? — không có gì cả. Hoặc là có một cái gì đó trống rỗng, hoang vu, u ám như một đám mây đen, hay một dải sương mờ. Đằng sau đó nữa là cái gì, tôi không biết; hay là cô tình ngu ngơ không biết.

“Hồi sáng đến giờ... có ai đến gặp cô không?” tôi đột ngột hỏi.

“Không,” Như Tâm trả lời với vẻ mặt ngờ ngác đầy nghi vấn. “Sao Khang hỏi vậy? Khang có nhờ ai đến gặp Như Tâm à?”

“Không có, chỉ hỏi vậy thôi.”

Ngưng một lúc, Như Tâm bất ngờ nhớ ra điều gì, liền nói:

“À, hôm qua, lúc Khang rời chùa Hoa Nghiêm đầu chừng năm, mười phút, có Nam Phương quay trở lại tìm Khang. Như Tâm có nói chuyện với Nam Phương một lúc. Nam Phương có vẻ quan tâm, muốn giúp Khang đó. Khang... đã gặp Nam Phương chưa? Theo cách Nam Phương nói chuyện, hình như hai người có quen nhau trước rồi, phải không?”

Quen nhau trước? Có thể, nhưng không phải trước đây, mà là kiếp trước nào đó nên bây giờ mới gặp đã thấy

CỜI TRÓI TẬP II

thân mật lắm. Tôi tự hỏi, rồi tự trả lời.

Thấy tôi im lặng, Như Tâm tiếp:

“Nam Phương tốt lắm. Lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ người khác. Hồi còn ở chùa, Nam Phương là một ni sinh giỏi, thông minh, giới hạnh; khi hoàn tục rồi, Nam Phương trở thành một trong những thí chủ nhiệt tâm, giúp đỡ cho chùa nhiều lắm; nhất là cả gan chứa chấp nhiều ni cô đi vượt biên hoặc không có giấy tờ hợp lệ. Mỗi lần công an đến chùa báo trước là sắp có đợt xét hộ khẩu thì một số ni cô chạy xuống nhà Nam Phương tá túc. Nam Phương là vậy đó, giống như anh Cường ở đây vậy. Giúp cho Tăng thì có anh Cường, giúp cho Ni thì có Nam Phương. Ừ... nếu Khang cũng là ni cô thì có thể tạm ẩn náu ở nhà Nam Phương trong thời gian này là ổn nhất. Khang có định là trở lại chùa không?”

“Chùa nào?”

“Chùa gì đó của Khang trên kinh tế mới.”

“Không. Họ bắt buộc phải về Nha Trang, sống với gia đình.”

“Vậy có nghĩa là ép buộc hoàn tục rồi.”

“Họ đâu có ép mình được... bởi vì, tôi đã tự ý hoàn tục trước đó rồi.”

“Vậy à! Hồi nào?”

“Trước khi vào tù. Tôi chưa nói cô biết à?”

Như Tâm có vẻ lặng người buồn tiếc thay cho tôi. Một lúc cô ái ngại hỏi:

“Vậy bây giờ... Khang phải ra Nha Trang?”

“Có lẽ là vậy. Tôi cũng muốn thăm gia đình...”

“Vậy ra đó một thời gian, Khang xin trở lại chùa Hải Đức đi.”

“Ừ... để coi đã. Bây giờ chẳng đoán trước được cái gì đâu. Thôi, thôi rồi, cô về kéo chùa đóng cửa vô không được đó.”

“Đâu có, bây giờ chưa được bây giờ; thôi được rồi, được rồi, để Như Tâm về, đừng có đuổi.”

“Không phải, ai mà đuổi cô đâu. Chỉ tại tôi mệt,

buồn ngủ. Thực đó, buồn ngủ quá, từ lúc ra khỏi tù đến giờ, chưa được chợp mắt. Xin lỗi cô nghe. Hôm nào rảnh tôi đến thăm cô ở chùa Hoa Nghiêm.”

“Ồ, ờ, Khang đi ngủ đi. Như Tâm về há. Đây này, Khang ơi, Khang cất cái này để có tiền xe mà về.”

Cô đưa tôi một cái bì thư. Tôi xua tay, đứng dậy, tỏ ý từ chối.

“Vậy nhờ Khang kêu Tử xuống đây cho Như Tâm gặp có chuyện một chút. Khang giữ sức khỏe nghe, đi đường cẩn thận. Có việc gì cần cứ đến tìm Như Tâm há.”

Tôi gạt đầu, bước lên lầu, gọi Tử xuống gặp Như Tâm, rồi thay đồ—bộ vạt hò của người tu mặc trong chùa do Tử đưa—, rồi nằm xuống cái giường độc nhất trong phòng Tử, nhìn vợ trên trần nhà. Đầu óc tôi lại trống hoang. Không hẳn là buồn; không hẳn là vui. Chỉ thấy một nỗi cô quạnh man man. Tôi nằm một lúc thì hình ảnh ba tôi hiện ra. Ông mất đã ba ngày rồi, vậy hôm nay có thể đã chôn. Tôi không có cơ hội nhìn mặt ông lần cuối. Chân tôi còn yếu như vậy, làm sao đứng được trên tàu chợ hay ngồi lâu trên xe đò. Hôm qua mới ở tù ra, tôi cũng chưa nắm vững tình hình bên ngoài, đâu có lên tàu lên xe mà đi ngay được! Và lại, tiền trong túi mà quý thầy ở Long Khánh dúm cho, tôi nào biết là có đủ tiền xe ra Nha Trang hay không. Tóm lại là tôi có nhiều lý do để chưa đi Nha Trang được ngay... Nhưng hình như, tất cả những lý do ấy đều chỉ là những cái cớ. Nguyên do chính tôi không về Nha Trang ngay có thể chỉ vì tôi không đủ can đảm để nhìn mặt ba tôi lần cuối. Tôi tiếc tôi không được nhìn mặt ông nhưng tôi sợ phải nhìn một khuôn mặt thân yêu đã lạnh cứng không còn cảm giác. Mười bảy năm qua, từ khi vào chùa đến giờ, tôi đã tiền đưa biết bao nhiêu là người chết xuống huyết lạnh, đôi khi lòng cũng đau xót xúc động theo nỗi bi ai thống thiết của thân nhân người chết, và thường khi thì giữ được cái tâm bất động; nhưng tôi không dám tin rằng tôi có thể bất động trước cái chết của cha mẹ mình. Tôi nhớ có một lần, lúc đó tôi hãy còn bé

xíu, đầu chừng năm hay sáu tuổi; đang ngồi quan sát mẹ trang điểm còn ba thì đang chải đầu, tôi chợt hỏi: “Ba mẹ ơi, ba mẹ có sống hoài không?” Mẹ tôi cười, đáp: “Sống hoài chứ.” Tôi nói: “Dạ, ba mẹ sống hoài với con nghe, chứ nếu ba mẹ chết, con không biết con có chịu nổi không. Con sợ ba mẹ chết giống như ông ngoại quá à!” Ba tôi nghe vậy thì giật mình quay lại nhìn tôi, rồi ông bước đến ôm lấy tôi, vừa hôn vừa dỗ dành: “Ba mẹ không chết đâu. Ba mẹ sẽ sống hoài với con.” Vậy mà bây giờ, ba tôi không sống hoài với tôi. Ông không giữ lời hứa. Ông ra đi trước cả khi tôi được tự do. Có lẽ ông biết tôi sẽ không chịu đựng nổi. Không phải chỉ vì tôi là đứa bé trai nhạy cảm nhất nhà trong mắt ông thuở đó, mà còn vì nỗi vui được tự do của một gã tù là một bó đuốc lớn đang rực cháy sáng rỡ; còn nỗi đau có một người thân nằm xuống thì giống như một trái bom. Đem ngọn lửa ấy mà xấp lại với trái bom kia, tôi sẽ nổ tan tành ra mây khói. Thương tôi, ba tôi sẽ không muốn bất cứ điều gì bất hạnh xảy ra cho tôi và chính tôi cũng không muốn trở thành một gã điên ngay lúc này dù rằng khuynh hướng muốn điên đang quẫy mạnh trong tôi, xúi giục tôi rằng điên bây giờ thật là đúng lúc, đúng cảnh ngộ nhất.

Từ trở lại giờ cái bì thư lên, nói gì đó, tôi không chú ý lắm, chắc là nói Như Tâm gởi bì thư tiền biểu tôi. Đi xuống ăn cơm tối, hình như Từ có nói vậy. Không, không ăn đâu. Tôi từ chối. Tôi cần ngủ. Tôi mơ màng nói vậy. Và tôi mệt mỏi đi vào giấc ngủ. Trong giấc mơ ngắn ngủi, tôi thấy mấy anh công an xúm lại còng tay, trói chân tôi, khiêng ném vào phòng biệt giam. Tôi giật mình thức dậy thì Từ đang đứng bên cạnh giường. Cảnh trí chung quanh lạ quá, tôi phải ngồi sừng một lúc mới nhớ sực lại là mình đã được tự do và đang ở nhà anh Cường.

“Khang à, Khang dậy được không? Có chú Thuận đến thăm.”

“Sao chú biết tôi ở đây? Bây giờ mấy giờ rồi?” tôi dụi mắt hỏi.

“Mới tám giờ rưỡi tối. Chú Thuận đi cùng thầy Nguyên Hỷ, chú vào một mình, thầy Nguyên Hỷ thì ngồi ngoài quán cà phê chờ Khang ra. Có lẽ thầy ấy nghe được tin qua Như Tâm. Để tôi gọi chú Thuận lên đây nghe.”

Từ chưa kịp xuống lầu đã thấy chú Thuận từ dưới bước nhanh lên. Thấy tôi, chú chấp tay chào rồi cũng giống như Từ hồi sáng, chú nhào đến ôm lấy tôi, khóc.

“Thầy Khang ơi, mừng quá, thầy được về rồi hả! Thầy khỏe không?”

Tôi xoa đầu chú, không nói gì. Chú Thuận là sư đệ đồng môn với Nguyên Lạc bạn tôi. Chú và người anh song sinh đã mồ côi cha mẹ từ lúc nhỏ và cả hai cùng ở chùa từ lúc ba, bốn tuổi cho đến bây giờ, mười tám tuổi. Chú biết tôi, thương quý tôi, là qua Nguyên Lạc. Tuy là huynh đệ đồng môn với Nguyên Lạc, chú coi Nguyên Lạc như thầy. Cả tôi và Nguyên Lạc đều đi tù, chú bơ vơ chạy tìm chỗ ở và phải sống một thời gian với thầy Thiện Giác, một nhà sư mà ai cũng biết là có cộng tác gì đó với Sở công an Sài Gòn. Thời gian gần đây, chú gây gỗ với thầy Thiện Giác rồi rời khỏi chùa, sống tạm ở nhà người quen. Từ đã kể tôi nghe những chuyện ấy từ hồi chiều. Thấy chú còn mặc đồ tu, tóc không cạo sạch nhưng cũng còn đáng đầu tròn, tôi yên lòng. Ở chùa Long Quang trên kinh tế mới, tôi có ba chú tiểu nhỏ hơn chú Thuận, trong đó có Duy là cháu ruột của tôi từ Sài Gòn lên, đều đã hoàn tục trong thời gian tôi vào tù. Từ cho tôi biết vậy. Khi tôi xả giới để thực sự dấn thân vào đời, tôi dặn các chú phải nương quý thầy ở Long Thành để tu tập, nhưng rồi các chú lại lần lượt nói gót tôi: vào đời. “Thầy nào trò nấy,” là vậy. Tôi tự cảm thấy mình có lỗi vì thiếu trách nhiệm đối với các chú.

“Thầy Nguyên Hỷ chờ thầy ngoài quán cà phê, thầy ra gặp thầy ấy một chút được không?”

“Sao không mời thầy vào đây?” tôi hỏi.

“Thầy ấy không muốn kéo đến đây đông, gây sự chú ý của hàng xóm, sẽ bất lợi cho quý thầy trong này. Bây

giờ thầy ra ngay đi. Con ngồi chơi với thầy Tửu một chút rồi về luôn.”

Tôi lại thay đồ rồi theo sự chỉ dẫn của Thuận, đi bộ ra khỏi con hẻm, đến đầu đường nhìn qua lề bên kia, nơi quán cà phê dọn bàn ghế chiếm lề đường mà tôi vừa ngồi với Nam Phương tối hôm qua. Một thanh niên mặc áo sơ mi trắng, quần tây đen, đội mũ lưỡi trai đưa tay ngoắc khi tôi băng qua đường. Đó là Nguyên Hỷ, một nhà tu hiền lành, dễ thương, sống nhẹ nhàng trên đời như một áng mây. Vậy mà rồi anh cũng phải cải trang làm người thể tục để đi vượt biên. Nguyên Hỷ lớn hơn tôi bốn tuổi, là tăng sĩ thường trú tại tu viện Già Lam. Anh không trực tiếp tham gia Lực Lượng Việt Nam Tự Do của thầy Lê Mạnh Thát và Tuệ Sỹ, nhưng vào năm 1977, anh là người từ Sài Gòn ra Nha Trang đưa thầy Tuệ Sỹ vào Sài Gòn để cộng tác với lực lượng nói trên. Lúc lực lượng này bị tan vỡ, anh không bị bắt vì không dính líu. Khi thầy Tuệ Sỹ ra tù vào năm 1980 và tái hoạt động, anh cũng không tham gia. Chung quy là vì mẫu người của anh không thích hợp để dẫn thân, vậy thôi. Nhưng anh luôn tán trợ con đường dẫn thân của tôi, kể cả việc thành lập Đoàn Phật Tử Phụng Đạo lẫn việc hoạt động chính trị; và nhất là vấn đề sáng tác văn thơ. Anh thường nhắc: “Khang làm gì thì làm, cũng phải sáng tác nghe, đừng bỏ ổng.” Hai năm trước, trong khi tôi cải trang để lần tránh công an thì anh cũng cải trang để vượt biên và thỉnh thoảng chúng tôi gặp nhau ở nhà một người phật-tử thân tín. Sau hai năm, anh vẫn còn đó, chưa rời được khỏi nước.

Tôi bắt tay Nguyên Hỷ rồi kéo ghế ngồi xuống. Tôi không nói gì, nhưng anh thì như vừa khóc vừa cười, không giấu nổi xúc động:

“Khang về được rồi, Khang về thật rồi, hay quá là hay...”

Chúng tôi cùng ngồi uống cà phê nói chuyện đến chín giờ rưỡi tối thì chia tay. Dắt xe đạp tiễn theo tôi một đoạn, Nguyên Hỷ nói vài lời cuối:

“Khang không cần phải bận tâm lời đàm tiếu của người khác làm gì. Làm chuyện lớn thì đừng để tiếu tiết chi phối mình.”

“Ý anh muốn nói...?”

“Chuyện mấy anh em đồn đãi không tốt về Khang. Kệ họ, đừng nghĩ đến làm gì mệt lắm. Con đường thênh thang của Khang, họ hiểu sao thấu mà bàn bạc.”

Tôi định hỏi thêm cho biết nhưng nghĩ sao lại thôi. Chúng tôi chia tay. Tôi dặn lòng, cứ theo lời nhắc nhở của Nguyên Hỷ: kệ họ, đừng nghĩ đến làm gì, mệt lắm. Nhưng khi về đến chỗ của Tửu, vừa thay đồ xong, tôi lại thấy khó chịu, không cưỡng nổi hiếu kỳ, liền hỏi Tửu:

“Anh nói thật đi, từ ngày tôi cải trang để ẩn lánh rồi vào tù hai năm nay, bạn bè anh em đã nghĩ và bàn tán gì về tôi vậy?”

Tửu hơi giật mình, có vẻ e ngại, nhìn tôi một lúc, rồi nói:

“Đại khái một số người khác cũng nghĩ và nói như Thiện Đắc—mà tôi có kê Khang nghe sơ khi sáng rồi—cho rằng Khang... bán đứng anh em, lôi kéo anh em vào vòng tù tội. Lúc nào họ đề cập đến chuyện Khang mà có ý chê trách, tôi đều tìm lời giải thích cho họ hiểu, nhưng rồi họ cũng chẳng làm sao hiểu nổi; cứ nói là trăm chuyện lỗi tại Khang nên họ mới lao đao. Mấy người thăm nuôi Nguyên Thế ở trại T20, nghe Nguyên Thế nói sao đó rồi cũng lên án Khang, nói rằng Khang hèn nhát, khai huých toẹt mọi thứ cho công an để vạ lây cho anh em. Thực ra thì... Khang à, đừng quan tâm miệng lưỡi thế gian. Ngày nào đó người ta sẽ hiểu Khang mà. Nếu họ thông minh một chút thì họ phải thấy rằng Khang mà khai tất cả sự thực hoặc có ý bán đứng anh em thì trước nhất là tôi, rồi Nguyên Quảng, Nguyên Hòa, Hạnh Trí, Tâm Hải, Tâm Tường, Tâm Hòa, Tâm Tường, Nguyên Lạc, Thiện Lạc, Thông Trí... và nhiều anh em khác nữa cũng đã vào tù hết rồi. Khang không nhớ rằng thời gian mình vận động tổ chức Đoàn Phật Tử Phụng Đạo, cũng đã có nhiều người

xì xâm bàn tán, chê trách chuyện mình làm đó sao. Họ không làm nhưng thấy người khác làm thì phê bình, chỉ trích. Còn như đã chấp nhận làm thì phải sẵn sàng đón nhận mọi hậu quả chứ, phiền trách gì ai! Nói thật Khang nghe điều này, mấy người đó toàn là miệng hùm gan sứa! Thệ nguyện dấn thân, hành bồ tát đạo đủ thứ, nhưng gặp trở ngại một chút là đã trút tội người này, đổ lỗi người kia! Vậy thì làm sao độ được người! Cá nhân tôi đã không trực tiếp tham dự chuyện Khang làm trước đây, nhưng đó là nghe theo lời yêu cầu của Khang, cùng Tâm Hải đứng ngoài để duy trì Đoàn Phật Tử Phụng Đạo; chứ nếu Khang cho tôi tham gia, tôi sẵn sàng ở tù và chấp nhận bất cứ bản án nào. Cho dù họ không bắt được tôi nhưng nếu Khang và các bạn khác đều bị bắt, tôi cũng xin tự nguyện vào tù để chia xẻ với anh em, đồng lao cộng khổ. Làm sao tôi có thể yên lòng khi Khang bị ngồi tù còn mình thì ở ngoài lo tìm đường vượt biên, đã vậy còn đi nói xấu người bị nạn!”

Tôi đưa tay ra dấu cho Tử dùng nói nữa. Rồi tôi mệt mỏi nằm xuống, ngó trần trần trên trần nhà. Niềm đau khổ về cái chết của người cha hiền lành từ hôm qua đến nay bị dồn nén thành một cái nhọt ung mủ, chưa bung vỡ ra được, bây giờ lại nặng trĩu thêm bởi nỗi oan là người phản bội, là người vô tình, vô tâm, hèn nhát... Ôi, những thứ oan khiên loại này trước kia tôi coi như là cỏ rác, sâu mọt, rất bé tí, không chạm được tới đầu ngón chân của tôi nữa kia! Nhưng bây giờ, sao nó lại to đến thế, nặng chình chịch đến thế! Tâm bồ đề của tôi ở đâu? Hạnh nhân nhục của tôi ở đâu? Tôi đã trui luyện bao năm rồi mà bây giờ lại đau khổ quằn quại với những lời đồn! Khóc đi Khang ơi! Ba mi đã chết và bạn bè mi nguyện rửa mi! Khóc đi, khóc đi! Ôi, nước mắt tôi đâu rồi, sao không chảy! Khang ơi, mi nhẹ dạ nhảy cảm lăm lăm mà, dễ khóc lăm lăm mà, mít ướt lăm lăm mà, vậy thì khóc đi! Khang ơi, hãy khóc đi, kéo tim gan mi nổ tung thành trăm mảnh!

Vậy mà tôi vẫn không khóc được. Chỉ thấy như có

vật gì đè nặng nơi ngực. Từ hồi tôi muốn ăn tôi không, tôi nói không. Tôi nằm im như cây chết. Từ lặng lẽ bỏ mùng xuống cho tôi rồi anh ngủ trên chiếc võng bằng vải dù quân đội treo gần đó.

Tôi nằm mãi không chợp mắt được dù rằng suốt đêm qua tôi chưa ngủ và khi này tôi chỉ ngủ được đâu chừng một giờ đồng hồ. Tôi muốn gọi trong trí mình một hình ảnh nào thật đau khổ để có thể khóc được, mà mắt tôi vẫn cứ trơ ra như hai viên bi bằng chai của trẻ nhỏ. Không phải tôi thành gỗ đá để mắt đi cảm giác. Tôi chỉ không khóc được mà thôi. Cảm giác của tôi, đau khổ của tôi, vẫn còn đó, vẫn còn tràn lấp hay đang cô đọng lại thành một khối lù mù, âm u.

Nửa khuya tôi ngồi dậy, thay áo quần trong bóng đêm, định rời nhà anh Cường. Từ thức dậy hỏi nhỏ:

“Khang định đi đâu à?”

“Tôi muốn ra ngoài.”

“Còn sớm lắm, mới có 3 giờ. Khang đi đâu thì chờ sáng tôi chở đi.”

“Không, tôi muốn đi ngay bây giờ.”

“Nhưng đi đâu, cho tôi biết với? Khang đi ra ngoài một mình tôi lo lắm. Lỡ có chuyện gì...” Từ ngồi bật dậy.

“Đừng hỏi nữa được không. Tôi mở cửa ra ngoài, anh đóng lại giùm. Cho tôi tự do, một mình tôi, đừng đi theo. Khi nào cần về, tôi về.”

Từ rời khỏi võng, vội đến chỗ tủ, lôi ra hai ba cái bì thư đến dúi vào túi quần tôi:

“Của Như Tâm và chú Thuận gọi biểu Khang dẫn túi để đi đường, cộng thêm số tiền của bạn bè góp thăm nuôi Khang, Khang cứ mang theo, không xài chi thì cũng có mà phòng thân. Khang lấy xe đạp của tôi mà đi nhé?”

“Không, tôi muốn đi bộ.”

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG HAI MƯỜI LĂM

Ngọn đèn từ trụ điện ở xa mút phía đầu đường hắt đến một luồng sáng trắng nhòa nhòa, không đủ soi con hẻm vắng. Một con chó vùng chạy ra xa rồi đứng lại sủa khi thấy tôi lầm lũi bước đi trong đêm. Gió khuya lùa nhẹ qua hẻm làm lao xao những giấy rác. Ngoài đường lộ chính cũng khá vắng. Xa xa có một chiếc xích lô chờ khách chạy thật nhanh trong khi một chiếc khác thì ử ử oải chạy từ từ trên đường. Người phu xa bấm cái chuông nhỏ vài tiếng khi nhắc thấy bóng tôi xuất hiện ở vùng có đèn sáng. Tôi cúi đầu bước đi, không buồn ra dấu trả lời.

Tôi không biết đi đâu. Cứ nhắm một đường thẳng trước mặt mà đi, đi mãi. Một cái gì rung rức, rung rức ở bờ tim tôi. Giống như một con đê bị tức nước sắp vỡ. Giống như một con ngựa cằn cào ở cổ họng bắt buộc phải ho. Hình như tôi muốn đến một chỗ nào thật vắng để có thể hét lên một tiếng thật to. Hoặc là tôi muốn một cái gì đó na ná như ao ước được điên. Vâng, sống ở thế giới này, tốt hơn hết là hãy điên. Ôi, tôi thèm điên biết bao. Cho tôi điên đi, cho tôi quên hết đi, những lý tưởng, những tính toán, những nghi kỵ oán hờn, những đau buồn mất mát, những con người, những giao tình thân sơ đậm nhạt...

Hết con đường này, tôi lại qua con đường khác, bước mãi, đi cho đến khi bất ngờ nhìn thấy chiếc tàu Tiên Giang lù lù bên bờ sông Bạch Đằng, tôi mới giật mình là dường như trong vô thức, chân tôi đã bước theo một vết tích quen thuộc nào đó.

Tôi tiếp tục lần dò men theo bờ sông trong khi trời vẫn chưa có dấu hiệu gì là mặt trời sắp mọc. Tôi đến ngay

chỗ băng ghề đá mà tôi và Nam Phương cùng ngồi buổi sáng hôm qua. Dưới ánh đèn vàng từ trụ điện gần đó soi tới, tôi thấy một thằng bé dơ dáy, chừng mười ba tuổi, đang nằm co trên ấy. Nó đắp một tấm chăn ngắn lủng nhiều lỗ, kéo ngang tới ngực, trong khi phía dưới, một bàn chân đầy bụi đất của nó cũng lộ ra khỏi chăn. Đầu tóc nó rời bù, rít rắm, gói trên một đôi giày xăn-đan của người lớn rất quen thuộc mà tôi không nhớ rõ đã thấy từ đâu. Nó ngủ ngon lắm, không biết tôi đang đứng nhìn ngắm nó. Ôi, thằng bé sao vô tư dễ thương chi lạ! Có lẽ nó mồ côi, không cha không mẹ, không anh chị em, không cả những bạn bè thân thiết. Nó phải tự lo tìm sinh kế để sống qua ngày, một thân một mình chống chọi với cuộc đời đầy man trá hiểm ác để tồn tại, nhưng vẫn chưa đánh mất cái vẻ hồn nhiên tự tại. Ước chi tôi được là một thằng bé mồ côi lang thang như vậy. Tôi đứng nhìn nó một lúc thì một nỗi buồn nặng trĩu đè nặng xuống tim. Nhìn quanh, những băng ghề đá khác đều có người nằm hoặc một vài cái bao hành lý gì của ai đặt trên ấy. Tôi thềm được nằm xuống bên sông này, nhìn lên trời cao. Tôi đứng dựa vào lan can sắt chạy dọc bờ sông khá gần băng đá. Thằng bé cục cựa trở mình rồi bỗng chớp mắt nhìn thấy tôi, nó giật mình ngồi vùng dậy, một tay chộp lấy đôi giày xăn-đan, một tay cuốn nhanh cái mền nhỏ làm một nùi dưới nách. Thấy tôi chỉ đứng im chứ không có dấu hiệu gì là hành hung nó, nó yên tâm ngồi lại, ngó quanh một lúc. Tôi giơ một bàn tay lên, chào nó:

“Em ơi, em tên gì vậy?”

Thằng bé lại ngó quanh một lúc để xác định lại là tôi hỏi nó hay ai khác. Thấy tôi chỉ hướng về nó, nó đáp giọng nhỏ nhẹ:

“Em tên Roi. Anh là ai vậy?”

“Anh tên Khang.”

“Anh là công an hả?”

“Không, không phải.”

“Anh đến đây tập thể dục hả?”

CỜI TRÓI TẬP II

“Không, anh chỉ muốn... nằm nơi băng đá mà em đang ngồi. Em có thể trao đổi với anh không?”

“Trao đổi cái gì?”

Tôi thọc tay vào túi quần, móc ra mấy cái bì thư mà Tửu vừa nhét vào cho tôi khi nãy. Tôi bước tới một bước. Thăng bé có vẻ sợ hãi, đứng dậy như muốn đề phòng và chuẩn bị bỏ chạy. Tôi đứng im để nó yên tâm rồi đưa mấy cái bì thư, nói:

“Em nhường cho anh cái băng đá chừng một vài tiếng đồng hồ thôi, anh cho em mấy cái này.”

“Cái gì vậy?” thăng bé vừa ngạc nhiên vừa nhóm người tới, hỏi. “Ồ, tiền. Nhiều quá vậy. Thôi... anh cứ nằm đây đi, em chạy chỗ khác được mà, không cần lấy tiền đâu.”

Tôi bước đến xoa đầu nó, nói:

“Cằm đi, anh cho em đó. Coi chừng người ta giật nghe.”

Thăng bé run run đón lấy một trong ba cái bì, nửa tin nửa nghi, rồi bỗng thụt tay lại, nói:

“Hôm qua đói quá em không có tiền nên mới ăn cắp đôi giày của anh để bán mà chưa bán được. Bây giờ em trả lại cho anh nè, anh đừng bắt em nghe.”

Tôi cười, vỗ vai nó, cố gắng làm cho nó tin:

“Không, cho em đó. Cả tiền này nữa, cầm lấy rồi đi đâu thì đi, anh không nhìn theo, không bước theo em đâu. Anh chỉ muốn nằm ở đây.”

Tôi dúm nhanh mấy bì thư vào lưng quần nó, rồi không chờ nó kịp phản ứng gì, bước đến băng đá, nằm xuống. Thăng bé cứ đứng mãi ở đó, nhìn tôi, không chịu đi.

“Đi đi, em hứa tìm chỗ khác để ngủ rồi mà.”

Thăng bé không nói gì. Đứng một lúc bên cạnh băng đá rồi bỗng bật khóc. Tôi vẫn nằm im, không nhìn nó. Chỉ nghe tiếng thút thít rất tội nghiệp. Tiếng khóc nghẹn ngào và sung sướng như thể đã lâu lắm nó mới được bật trào ra như vậy. Ôi, ai cũng khóc được một cách

để dàng, sung sướng, sao tôi lại chẳng khóc được nhỉ!

Hình như thằng bé ngồi bệt xuống đất gần đó, không chịu đi.

“Sao anh tốt với em vậy?” nó vừa hỏi rồi vừa lật mấy bao thư ra nhìn hay đêm, nghe tiếng giấy sột soạt.

Tôi im, không nói.

“Anh ơi, anh biết không, sáng mai em lấy tiền này đi mua một cái thùng gỗ, rồi mua thuốc lá, mua vé số, để đi bán dạo. Em có vốn rồi thì không sợ đói nữa. Em cảm ơn anh lắm. Hôm qua em ăn cắp giày của anh mà anh không ghét em hả? Bộ anh biết em hay ngủ ở đây hả? Nhà anh ở đâu vậy? Sao anh không nói gì với em hết? Anh có muốn đắp mền cho đỡ lạnh không? Sao anh buồn quá vậy?”

Tôi nhắm mắt, tiếp tục im lặng. Vừa thấy mệt, vừa thấy như có một cái gì nghẹn tức sắp òa vỡ ra từ lồng ngực.

Thằng bé đứng dậy, rục rịch làm gì đó rồi se sẽ bước đi, vừa nói với giọng rụt rè ái ngại:

“Em cảm ơn anh, cảm ơn anh nhiều lắm. Em đi đây nghe, để anh ngủ.”

Tôi đan hai tay gối đầu, mở mắt nhìn trời. Lâu lắm tôi mới được giây phút tự do như vậy. Bầu trời quang mây, lấp lánh ánh ngàn sao. Giữa rừng sao chằng chịt đan kết thành từng cụm như đua nhau tỏa chiếu khắp nền trời đen kịt, tôi chú ý hai ngôi sao nhỏ bé đứng cạnh nhau đang chớp nhè nhẹ như đôi mắt long lanh của ai đó nhìn tôi e ấp, buồn bã, muốn nói một điều gì mà không nên lời. Chúng làm rung cả lòng tôi một lúc. Và bất chợt, tôi thấy những giọt lệ rơi xuống từ đôi mắt ấy, hay chính đôi mắt ấy đã rơi xuống khỏi nền trời cao thẳm, rơi vào mắt tôi. Mắt tôi bỗng nhòa đi, và từng hàng lệ nóng tuôn chảy, tuôn chảy, rơi ngang hai vành tai tôi. Nước mắt tôi đã rơi từng hàng, từng dòng, cơ hồ bắt tận, nhưng chúng rơi câm lặng, không kéo được nỗi đau khổ ra khỏi tim tôi. Và cho đến lúc này, tôi vẫn biết tôi vẫn chưa thực sự khóc. Khó

chi đè nặng nơi ngực vẫn còn tro ra đó, nghẹn cứng, khiến tôi như khó thở.

Tôi nằm đó nhìn những vì sao cho đến khi chúng mất dạng trên nền trời sáng dần với màu hồng tía của bình minh và khi tiếng loa phóng thanh tập thể dục phát ra từ một góc nào đó. Tiếng hô của anh huấn luyện viên thể dục làm tôi rùng mình thoáng nhớ lại những ngày chân còn bị cùm ở trại K4. Tôi mỉm cười nhìn lại mình. Tôi ý thức được tôi đang tự do. Tôi ngồi dậy, nhìn quanh. Một nhóm người Hoa đang tập Thái cực quyền. Vài anh cán bộ thực hiện nếp sống văn minh, chạy tại chỗ ở khoảng trống đưa xuống bên phà. Mặt trời hừng đỏ ở phương đông. Tôi đứng dậy, tiếp tục lang thang trên hè phố, đi về hướng đường Trần Hưng Đạo. Đoạn đường này sẽ đi ngang Sở công an thành phố. Hai ngày trước tôi còn e ngại, sợ bị công an bắt lại, nhưng bây giờ, tôi mặc kệ. Tôi cứ đi ngang đó, để đến nhà Nam Phương.

“Anh Khang! Ô, anh đến bất ngờ quá. Anh đi bằng gì vậy?” Nam Phương hé mặt nơi cửa sắt vừa reo lên, rồi vội mở khóa, kéo cửa cho tôi lách vào.

“Anh đi bộ hả! Từ đâu? Từ nhà anh Cường à?”

Tôi gật đầu.

“Trời đất! Sao anh không mượn xe đạp mà đi cho khỏe, hay là kêu xích lô đến đây rồi em trả tiền. Khổ thân anh chưa! Chắc anh chưa ăn sáng đâu hả?”

“Không, không ăn đâu. Anh muốn ngủ, anh muốn được nằm một mình. Anh mệt lắm.”

“Được rồi, được rồi. Anh nghỉ trên lầu há, cũng phòng bữa trước em dọn cho anh. Đi với em.”

Nàng bước đi trước, nhanh chóng dọn sơ chỗ nằm cho tôi. Khi nàng ra dấu đã xong, tôi bước vào phòng, leo lên giường, nằm xuống ngay. Nàng bước ra khép nhẹ cửa, nhưng rồi chỉ một chốc lát, nàng lại vào, đem theo một cái chăn mỏng, đắp cho tôi. Tôi nhắm mắt nằm im để nàng làm công việc chăm sóc đó. Rồi nàng bước ra với cánh cửa khép lại thật cẩn trọng. Tôi chỉ nằm một lúc ngắn thì

ngủ say, không biết gì nữa.

Khi thức dậy, tôi thấy trong người nhẹ hẫng, khỏe khoắn; tinh thần thì phấn chấn, sáng khoái lạ lùng. Tôi không biết lúc này là mấy giờ. Chỉ thấy nắng bên ngoài luồn qua khe cửa sổ có vẻ sáng chói. Tôi bước đến cửa sổ, đẩy nhẹ hai cánh ra. Nắng ập vào phòng bồng bềnh lung linh như reo múa quanh tôi. Bầu trời xanh ngát ở xa làm sân chơi cho những cụm mây nhỏ nghịch ngợm rượt đuổi nhau, từ góc này đến góc kia. Thấp phía dưới tầm nhìn của cửa sổ là sân chơi của một trường mẫu giáo với mấy cái xích đu còn đong đưa kẽo kẹt trong khi bầy trẻ đã vào lớp tập đánh vần ê a. Tôi cơ hồ quên khuấy đi mọi thứ trong giây lát và trở thành một con người mới, yêu đời, hân hoan, vui phơi phới trong lòng.

Có tiếng gõ cửa nhẹ nhẹ của Nam Phương, tôi quay người lại, thì nàng đã hé cánh cửa, lộ đầu nhìn vào.

“Anh thức rồi hả? Em nghe tiếng cửa sổ mở ra,” nàng vừa nói vừa bước vào, thu dọn chăn gối.

“Để anh làm,” tôi bước tới giành lấy công việc đó.

“Thôi, em làm được mà. Anh thấy khỏe chưa? Em có nấu chay dọn sẵn dưới đó chờ anh. Bây giờ gần một giờ trưa rồi.”

Trong khi Nam Phương vừa nói vừa xếp chăn, tôi đứng gần đó nhìn nàng đắm đắm và bất chợt một cơn đói khát thèm muốn bùng bùng bốc dậy. Cơ thể tôi nóng ran, run rẩy, mắt tôi hoa lên, môi tôi mấp máy, hơi thở tôi dồn dập... Tôi đưa một tay về hướng Nam Phương, tính đặt lên vai nàng, hoặc chạm vào mái tóc óng ả của nàng, hoặc sờ nhẹ trên cần cổ cao và trắng muốt của nàng; nhưng rồi tôi thụt tay ngay lại. Nam Phương hình như cũng biết được tôi vừa làm cử động gì, nàng hơi né người đi bằng cách cúi xuống chỉnh cho ngay lại cái gối nằm.

“Phương à, anh cần đi tắm, sau đó hãy ăn cơm trưa, được không?”

“Dạ, anh tắm cho khỏe, em chờ anh được mà.”

Nàng lại vào buồng tắm dọn dẹp sơ cho tôi bước

vào.

Bữa cơm trưa ăn chung mâm, tự dung tôi và nàng im lặng không biết nói gì với nhau một lúc khá lâu. Hôm qua chúng tôi ngồi với nhau ở quán cà-phê trên đường Nguyễn Huệ và băng đá công viên bên sông Bạch Đằng, nói chuyện vui vẻ, thân mật lắm, mà tự dung bây giờ lại có điều gì e ngại khiến cho cả hai co rút như hai con ốc giấu mình vào vỏ cứng. Tôi ân hận đã tỏ một cử chỉ khá sỗ sàng khi đưa một cánh tay về phía nàng. Dù rằng cử chỉ đó đã bị tôi kịp thời kềm hãm lại, không đi đến đâu, nhưng ít nhất trong ánh mắt và đôi môi thèm khát của tôi, nàng cũng có thể nhận ra được rằng nếu nàng ngoan ngoãn hướng về phía tôi, tôi sẽ ôm ghì lấy nàng với toàn bộ sức sống mãnh liệt bị dồn nén lâu ngày nơi tôi.

“Anh rời chỗ nhà anh Cường từ lúc mấy giờ vậy?”
nàng hỏi.

Tôi thấy nhẹ nhõm, biết nàng không chấp trách gì; tự nhiên nói:

“Từ lúc 3 giờ khuya.”

“Sớm vậy à. Mà sao 8 giờ mấy anh mới đến đây?”

“Anh đi một vòng xuống bến Bạch Đằng rồi quanh lại...”

“Xuống bến Bạch Đằng? Để làm gì giờ đó?”

“Không được sao?”

“Không phải là không được... nhưng em lo cho anh mà. Lỡ họ thấy anh đi lang thang nửa khuya, chặn lại hỏi giấy tờ thì phiền lắm. Nhiều người đi vượt biên qua ngã sông Bạch Đằng đó. Cho nên khu vực ven sông công an đi tuần nghiêm ngặt lắm.”

“Anh hết sợ chuyện đó rồi. Anh thấy anh thật ngu khi phải sợ công an hỏi giấy tờ. Ở tù ra họ cấp cho mình có một tờ giấy tha chứ không có tờ giấy nào khác kèm theo, vậy có hỏi đến thì đưa tờ giấy đọc nhất đó ra, có gì phải lo sợ tránh né chi cho mệt! Thủ tục hành chánh giấy tờ của họ như vậy mà. Còn giả như có bắt vào đồn bắt để điều tra thì cuối cùng cũng tìm ra sự thực rằng anh là tù

nhân được tạm tha hợp lệ, có phải trốn trại đâu. Nước cùng là giam anh vào tù trở lại... thì cũng được thôi. Trước sau gì cũng vào tù lại mà.”

“Đừng nói vậy. Anh không thể vào tù lại,” nàng nhăn mặt nói.

“Anh chưa được tự do thực sự, em biết rồi mà. Tờ giấy tha anh mang theo người chỉ là lệnh tạm tha thôi.”

“Nhưng... anh không thể vào tù lại. Em không muốn anh bị ở tù lần nữa. Thời gian hai năm tù của anh, so với người khác là ngắn, nhưng như vậy cũng đủ rồi. Anh không cần phải trau luyện hay thử thách gì nơi đó nữa.”

Tôi im lặng. Nàng bới chén cơm khác và gấp thức ăn vào chén cho tôi bằng đôi đũa của nàng. Cử chỉ thân mật đó làm tôi thấy ấm lòng, dễ chịu. Tôi vui vẻ nói đùa:

“Vậy em nghĩ anh cần trau luyện ở môi trường khác hơn là trại giam, phải không?”

“Ồ đâu lại chẳng là trường trau luyện. Cái đó anh thừa biết, em đâu dám nhắc nhở hay khuyên răn gì. Nhưng em thấy... hình như anh vẫn còn nỗi khắc khoải ưu tư hay một niềm đau nào đó chưa giải tỏa hoàn toàn.”

Tôi giật mình kinh ngạc, lắp bắp nói:

“Em nhận ra được điều đó à?”

“Trên nét mặt anh,” nàng thản nhiên nói, rồi lại nhíu mày, đổi giọng thiết tha. “Anh có một cái gì còn giấu ở bên trong, chưa nói ra được, phải không? Sao anh không nói em nghe. Anh đã kể em nghe cả hai năm tù của anh với bao đắng cay tủi nhục và sự phấn đấu để nhào mình ra khỏi thống khổ... vậy sao anh hãy còn giữ lại cái gì đó trong lòng? Cái đó khó nói lắm sao?”

Sự tinh tế và vài lời khích lệ của nàng khiến tôi mạnh dạn, muốn tuôn ra hết những gì tôi chưa muốn nói cho bất cứ ai tôi gặp từ ngày ra tù đến giờ: nàng, Như Tâm, Tửu, Nguyên Hỷ, anh Cường, chú Thuận hay thằng bé Roi. Hai ngày qua, tôi không có chút hứng thú hay lý do thích đáng nào để kể lể với kẻ khác rằng tôi có người

CỜI TRÓI TẬP II

cha vừa mới chết. Không phải tôi muốn phủ nhận hay chạy trốn sự thực đó. Tôi chỉ cảm thấy rằng nói ra điều đó với mọi người, cũng chẳng có gì thay đổi cho tôi cả. Nghe chuyện cha tôi chết, người ta sẽ làm gì, nói gì? Chắc là:

“Ôi, tội nghiệp cho Khang!”

“Thật vậy à, thành thật chia buồn với Khang.”

“Sao mà nhanh thế, thôi giờ mình lo cầu nguyện cho ông cụ chứ biết sao. Đời vô thường mà...”

Đại khái tôi sẽ được đón nhận những lời như vậy. Tôi không thấy cần thiết những lời an ủi, chia buồn, dù rằng tôi tin tưởng và ghi nhận tấm chân tình của những người bạn nói trên dành cho tôi. Khổ đau đó dường như là một cái gì trân quý mà tôi ích kỷ chỉ muốn chôn chặt vào tận đáy lòng, chẳng muốn chia sẻ cùng ai, để một mình gặm nhấm cho thấm thía đến cùng cực. Hoặc chỉ có thể vì con người lì lợm thường tự hào có nghị lực như tôi, không muốn òa khóc, không muốn biểu lộ cảm xúc đau khổ trước mặt kẻ khác. Nhưng người bạn mới, Nam Phương, lại là người bén nhạy lạ thường đến nỗi ngay lúc nàng khơi mào cho tôi bộc lộ, tôi có cảm tưởng rằng chỉ có nàng mới chính là nơi chốn thân yêu, là chiếc nôi an lành, là vòng tay dịu dàng bao dung nhất... để tôi ngã vào như một đứa trẻ.

Dù vậy, hãy còn một động lực ương ngạnh kiêu kỳ nào đó trấn ngự nơi cửa ải xúc cảm của tôi. Lợi dụng thời gian nhai cơm, tôi không vội nói gì với nàng. Tôi đắn đo tự hỏi lòng mình, nơi đây và lúc này có phải là thời điểm, là nơi chốn, là đối tượng, để tôi bộc bạch chẳng. Không. Một tiếng “không” vang mạnh trong tôi làm tôi dứt khoát, bỏ đũa xuống, nói:

“Thực ra cũng chẳng có gì quan trọng.”

Phương ngó tôi, quan sát, rồi nói với giọng buồn buồn:

“Anh chưa có hứng thú để nói thì thôi, em không nài. Em chỉ muốn anh biết rằng, em rất muốn nghe, rất thích nghe, tất cả những gì liên quan đến đời anh.”

“Để làm gì!”

“Để làm gì? Ha, con người đây áp những lý tưởng này nọ như anh lúc nào cũng muốn đặt một mục đích nào đó cho những hành động của mình. Không lẽ không có mục đích thì không có hành động sao? Lý tưởng và mục đích làm cho đời anh chết cứng, chỉ biết đi ngay ngó thẳng, không nhu nhuyễn uyển chuyển được trong hành động. Anh đau khổ nhiều cũng vì vậy mà thôi.”

Tôi lại một lần nữa giật mình kinh hãi. Nam Phương không hoàn toàn chỉ là con người dịu dàng, nghiêm trang pha chút lãng mạn như tôi nghĩ. Nàng có những nhận xét sắc bén của một người giàu mạnh cả lý trí và cảm tính, nhưng quân bình được cả hai thứ đó; còn tôi thì thường rơi vào một trong hai cực đoan: đôi khi như một nhà mô phạm, đôi khi như một nghệ sĩ. Khi như một nghệ sĩ, tôi không hoàn toàn đóng vai nghệ sĩ vì luôn ý thức mình là một nhà tu hay một nhà mô phạm; khi như một nhà mô phạm, tôi không trọn vẹn là nhà mô phạm vì cảm tính nghệ sĩ luôn kéo lôi tôi vào dòng xúc cảm mạnh mẽ dị thường trước thiên nhiên và con người.

“Ồ, xin lỗi anh, chắc em nói không đúng... Anh đừng để tâm nghe,” thấy tôi im lặng, nàng nói vậy.

“Không, em nói đi. Anh nói với em hôm qua đã nhiều rồi, bây giờ đến lượt em đó. Anh muốn nghe chuyện của em.”

Nàng cười một tiếng thật khô:

“Đời em, ngoài chuyện xuất gia không thành, chẳng có gì quan trọng đâu mà kể.”

Sau câu ấy của nàng, chúng tôi hết chuyện nói. Và tôi biết, cái khát khao muốn bộc lộ của tôi đã chìm tắt.

“Anh phải đi bây giờ,” tôi nói.

“Anh đi đâu vậy? Anh có thể ở lại đây được mà.”

“Được, nhưng anh cần đi một vài chỗ trước khi ra Nha Trang.”

“Vậy em chờ anh đi há?”

“Thôi, không phiền em đâu. Anh đi xa lắm, tận

Long Thành.”

“A, anh muốn thăm lại chùa của anh trên kinh tế mới đó hả? Em chở anh đi bằng Honda, được không?”

“Không được, đường xá trên đó bụi bặm, đầy ổ gà; với lại trên đó vắng vẻ, thiếu an ninh, em đi không tốt đâu.”

“Anh lúc nào cũng tìm có từ chối, không cho em theo...” nàng phụng phịu một cách trẻ nít làm tôi ngạc nhiên, ngỡ như lúc nãy và bây giờ là hai con người khác nhau.

“Hôm nào đi Nha Trang, em đi với anh; còn bây giờ, để mình anh, nói thật đó.”

“VẬY... anh muốn đi bằng xe Honda của em không?”

“Không. Để anh đi xe đồ thì khỏe hơn, khỏe vương bạn.”

“Anh sợ đi chiếc xe của em thì vương bạn em à?”

“Không phải. Anh sợ mang xe em theo lỡ có chuyện gì xảy ra trên đó... lại mất luôn chiếc xe của em.”

“Có chuyện gì là sao? Bộ trên đó ghê lắm hả? Vậy thì anh đừng đi.”

“Nhưng... anh thực sự muốn thăm lại chùa cũ trước khi ra Nha Trang... Anh muốn xem thử trên đó cần giúp gì không.”

“Anh nhờ Tử hay ai đó đi thay không được à! Em không cho anh đi đâu. Thực đó. Em nói khi nãy rồi: em không muốn anh bị tù lần nữa.”

Phương nói như thể nàng có một liên hệ thật khắng khít hay một thứ thẩm quyền tình cảm nào đó đối với tôi vậy. Điều này làm tôi buồn cười mà cũng vừa thích thú ngẫm. Tôi đùa khiêu khích nàng:

“Em lấy gì để cản được chân anh mà bảo là không cho đi?”

Nàng hơi khựng một chút rồi đưa tay tóm lấy đuôi tóc được kẹp túm lại từ phía sau, đưa ra trước, áp lọn tóc đen dày nơi mũi như ngửi hương tóc của mình mà kỳ thực

là để che lấy nụ cười chúm chím, bẽn lẽn. Nàng chỉ làm vậy, không nói gì. Ôi, chỉ ngần ấy dáng điệu là tôi đã muốn đình chỉ mọi chuyến đi để chiều lòng nàng. Tôi nói:

“Nói giỡn chơi vậy thôi. Không đi Long Thành cũng được, nhưng ít nhất trong vòng tuần lễ còn ở Sài Gòn, anh phải tranh thủ làm một số công việc, vì khi ra Nha Trang... chẳng biết có được rời khỏi thành phố đó nữa hay không. Họ bắt buộc phải trình diện mỗi ngày ở bót công an địa phương thì làm sao cục cựa...”

Nàng nguyền tôi một cái dài rồi nói với giọng hơi bất mãn:

“Anh thật là đa đoan, ôm đồm nhiều chuyện quá! Anh thử nghĩ xem, nếu anh không may mắn được ra tù sớm thì những việc anh muốn làm hôm nay sẽ như thế nào? Chúng vẫn diễn tiến theo cái hướng nhất định của chúng. Anh không nhất thiết phải cu rùa. Cứ coi như anh đang còn ngồi tù đi, mọi người ở ngoài tự lo lấy chuyện của họ. Nếu những người thân với anh ở bên ngoài có điều gì cần phải làm trong thời gian này, thì đó là nên quan tâm đến an nguy của anh, một người tù mới được tự do, hai bàn tay trắng, không có nơi dung thân chắc chắn... chứ không phải là chờ đợi anh quan tâm lo lắng cho họ. Bây giờ, thực tế hơn, anh lo vấn đề của anh trước đã.”

“Nói vậy cũng không đúng. Cái thực tế trước mắt là anh đang ở đây, ngoài vòng tù tội: anh phải làm cái gì có thể làm được chứ! Khi không làm được gì, anh chịu thúc thủ; còn bây giờ, thấy có thể làm được vài chuyện, không lý ngồi yên!”

“Nói gì thì nói, chẳng qua là vì tánh anh như vậy, cứ muốn ôm đồm, bao sôn, tự gánh cho mình những trách nhiệm hay bổn phận. Có khi nào anh nghĩ rằng những thứ bổn phận hay trách nhiệm đó níu kéo, vây bủa anh, đánh mất sự tự giải thoát của anh không!”

“Có khi nào em nghĩ rằng khi một người buông xả hết tất cả trách nhiệm với đời thì sẽ bị vướng mắc vào

CỜI TRÓI TẬP II

vòng trói buộc của một cái bản ngã to tướng vị kỷ hay không!”

“Thôi, thôi, em nói không lại anh đâu. Để anh tự quyết định đi. Anh muốn đi đâu thì đi, làm gì thì làm.”

“Em giận anh hả?”

“Em có quyền giận anh à!”

“Anh nghe rằng bò-tát không biết giận.”

“Em đâu phải bò-tát!” nàng đứng dậy bung chén bát đến chỗ bếp.

“Có tâm cứu vớt độ người là bò tát rồi,” tôi vừa nói vừa giúp nàng dọn dẹp bàn ăn.

“Em chưa từng cứu vớt ai.”

“Em cứu vớt anh.”

“Làm gì có chuyện đó.”

“Nói thực,” tôi đến sát bên nàng, “ít nhất em đã cứu vớt anh.”

“Làm gì mà bảo là cứu vớt?” Nàng tựa lưng vào tủ búp-phê, mắt nhìn dưới đất.

“Em ban cho anh sự an tâm vô úy lúc anh loay hoay tìm chỗ trú đêm khi mới ra tù.”

“Anh có biết sợ ai đâu mà bảo là em cho anh sự vô úy.”

“Anh không sợ ai nhưng sợ em đấy chứ.”

“Xạo,” nàng trách yêu.

Tôi đưa một tay lên vuốt tóc nàng. Nàng đứng im, mặt cúi xuống, tay chân líu quíu. Thấy nàng có vẻ run rẩy, ngưng ngưng, tôi e ngại rút tay lại, nói:

“Thôi, để anh đi nghen.”

“Dạ,” nàng đáp nhỏ.

Tôi vào buồng tắm rửa tay, súc miệng rồi bước xuống lầu. Nàng cầm chìa khóa bước theo. Đến ngang phòng khách, nàng như sực nhớ điều gì, quay lại nói:

“Anh vẫn còn giữ ý định đi Long Thành hử?”

“Anh cần đi,” tôi quả quyết.

“Anh thực sự không cần xe của em hử?”

“Không, anh sẽ đi xe đò.”

“Anh ra bến xe bây giờ hay là về chỗ Tửu rồi mới đi?”

“Ra bến xe bây giờ.”

“Vậy em chờ anh ra bến xe, nhé.”

“Ừ.”

“Còn điều này nữa, anh có tiền để trả xe đò không?”

“Có...” tôi đáp rồi giật mình nhớ lại là trong túi áo tôi chỉ còn vòn vẹn một tờ giấy xếp tư, đó là giấy tạm tha; còn ở hai túi quần phía trước thì thọc vào chỉ đựng vải.

“Chứ không phải anh hết sạch tiền nên mới đi bộ từ nhà Tửu xuống bên Bạch Đằng rồi từ bên Bạch Đằng đi bộ đến đây sao?”

“Tại anh thích đi bộ vậy thôi,” tôi chống chế.

“Vậy đưa tiền của anh cho em đếm thử, coi có đủ cho hai vòng xe đò không. Giá tiền đi xe cũng khác hai năm trước khi anh vào tù nữa đó anh à.”

Tôi thọc hai tay vào túi quần, cười trừ, chẳng biết nói gì, làm gì.

“Thầy chưa, anh hết tiền rồi, em biết mà! Để em đưa anh... Anh không nhận thì không ra được khỏi nhà này đâu, chìa khóa em giữ đây. Anh ngồi chờ một chút, em lấy bóp giấy tờ để còn chờ anh đi nữa chứ. Ngồi đi,” nàng đặt nhẹ tay nơi lưng tôi, đẩy về phía xa-lông, ấn hai vai tôi, bắt ngồi xuống, rồi nàng quay trở lên lầu.

Ngồi lại một mình nơi phòng khách, tôi chợt thấy con người mình bỗng teo rút, nhỏ bé lại một cách vừa thảm hại, vừa thích thú chi lạ. Bên cạnh Nam Phương, dường như tôi không đủ sức kháng cự những quyết định của nàng. Trong tâm cảnh của một người tù mới được tự do chưa kịp thích nghi với đời sống xã hội, tôi trở nên một kẻ vô dụng, chỉ biết nương tựa vào người lớn mà chơi, mà sống; và bây giờ, tôi ngồi đây chờ đợi Nam Phương như một đứa trẻ chờ đợi mẹ hay chị lớn của nó thay đồ rồi dẫn ra phố. Nam Phương nhỏ tuổi hơn tôi, trẻ trung, đôi khi cũng nhí nhảnh nũng nịu như Mộng Huyền,

nhưng ở mặt khác, ở con người nàng đã hàm tàng chức năng của một người mẹ nhỏ. Chức năng đó luôn sẵn sàng ban phát tình thương và cử chỉ chăm sóc. Chức năng đó tràn đầy thứ tình cảm dễ chịu êm mát khiến cho những kẻ cứng đầu khô khan như gỗ đá bỗng trở nên ngoan ngoãn dễ dạy, và những người lớn xác già cỗi cũng biến thành bé thơ. Những thứ phụ tùng kiêu hãnh của đàn ông như lý trí, hoài bão, thông minh, lịch thiệp, kinh nghiệm, tài năng, đóm lược... đều là đồ chơi vụn vặt của trẻ con, có thể cất vào xó xỉnh nào đó, có thể đem vất đi để đến với người đàn bà bằng cái đầu trống rỗng, bằng hai tay không, bằng cái thân trần truồng, hết sức ngu độn, vô tư và hồn nhiên như trẻ con.

“Minh đi anh há,” nàng trở xuống với chiếc áo kiêu tay phùng bằng lụa trắng, cổ áo xếp ly hơi cao, mặc với quần tây màu đen.

Tôi vừa đứng dậy thì nàng đã dúm nhanh một ít tiền vào túi áo tôi, rồi bằng một bàn tay nhỏ nhắn, nàng vỗ nhẹ mấy cái lên ngực tôi, nói như thể một người chị lớn dặn dò đứa em đi xa:

“Anh phải tập sống thực tế một chút. Làm từng việc, giải quyết từng việc, bằng khả năng mà mình có, đừng phóng mộng ước đi quá xa trong khi chân mình chưa kịp cất khỏi mặt đất này. Không phải em muốn cản trở những gì anh muốn làm. Em chỉ thấy tội nghiệp anh, thấy thương cho anh phải thay nhiều người để gánh cái gánh quá nặng... Em nói anh đừng giận nghe: dù trong quá khứ, chuyện anh làm không thành, nhưng như vậy đủ rồi anh ạ. Anh đã cố gắng, đã làm những gì có thể làm được, mà hoàn cảnh vẫn không thay đổi thì đó chẳng phải lỗi anh đâu. Anh đi đâu cứ đi, nhưng nên nhớ rằng em luôn chờ đợi, đón nhận anh. Nếu thế gian này không còn chỗ nào an ổn cho anh dung thân, và nếu anh thích, hãy về đây với em... Thôi, đi há.”

Tôi im lặng dắt xe ra ngoài giúp nàng, và im lặng cho đến khi đến bên xe. Nàng ngồi yên trên xe, nói với tôi

những lời cuối trước khi chia tay:

“Thấy không có gì cần thiết thì về ngay, đừng ở lại lâu trên đó nguy hiểm nghe anh. Nhớ là còn đi Nha Trang với em nữa đó.”

Tôi gật đầu, định nói một lời gì mà chẳng biết nói làm sao. Tôi đứng như trời trồng một lúc, vẫn chưa nghĩ ra câu gì thì nàng lại ra dấu tôi bước lại gần nàng một tí, nói nhỏ:

“Cẩn thận đừng nói hay bàn gì chuyện chính trị nữa nghe. Chỉ lên thăm rồi về. Chỗ núi rừng độc địa, anh ở trong nhà đừng ra ngoài nhiều mà trúng gió, gặp bạn cũ đừng thức khuya, cũng đừng hút thuốc nhiều quá, coi chừng bệnh, nghe anh.”

Ban đầu nàng dặn dò, tôi thích thú vì được quan tâm. Nhưng nàng dặn kỹ quá làm tôi thấy mệt. Tôi cười, gật đầu lia lịa rồi vẫy tay chào nàng, bước lên xe. Tưởng vậy là xong, nào dè nàng lại dựng Honda, chạy tới bên cửa sổ xe đồ, nói với lên:

“Anh có tính đánh điện tín ra Nha Trang báo trước cho gia đình biết là anh sắp về không?”

“Không, không cần đâu,” tôi nói đại cho xong.

“Anh muốn về bất ngờ để làm gia đình ngạc nhiên hử? Nhưng báo tin cho ba mẹ anh biết sớm một chút thì có phải là ông bà vui sớm một chút, bớt lo một chút không! Há, chút nữa em đi đánh điện tín cho anh nha, đọc tên và địa chỉ đi.”

Tôi do dự một lúc, rồi đọc tên ba tôi kèm theo địa chỉ ngôi nhà xưa có giàn bông giấy đỏ rực con đường Nguyễn Thái Học Nha Trang.

“Để tên ba anh thôi, khỏi cần để tên mẹ, phải không?”

“Ừ, để một tên được rồi. Thôi, em về đi, để còn tránh đường cho xe người ta chạy kia.”

Nàng ngược nhìn tôi, mắt long lanh như ứa lệ, đưa một tay lên vẫy ngoắc rồi đi. Ô kia, sao nàng lại khóc nhỉ? Tôi về chứ có đi luôn đâu. Tôi cũng đâu có nói chuyện ba

CỜI TRÓI TẬP II

tôi đã mắt cho nàng nghe đâu! Rõ thật là đàn bà, mau nước mắt quá. Tôi nghĩ thì nghĩ vậy chứ khi nàng lái xe chạy vòng ra khỏi bến rồi, tôi nhìn theo cũng thấy lòng bịn rịn, xao xuyến. Không rõ tôi xao xuyến vì chia tay nàng hay vì đã nhắc đến tên ba tôi khi nhờ nàng đi đánh điện tín. Ba tôi chết rồi, sao tôi lại đánh điện tín đề tên ông? Tôi không muốn ông chết khi tôi đang còn xa Nha Trang gần năm trăm cây số. Tôi không muốn nhìn nhận cái chết của ông trong lúc này. Hãy để tôi về đến căn nhà xưa ấy, nhìn tận mặt cái chết của ông, ném cái đau khổ thực sự của ly biệt ngay ở nơi chốn kỷ niệm của một thời thơ ấu khi tôi còn trong vòng tay bảo bọc của ông.

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG HAI MƯƠI SÁU

Con đường dẫn vào vùng kinh tế mới Bà Cạn vẫn là con đường lỏm chỏm ổ gà và đầy bụi đỏ. Hồi đó chúng tôi thường gọi đùa là đường “hồng trần.” Bây giờ vẫn vậy, không gì thay đổi. Chỉ có những cây dương và bạch đàn hai bên đường là cao vút, dày đặc hơn, che mát gần một nửa chiều ngang con đường xuôi ngược duy nhất của vùng này. Lúc tôi vừa xuống xe đò, rời quốc lộ để đi bộ vào đường đất, mặt trời hãy còn chấp chóa sau những tàng lá xào xạc đong đưa ở hướng tây, bên trái của tôi. Đường này không có xe cộ ra vào thường xuyên. Mỗi ngày có vài chuyến xe máy cày chạy ra chạy vào giữa xã Bà Cạn và đầu đường ra quốc lộ; đến bốn, năm giờ chiều thì không còn chuyến xe nào nữa. Ngoài loại xe máy cày kéo theo một rờ-một chở khách, không có bất cứ loại xe nào chịu đựng nổi sự dằn xóc của con đường lỏm lổm bị cày nát bởi hàng trăm chiếc xe bò với bánh sắt chạy qua suốt ngày đêm.

Tôi đi bộ vào hướng chùa. Khoảng ba cây số. Đi chừng nửa đoạn đường thì mặt trời cũng sắp lặn sau những khóm tre và những mái nhà tranh tỏa khói bếp.

Từ xa, tôi đã có thể nghe được tiếng mõ nhịp nhàng từ phía chùa vọng đến, lúc được lúc mất theo từng cơn gió tiếp nối nhau tung bụi mù mịt trên đường. Từ ngày tôi rời bỏ vùng này để ẩn lánh rồi cuối cùng vào tù, không một người bạn nào của tôi lai vãng chùa này, cho nên khi gặp Tửu hai ngày vừa qua, tôi cũng không được biết thêm gì về tình hình nơi đây ngoại trừ chuyện mấy chú tiểu ở đây đều đã hoàn tục, rời khỏi chùa. Nhưng bây giờ có tiếng mõ, tiếng chuông từ phía chùa vang vọng

đến. Tôi vừa ngạc nhiên, vừa xúc động, mà cũng vừa an lòng. Ít ra thì chùa cũng chưa bị nhà nước tịch thu hay bị bỏ hoang.

Mặt trời đã lặn khi tôi tiến vào cổng chùa. Vào giờ này, cũng như hơn nửa giờ đồng hồ trước trên đường đi, ít người qua lại nên không ai phát giác sự có mặt của tôi. Hai cây bạch đàn do tôi trồng hai bên pho tượng Quán Thế Âm lộ thiên bây giờ cũng đã cao vút khỏi mái chùa và rũ bóng xanh sẫm làm nền cho pho tượng trắng nổi bật lên trong khuôn viên chùa. Bây giờ thì tôi nghe rõ tiếng tụng kinh bên trong chánh điện là của hai ni cô với giọng tụng khàn yếu của tuổi già. Tôi đến trước pho tượng đức Quán Thế Âm lộ thiên, chấp tay cúi chào và bỗng dưng xúc động với niềm ăn năn như thể tôi là đứa con hoang nghịch trở về sau một chuyến rong chơi ngoài gió bụi.

“Thầy đó phải không thầy?” một giọng trẻ nít cất lên phía sau lưng tôi.

Tôi quay lại thì bắt gặp Thảo, con anh Hải và chị Tâm ở đôi diện chùa. Có lẽ con bé thấy tôi bước vào chùa nên chạy theo. Hai năm qua rồi mà nó vẫn không lớn thêm được mấy tí dù tính theo tuổi thì năm nay có lẽ bé đã lên mười.

“Thảo hử con? Đến đây thầy bảo.”

Con bé ngập ngừng một lúc rồi chạy a tới ôm lấy tôi, khóc mếu máo.

“Thầy ơi, thầy không có sao hử thầy? Thầy mới về hử thầy. Thầy đừng có đi nữa nghe. Để con về nói ba mẹ con nghe. Hu hu...”

“Khoan, thầy dặn nè, nói ba mẹ qua đây gặp thầy, đừng cho ai biết nhiều, nghe chưa.”

Con bé dạ một tiếng rồi chạy vù về nhà. Tôi bước vào trong, vòng ra phía sau chánh điện, ngồi ở bàn khách (cũng là bàn ăn) của chùa. Hai ni cô tụng kinh nên chùa chẳng ai coi ngó. Tôi ngồi im, thoáng nhớ lại một thời sống vui cùng tăng chúng nơi đây. Lúc đó đất chùa hãy còn trống hoang, tôi và các thầy các chú trẻ, ra công khai

phá, trồng trọt. Bây giờ chung quanh vườn chùa đầy những cây mít oằn trái và những cây điều xum xuê cành lá. Vườn chùa trông mát mẻ hơn xưa rất nhiều.

Tôi ngồi một lúc thì anh Hải, chị Tâm chạy qua chùa. Tôi trò chuyện cùng họ đầu chừng mười phút sau thì đồng bào phật-tử lối xóm lần lượt tụ đến đầy nghẹt, bao vây lấy tôi, người câu này người câu nọ, hỏi thăm tới tấp. Tôi khá ngỡ ngàng khi xuất hiện trước mặt họ với hình thức một người thế tục. Tôi dự tính chỉ cho vài người quanh khu vực chùa biết, không ngờ người ta đồn với nhau quá nhanh, xóm trên xóm dưới ùn ùn kéo về. Rồi hai sư cô tụng kinh xuống, nghe Phật tử giới thiệu tôi thì đến chấp tay chào, yêu cầu tôi trở lại chùa để hướng dẫn họ và phật-tử tu học. Theo lời một sư cô lớn tuổi thì giáo hội cử họ về đây để tạm thời thay tôi coi sóc ngôi chùa cho đến khi nào tôi trở lại. Tôi nói với hai sư cô đồng thời nói chung với đồng bào phật-tử chung quanh:

“Trong hai năm qua, tôi cứ lo lắng không biết ngôi chùa này sẽ như thế nào khi tôi đi vắng; nay trở về nghe được tiếng chuông mõ, gặp được hai sư cô, biết được mái chùa vẫn còn đây, tôi thật an lòng. Tôi thành thật cảm ơn quý sư cô đã thay tôi hướng dẫn phật-tử ở đây trong nhiều tháng qua. Tôi cũng xin thỉnh cầu quý sư cô kể từ hôm nay, chính thức đảm nhận việc trụ trì ngôi chùa này để tiếp tục giúp đỡ Phật tử tu học, vì có thể hoàn cảnh hiện nay không cho phép tôi trở lại đây được nữa. Trong nay mai tôi phải ra Nha Trang để trình diện công an địa phương tại đó, không biết chừng nào mới gọi là ổn định... Riêng đối với quý phật-tử ở đây, tôi mong quý vị hết lòng hỗ trợ hai sư cô để xây dựng, kiến thiết ngôi chùa; và quan trọng nhất là phải siêng năng tu tập, tụng kinh, lễ Phật mỗi ngày...” Có nhiều tiếng sù sùi thút thít trong đám đông khiến tôi phải ngưng một lúc. “Quý vị làm được điều đó thì dù cách xa đến đâu, hoặc phải chịu một hoàn cảnh nào khó khăn hơn trước, tôi cũng vui vẻ, yên tâm, biết rằng những hạt giống tốt tôi gieo trồng nơi đây được

chăm bón, phát triển, có thể chịu đựng được những khắc nghiệt của thời tiết.”

Buổi tối ấy, tôi dùng cơm tại chùa rồi đi thăm một số gia đình gần chùa nhất. Cuối cùng, tôi ngủ lại đêm ở một cái chòi của gia đình chú tiểu Hòa—một gia đình rất thân với chùa vì có ba người đi tu, trong đó hai người là đệ tử của tôi. Tôi không ngủ đêm tại chùa vì hiện nay các tịnh thất nhỏ dùng làm chỗ nghỉ cho chư tăng đều đã bỏ hoang nhiều ngày, cỏ gai mọc phủ cả mái; chỉ còn một gian nhà có hai phòng nhỏ dành cho hai sư cô, tôi không muốn chiếm chỗ của quý sư cô; phần khác, tôi muốn tránh ngủ đêm tại chùa, vì e rằng có thể công an đến xét hỏi nửa đêm, làm khó tôi, làm phiền cho chùa. Lúc nãy nói chuyện với phật-tử tụ họp tại chùa, biết đâu trong số đồng đó lại có người của công an.

Trong xã Bàu Cạn cách chùa hơn một cây số, nhà cửa thưa thớt, rừng tre gai và cỏ tranh còn đầy. Căn chòi tôi ngủ đêm nằm sâu và biệt lập trong vùng tre gai ấy. Gia đình chú Hòa phát dọn một lối đi riêng từ nhà đến chòi. Họ kín đáo đưa tôi đến đó, tránh không cho nhiều người biết. Sáng sớm hôm sau, khi mặt trời chưa mọc, anh chú Hòa sẽ chở tôi bằng xe đạp, ra quốc lộ đón xe về Sài Gòn.

Đêm đó không ngủ được, nằm nghe rùng rợn dậy tiếng côn trùng, lòng tôi chợt nảy sinh một nỗi nao nức kỳ lạ, giống như có một sự mời gọi nào đó thúc giục tôi ngồi dậy, ra ngoài. Tôi vén mùng bước khỏi cái giường tre ọp ẹp, xỏ chân vào xăng-đan, bước đến khung cửa sổ nhìn ra ngoài trời. Bây giờ là đêm mùa xuân tháng chạp âm lịch. Trăng đã lên sớm rồi lặn sớm. Màn trời đen kịt làm cho muôn sao như sa xuống gần, càng lúc như rục sáng thêm lên. Mà ánh sao càng rục sáng, tôi càng thấy nao nao, bấn loạn, bức xúc, như con cá thiếu vảy, con chim thiếu cánh, con mèo thiếu vuốt, con người thiếu tim—hay trái tim bị teo rút không đập—để rồi quờ quạng, nghiêng đảo, sục tìm, sục kiếm, lảng quăng... Tôi tìm gì đây? Tôi muốn gì đây? Tôi khát khao gì đây? Ôi, một cái gì trong

VĨNH HẢO

tôi đã mất hay một cái gì trong tôi chưa có, khiến tôi thêm nhớ chạy rong!

Ngay lúc ấy tôi bỗng nghiệm ra rằng, dường như bầu trời cao rộng trên đầu tôi luôn luôn là bãi đáp hoặc là cho mặt trời, hoặc là cho mặt trăng, hoặc là cho các vì sao xa; và mỗi phiên lượt của chúng đều thúc đẩy, kích động để bật dậy trong tôi một cái gì. Tôi từng nghĩ mặt trời, mặt trăng thúc đẩy sự khởi sinh lý trí và tình cảm, ở dạng thái quang minh sáng rõ. Nhưng tôi chưa biết nỗi phần kích lạ lùng khó hiểu nào đó mà những vì sao đang đoanh vây tôi thúc gọi và đánh động. Tôi đứng im ngược nhìn chúng, đẩy cánh cửa tre thưa ra, hồi hộp, xao động băng quơ một lúc, rồi băng mình vào đêm rừng ướt sương. Tôi đi thật nhanh, đi như chạy, không nhắm một hướng nào nhất định. Và trong khi chân tôi lập xập quàng xiên trên lối cỏ chập chùng sương giăng, tim tôi cơ hồ bất nhịp với tiết điệu mơ màng nguyên sơ của vũ trụ. Chân tôi tự dưng bước chậm lại, chậm lại. Tôi đứng im tại chỗ hay tôi đang bước mà nghe như đánh nhịp với thanh âm uyển chuyển nhẹ nhàng của tấu khúc đêm hoang. Tôi múa và vũ trụ quanh tôi cũng múa. Tất cả đều múa, trong một âm điệu êm dịu, nhẹ nhẹ, như mây, như sương, như cơn mưa lất phất rơi trên hồ thu quạnh. Muôn sao lập lờ, lấp lóa. Tre gai rung mình, đong đưa. Cỏ tranh xào xạc, lướt thướt. Đất trời xoay. Đất trời xoay...

Em đến như sương

Mơ ngập con đường xao xác gió khua đêm

Mơ ngập hàng cây lá biếc nghiêng mình

Mơ ngập tim anh nửa đời xô giạt

Mơ giấc mộng đeo đẳng cuốn anh đi

Lối trước mơ hồ, ngõ sau người rượt đuổi

Tuổi xuân lạc bước, chạy mãi đến bao giờ

Đất trời mang mang

Nằm xuống bên nhau quên đời thoáng chốc

Ôi nhớ nụ cười khúc khích rụng muôn sao

CỜI TRÓI TẬP II

Ôm nhau đi, ôm nhau đi
Đất lạnh
Rừng hoang
Lòng người man trá
Ngủ giấc phù hư lây lất đêm này...
Ngày ngày thức dậy nhìn qua cửa
Mờ mịt khung trời khuất bóng trăng sao
Sóng dữ dập dồn, đẩy nhau đi tới
Em đi, anh đi, người người đi
Tan tác muôn phương tay không đưa vẫy
Lời riêng giữ lại, chưa kịp nói yêu nhau
Gác vắng nằm im,
đưa tiễn âm thầm dáng sương mỏng mảnh
Đêm mịt mùng gió hú ngàn khơi
Ôi giấc mộng huyền, em thay anh chôn vào lòng biển
Và anh chôn em ở tận đáy tim này...
Cúi xuống niềm đau mà tìm quên lãng
Vết cắt chưa lành lại cửa thêm dao
Anh có cha già tựa hiên ngóng đợi
Hay anh mơ, mơ viễn mơ vông?
Lụy tình man man vờ quên mặt người thiên cổ
Anh nhếch môi cười với nỗi nhớ niềm đau
Nước mắt khô nhanh không kịp khóc người nằm xuống
Bi khúc vô thường anh múa với ngàn sao
Nam phương là đâu?
Mộng huyền là đâu?
Chỉ thấy đêm rừng quay quắt nhớ mắt ai nâu
Anh đi kiếm phương nam hay tìm giấc mộng hư hao
Mà góc trời này gục xuống với đêm sâu...
Xoay tít nữa đi, đêm không cùng tận
Đưa ta về cuối bãi hoang sơ...

Tôi đứng lại nơi hàng rào phía vườn sau của chùa. Mặc dù khoảnh vườn sau của chùa—nơi có hai tịnh thất và một thư viện nhỏ của chùa tôi—đã bị cỏ tranh phủ lấp không còn dấu vết gì của ngày cũ, tôi vẫn nhận biết ngay

bằng cảm giác thân thuộc năm xưa với con đường mòn ngoằn ngoèo chạy dọc theo chiều dài của chùa, phân chia đất chùa với khu nghĩa trang lác đác vài ngôi mộ của dân xã Bàu Cạn. Hóa ra trong điệu vũ điên cuồng với sao đêm, bước chân tôi đã theo cái nghiệp thức ân tảng nào đó mà đưa tôi đến đây lúc nào không hay. Tôi đứng im một lúc để định hướng rồi đạp lên cỏ, vạch đường tiến sâu vào. Đây là thư viện, mái tranh bị gió thổi tốc đi gần một nửa, để trống ở trên một khoảng trời nhỏ lấm tẩm sao. Nền vách thư viện được xây bằng gạch đúc (đất sét), nên qua nhiều mưa nắng hãy còn giữ lại bậc thềm cao và bốn vách thẳng đứng, vững chắc. Khung cửa chính và hai khung cửa sổ bằng gỗ với chấn song sắt đã bị ai tháo gỡ làm trống mất một phần vách ở mặt tiền. Tôi ngồi nơi bậc thềm ấy khá lâu, lặng nhìn vẻ tàn tạ của khung cảnh chung quanh. Năm xưa chúng tôi tụ tập ở đây khoảng mười tầng sĩ trẻ và mấy chú tiểu. Bây giờ mỗi người mỗi ngã. Cả một khu đất rộng với nhiều loại cây ăn trái vây quanh hai tịnh thất và một thư viện, bây giờ là đồng cỏ hoang. Các sư cô hiện ở chùa đã già yếu, không đủ sức khai phá dọn dẹp. Tôi thờ dài đứng dậy, men theo khoảng cỏ thưa đến tịnh thất của tôi, nằm phía bên phải của thư viện. Căn tịnh thất hoàn toàn sụp đổ. Chỉ thấy một đồng lùm xùm không còn hình dạng một căn nhà, mà như một đồng rơm, một núi rác, mái tranh ôm vách đất, cỏ lau chen tre rừng. Tôi chột bật cười khan một mình. Đường như đến tận phút này tôi mới nhận biết rằng đời tôi chưa làm được một cái gì nên chuyện. Tất cả những gì tôi mơ ước, toan tính, thực hiện, hình thành, xây dựng... đều dở dang, thất bại, tiêu tán, chìm khuất. Ngay cả cái chuyện rất nhỏ là cất ngôi thảo am xiêu vẹo ở chôn hoang đã què mùa này mà cũng không thành, không giữ được thì nói chi đến đại sự khác như... như đại sự gì nhỉ? Không có đại sự gì cả. Đời tôi chưa có đại sự. Bởi chính cái đại sự xuất gia, thoát ly sinh tử để với đến một phương trời cao rộng, là con đường cao đẹp mà tôi đã dốc mười lăm năm tuổi

CỐI TRÓI TẬP II

trẻ tôi vào đó, cuối cùng cũng gián đoạn, bỏ ngang, thì không còn có một thứ gì khác trong đời tôi đáng để gọi là đại sự nữa! Tôi không ngờ tôi lại có mặt trên đời một cách vô tích sự như thế.

May ra thì hãy còn một thành tựu, một thứ hiện hữu không do tôi dựng nên, đã có mặt nơi đây trước khi tôi đến, và sẽ tồn tại sau khi tôi đi, bởi nó không do sức tôi tạo nên, không do ý tôi mà thành: cây trầm. Nó là cây trầm khô phía sau căn tịnh thất này, sâu về hướng bờ ruộng khoảng năm trăm thước. Nó to lớn, đứng sừng sững nơi bìa rừng như một hung thần dị dạng từ nhiều năm, không ai dám đưa tay đụng đến hoặc nảy sinh ý nghĩ đốn hạ. Chỉ có nó là kiên gan đứng mãi, ngoài cuộc dâu bể tang thương này. Tôi ôm niềm tin đó, háo hức đạp bừa lên cỏ tranh, chạy đến hướng ruộng. Cây trầm khô. Cây trầm khô. Tôi vừa chạy vừa lẫm bẫm. Nhưng vượt khỏi đám cỏ cao ngút đầu, chạm mặt với đồng trống rồi, tôi không thấy cây trầm đâu nữa. Cây trầm đã biến mất. Người ta đã đốn ngã và dọn sạch nó, không còn một dấu vết nào. Tôi hụt hẫng, loạng choạng ngòai phịch xuống một gò đất nhỏ gần đó. Đầu óc tôi ngay tức khắc trống rỗng không còn một tí vết nào của niềm tin, hy vọng, ý niệm, cảm thức, hoài ức, tri kiến... và ngay cả những cơ cấu kinh nghiệm làm nền tảng cho sự phát sinh những thứ ấy. Tất cả đều tan biến và tôi ngòai đây mà lọt thỏm vào hư không như kẻ ở trong trạng thái “*huyền nhai tán thủ*” (vách núi buông tay) hay “*bách xích can đầu tu tiến bộ*” (đầu sào trăm trượng bước thêm bước nữa).

Tôi ngòai lặng một mình ở cái gò đó cho đến khi gà trong xóm gáy mới lững thững quay trở về căn chòi, rửa ráy, rồi trở lại Sài Gòn.



Tôi bấm chuông rồi đứng đợi. Phương chồm người ra ở lan can trên lầu để nhìn xuống, thấy tôi, nàng mau mắn chạy xuống mở cửa. Tôi bước vào, lẳng lẳng ngồi nơi xa-lông phòng khách. Nàng khóa cửa rồi quay lại hỏi dồn:

“Sao anh, gặp lại mọi người có vui không? Ô, có chuyện gì hả? Sao mặt anh buồn vậy?” nàng vừa nói vừa bước đến, ngồi sát bên tôi, vẻ mặt quan tâm lo lắng.

“Cũng bình thường, không có gì quan trọng,” tôi lạnh nhạt nói.

“Có phải chùa anh... đã bị nhà nước dẹp?” Phương e dè hỏi.

“Không, đã nói không có gì mà. Hiện có hai sư cô đang ở đó trông coi.”

“Vậy tốt quá rồi, sao anh lại buồn?”

Tôi xua cả hai tay, lắc đầu nói:

“Không có gì, không có gì đâu. Anh muốn nằm một lúc.”

“Vậy anh lên lầu há?” nàng đứng dậy.

“Không, anh nằm dài ở đây, một chút thôi, được không? Em có chuẩn bị tiếp khách gì không?”

“Không, anh nằm đây cũng được, không sao, để em đi lấy gối cho anh.”

Nàng chạy lên lầu. Tôi nằm xuống, mở mắt nhìn tròng tròng lên trần nhà. Vừa khi nàng định nâng đầu tôi để đưa cái gối vào, tôi cầm lấy tay nàng, nói:

“Nam Phương, xin lỗi em nghe... về chuyện đi Nha Trang. Em đừng đi theo anh nhé, được không? Anh muốn đi một mình.”

Nàng chung hứng nghiêm mặt ngó tôi một lúc, rụt tay lại:

“Sao vậy?”

“Không hiểu sao, nhưng anh linh cảm là chuyện đi này không vui về gì đâu. Em đừng đi chung với anh. Mình còn gặp nhau dịp khác mà, phải không?”

Phương ngồi xuống ở chiếc ghế nệm đối diện, nói:

CỜI TRÓI TẬP II

“Hình như anh thích hứa suông, thích bội ước, thích hủy bỏ những cái hẹn cái thề... Không sao. Anh không thích có em đi chung thì thôi, em đi riêng chuyện em như xưa nay, có gì đâu.”

“Đừng nói vậy. Anh... thực ra, anh cũng chẳng hiểu sao nữa. Anh chỉ thấy là anh muốn đi một mình. Có lẽ một ngày nào đó, em sẽ hiểu vì sao.”

“Thôi, anh không cần giải thích nữa. Em không giận đâu. Anh nằm nghỉ đi, rồi chiều nay em chở anh đi phố, mua sắm một ít áo quần hay đồ đạc gì cho anh trước khi lên đường.”

“Đâu có cần...” tôi nhòm dậy nói.

“Xuyt, nằm ngủ đi, đừng nói nữa,” nàng đưa một ngón tay lên chặn ở môi, nói vậy. Y như một bà mẹ trẻ. Tôi ngoan ngoãn nằm xuống trở lại, nhắm mắt.

Nhưng nàng vừa quay đi một đoạn ngắn thì tôi đã ngồi bật dậy, gọi nàng lại:

“Phương à, anh phải đi bây giờ.”

“Cái gì? Bây giờ à! Tâm anh sao lại bất an vậy kìa! Làm như ngồi trên lửa bỏng! Có chuyện gì thì cũng giải quyết từ từ, gì mà vội vàng hấp tấp quá!”

“Anh vừa nghĩ ra một cách: khỏi cần đi Nha Trang!”

Phương lẳng lẳng quay trở lại, ngồi vào xa-lông, chờ đợi tôi giải thích. Tôi phần khởi nói:

“Anh không cần biết anh được tạm tha là do ban quản trại xét danh sách tù nhân bệnh nan y rồi tự động thả hay là do cam kết của ba anh trong đơn bảo lãnh mà anh dặn ông làm. Nếu anh về Nha Trang rồi đi trình diện chính quyền địa phương, tất nhiên gia đình anh phải chịu trách nhiệm về mọi hành tung của anh trong thời gian sống với gia đình; còn như anh không về Nha Trang thì gia đình đâu chịu trách nhiệm! Phải không? Anh đã xa gia đình từ nhỏ, không có tên trong hộ khẩu của gia đình, chính quyền Nha Trang làm sao biết được là anh bị bắt rồi được trại giam K4 thả ra! Còn công an ở Long Thành, nơi

mà anh có hộ khẩu chính thức, chính họ cũng không biết anh được trại giam K4 thả ra; vậy thì làm sao họ kiểm soát anh! Chưa hết, trại giam K4 họ chỉ cấp lệnh tha bắt buộc anh về Nha Trang, chứ có phải là cho xe đưa anh về tận Nha Trang để giao cho công an ngoài đó quản thúc tại gia đâu. Như vậy, họ làm sao biết được là anh có về Nha Trang hay không! Đoạn đường từ Long Khánh về Sài Gòn, rồi từ Sài Gòn ra Nha Trang, biết bao nhiêu là trạm công an, biết bao nhiêu là bắt trắc nguy hiểm gì đó xảy ra... biết đâu anh bị công an ở địa phương nào bắt, bị cướp giết hay bị tai nạn xe cộ gì đó. Vậy là có thể xóa tên anh trên cuộc đời được rồi.”

Phương gật đầu, tỏ vẻ đồng ý cách giải thích của tôi, nhưng hình như nàng chưa hiểu hết, hoặc là nàng đang băn khoăn suy nghĩ một điều gì khác.

“Em hiểu không?”

“Hiểu chứ.”

“Vậy làm sao em có về... ngờ ra?”

“Em đang nghĩ những gì phải làm khi anh quyết định không ra Nha Trang trình diện.”

“Thôi, em không cần phải lo. Vả lại, chuyện đó em không lo được đâu.”

“Chuyện gì mà không lo được?”

“Ồ... để anh nói em nghe sau, bây giờ anh phải đi gặp Tửu cái đã,” tôi dợm chân tính đi.

Phương chận lại, nói:

“Khang à, làm gì thì làm, anh cũng tìm cách báo cho gia đình anh biết để yên tâm. Ít nhất phải có một vài người nào đó ruột thịt của anh, thấy anh, gặp mặt anh, bằng xương bằng thịt, chứ cái điện tín em đánh đi hôm qua không chắc là sẽ làm ba anh tin đâu.”

Tôi gục gặc đồng ý và cảm ơn nàng. Phương không thắc mắc hỏi thêm chuyện gì nữa, có lẽ nàng biết là chẳng thay đổi gì được tôi. Phương lấy xe gắn máy đưa tôi lái, nàng ngồi phía sau, ngồi một bên kiểu phái nữ (kiểu này theo nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa thì

CỜI TRÓI TẬP II

đàn ông cũng nên bắt chước!), tay phải vịn thành yên, tay trái níu nhẹ trên vai tôi. Lâu quá mới cầm lái trở lại, tôi hơi loạng choạng lúc mới rời khỏi nhà một đoạn. Ra khỏi đó rồi, tôi mới quen. Tôi không nhớ nằng đã buông tay khỏi yên xe và ôm vòng ngang ngực tôi vào lúc nào. Đầu nằng hơi tựa vào vai tôi và thỉnh thoảng áp sát ngực nằng vào lưng tôi, nóng lừng.

Đến đầu hẻm, tôi trao tay lái cho Phương lái về. Phương đưa tôi một chìa khóa, dặn:

“Em cóp-pi một chìa khóa cho anh nè, anh giữ để lỡ không có em ở nhà thì cũng vào được để nghỉ ngơi, hoặc nhằm khi chỗ nhà anh Cường không được an ninh. Nhớ đừng đi lại nhiều không tốt nghe anh. Quyết định ra sao thì cho em biết, để em góp ý hay biết đâu em giúp được anh chút gì đó. Thôi, em về.”

Tôi bước vào nhà. Từ thấy tôi thì mừng lắm:

“Trời, Khang đi đâu mất biệt làm cho ai cũng lo! Có Như Tâm đến đây hôm qua, ở lại ăn hai bữa cơm tại đây, ngồi chờ Khang suốt ngày. Tôi thì đạp xe chạy lòng vòng mấy công viên hay mấy quán cà phê via hè, coi thử có Khang ngồi đâu đó không. Nhưng Sài Gòn mênh mông biết Khang đâu mà gặp!”

“Tôi đi Long Thành thăm chùa Long Quang. Này Từ à, tôi quên hỏi là lâu nay Thiện Chí có liên lạc với anh không?”

“Thiện Chí hả? Không. Mà chi vậy?”

“Thiện Chí có hứa với tôi là sẽ xuống Châu Đốc dò tìm đường vào chiến khu Bảy Núi của lực lượng Hòa Hảo. Tôi muốn gặp anh ấy... xem thử kết quả ra sao.”

“Khang vẫn còn giữ ý định đó à?”

“Không còn cách nào khác.”

“Vậy... vậy phải gặp Thiện Chí ở đâu?”

“Đến chùa Giác Sanh hỏi.”

Từ chờ tôi đi ngay buổi chiều hôm ấy. Ở chùa Giác Sanh, người ta nói Thiện Chí không còn ở đó nữa mà cũng không biết rõ anh hiện ở đâu, chỉ cho chúng tôi

địa chỉ gia đình của anh ở gần chợ Tân An, Long An, bảo đến đó hỏi thì tất biết.

Sáng sớm hôm sau, tôi và Tử đón xe đò rời Sài Gòn, xuống chợ Tân An, đến nhà Thiện Chí. Cô em gái của Thiện Chí cho biết Thiện Chí hiện đang sống tạm trong nhà. Chúng tôi ngồi ở phòng khách chờ cô lên lầu gọi Thiện Chí.

Thiện Chí gặp tôi, vui mừng vô kể, thăm hỏi rồi rít. Khi con vui dịu xuống rồi, anh cũng như những người bạn của tôi trước đó, hỏi một câu giống nhau:

“Vây trong những ngày sắp tới, Khang tính sao?”

“Tôi đến đây, vừa để thăm anh, vừa muốn hỏi xem chuyện Châu Đốc ra sao,” tôi nói ngay không úp mở.

Thiện Chí nói với giọng ái ngại:

“Từ sau ngày ra tù một hai tháng, tôi đã xuống Long Xuyên mua lại một miếng đất rẫy, trồng bậy bạ rau đậu để dò la tin tức nhưng không bắt được đường dây nào với lực lượng Hòa Hảo. Một vài người thân tín ở vùng Bảy Núi cho rằng không làm gì có chuyện một lực lượng võ trang Hòa Hảo còn tồn tại... Dường như cánh võ trang Bảo An đoàn đã rút qua biên giới, trà trộn với dân, sống ở Cao Miên hay Thái Lan. Nhưng này, Khang à, ở dưới đó có một bà phật-tử rất tiếng tăm, giàu có, chồng con chết hết, chỉ còn bà ở lại chăm sóc mồ mả ông bà tổ tiên... Khang biết không, bà ấy cũng có lòng với đất nước lắm. Nghe tôi kể chuyện của Khang, bà cảm động, dặn tôi rằng khi nào Khang về được, tìm cách đưa Khang xuống gặp bà. Bà nói, bao nhiêu tài sản còn lại của bà xin hiến hết cho Khang làm cách mạng, làm lại từ đầu, không cần kết hợp với lực lượng nào khác. Thực đó. Để rải rải tôi sắp xếp vài công chuyện ở đây rồi đưa Khang đi xuống đó, nghe?”

Nghe Thiện Chí nói không có đường rút, tôi đã không còn hứng thú gì để hỏi thêm. Chuyện một bà mệnh thường quân nào đó kể ra cũng là một tia hy vọng cho một chí sĩ cách mạng đấy. Nhưng làm lại từ đầu ư? —

CỜI TRÓI TẬP II

Cũng được. Tôi chưa mỗi mệt, chưa muốn bỏ cuộc. Nhưng ngay lúc này thì chưa được. Bây giờ là lúc cần một chỗ ẩn thân, không phải lúc toan tính, tổ chức này nọ... Toan tính gì đây, tổ chức gì đây với một cái đầu trống rỗng như tôi bây giờ! Có một luồng gió dữ đang ủa tới, chồm tới phía sau, tôi phải gấp rút ẩn thân. Tôi đang cần một chỗ ẩn thân an toàn mà chỗ ấy không thể là những gia cư có hộ khẩu chính thức của chế độ. Nó phải là một vùng đất, một thổ ngòi biên địa nào đó, nằm ngoài vòng pháp luật.

Tôi từ giã Thiện Chí. Thiện Chí tiến ra cửa, hỏi lại:

“Về chuyện bà phạt-tử dưới Long Xuyên... Khang tính sao?”

“Cám ơn anh, và cám ơn tấm lòng của bà ấy... Chuyện đó hãy để nhân duyên đưa đẩy đi há.”

Trở về Sài Gòn, tôi tiếp khá nhiều bạn bè lần lượt đến thăm. Họ đến thăm rồi vội vã cáo từ, không người nào ngồi lâu. Dường như ai cũng sợ lây vạ vào thân, như thể tôi là một tên phung cùi ghê lở. Tôi không trách họ. Đối với tôi, đó chỉ là chuyện nhỏ. Tôi đang tính chuyện khác. Tôi bàn với Tửu chuyện đi Đà Lạt để thăm dò đường dây của lực lượng FULRO (viết tắt từ danh xưng tiếng Pháp của một lực lượng chính trị có võ trang của dân tộc thiểu số ở cao nguyên, có chủ trương tách rời cao nguyên trung phần Việt Nam thành một nước tự trị ở trung tâm Đông Dương; tôi chưa tìm hiểu kỹ về họ, chỉ nhớ mang máng có đọc đâu đó rằng họ được chính phủ Pháp đỡ đầu trước đây nhằm tạo một trái độn giữa ba nước Việt – Miên – Lào để dễ dàng kiểm soát các nước này hơn). Xét cho cùng thì chủ trương của lực lượng này không phải là điều mong đợi của tôi, nhưng ít ra họ cũng là thành phần đối lập với chính quyền cộng sản. Lúc ở trại giam B5 Biên Hòa, tôi nghe vài người sống ở vùng cao nguyên kể rằng lực lượng FULRO đã từng đụng độ nhiều trận với quân đội chính qui Việt Nam ở ven biên giới

Lào-Việt và ngay cả ở một vài thị trấn giáp rừng già cao nguyên. Họ có chiến khu trong rừng già và thường cho người về thành để móc nối, mộ quân, quyên góp lương thực. Nhiều người Việt vùng cao nguyên đã hết lòng hỗ trợ họ vật chất, có gia đình cho con trai đi theo họ thay vì cho đi bộ đội của chính phủ cộng sản Việt Nam. Tôi chỉ cần được họ chấp nhận để ẩn thân tạm thời một thời gian...

Từ bây giờ mặc nhiên trở thành anh thủ quỹ riêng của tôi: ai đến thăm hay biếu xén tiền bạc quà cáp gì cho tôi cũng qua sự sắp xếp và đón nhận của Từ. Chuyện tôi đi Đà Lạt, Từ không ngăn cản, cũng không đi cùng. Anh gom tiền của nhiều người biếu riêng cho tôi, chuẩn bị chút ít hành trang gì đó cho tôi lên đường. Trước tiên là đi mua tạm cho tôi một chiếc xe đạp cũ; có xe rồi, Từ dẫn đường tôi đi may hai bộ đồ tây, lại mua một đồ lính để mặc cho ấm và biết đâu có thể cần khi bắt được đường dây với lực lượng FULRO (!).

Từ cũng đến nhà các chị tôi, gọi chị Thuần ra quán cà-phê gặp tôi (lúc đó, tôi tránh không đến nhà bất cứ người thân nào trong gia đình để gia đình không chịu trách nhiệm về chuyện tôi bỏ đi, không trình diện chính quyền). Các chị của tôi đã từ Nha Trang về lại Sài Gòn sau khi lo xong đám tang ba tôi. Chị tôi kể rằng ba tôi bị cao áp huyết, té nặng, chở vào bệnh viện nằm một vài ngày rồi mất trên giường bệnh. Miệng ông vẫn còn mỉm cười khi vào áo quan. Tôi được kể sơ với giọng mếu máo của người chị.

Chị tôi đưa một miếng vải đen nhỏ cho tôi đeo trước ngực áo. Tôi từ biệt chị và nhờ chị nhắn lại với cả gia đình tôi, nhất là mẹ tôi, để cả nhà yên tâm là tôi đã được về.

Thấy tôi đeo tang ở ngực áo, bạn bè nào đến gặp cũng đều ngỡ lời chia buồn rồi nhìn tôi, ái ngại. Họ không ngờ rằng tôi đã biết chuyện từ nhiều ngày trước mà không nói với họ.

CỜI TRÓI TẬP II

Chuyện ba tôi mất bây giờ trở thành một thứ dĩ vãng đã được tôi chôn thật nhanh rồi khóa lấp vội vàng. Tôi chỉ còn miếng vải đen nhỏ u ám gắn nơi ngực áo như là một cách biểu lộ khiêm tốn cái hiểu cảm của tôi dành cho ông. Nhưng khi đạp xe tới nhà Nam Phương, tự dưng tôi tháo bỏ miếng băng tang bỏ vào túi áo. Tôi không hiểu động lực nào xúi tôi làm vậy. Trước đây tôi không hề muốn chia sẻ cái tang của tôi cho cho các bạn bè khác nhưng đã sắp sửa chia sẻ với Nam Phương; còn bây giờ các bạn bè khác của tôi đều đã biết thì tôi lại thấy chưa sẵn sàng để bộc lộ với nàng. Dường như ở nơi Phương có một cái gì đó thâm kín, khó hiểu, cho tôi cảm giác là đại tang của tôi chẳng quan trọng gì lắm. Có thể từ cách suy nghĩ hay từ cách sống lặng lẽ độc lập của nàng nơi căn nhà đó.

Tôi nói tôi sắp đi Đà Lạt. Nam Phương buồn bã, hỏi:

“Anh muốn đi một mình hở?”

“Ừ, đi một mình.”

“Lỡ chuyện gì xảy ra cho anh, ai mà biết được?”

“Có biết cũng làm gì được đâu.”

“Anh này thiệt tình đó, bộ anh tưởng rằng chuyện của anh không can dự đến ai hở? Anh không biết rằng... em lo sợ, em quan tâm đến anh lắm hay sao!”

Nàng khóc. Tôi dỗ. Rồi cuối cùng nàng cũng bằng lòng để tôi đi một mình.

“Em cũng sẽ đi vắng trong thời gian anh đi Đà Lạt. Em đi thăm nuôi ba em. Vậy mình sẽ gặp lại vào dịp Tết nha. Anh nhớ về sớm, ăn Tết với em, chở em đi hành hương các chùa. Được không? Đừng có hứa lèo nhé.”

Nàng gom nhiều thứ linh tinh như thuốc cảm, thuốc ho, dầu gió... vào một cái túi nhỏ, đưa tôi, dặn dò đủ thứ về chuyện giữ sức khỏe. Rồi chúng tôi chia tay.

Lần đầu lên cao nguyên, tôi thích thú nhìn ngắm những đồi thông trùng trùng điệp điệp nhô lên trên những thảm cỏ xanh trải dài cơ hồ bất tận. Trước mắt tôi

là một thành phố màu xanh. Cái màu đó hiếm khi thấy được trên những đường phố tấp nập xe cộ của Sài Gòn. Nhưng mỗi bận tâm của tôi không cho tôi thưởng thức trọn vẹn thắng cảnh Đà Lạt. Tôi xin ở lại chùa Linh Sơn vì ở đó có vài người bạn tu quen biết. Từ đây, mỗi ngày tôi tìm đến một số người bạn khác do các bạn bè ở Sài Gòn giới thiệu. Người ta bảo tôi chờ đợi, để giới thiệu với người này, người kia. Mà rồi chờ hoài, chờ hoài, vẫn chưa có dấu hiệu gì là có thể bắt được manh mối với FULRO. Đôi khi buồn quá, tôi lang thang một mình trên vài đường phố lạ ở gần chùa Linh Sơn nhất. Thường thì ngồi ở một quán cà phê nhỏ trên đồi, ngó xuống thác Cam Ly. Ban ngày lơ thơ lẩn thẩn ngoài phố, ban đêm về gác tay nằm nghĩ chuyện tương lai. Cái tương lai mù mịt không có một liên hệ manh mối nào với hiện tại. Cuối cùng, những gì tôi mong đợi tìm kiếm ở thành phố cao nguyên này đều được trả lời bằng con số không. Không có gì hết. Chuyện FULRO là chuyện quá khứ lâu đời rồi. Họ đã bị tan vỡ, bị bộ đội cộng sản càn quét đánh dẹp hết rồi. Một người bạn mới quen cho biết như vậy và khuyên tôi nên trở về Sài Gòn, đừng nấn ná lâu tại Đà Lạt vì Sài Gòn dù sao hãy là thành phố đông dân, phức tạp, có thể tạm an ổn trong một thời gian bất hợp pháp. Giấy tạm tha của tôi, theo họ đề nghị, là nên cất luôn đừng đem ra xài nữa, vì đưa ra cho công an sẽ bị bắt ngay. Lệnh tha buộc tôi về Nha Trang trình diện trong vòng tuần lễ đầu, tôi không đi Nha Trang có nghĩa là chống lệnh, chống lệnh tức là đã có âm mưu, có tội rồi. Người ta giúp tôi có giấy đi đường bằng cách đưa tôi ra đồn công an, khai báo là từ Sài Gòn lên Đà Lạt chơi bị kẻ gian đánh cắp mất hết giấy tờ và tiền bạc. Công an hỏi tên, tôi khai tên và địa chỉ giả. Họ cấp cho tôi một tờ giấy chứng nhận để đi đường và dặn là về Sài Gòn phải khai báo ngay cho công an Sài Gòn để làm lại giấy tờ khác chứ tờ giấy họ cấp chỉ có giá trị trong vòng một tháng. Lúc từ Sài Gòn lên, tôi đón xe cơ quan nhà nước nên không đưa giấy tờ ra. Bây giờ, những người bạn ở Đà

CỜI TRÓI TẬP II

Lạt nói chuyện đón xe cơ quan nhà nước hầu như không có ở đây vì đã có lệnh cấm rất ngặt.

Tôi về Sài Gòn bình an. Bảy giờ đã cận Tết Đinh Mão. Từ cho biết có Tâm Hải từ Nha Trang vào Sài Gòn tìm tôi. Tâm Hải là đoàn phó đặc trách nội vụ (trong khi Từ đoàn phó đặc trách ngoại vụ) của Đoàn Phật Tử Phụng Đạo do tôi thành lập năm 1982. Tôi đạp xe đi gặp Tâm Hải. Chúng tôi nói chuyện với nhau khá lâu và cùng đi ăn cơm chay ngoài tiệm. Buổi tối, Tâm Hải theo tôi đến chỗ anh Cường, ngủ lại đêm với tôi và Từ ở đó. Chúng tôi trò chuyện suốt đêm. Buổi khuya, Từ đi tụng kinh ở bàn thờ Phật của nhà anh Cường, Tâm Hải cũng hỏi tôi câu hỏi mà mọi người trước đó đều hỏi:

“Vậy rồi Khang tính sao đây trước khi hết hạn tạm tha?”

“Nếu không còn đường nào, có lẽ mình lại phải vào tù chứ biết sao bây giờ.”

“Sao Khang không đi vượt biên?”

“Vượt biên à? Tôi không còn tin tưởng ở chuyện vượt biên nữa. Hình như tôi có một thứ nghiệp dĩ oan khiên nào đó níu kéo tôi ở lại với đất này. Chưa xóa cái oan khiên đó thì chưa dứt áo đi được.”

“Nhưng Khang phải đi, nơi này không còn đất sống cho Khang nữa đâu.”

“Sao lại không còn? Cho dù ở tù thêm hai mươi năm nữa, tôi vẫn cứ sống nhàn như thường thôi.”

“Dĩ nhiên là sống được chứ chẳng phải không, nhưng bởi vì... bởi vì... đối với tôi, nếu tôi ở vào trường hợp của Khang, tôi sẽ từ biệt tất cả mọi người để lên đường, không nấn ná ở lại một chút nào nữa. Khang có biết người ta nói sao không?”

“Ồ, lại là chuyện tôi vào tù khai báo huych toẹt cho công an khiến cho bạn bè bị bắt và chạy tứ tán chứ gì! Chuyện đó tôi biết rồi, chẳng nhằm vào đâu cả. Tôi không đau khổ vì nó đâu, cũng chẳng cần giải thích đâu.”

“Không phải chuyện đó, còn chuyện khác nữa.

Nhưng thôi, không cần phải nói với Khang làm gì lúc này. Để khi nào Khang đi được ra nước ngoài rồi tôi viết thư kể Khang nghe.”

“Tôi không đi nước ngoài đâu. Anh cứ kể đi.”

“Tôi sợ Khang... Thôi được, để tôi nói. Như vậy: một số bạn bè, trong đó có cả những bạn bè rất thân với Khang, đã xì xầm nói với nhau rằng... tôi Khang làm rất nặng đối với nhà nước, Khang sẽ bị án rất nặng, đáng lẽ bị tù chung thân hay ít nhất là hai mươi năm, vậy mà Khang về sớm quá... chắc là công an thả Khang ra với điều kiện nào đó, chẳng hạn giao Khang làm đặc tình, xâm nhập vào giáo hội để chỉ điểm báo cáo giống như Hân đã làm trước đây vậy.”

Tôi hơi khựng một chút rồi bật cười lên một tràng, rồi tiếp tục cười như điên như dại. Tâm Hải ái ngại, cầm tay tôi, nói:

“Nhưng tôi nói thật, Khang ơi, nghe tôi nói này. Đối với tôi, tôi luôn nhìn Khang như một con phượng hoàng đang sống giữa bầy gà, hay như một viên ngọc nằm lẫn trong đá sỏi... Dù ở hoàn cảnh nào, Khang cũng sẽ không bao giờ mất đi bản chất của Khang cả. Khang luôn luôn là như vậy. Tôi nói chuyện đồn đãi bầy bạ đó không phải để Khang quan tâm rồi buồn khổ. Tôi chỉ tức thay cho Khang, không muốn chứng kiến cảnh Khang phải sống chung cái bầu trời nhỏ này với những người đã khinh thị Khang đến mức đó. Cho nên tôi mới đề nghị là Khang nên lên đường. Chỉ hành động lên đường vượt biển của Khang mới chứng minh được, mới giải tỏa được mối oan đó mà thôi.”

“Không, tôi sẽ không chứng minh gì với ai nữa. Tôi sống cuộc đời của tôi. Tôi có giấc mộng của riêng tôi, tôi cũng có nỗi khổ đau sâu kín của tôi để chứng minh cho chính sự hiện hữu của tôi, chứ không cần chứng minh sự trong sạch hay bất cứ tính chất cao đẹp nào đó mà mọi người mong đợi, đòi hỏi. Tôi không có bốn phạm phải chứng minh bất cứ một cái gì của tôi cho mọi người.”

CỜI TRÓI TẬP II

Nói cứng với Tâm Hải như vậy, nhưng vừa chia tay với anh rồi, tim tôi như nghẽn cứng, không chịu đập. Tôi lấy xe đạp tới nhà Nam Phương một cách không suy nghĩ. Xa nàng đã mười hai ngày, tôi thấy nhớ và thấy cần phải gặp nàng, muốn gặp nàng vô cùng, nhất là trong lúc này.

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG HAI MƯƠI BẢY

Tôi lấy chìa khóa mà Phương đưa trước đây, run rẩy tra vào ổ, vặn ba vòng. Đẩy nhẹ cánh cửa sắt, tôi dắt xe đạp bước vào thì thấy một sư cô từ dưới nhà bếp bước vội lên. Sư cô này quen thuộc lắm, chắc là tôi đã có gặp qua.

“A, thầy Khang, phải không?” sư cô hỏi.

“Dạ, tôi... tôi là Khang. Sư cô là...?”

“Tôi là Như Liên, gặp thầy ở chùa Hoa Nghiêm lần trước thầy không nhớ à? Tôi là sư tử, mà cũng là bạn thân của Nam Phương.”

“A, nhớ rồi. Hôm ấy tôi đến tìm sư cô Như Tâm, cô đã đi gọi giúp. Hôm nay cô đến chơi hả? Có Nam Phương ở nhà không vậy?”

“Nam Phương đi bỏ thuốc tây, chắc cũng phải chiều mới về tới. Phương nhờ tôi xuống gói dùm bánh tét chay cho cô ấy. Không sao, thầy cứ tự nhiên vào nghỉ ngơi chờ Phương về. Để tôi lấy nước thầy dùng nhé? Thầy ngồi đi.”

Tôi chưa kịp nói gì thì Như Liên đã vội xuống bếp. Một lúc cô trở ra với ly nước đá mát lạnh đặt trên cái đĩa nhỏ, đem đến cho tôi, nói:

“Nam Phương quý thầy lắm. Đừng phụ lòng người ta đó nghe. Nghe nói thầy hay chọc cô ấy giận lắm hả?”

“Bộ chuyện gì... cô ấy cũng kể cô nghe sao?”

“Đâu có. Nam Phương nó sống đời bí mật, thậm kín lắm, có tâm sự gì thì cũng tùy chuyện thôi chứ. Ủa, thầy đeo tang ai vậy?”

“Ồ... tang cha,” tôi nhìn xuống mảnh vải tang, đáp.

CỜI TRÓI TẬP II

“Sao Nam Phương không nói tôi nghe gì chuyện này hết vậy kia! Chia buồn với thầy nghe. Ông cụ mất bao lâu rồi?”

“Cũng được hai mươi ngày rồi.”

“Vậy thì cũng mới đây thôi mà.”

“Vâng, mới đây.”

“Nam Phương biết ba thầy mất chứ?”

“Ồ... chắc là chưa.”

“Vậy có nghĩa là thầy cũng mới biết tin ông cụ mất thôi?”

“Không, tôi biết lâu rồi chứ.”

“Thế sao thầy không nói Nam Phương nghe?”

“Ồ... tại sao phải nói? Sinh tử là chuyện thường, có gì phải nói... Còn nhiều chuyện khác đáng nói hơn...”

“Thiệt đúng là hai người giống nhau như đúc!”

“Cái gì mà giống nhau?” tôi cười hỏi lại.

“Thì thầy với Nam Phương giống nhau chứ sao! Tánh tình gì mà kỳ cục! Có đau có khổ gì thì nói cho nhau nghe, cứ nhận nó là sự thực, chứ làm gì phải ôm mãi trong lòng cho nó dần vặt, xâu xé mình!”

“Tôi không hiểu.”

“Vậy tôi hỏi thực thầy, Nam Phương có nói với thầy là ba cô ấy mất không?”

“Cái gì? Ba cô ấy mất rồi à! Mới đây hả?”

“Không, đã hơn ba tháng rồi.”

“Chứ không phải cô ấy vừa mới đi thăm nuôi sao!”

“Thăm nuôi gì mà thăm nuôi! Nam Phương chỉ đón xe chạy tới chạy lui, chạy thật xa, để khuây khỏa đó mà. Thiệt là khổ cho em tôi! Ngay cả chuyện lập bàn thờ ở nhà nó cũng không chịu làm nữa, cứ nói là không cần, có khi lại nói là ba chưa chết... Tôi phải dỗ dành năn nỉ lắm nó mới chịu lên chùa Hoa Nghiêm làm lễ cầu siêu ký linh, thờ ba ở chùa.”

Tôi bàng hoàng nghe Như Liên kể lại chuyện ấy. Ôi, Nam Phương của tôi đau khổ tội nghiệp như vậy sao!

Thế mà bao nhiêu ngày trước đây, tôi cứ đến để tâm sự, để nói chuyện của tôi, để được nàng an ủi, chăm sóc, mà không cần biết gì đến nỗi khổ riêng của nàng cả. Ngay hôm nay cũng vậy, tôi đến là để được nàng lắng nghe nỗi hăm oan đau khổ mà tôi phải gánh. Tôi cứng rắn nói lời ngạo nghễ thách thức với bạn bè, với cuộc đời, nhưng rồi tôi cũng muốn tìm đến nàng, bọc bạch với nàng, trút đau khổ của tôi cho nàng nghe để lòng được khuây khỏa, an ổn. Tôi chưa hề quan tâm thực sự đến tâm cảnh của nàng. Tôi luôn thấy tôi là cái gì quan trọng, là nạn nhân đau khổ nhất cần được vỗ về an ủi! Tôi thật hèn kém, ti tiện, khốn nạn, ích kỷ làm sao! Tại sao tôi không thấy, không đoán, không biết được điều đó nhỉ? Thảo nào đôi mắt nàng dù lúc cười đùa với tôi, vẫn vương vất một nỗi đau thầm kín...

Nhưng tại sao tôi với Nam Phương không cố tình mà ứng xử một cách khá giống nhau? Nhiều người khác mất cha, mất mẹ, họ đau khổ, họ khóc, họ nói, họ tâm sự với người khác một cách dễ dàng, rồi cuối cùng nỗi khổ cũng vui đi. Còn chúng tôi, những người từng học giáo lý Phật, xem sinh tử như trò đùa, nhìn thế sự như hoa đóm giữa hư không, thì không bọc lộ được cùng ai, không khóc được nên tiếng, không rơi được giọt lệ, để rồi cứ ôm nỗi đau trong lòng, không tẩy xóa đi được! Phải chăng chúng tôi muốn chứng minh một cái gì? Bản lĩnh? Sự bất động của tâm trước nghịch cảnh tử biệt?

“Thầy Khang à, thầy có sao không vậy? Tôi nói thầy nghe thầy đừng nói tôi nhiều chuyện. Tôi biết chỉ có thầy may ra mới giải tỏa được nỗi khổ của Nam Phương, vì nó nghe lời thầy lắm, nó thương quý thầy lắm. Từ lúc gặp thầy, tôi thấy nó có nét tươi tỉnh, sống động trở lại, chứ trước đó hã, nói xin lỗi, nó giống như người bị bệnh tâm thần. Nam Phương còn một nỗi đau khủng khiếp lắm... khủng khiếp đến nỗi tôi nghĩ là nếu đặt tôi vào trường hợp đó, tôi phải điên chứ không thể nào bình thường được. Nhưng Nam Phương dù rất đa cảm, mềm

CỜI TRÓI TẬP II

yếu, cũng là đứa con gái khá cứng rắn, khá lì lợm, cho nên nó chịu đựng được. Nó đọc kinh, đọc sách để lãng quên, để vượt qua. Dù sao, tôi nghĩ là cái khổ lụy đớn đau kia của nó vẫn chưa được giải tỏa hoàn toàn. Nếu có thầy dùng lời lẽ hay cách nào đó khơi chuyện cho nó nói ra hết, hoặc cho nó khóc thực sự... thì may ra cái khổ không đeo đẳng mãi trong lòng nó. Từ lúc ba Nam Phương chết, nó chưa thực sự khóc bao giờ. Nó chỉ khóc những chuyện cón con của ai đó thôi. Đôi khi trong dịp cúng tuần ba nó tại chùa, tôi thấy nó quỳ trước bàn thờ mà chỉ ứa lệ sơ sơ. Tội nghiệp nó... tôi là bạn thân lắm mà vẫn chưa làm gì được để giúp nó khóc. Tôi không rõ nó có tâm sự hết mọi chuyện cho thầy nghe chưa?”

“Ồ... không có. Tôi... tôi chỉ gặp Phương một chút rồi lại chạy đi, không có cơ hội để cô ấy ngồi tâm sự.”

“Vậy chứ nó có kể một chuyện gì thật đau khổ của nó hay của một người con gái khác cho thầy nghe chưa?”

“Chưa. Nam Phương có kể cô nghe hả?”

“Có, nhưng nó kể như là kể chuyện của người khác thôi, rồi mặt mày nó tỉnh bơ, chỉ hơi run run chút thôi chứ không khóc. Đến khi... thấy nó đổ bệnh, mặt mày xanh mét, tôi hỏi gặng nó mãi rồi kết hợp hai ba câu chuyện do nó kể ra mới biết được là... thôi, chắc tôi không nói được đâu, để Nam Phương nói. Thầy tìm cách khơi chuyện cho Nam Phương nói thì tốt hơn.”

“Không, cô nói tôi nghe đi. Cô và tôi đều là bạn của Nam Phương, chúng ta phải giúp cô ấy. Cô biết gì thì cứ nói thẳng ra chứ đầu óc tôi trong thời gian này ngu độn, bấn loạn, không suy nghĩ được gì đâu. Cô thương Nam Phương, muốn giúp cô ấy thì nói tôi nghe đi. Tôi năn nỉ cô...”

“Được rồi, được rồi... nhưng phải khéo léo, đừng cho Nam Phương biết là tôi nói... hoặc tốt nhất là thầy làm bộ như không biết, nhưng tìm cách khơi chuyện cho nó nói. Thầy biết chuyện trước thì dễ cho thầy hơn, phải

không? Chuyện là như vậy...” Như Liên ngưng một lúc, nâng ly nước lên uống một hớp, “Ba tháng trước, Nam Phương đi thăm nuôi ba nó ngoài Bắc thì được cán bộ trại giam cho biết ba nó vừa mới chết, chôn ở nghĩa trang phía sau trại. Nó xin được đem quà thăm nuôi ra cúng cho ba nó ngoài mã, mục đích của nó là được chính mắt thấy mã ba nó, biết chắc là ba nó thực sự chết. Hai cán bộ dẫn đường nó ra nghĩa trang. Ra đến ngôi mộ chôn lấp sơ sài, thấy cái bảng gỗ đề tên và ngày mất của ba nó, nó ngất xỉu ngay tại chỗ. Hai cán bộ ẵm nó vào một cái chòi gần đó... Rồi nó bỗng tỉnh dậy, thấy... đau đớn, thấy... hu hu... người ta thay nhau... hu hu...”

Tôi đứng phắt dậy, vùng chạy lên lầu, gọi:

“Nam Phương, Nam Phương!”

Như Liên chạy theo vài bước nói với theo:

“Đã nói rồi, Nam Phương đi vắng, chiều nó mới về, không có nó trên đó đâu thầy Khang à!”

Tôi ngo ngác chạy xuống lầu, không một lời từ giả Như Liên, phóng lên xe đạp, đạp nhanh trên đường phố, đạp mãi, đạp mãi, hết con đường này rồi rẽ sang con đường khác, cứ thế mà chạy vòng vòng vô định trên những con đường ngập xe, ngập người... Thế giới quanh tôi như không còn hiện hữu. Tất cả những con người, những nhà cửa, xe cộ, hàng quán, những trụ điện và giây điện, những gốc cây, những bờ cỏ, những băng đá công viên, chim chóc, mây trời, tất cả, tất cả, đối với tôi đều là con số không. Tôi không muốn nhìn nhận thế gian này nữa. Tôi muốn chúng tan biến, hủy diệt hoàn toàn. Tôi không còn chút từ bi, chút tình thương, chút kham nhẫn hay khoan dung nào hết. Tôi không cần bất cứ một con người nào có mặt trên thế gian này. Tôi chỉ muốn gặp Nam Phương... Nam Phương ơi!

Thật mỗi một tôi mới dừng xe ở công viên trước mặt Dinh Độc Lập, tìm một băng đá, dựng xe, ngồi nghỉ. Tôi cứ ngồi đó, thất thần như một gã điên, mắt nhìn trân trân một viên sỏi nhỏ bên gốc cây hòe. Đến khi bóng

chiều nghiêng xuống nhuộm vàng bãi cỏ lơ thơ trước mặt, tôi mới giật mình đứng dậy. Không thấy chiếc xe đạp. Ai lấy mất rồi, hay là tôi đã đi bộ đến đây? Bây giờ tiếp tục đi bộ đến nhà Nam Phương. Mất cả tiếng đồng hồ.

Tôi tra chìa khóa, vặn mấy vòng, rồi kéo cửa bước vào. Nhà có vẻ yên tĩnh. Trong bóng tối lờ mờ của ngọn đèn đường từ bên ngoài hắt vào qua các kẽ hở của cửa sắt, tôi không thấy chiếc xe đạp của sư cô Như Liên khi nãy dựng bên vách này nữa mà thay vào chỗ đó là chiếc xe gắn máy của Nam Phương. Chắc Nam Phương đang ở trên lầu. Tôi ghé xuống bếp nhìn qua để xem có nàg ở đó không. Không có. Tôi bước mau lên lầu. Vừa kịp khi tôi bước hết các bậc thang thì Nam Phương từ phía phòng riêng của nàg ló ra, đứng nơi ngạch cửa, nhìn về hướng tôi, chờ đợi. Ánh đèn từ hướng ấy lùa theo sau lưng nàg, tỏa sáng một khoảnh hành lang ngập bóng tối.

“Anh Khang, anh về rồi hả? Em chờ anh nãy giờ.”

Tôi bước đến gần nàg hơn. Nàg quay vào phòng và tôi cũng theo nàg vào phòng. Căn phòng khá rộng, có nhiều sách vây quanh một cái giường nệm lớn. Nhưng tôi không để ý lắm. Tôi bước sát đến nàg, mặt đối mặt. Nàg run rẩy đưa một tay lên sờ cái băng tang màu đen nơi ngực áo tôi.

“Như Liên nói với em... ba anh mất rồi, phải không vậy Khang?”

Tôi nắm lấy bàn tay nhỏ nhắn của nàg, xúc động nói:

“Ba em cũng mất rồi phải không?”

Nàg lưỡng lự một lúc:

“Dạ, ba em mất rồi.”

“Nam Phương ơi, em đau khổ lắm, phải không? Em đau khổ lắm, anh biết.”

Nàg cúi mặt xuống, hai vai rung lên một lúc, rồi bật khóc, khóc thành tiếng nức nở. Tôi ôm lấy nàg kéo vào lòng, và cũng khóc nức lên. Chúng tôi, hai kẻ mồ côi, mất cha đã nhiều ngày rồi mà mãi đến bây giờ mới được

ôm nhau mà khóc. Nước mắt chúng tôi cứ tràn ra, tràn ra, rơi vỡ trong nhau, hòa trong nhau, hàng nối hàng, đầm ướt mặt mũi, đầm ướt hai ngực áo. Má chúng tôi áp vào nhau, lúc bên này, lúc bên kia, như muốn nghiền nát những giọt lệ đang tuôn chảy bất tận. Rồi mắt chúng tôi kê cận nhau, nhìn nhau, soi nhau, như bốn hồ nước long lanh nghiêng đổ vào nhau tất cả nỗi đớn đau tâm lặn một cách khốc liệt bị nén ở tận đáy lòng. Tất cả bùng lên, bùng lên, như bị sức đẩy khủng khiếp của lòng núi lửa đang sôi sục quá độ. Và ngay trong sự bùng vỡ của nỗi khổ đau quần quai ấy, bỗng dung môi chúng tôi lại tìm đến nhau, gắn vào nhau. Tôi say đắm hôn nàng, nàng cũng say đắm hôn tôi. Vòng tay chúng tôi quấn chặt lấy nhau. Thân thể chúng tôi nóng bùng bùng, ép sát vào nhau. Trong vòng siết cuồng nhiệt của đôi tay, tôi nghe như thể tất cả sức động chuyển mãnh liệt của cơn khát dục tàn bạo trong tôi đã theo nước mắt và nỗi đau khổ, trào dâng ngùn ngụt, phá vỡ tất cả mọi thành trì của giới luật hay đạo đức từng cản ngăn kềm chế nó. Tôi và nàng bấy giờ trở thành một khối vẹn tuyền của xúc cảm, hòa nhập làm một trong nhau, và chính nỗi đau khổ của chúng tôi cùng với sự bốc dậy của khoái lạc nhục cảm cũng tan biến vào nhau, kết thành một khối không thể phân ly. Chúng tôi không còn cách ly nhau, không còn hãi sợ nhau, không còn e lệ xấu hổ với nhau, không còn bất cứ thứ gì cần phải che giấu nhau. Chúng tôi đã mượn sự tuôn chảy tràn trề của nước mắt để nói với nhau tất cả những gì cần nói, và để mở tung tất cả những cánh cửa ngăn bít sự biểu hiện toàn vẹn tinh thể của chúng tôi từ bao lâu. Nàng vừa hôn tôi, vừa bá lấy cổ tôi, kéo về hướng chiếc giường. Nàng ngã xuống. Tôi nhào lên người nàng, tham lam hôn lên mắt, lên môi, lên má, lên cổ nàng. Tôi thấy ngực nàng căng phồng hé lộ hai phần núi tuyết trắng muốt giữa hàng nút vừa bật tung ở phía trên. Tôi vục mặt tôi vào khoảng trống thấp ấy, và nước mắt tôi vẫn còn tiếp tục rơi từng giọt, vương vãi, nhều xuống. Nàng ghì lấy đầu tôi kéo sát

vào ngực nàng, và vẫn tiếp tục khóc, khóc tí tê rồi lại khóc nức lên từng tiếng. Tiếng khóc tức tưởi của nàng càng lúc càng lớn đã đánh thức tôi, nhắc tôi nhớ lại vết thương lòng của nàng và đại tang của hai đứa...

Tôi trở người, nằm nghiêng bên cạnh nàng, một tay chống nâng mặt lên, một tay vỗ về hai gò má đầm lệ của nàng, chờ đợi cho những dòng nước mắt ấy vơi cạn dần cho đến khi không còn chảy nữa. Chúng tôi nằm nghiêng hướng về nhau, im lặng, không nói một lời. Chúng tôi đã nói với nhau quá nhiều bằng nước mắt, nụ hôn và vòng tay thềm khát chiếm hữu. Bây giờ không cần nói gì nữa, ngay cả một lời yêu nhau.

Nàng nằm trên cánh tay tôi, tựa đầu vào một vai tôi, một tay ôm choàng qua sau lưng tôi. Một lúc, nàng tự động kể lại chi tiết câu chuyện của nàng vào ngày đi thăm nuôi và biết được cha đã chết. Nàng cũng không che giấu gì về chuyện bị thất thân bởi những người cán bộ xa lạ. Giọng kể của nàng bình thản, không oán hận, không trách cứ, và có vẻ không còn đau khổ nữa.

“Anh biết làm thế nào em có thể chịu đựng nỗi cái đau nhức lúc ấy mà không bị điên loạn lên không? Ngay khi phát giác mình bị cưỡng bức, em đã ra sức chống cự nhưng không làm sao vùng vẫy ra khỏi sức mạnh của hai người trai khỏe. Cuối cùng thì em đành xuôi tay chấp nhận, và trong khi bị vùi dập đón đau, tự dung em nhiếp tâm, quán tưởng thân em như là đất, cam chịu tất cả thống khổ đè nặng lên người, rồi em nguyện suốt đời như một người mẹ khoan dung, tha thứ và thương yêu tất cả sự nghịch hoang đàng của chúng sinh, trong mọi hoàn cảnh... Đó, nhờ vậy đó mà em vượt qua. Nhưng khi về đến nhà, nỗi đau tưởng đã tiêu tan không ngờ lại âm ỉ lớn dần trong tim. Em tiếp tục phấn đấu để hóa giải nó mà không nổi cho đến khi gặp anh, và cho đến đêm nay. Em nghĩ là kể từ bây giờ, em không còn sợ hãi nữa.”

“Không còn sợ hãi nữa.” Tôi lặp lại câu ấy như để

tự chắc nhờ chính mình. “Tất cả nỗi đau của cuộc đời, em đã ném hết rồi, đã nguyện gánh hết rồi, thì còn sợ cái gì nữa.”

Tôi đưa tay vuốt nhẹ tóc nàng. Rồi chúng tôi ôm nhau ngủ lúc nào không hay. Thức dậy trước, tôi liếc thấy nàng nằm im, thở nhẹ. Nàng đẹp như một thiên thần bé nhỏ. Tôi không dám cử động, sợ đánh thức nàng, sợ đánh thức cả khát dục của chính tôi. Tôi nghĩ, nếu không mang tang cha, có lẽ hai chúng tôi đã tiến xa hơn, thềm muốn nhau và chinh phục nhau trọn vẹn hơn... Nhưng cũng có thể nói rằng, nếu không quá đau khổ, chúng tôi đã không bao giờ tiến đến gần với nhau quá nhanh như vậy. Khó đau, dù ở mức độ cao hay thấp, luôn luôn là chất xúc tác cho một mong đợi hạnh phúc.

Chín giờ tối, chúng tôi cùng thả bộ đến một quán ăn ở đầu đường. Bước bên nhau chừng vài mươi bước, nàng đi sát gần lại, ôm vòng lấy một cánh tay tôi, kéo sát vào phía ngực trái của nàng, thân mật vừa đi vừa tựa nghiêng mái đầu của nàng lên vai tôi. Chúng tôi đi chậm chậm trên đường phố còn ồn tiếng động cơ xe cộ và bày trẻ nhỏ hãy còn bày nhiều trò chơi trên lề đường. Tôi cảm thấy như tôi đã sống trong một chọn lựa tự nhiên, hoặc đang vô tình bắt đầu một cuộc sống mới, yên bình, với một thứ hạnh phúc thật đơn giản, thực tế, dễ tìm kiếm. Tôi biết tôi đã từng yêu, nhưng tôi chưa bao giờ tưởng được rằng có một lúc trên đời, tôi lại nghĩ đến đời sống lứa đôi một cách tự nhiên mà không cho là điều dung tục tầm thường, không rùng mình hãi sợ.

Chúng tôi về nhà trước mười giờ đêm, giờ tốt nhất cho mọi công dân trên đất nước để tránh bị công an chặn hỏi trên đường. Sau khi thay phiên tắm rửa, chúng tôi chia nhau mỗi người mỗi phòng mà ngủ—nàng lặng lẽ sắp xếp như vậy khi sửa soạn giường ngủ cho tôi ở căn phòng mà tôi từng nằm trước đây. Cả hai chúng tôi đang còn né tránh một sự đồng lõa vùng dậy của nỗi căm đố khoái lạc. Chúng tôi yêu nhau và đã hôn nhau, nằm bên nhau khi

nãy, còn sức gì có thể ngăn cản chúng tôi được? Chỉ có cái tang của mỗi đứa chúng tôi mà thôi. Nàng chúc tôi ngủ ngon rồi về phòng của nàng. Tôi nằm mãi không ngủ được dù rằng hai mắt tôi khá đau rát vì khóc nhiều.

Đến khoảng một giờ khuya thì nàng ôm theo một cái gối, vào phòng, vén mùng chui vào nằm với tôi, rúc đầu vào ngực tôi. Cả hai chúng tôi đều không nói gì lúc ấy. Chỉ việc sung sướng ôm nhau và thấy yên tâm để ngủ.

Kể từ đêm ấy, tôi không muốn rời khỏi căn nhà của nàng. Chúng tôi quấn quít bên nhau như đôi uyên ương dù rằng chúng tôi vẫn luôn luôn giữ gìn một khoảng cách mong manh—có chiều ngang bằng một đường tơ—để không trở thành một cặp vợ chồng thực thụ. Sau cái đêm ngủ chung ấy, tự dung vào một lúc vui vẻ thuận tiện, tôi và nàng có giao ước với nhau là đừng làm vậy nữa. Cả hai chúng tôi đều sợ rằng không có thứ gì có thể ngăn cản được lòng dục nơi chính mình cũng như vẻ cảm dỗ mời mọc toát ra từ đôi phương. Chúng tôi thường lấy chuyện đề tang cha ra để nhắc nhở nhau, để làm thành trì cuối cùng bảo vệ sự trong trắng hay vẻ thơ mộng ban đầu của tình yêu chúng tôi. Ăn chung mâm, có khi hôn nhau, nói lời yêu nhau, nhưng chúng tôi luôn luôn giữ gìn, bảo vệ cái thành trì đó. Chúng tôi ít khi đi ra đường. Chỉ vào tối giao thừa, chúng tôi mới cùng đi một vài chùa như nàng yêu cầu.

Gần một tháng sau, trong khi Nam Phương đi ra ngoài lo công việc buôn bán của nàng, tôi gọi xích lô đến nhà anh Cường. Từ gặp tôi, lại mừng muốn khóc:

“Khang đi đâu mất biệt, đến giờ này mới về!”

“Không có gì. Tôi chỉ buồn, không muốn gặp ai trong thời gian ngắn. Có gì lạ không?”

“Có chuyện nguy tới nơi rồi Khang ơi. Ôi, tôi nóng ruột nóng gan hết sức. Đã vậy Khang còn đi mất tiêu không một lời nhắn vè, chẳng biết đâu mà kiếm! Cứ tưởng Khang bị bắt lại rồi.”

“Chuyện gì thì nói đi, đừng vòng vo nữa,” tôi

nóng nảy thúc giục.

“Đợt thăm nuôi vừa rồi, Thiện Hiền từ trong trại K4 nhả ra, bảo Khang lo trốn kỹ, trốn gấp, đừng bao giờ lộ mặt ra đường, hay tốt nhất là hãy vượt biên liền đi! Vì cán bộ Bộ nội vụ cùng viện Kiểm sát tỉnh Đồng Nai mới vào trại K4 để đem Khang đi chụp hình quay phim làm tài liệu rồi sẽ đưa Khang ra tòa vào tháng tới, chưa biết ngày nào. Nghe cán bộ trại K4 nói đã thả Khang ra, họ không tin, vì cho rằng một người như Khang không thể nào có thể được tạm tha bất cứ một phút nào! Rồi biết sao không, họ lôi thầy Quảng Bình ra, điều tra lại lý lịch của thầy ấy, xem thầy ấy có phải chính là Vĩnh Khang không. Họ tính đưa thầy ấy đi chụp hình và ra tòa thay cho Khang đó—chắc là chỉ để khóa lấp sơ xuất đã thả lầm Khang—nhưng thầy ấy quyết liệt chống lại, chứng minh đủ thứ mới được để yên. Cuối cùng, người ta tin là Khang đã rời trại thật và đã khiển trách cán bộ quản trại ở đó dữ lắm. Bây giờ, công an đang ra sức truy nã tìm bắt lại Khang đó. Tuần trước, tôi có nhắn chị của Khang là nếu Khang có về Nha Trang thì bảo Khang đừng lộ diện vì công an sẽ phong tỏa Nha Trang. Tóm lại là Khang phải đi! Tôi và Như Tâm có bàn với nhau rồi, bữa giờ đang lo chạy tìm chỗ cho Khang vượt biên. Cũng sắp khởi hành rồi đó. Tiền thì có Như Tâm giúp bằng cách xin hay mượn của người anh ruột ở Pháp, cộng thêm số tiền và quà của bạn bè gửi biếu Khang, chắc là đủ đóng cho Khang đi.”

Tôi ngồi sững, không nói gì. Mới khi sáng trước khi rời nhà đi công việc, Nam Phương đã đưa ra một đề nghị rất hợp lý và nên thơ cho tương lai của hai đứa chúng tôi, tôi đã đồng ý, coi như chuyện lo liệu cho an nguy của tôi đã được sắp xếp, tạm ổn. Bây giờ, tự dưng lại xáo trộn lên. Tôi nóng ruột, rối trí, đứng dậy định rời khỏi nhà anh Cường để về lại nhà Nam Phương, nhưng nghĩ có về sớm cũng chẳng gặp được nàng, tôi thôi, nằm xuống giường của Tửu, suy nghĩ mông lung. Bây giờ có Nam Phương, có một dự tính tương lai với nàng, tôi càng

không muốn bị bắt lại vào tù.

“Chuyến vượt biên sắp tới khởi hành dưới Cà Mau,” Tुरू nói. “Khang đừng đi đâu nữa, ở yên đây chờ ngày đi, há? Chuyến này mỗi đầu người đóng chùng hai lượng vàng. Như Tâm sẽ mượn để trang trải trước, sau đó tôi sẽ bán sáu hộp quà từ nước ngoài sắp gửi về cho Khang để hoàn lại, quà ấy cũng sắp tới rồi. Nhưng điều quan trọng là... Khang đồng ý đi, há?”

“Bây giờ tôi chẳng suy nghĩ được gì cả. Mọi chuyện anh tính hết đi.”

“Có nghĩa là Khang đồng ý rồi, phải không?”

Tôi không đáp, cũng không gật đầu. Cứ nằm một chỗ, suy nghĩ mông lung. Tôi chưa biết quyết định làm sao cả. Đề nghị của Nam Phương khi sáng có thể thực hiện an toàn không? Chuyến vượt biên có tốt đẹp không? Nếu vượt biên không hoàn thành thì còn tệ hại hơn là đổi tên, ẩn tích ở một quận lỵ nào đó hơi xa Sài Gòn như Nam Phương gợi ý. Tôi cứ xào tới xào lui, đắn đo mãi về chuyện đi hay ở. Cuối cùng, tôi nói với Tुरू:

“Thực ra bây giờ tôi vẫn chưa quyết định được là nên đi hay ở. Nhưng chuyện vượt biên của tôi, nhờ anh và Như Tâm cứ tiến hành lo giúp, qua được bên kia tôi kiếm tiền gửi về trả lại, chứ bây giờ tôi như cụt tay cụt chân, đầu óc rối bời, không tính toán lo chạy được gì đâu. Còn mấy hộp quà ở nước ngoài gửi về, sau này nhận được mà không gặp lại tôi, anh cứ tùy tiện dùng để trang trải mọi tổn phí trong khi lo chuyện vượt biên cho tôi, dư lại thì thăm nuôi mấy thầy đang ở tù, vậy nhé. Bây giờ tôi phải đi. Tôi qua nhà cô bạn gái, chỗ đó an ninh hơn ở đây, với lại tôi cũng cần nói chuyện với cô ấy trước khi lên đường... Anh ghi địa chỉ nhà cô ấy, khi nào cần thì đến gọi tôi, được không?”

“Đọc đi, tôi ghi.”

Rời chỗ Tुरू, tôi đón xích lô về lại nhà Nam Phương. Trên xe, tôi lại nhớ đến dự tính của Nam Phương vừa nói với tôi khi sáng.

VĨNH HẢO

Nam Phương dự tính bán căn nhà, chạy về Phú Lâm mua căn nhà nhỏ hơn, đồng thời mua luôn cả hộ khẩu mới, mua luôn giấy tờ tùy thân với tên giả cho tôi, rồi làm luôn cả giấy hôn thú giả, rồi giả sống với nhau như hai vợ chồng chính thức để tránh cho tôi khỏi bị bắt vào tù trở lại sau khi hết hạn tạm tha. (Xã hội thời nay là vậy đó, một xã hội đầy bất an, nhưng nếu có tiền, người ta cũng có cách mua được mọi sự hợp lệ an ổn cho đời sống. Và hình như tất cả đều phải giả thì mới sống được một đời sống thực) Đề nghị của Nam Phương như một bản giao hưởng nhẹ nhàng du dương, ru êm mọi toan tính và ý chí dấn thân của tôi trước đây. Tôi đã im lặng chấp nhận một cách thật hết sức đơn giản. Đó là trước khi tôi đến nhà anh Cường.

Bây giờ, trên đường từ nhà anh Cường đến nhà Nam Phương, ý hướng vượt biên trong tôi dường như mạnh mẽ lần lượt chuyển đổi tên ở lại sống ẩn lánh. Nhưng khi mở khóa bước vào căn nhà thân thuộc đã cho tôi nhiều hạnh phúc êm đềm trong những ngày vừa qua, tôi bỗng thấy khác: tôi không muốn vượt biên nữa. Tôi thèm được một mái ấm, một chỗ dừng chân, một tháp ngà để ngủ giấc an lành. Cái đó đối với tôi và Nam Phương, là cái trước mắt, dễ dàng, có thể nắm được, chắc chắn hơn là một chuyến vượt biên xa xôi, chưa biết thành bại thế nào. Vâng, tôi đã mệt mỏi, không muốn phấn đấu nữa. Tôi xin chấp nhận mọi sự xỉ vả chê trách. Tôi xin chấp nhận làm người nhu nhược, an phận, nhìn vào cái gì trước mắt, nhìn vào cái khổ, cái tang của tôi và Nam Phương, chứ không cần phải nhìn ngó đếm xỉa cái tang chung của xã hội quanh tôi nữa.

Tôi dự tính không nói Nam Phương nghe, nhưng rồi tôi cũng nói; nói rằng công an đang có lệnh truy nã tìm bắt tôi để đưa ra tòa. Nỗi an phận tầm thường của tôi đã xui tôi nói sự thực với nàng như là một cách để khích lệ nàng tiến hành xây dựng một mái ấm hạnh phúc cho nàng và tôi, càng sớm càng tốt. Nhưng nghe vậy, nàng có vẻ

bấn loạn, run run nói:

“VẬY... em phải lo cho anh đi vượt biên ngay.”

“Tửu và Như Tâm đang lo cho anh chuyện đó, nhưng... anh không muốn đi. Anh muốn ở lại, Nam Phương, anh đã vượt biên khá nhiều lần trước đây rồi, anh không còn tin tưởng chuyện vượt biên có thể thành công đối với anh nữa. Huống gì một khi vượt biên thất bại, anh càng dễ dàng tiết lộ hành tung của anh cho người ta bắt.”

“VẬY thì sao bây giờ... Khang ơi, em lo quá! Em... em không muốn anh vào tù trở lại. Thôi, để em chạy lo mua một cái hộ khẩu và giấy tờ tạm thời cho anh trước đã. Em đi liền bây giờ, em biết một đường dây ở Phú Lâm đó. Còn anh, kể từ hôm nay, ở nhà, tuyệt đối đừng ra đường nữa nghe. Có chuyện gì thì để em chạy lo.”

Trong hai tuần lễ, Nam Phương lằng xằng lui tới để lo chuyện hộ khẩu và giấy tờ cho tôi. Và cuối cùng tôi đã có một cái “hộ khẩu ma” với địa chỉ của một căn nhà không hiện hữu trên đất nước. Giấy tờ tùy thân của tôi cũng khá giống giấy tờ thật, vì được lặn tay chụp hình đảng hoàng (ở nhà riêng một anh công an), và tên mới của tôi là Nguyễn Mười, một cái tên khá nhà quê và dễ nhớ (vì tôi là con thứ mười trong gia đình) do tôi tự chọn lấy.

Vừa tạm ổn với chuyện giấy tờ giả thì Tửu tìm đến. Tôi tưởng Tửu đến gọi tôi đi vượt biên, nhưng không phải. Tửu báo cho biết là Viện kiểm sát trung ương sẽ đưa vụ án Phục quốc ra tòa vào thứ Hai ngày 16-3 tại Nhà hát Thành phố (Quốc hội), ở quận nhất, Sài Gòn. Báo chí thành phố đăng tải nhiều loạt bài bôi nhọ “hành vi phản động” của lực lượng này, và có nêu đích danh những nhân vật đầu não của lực lượng trong đó có ông Trần Văn Lương và cả tôi. Tửu hỏi tôi đã quyết định về chuyện vượt biên chưa, vì chuyến đi sắp khởi hành. Tôi chưa trả lời dứt khoát. Tửu về rồi, không hiểu sao tôi lại bắt đầu thấy lòng an ổn, bớt lo sợ. Cảm giác này có vẻ giống như lúc tôi vừa bị bắt đưa vào trại giam T20 hai năm trước

đây. Có lẽ phiên tòa xử hứa hẹn một giới hạn rõ rệt của khổ đau đã cho tôi sự an lòng đó, hoặc là chính những giấy tờ giả, tên giả, đã tách tôi ra khỏi quá khứ của tôi, tách tôi ra khỏi cái bản ngã mà hàng lâu tôi bám víu, khiến tôi có thể bình tâm nhìn nó và khổ đau ách nạn của nó như nhìn vào một cái bóng, một cái gì không thật.

Tôi không nói gì với Nam Phương về phiên tòa, nhưng nàng đã đọc và nghe được tin tức. Những ngày phiên tòa xử diễn ra, nàng lái xe đến tận nơi để tham dự. Khi tòa đã kết án, nàng về ôm tôi, khóc. Ông Lương và tôi đều lãnh án tử hình, riêng tôi thì bị xử khiêm diện (vắng mặt) với ghi chú kèm theo là “đương sự đã trốn trại, án sẽ thi hành lập tức ngay khi nào bắt lại được.” Người ta kết án tử hình anh đó, Khang ơi. Nam Phương vừa khóc vừa kể lại tôi nghe. Nàng đứng ngồi không yên, cứ đi lên đi xuống, mặt thất thần, âu lo đến tội nghiệp. Và trong suốt ngày đó, nàng im lặng như đang suy tính chuyện gì, hoặc muốn nói một điều gì khó nói với tôi. Bữa ăn tối, nàng cũng im lặng một cách nặng nề. Ăn xong, nàng mới bắt vào chuyện:

“Sao anh không nói gì hết vậy Khang? Cái bình thân như vô sự của anh làm em sợ quá, nó cho em thấy là anh có vẻ như sẵn sàng chấp nhận bản án, phải không? Không, Khang ơi, không thể như vậy được! Anh phải giữ lấy thân, anh phải sống. Dù em có thể mất anh trong cuộc đời, em vẫn muốn có anh tồn tại ở một phương trời nào đó. Khang ơi, em tìm đường cho anh vượt biên, nghe anh!”

Tôi bước đến, đứng sau lưng nàng, đặt nhẹ hai tay lên hai vai nàng, nói:

“Thôi, đừng suy nghĩ nhiều, Phương ạ. Không cần phải lo lắng đến như vậy. Thực ra thì ngục tù hay cái chết cũng không phải là cái gì khủng khiếp lắm đâu. Mấy hôm trước ngồi nhắm lại kinh Bát Đại Nhân Giác, anh thấy tinh thần anh vững mạnh, an ổn, không bị bức thúc nữa.”

CỜI TRÓI TẬP II

“Nhưng dù gì thì cũng phải quyết định...” nàng níu lấy hai tay tôi, nói. “Em thấy... hình như đi vượt biên thì tốt cho anh hơn. Nhưng em sợ anh không hiểu, tưởng rằng em xua đuổi anh. Em cũng sợ nếu chuyện không thành thì chính em là người đã xô đẩy anh vào cái chết. Khang ơi, anh vượt biên đi há, có em đi chung với anh, để anh yên tâm là em lúc nào cũng muốn ở bên cạnh anh, còn nếu chuyện bất thành để phải vào tù hay chết, cũng có em chịu chung với anh.”

“Không, đừng làm vậy, Phương à. Anh sẽ đi. Nhưng em không cần phải đi theo anh để chứng minh cái gì cả. Anh không muốn bất cứ điều gì nguy hiểm xảy ra cho em. Em ở lại chờ mẹ và mấy đứa em của em bảo lãnh, vậy tốt hơn. Hay là để anh qua đó rồi anh sẽ lo thủ tục bảo lãnh em, chịu không? Em hứa là chờ đợi đi chính thức chứ đừng đi vượt biên thì anh mới yên tâm, hứa đi.”

Nàng gật đầu, hôn hai tay tôi. Tôi cũng cúi xuống, hôn lên tóc, lên trán nàng.

Những ngày kế tiếp, tôi ở yên trong nhà nàng, không đi đâu, suốt ngày chỉ ngồi đọc sách, rồi tụng kinh cầu siêu cho ba tôi, ba nàng. Nam Phương cũng vắng nhà hầu như cả ngày, để vừa liên lạc thường xuyên với Tửu và Như Tâm về chuyến đi ở Cà Mau, vừa chạy lo một chuyến vượt biên khác phòng khi chuyến vượt biên kia tiến hành chậm quá.

Cuối cùng thì chuyến đi bên phía Tửu cũng khởi hành. Đó là ngày 29 tháng ba, nhằm vào lúc đầu tháng ba âm lịch, không trăng; cũng vừa kịp trước khi hết hạn ba tháng của lệnh tạm tha nếu cái lệnh ấy thực sự có một giá trị pháp lý nào.

Những ngày trước khi khởi hành, theo như dặn dò của nhóm tổ chức, Tửu và Như Tâm dặn Nam Phương chuẩn bị một ít thuốc men và lương khô cho tôi trong một cái bọc nhỏ. Nam Phương cũng soạn đưa theo cho tôi một cái áo nhật bình nâu và một tấm y (ca-sa) của tôi mà Như Tâm đã lấy về từ nhà bác Bằng (tôi đã để lại đó khi tự

động xả giới từ hai năm trước). Nam Phương nói khi xếp thật gọn y phục tặng sĩ cho tôi để nhét cho vừa một túi xách nhỏ:

“Em gói y áo theo cho anh... Nếu nhân duyên xuất gia của anh hãy còn thì anh xin phục giới, trở lại chùa. Còn không thì y áo cũng giúp anh phòng nạn hải tặc Thái Lan... Còn chuyện hai đứa mình có gặp lại nhau sau này ở nơi chốn nào đó, cũng tùy thuận nhân duyên thôi, anh há. Biết đâu hai đứa đều xuất gia trở lại.”

Bốn giờ sáng, Nam Phương chở tôi xuống bến Xa cảng Miền Tây, vào quán uống với tôi một ly cà phê trong im lặng, rồi nằng cầm tay tôi một lúc, vội vã chia tay. Có lẽ nằng sợ không chịu đựng nổi giây phút biệt ly bịn rịn kéo dài. Từ đến ngay sau đó vài phút, thay vào chỗ ngồi của Nam Phương. Từ dặn dò tôi đi theo người nào, đến đâu, chờ đợi ở đâu để xuống bãi.

Lần đầu tiên tôi ngồi xe đò đi về hướng nam của đất nước. Đến Cần Thơ thì đã chiều, phải ngủ lại quán trọ để sớm mai mua vé đi Cà Mau. Quán trọ dơ dáy nghèo nàn không đòi hỏi xem giấy tờ gì của tôi cả ngoại trừ ghi cái tên giả của tôi xuống một cuốn tập vàng ó.

Chiếc xe dẫn xóc khỏ sở trên con đường từ Cần Thơ xuống Cà Mau. Đường hẹp, nhiều ổ gà. Nhà cửa hai bên san sát lòng đường. Đôi chỗ có lúa phơi lán chiếm đường đi. Đôi chỗ người qua kẻ lại tấp nập. Gió cuốn bụi đất tung mù trước mũi xe. Những con kinh dài lúc chạy song song, lúc rẽ về hướng thẳng góc với con đường. Đôi khi có một vài người đàn ông thiếu số lợi bì bõm dưới sông, trần truồng nhong nhong. Đôi khi ruộng đồng bạt ngàn phơi màu lúa chín vàng trĩu ngọn đong đưa. Lòng tôi như vô sự.

Người dẫn đường cùng tôi lên một chiếc ghe nhỏ, xuôi theo sông Bồ Đề để xuống quận Năm Căn, một quận nằm ở doi đất cuối cùng của tỉnh Minh Hải (tên mới của tỉnh An Xuyên sau năm 1975), cũng là chỗ vùng đất cuối cùng của đất nước đâm ra biển Nam Hải. Sông khá rộng.

CỜI TRÓI TẬP II

Đôi lúc người lái đò rẽ vào một con rạch nhỏ, nước cạn và đen màu sinh, phải chống cây sào dài mà đẩy ghe đi chứ không chèo được bằng mái dầm. Con rạch đưa chúng tôi đi qua một vùng nhà cửa thưa thớt, bao bọc là rừng đước, có khi là rừng sít hay tràm. Từ sông vào rạch rồi từ rạch lại ra sông. Gió đông bắc từ biển thổi vào phàn phật cái áo của người chèo đò khiến anh có vẻ như đang run rẩy. Tôi nhìn mặt nước lặng lẽ, uốn khúc theo bờ đất ẩm ướt mọc đầy cỏ ống và những thứ cỏ lạ không biết tên. Lòng tôi lẩn tẩn gợn lên một nỗi vui an ổn, hồn nhiên theo tiếng nước khua nhẹ của mái dầm.

Cuối cùng, khi mặt trời vừa khuất bên phải chúng tôi, ghe tấp vào một eo đất thõm vào trong, có cái cầu ván nhỏ từ bờ nhoi ra sông. Chung quanh vắng vẻ, toàn là cây rừng thấp lè tè, chỉ có một cái chòi lợp bằng lá dừa nước hay một loại lá gì đó tờ tợ như vậy, nằm sâu vào bên trong, cách bờ sông chừng hai trăm mét. Anh dẫn đường ngoắc tay ra dấu tôi theo anh, hướng về cái chòi đó. Bên trong trống trơn, diện tích gần hai mươi mét vuông mà chẳng có vật dụng gì ngoài một cái bàn cũ kỹ đóng ráp bằng thứ ván sần sùi không được bào láng; chẳng có cái ghế nào bên cạnh cái bàn đó. Trong góc chòi là một cái sàn đóng khá cao, có bậc thang bước lên. Có lẽ là chỗ ngủ vì thấy có mùng treo sẵn trên đó. Vậy thì nó là cái sàng chứ không phải là cái sàn. Người dẫn đường nói:

“Anh chui vào mùng ngồi kéo muỗi đốt chịu không thấu đâu. Tôi sẽ có người đến rước. Chắc bà xã anh đi chuyến khác, sẽ tới sau.”

“Cái gì? Bà xã nào? Chắc anh lộn người rồi đó!”

“Bà xã anh chứ bà xã nào. Chút bả tới ngay,” vừa nói anh vừa quay ra, bỏ tôi ngồi lại trong bóng tối buồng dầm của chòi hoang.

Tôi bỏ mùng xuống, ngồi xếp bằng. Khu rừng lạ cất lên đầy những âm thanh mới lạ của những loài thú hay côn trùng nào tôi không biết tên, hay là trong tôi đang mở ra một tâm thái mới mẻ, sáng trong, bình lặng. Tôi ngồi

một lúc khá lâu thì nghe tiếng chân người dẫm trên đất sinh khô nghe lụp phụp, hướng đến chòi. Tôi đoán là người ta đến đưa tôi đi, nhưng cũng có thể là công an du kích đi tuần. Dù thế nào thì tâm tôi vẫn bình thản lúc ấy. Tôi ngồi bất động, không chuẩn bị tư thế trốn nấp hay rời sàng để bỏ chạy. Từ bóng tối nhìn ra, tôi thấy ba bóng đen xuất hiện lơ mờ giữa khung cửa. Rồi một luồng sáng của đèn pin chiếu xuống đất ngay trước chỗ họ đứng, hướng dần về phía sàng, rọi vào tôi. Có tiếng nói đàn ông cất lên:

“Kìa, ông xã cô trên đó. Hai người ngồi im, có nói chuyện thì nói nhỏ nhỏ chứ đừng lớn tiếng quá nghe. Cũng đừng chạy lạng quạng ra ngoài chúng nó bắt đó. Khoảng một hai tiếng đồng hồ nữa có người đến dẫn đi.”

Nói rồi, hai người kia quay đi ngay. Người còn lại chắc là một người nữ, đang hướng về phía tôi. Tôi định lên tiếng trước để người ấy biết tôi không phải là chồng của cô thì đã nghe người ấy bật lên mấy tiếng:

“Khang, em nè.”

“Cái gì? Nam Phương à?” tôi vùng dậy, vén mùng nhào người ra. “Cẩn thận, cái thang phía bên phải, vị chỗ này nè, nắm tay anh, lên.”

Nhét vội mùng lại, chúng tôi ôm nhau mừng rỡ. Tôi vừa vui vừa lo, hỏi:

“Sao em liều quá vậy! Hứa không đi rồi cuối cùng lại đi.”

“Em tính kỹ rồi, nói trước thì anh đầu cho, thôi thì làm anh bất ngờ cho vui. Anh không thích có em đi chung hở?”

“Thích, nhưng... anh sợ nguy hiểm cho em.”

“Vớ lại có em thì khó cho anh quay trở lại con đường xuất gia, phải không?”

Tôi lắc đầu không nói, chỉ vuốt tóc nàng. Có lẽ tôi quá nàng không thấy cái lắc đầu của tôi. Nàng dựa đầu vào vai tôi. Cả hai chúng tôi đều im lặng thật lâu. Cuối cùng nàng nhỏ nhẹ nói:

“Khang ơi, em luôn thấy trong mắt anh, một cái

gì cao rộng xa xăm, một khát vọng bền lâu tha thiết mà anh hằng theo đuổi. Em biết chính cái đó mới làm cho anh tồn tại, bình thản giữa sóng gió cuộc đời. Dù em có là người mà anh vô cùng yêu quý như anh từng nói, em vẫn thấy rằng anh ôm em, say đắm em, như ôm siết cái khát vọng đó của anh mà thôi. Anh thể nhập vào nó qua em và qua những khổ đau cuộc đời. Cho nên, dù thế nào đi nữa, anh vẫn là con người của lý tưởng xuất trần. Em không đến với anh hay đi chung với anh để níu kéo anh về với em. Em chỉ muốn có mặt bên anh vào những giây phút cuối cùng của ly biệt, để nói với anh rằng, em tin tưởng một cách thâm sâu: không có bất kỳ một thế lực vô minh nào, một sức quyến rũ mê hồn nào, một đau khổ khốc liệt khủng khiếp nào, có thể hủy diệt anh hay dim mắt anh trong lòng bi lụy của cuộc đời. Em nói có phải không, hử Khang, nói em nghe đi.”

Tôi xúc động hôn lên trán nàng. Im một lúc mới nói:

“Thực ra thì chuyện hoàn tục hay xuất gia trở lại, đối với anh không còn là vấn đề nữa. Anh không tự hào gì về một trong hai chọn lựa đó. Anh chỉ biết sống hết mình với con đường nào anh chọn lựa. Con đường nào cũng có vẻ đẹp của nó, nhưng vẫn là con đường: con đường đi ngược và con đường đi xuôi; con đường đi thẳng hay con đường đi quanh; con đường ngắn hay con đường dài; con đường bằng phẳng hay con đường chông gai; con đường thanh thản hay con đường nhọc nhằn... Chúng dẫn chúng ta đi những hướng khác nhau, hoặc trùng bước với nhau, ghé vào những quán trọ khác nhau và giống nhau, thành tựu những đích đến khác và giống nhau; nhưng ‘phương trời cao rộng’ thì nằm ở ngoài, ở sau, ở trong, hay ở trên những con đường ấy. Anh ...”

Một tiếng súng, rồi một tràng súng nổ ở đâu đó vọng tới, cắt ngang. Tôi xuyt một tiếng giữ nàng lại, lắng nghe. Lại có tiếng la lối om sòm từ phía bên trái của cái chòi. Có tiếng mái dầm khua vội vã hay tiếng của nhiều

đôi chân lội dưới nước bì bõm.

“Em ngồi yên ở đây, để anh ra ngoài xem thử,” tôi vừa nói vừa leo xuống khỏi sàng, bước vội về hướng cửa, vừa nhìn vừa nghe ngóng.

Từ phía bên kia bờ sông lại phát nhiều tiếng súng nổ, lẫn đạn xẹt từ đâu bắn lên tạo thành những ánh lửa đỏ vàng, vừa hiện chớp lòe đó đã tan biến vào nền trời đen thẫm. Có tiếng chân người chạy sầm sập dội theo tiếng la rượt đuổi. Đâu đó có một giọng đàn ông hét lên: “Đứng lại, đứng lại!” Rồi một tiếng đàn ông khác có vẻ như nhắm vào chúng tôi: “Chạy đi, chạy đi, đừng ngồi đó!” lại một hoạt cảnh của trò chơi vượt biên. Tôi đã quá quen với cảnh này, lập tức quay vào trong, gọi Nam Phương. Nàng quơ vội hai cái túi của hai chúng tôi, dòn vào làm một rồi leo nhanh xuống. Tôi xách cái túi, một tay dắt nàng, vòng ra sau căn chòi, chạy sâu vào rừng. Không có con đường nào rõ rệt cho chúng tôi đi. Chỉ thấy khoảng trống ở đâu, chân chúng tôi dẫm lên chỗ đó. Gai góc. Sinh lầy. Đất trũng. Cỏ ướt. Rễ cây chằng chịt. Bụi rậm um tùm. Những cây khô trơ cành. Những con thú lớn nhỏ vùng chạy hoặc chui rúc vào hang. Muỗi từ đâu bay từng đàn, rượt đuổi theo chúng tôi nghe vo vo. Một khoảng đồng lúa xạ. Một dải đất trống khô dòn dợn những sóng cát. Tôi vừa chạy vừa ngoái nhìn sao để dò đoán phương hướng. Nhưng mây mù che kín nền trời, chẳng làm sao nhắm hướng được, đành chạy tới, chạy tới. Có lẽ chúng tôi đang chạy ra biển. Biển ở đâu mà nghe sóng dội từ cả hai ba phía. Tiếng sóng ì ầm như thịnh nộ. Gió đông từ biển ào ào cuốn vào, thốc tung những bụi đất quất vào chúng tôi đau rát. Thịnh thoảng có một cơn trốt xoay tít như cơn vụ chạy lòng vòng trên đồi cát rồi chui rúc vào rừng sâu, khua lá rào rạo. Bất giác, tôi thấy cảnh vật trước mắt tôi có vẻ gì quen thuộc. Hay là cuộc đuổi chạy quen thuộc. Hay là một thứ tâm trạng quen thuộc. Nó không giống cuộc đuổi chạy mà tôi cùng Mộng Huyền trải qua trong rừng điều Bà Rịa. Nó giống những cuộc đuổi chạy nào đó

CỜI TRÓI TẬP II

từng tái diễn trong quá khứ lịch sử xa xăm.

Kể ra thì chúng tôi đã chạy với một tốc độ khá nhanh. Còn trông đường phía trước thì còn chạy tới. Còn nghe tiếng người phía sau thì chưa dám ngừng chân. Cuối cùng, chúng tôi giáp mặt với biển đen. Chúng tôi đang đứng ở bờ biển, trên một vùng đất mềm, có vẻ như chỉ là cát, chỗ thì khô ráo, chỗ thì ẩm ướt. Đây có lẽ là doi đất bồi do những luồng gió xuôi ngược tạo nên. Chung quanh không thấy nhà cửa. Tít ở phía xa, giáp với cánh rừng đước, mới có một vài nóc gia im lìm. Biển đen như màu đêm. Đất cũng đen màu đêm. Chỉ có những cơn sóng dồn dập kéo vào bờ là tung lên những bọt trắng, đôi lúc chấp chờn như bóng ma trời. Hết lối đi rồi, tôi kéo tay Nam Phương bước dọc theo bãi biển cong ngược ra phía đại dương. Bờ biển ở đây không giống bờ biển mà tôi nhìn quen ở Nha Trang—vì bãi Nha Trang thì cong vào, đầu bãi cuối bãi như hai cánh tay dang ra để ôm lấy đại dương. Nam Phương vừa bước theo tôi, vừa quay nhìn sau để xem còn ai rượt đuổi không. Một lúc, nàng thút thít khóc. Tôi kéo nàng đến ngồi dưới một gốc cây trầm khô chết mà các cành nhánh đã bị cắt tĩa trụi lụi, chỉ có khoảng gốc sần sùi nằm chơ vơ nghiêng đổ trên nền cát. Chúng tôi ngồi thấp phía dưới ngó ra biển, gốc trầm lớn che phía lưng. Nam Phương tiếp tục khóc. Tôi đỡ rồi ôm lấy vai nàng.

“Đừng sợ. Chắc không sao đâu. Để sớm mai mình tìm cách quay về.”

“Khang ơi, em không sợ cho em đâu, em chỉ sợ cho anh. Người ta có bắt em về tội vượt biên thì cũng trong vòng vài ba tháng là thả, nhưng nếu bắt được anh, họ sẽ... Ôi, em lo quá! Họ đang truy nã anh, thế nào rồi họ cũng nhận ra anh. Làm sao đây Khang?”

“Không sao đâu, đừng sợ, đừng khóc nữa, em à. Không phải lúc này em vừa nói em tin rằng không có sức mạnh nào hủy diệt được anh hay sao? Nín đi. Chuyện gì tới thì tới. Bây giờ ngồi đây ngắm biển đêm với anh đi.

Chao ôi, muỗi nhiều quá! Em có bị cắn không? Em lạnh hả? Để anh lấy tấm y của anh ra đắp há!”

Tôi soạn giở xách lôi tấm ca-sa, trùm kín cho cả hai. Nàng cũng soạn lấy thuốc xoa trừ muỗi, xịt lên tay rồi xoa lên tay chân tôi, tay chân nàng. Dù vậy, muỗi vẫn cứ bay lòng vòng, đảo tới đảo lui trên đầu chúng tôi, cố gắng tìm chỗ hở để tấn công. Lúc ấy có sấm chớp ngoài khơi, trên trời thì mây giăng đen kịt. Tôi ước có một cơn mưa giông kéo tới để may ra xua được đàn muỗi hung tợn mà con nào con nấy to gần bằng con ruồi. Bị hàng triệu giọt mưa rơi trên người e còn dễ chịu hơn hàng ngàn con muỗi bám vào thân. Quả nhiên, khi vừa nhìn thấy những vệt đèn pin từ phía sau, chỗ bìa rừng, quét qua quét lại, tôi nghiêng người kéo Nam Phương rạp thấp xuống, thì ngay lúc đó, gió càng lúc càng mạnh, đã xua muỗi cho chúng tôi, và cuối cùng thì một cơn mưa như trút nước đổ ào xuống. Chỉ thoáng chốc, cả hai chúng tôi ướt như chuột lột. Tôi kéo tấm ca-sa lên phủ đầu, choàng tay ôm kín vai lưng Nam Phương. Nàng cũng gục xuống ngực tôi, vòng hai tay ôm lấy người tôi. Chúng tôi đều lạnh run. Đất dưới chân chúng tôi ướt nhanh và nước mưa cùng với nước biển dâng lên, nhanh chóng trở thành một bãi nước lênh láng. Mưa rơi rào rào, đâu đó vẫn còn sấm chớp đi đùng và biển vẫn tiếp tục dậy sóng. Tôi phải hét lên để hỏi Nam Phương:

“Chạy vào chỗ rừng cây kia không?”

“Không, vào đó cũng bị họ bắt thôi. Họ bắt trẻ chừng nào, mình còn gần nhau được chừng đó. Chi bằng ngồi đây với anh. Khang ơi, chắc không thoát đâu, em thấy đèn pin của họ ở hướng đó mà. Thôi, ngồi đây đi. Em thích ngồi bên anh.”

Tôi cảm động ôm siết vai nàng. Tôi không biết nàng có khóc không, nhưng tôi khóc khi nghe nàng chấp nhận ngồi lại bên tôi, chờ bị bắt. Nước mắt tôi rơi trên tóc nàng, hòa với những giọt mưa liên tục chảy trên dòng tóc ướt. Rồi chúng tôi rời đất, ngồi hẳn lên gốc tràm để tránh

CỜI TRỜI TẬP II

nước tràn ngập dưới chân. Tôi biết nếu những người công an đang rượt đuổi mà còn đứng nép dưới những tàng cây nơi bìa rừng, có thể họ sẽ trông thấy được bóng dáng chúng tôi khi có sấm chớp lóe sáng từ hướng biển. Cũng có thể họ đã rời khỏi nơi đó trước khi mưa đổ xuống. Nhưng chúng tôi không cần biết họ nữa. Chúng tôi im lặng ngồi ôm nhau, qua những lần nước mưa chẳng chịt đạn nhau, nhìn ra biển, nhìn bầu trời đen u ám, và những lần điện xé rách trời để phóng mình xuống lòng biển khơi. Bất chợt nàng quay mặt ngược nhìn tôi, hai tay bá lấy cổ tôi kéo thấp xuống, hôn khắp mặt mũi tôi, một cách vội vã, tới tấp, cuồng nhiệt, hôn như từ biệt, hôn như sợ mất, hôn như níu kéo... Tôi cũng hôn lại nàng, say đắm, tham lam, mê muội, hôn nhanh như mưa xuống, như chớp lòe, như gió lốc, như nước cuốn phăng phăng... Tôi thấy nàng là đất dang vòng tay bao dung chịu đựng và ban phát. Tôi thấy tôi là trời cao cúi xuống thấp, hút lấy tinh mật của muôn hoa trùng trùng vươn dậy. Đất trời níu nhau, gió cuốn, mưa rơi, rừng thấp, mây cao, đảo xa và biển gần, chẳng thấy đâu là bờ bến chia biệt. Và thêm một lần nữa, nước mắt chúng tôi theo nhịp mưa mau, rơi từng dòng, rơi theo mưa ra lòng biển lớn. Chúng tôi yêu nhau, ôm siết nhau, luôn luôn trong giọt lệ nóng chảy xuống cuộc đời khổ đau quần quại. Chúng tôi không có những hạnh phúc cá nhân. Chúng tôi không có những khổ đau cá nhân. Chúng tôi cười và khóc trong dòng sinh ly tử biệt trùng trùng bất tận của trái đất này.

Dải đất này, không phải của tổ tiên chúng tôi. Tổ tiên chúng tôi đến từ phương bắc, tiêu diệt hoàn toàn những chủng tộc bản xứ nơi đây để giành đất cho các thế hệ con cháu chúng tôi. Chúng tôi may mắn được thừa hưởng và có bốn phận gìn giữ bởi vì công lao và xương máu của tổ tiên chúng tôi đã đổ xuống rất nhiều; nhưng máu xương và nước mắt của những người dân bản xứ Chiêm Thành thì nhiều hơn. Đất này chỉ toàn là máu, là xương, là nước mắt, là túi nhục, là uất hờn. Chúng tôi

kính nhớ tổ tiên nhưng chúng tôi thấy bất công, đau xót cho những phận người vô tội, già trẻ lớn bé, đã kinh hoàng và uất hận, rùng rùng kéo chạy trong bao con loạn lạc để tìm đất sống và cuối cùng đã nằm xuống đất này, làm chất phân bón để nuôi lớn những nghiệp chướng oan khiên, tang thương tàn khốc, trút lên số phận những người đến sau. Thù hận, chiến tranh, chết chóc, cứ vậy mà tái diễn như vận hành của nước đầu nguồn tuôn ra biển, từ bắc lán vào nam. Ra đến biển thì trở lại đầu nguồn. Vào tận cùng phía nam thì tái sinh lại ở bắc. Cái vòng lẩn quẩn đó không bao giờ chịu dừng lại.

Và riêng tôi, giờ này đang ở chỗ tận cùng bờ cõi của đất nước phía nam, với hai tay sắp bị trói lại, vẫn chưa hiểu ra là tôi có thể làm được gì khi đi về phương nam theo sự thúc đẩy của thầy mình năm xưa, và có lẽ trong những ngày sắp tới, tôi vẫn không hiểu được trọn vẹn ý nghĩa tội cùng của giấc mộng phương nam ấy. Nhưng trong nỗi xúc cảm sâu lắng rung lệ của một người đứng trước biển rộng đen ngòm và ách nạn đui tối sau lưng, tôi như nghe được tiếng khóc than ai oán hờn tủi của cả một dân tộc bị diệt chủng năm xưa lồng theo tiếng mưa gào gió thét. Tôi quỳ xuống thềm cát lạt lảng nước, cất lên thệ nguyện của mình: xin kể từ hôm nay, thay mặt cho tổ tiên và cha anh nhiều thế hệ, sám hối với những mạng người vô tội đã chết oan khuất trên khắp dải đất quê hương. Nước mắt tôi đây, và cả sinh mệnh tôi đây, xin rơi xuống, xin chấp nhận nằm xuống, để rửa sạch tất cả oan khiên nghiệp chướng ấy.

Con giông đã qua. Mưa đã tạnh và trời quang đãng. Ngôi sao Mai vừa xuất hiện trên nền trời nửa đen nửa tím. Đâu đó ở phương đông, đã thấy ánh hồng dần dần lan tỏa báo hiệu bình minh sắp ló dạng. Nhìn sao Mai chớp sáng trên bầu trời cô tịch, tôi bây giờ mới sực hiểu rằng sự xuất hiện của những vì sao không đánh động tình cảm và lý trí thông thường như mặt trăng, mặt trời. Chúng nhảy múa để réo gọi sự phát chiếu toàn vẹn của một thứ

CỜI TRÓI TẬP II

trí tuệ trong ngần vượt thoát khỏi mọi trói buộc của trần gian.

Sự vật muôn đời vẫn thế, vắng lặng như sao trên trời quạnh. Chính cái tâm đã cột trói thế giới thì cái tâm ấy sẽ cởi trói cho thế giới. Mà thực ra, cũng chẳng có sự trói buộc nào cần phải tháo mở. Có cái gì trói buộc được một cái tâm vắng lặng, giải thoát? Không có sự cột trói và cởi trói. Không có sự giam cầm và thoát ly. Không có khổ đau và hạnh phúc. Không có thiện và ác. Không có giả và chân. Không có sinh và tử. Không có địa ngục và niết bàn. Không có bất cứ cái gì cần phải thoát ra cả. Tôi ở đây, sống trên cuộc đời này, lao xao nói cười, làm việc, tranh đấu, tu tập, yêu đương, mong đợi, tìm cầu, hạnh phúc, khổ đau... nhưng luôn luôn, lúc nào cũng vậy, ở trong tôi, trên tôi, là phương trời cao rộng kỳ tuyệt ấy.

Mặt trời vừa bùng lên thì từng đàn muỗi từ phía rừng đước đã ùn ùn kéo đến. Chúng tôi có thể nghe được tiếng đập cánh rào rào của chúng và nhận dạng chúng từ xa như những đám mây đen nhỏ, lao nhanh, lúc cao lúc thấp, hướng về chúng tôi. Chúng tôi đứng dậy, quay nhìn về hướng rừng. Cách chúng tôi chừng năm trăm thước, một nhóm du kích và công an xách súng, vừa chạy tới, vừa la lối với giọng hần học, nghiêm trọng lắm. Mũi súng hướng về chúng tôi.

Tôi đưa tay chạm cho khô giọt lệ cuối cùng còn đọng trên khóe mắt Nam Phương. Chúng tôi ôm nhau một lúc ngắn, rồi khoác chung tấm ca-sa, nắm lấy tay nhau, hướng về phía những người cầm súng. Bước tới.

HẾT

(trở lại trang Mục Lục)

TÁC PHẨM CỦA VĨNH HẢO:

1. *Mẹ, Quê hương và Nước Mắt* (1989)
2. *Núi Xanh Mây Hồng* (1991)
3. *Biển Đồi Muôn Thuở* (1992)
4. *Thiên Thần Quét Lá* (1993)
5. *Sân Trước Cành Mai* (1994)
6. *Phương Trời Cao Rộng* (1995)
7. *Bụi Đường* (1996)
8. *Ngõ Thoát* (1996)
9. *Chạnh Lòng Tiếng Thơ Rơi* (1996)
10. *Cởi Trối tập I* (1997)
11. *Cởi Trối tập II* (1997)
12. *Con Đường Ngược Dòng* (1998)
13. *Giấc Mơ và Huyền Thoại* (2001)